

ĐẠI SỬ ƯU ĐÀM

THÍCH MINH THÀNH dịch

LIÊN TÔNG
BẢO GIÁM



NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

Đại Sư Ưu Đàm

Thích Minh Thành dịch

Nhà xuất bản Phương Đông

LỜI NGỎ

Chúng sinh vốn sẵn đủ trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng vì mê lầm lãng quên tánh biết sáng suốt nơi chính mình, chạy theo vọng tưởng trần lao, gây tạo các thứ nghiệp nên luân hồi trong sáu nẻo. Làm nghiệp lành thì sinh nơi cõi A tu la, Người, Trời; gây nghiệp ác thì đọa vào Súc sinh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Rốt cuộc, chỉ là khổ thôi!

Đức Phật từ bi vô hạn, xuất hiện nơi đời, chỉ dạy vô lượng pháp môn để cứu thoát chúng sinh đang chìm đắm trong biển khổ sinh tử mênh mông, đặt để lên bến bờ Niết bàn an vui giải thoát.

Pháp môn tuy nhiều nhưng tìm một pháp ổn thỏa, thẳng tắt, thích hợp mọi căn cơ thì không gì hơn niệm Phật. Trên từ hàng Bồ tát Đẳng giác, dưới đến kẻ phàm phu đầy đầy phiền não, đều tin tưởng hướng về. Pháp tu này, người trí quyết tâm niệm Phật hiện đời vào sâu Tam muội, kẻ ngu chỉ cần mười niệm thành công về nơi chín phẩm.

Thế nên, bao đời chư vị Tổ sư, Cao tăng, Đại đức, trước tác soạn thuật, hoằng dương Tịnh Độ, sách luận rất nhiều, nhằm để nối tiếp tâm nguyện Phật, dẫn dắt muôn loài đồng về cõi Tịnh. Trong đó, quyển Liên Tông Bảo Giám do Đại sư Ưu Đàm soạn thuật được xem là chiếc thuyền lớn của việc xiển dương Tịnh nghiệp.

Sách này là chiếc gương quý báu soi sáng cho người niệm Phật, khiến ai nấy đều thấu rõ đường lối tu hành, nhận chân được giá trị lớn lao của pháp môn Tịnh Độ, phá tan mê lầm, bỏ tà về chánh, chống đỡ ngôi nhà Phật pháp trong lúc nguy nan, xua tan mây mù u ám, để mặt trời trí tuệ Phật soi sáng muôn nơi, chúng sinh đều thấm nhuần mưa pháp.

Tôi lúc mới vào đạo, đã xem qua *Mấy Điều Sen Thanh* do Hòa Thượng Thiền Tâm phiên dịch nên biết được đại khái phần nào giá trị của bộ *Liên Tông Bảo Giám*. Và lại, nhận thấy tài liệu về Tịnh Độ ở Việt Nam chưa nhiều, nơi lòng ấp ủ tâm nguyện mong muốn góp sức vào việc phiên dịch để phổ biến. Vào năm 2002, nhân lúc an cư tại trường Hạ chùa Bửu Liên (Quận Bình Thạnh), tôi gặp thầy Minh Thành, được biết thầy thông thạo về Hán cổ nên mong thầy phát tâm chuyển ngữ những bộ sách Tịnh Độ trong Hán tạng sang Việt văn. Từ đó, các huynh đệ đồng lòng góp sức, những dịch phẩm lần lượt ra đời. Đến khi có được trong tay bộ *Liên Tông Bảo Giám* bằng chữ

Hán, chúng tôi quyết tâm phiên dịch sang tiếng Việt nhằm đem lại lợi ích rộng sâu cho người tu Tịnh nghiệp. Thời gian trải qua ba năm, lúc hoàn thành, tôi cầm bản thảo xem đi xem lại năm bảy lượt, nơi lòng dâng tràn niềm cảm xúc sâu xa khi đọc đến đoạn: "*Đời vua Nguyên Thành Tông, xuất hiện nhóm người mạo danh Liên tông, làm điều tà vạy, bẻ cong chánh pháp, gây loạn trong nước. Triều đình ban chiếu chỉ nghiêm cấm Liên tông hoằng hóa. Đại sư Ưu Đàm đem hết tâm tư soạn thuật mười quyển Liên Tông Bảo Giám, kính cẩn tự phát tâm lập nguyện, y theo số chữ trong ấy, mỗi chữ lay ba lay, mỗi lay tụng tâm chú Lăng Nghiêm một lần, xưng tôn hiệu Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát ba lần. Ngài tha thiết mong chư Phật xót thương gia hộ, khiến cho tà ma ngoại đạo quy y, chân thừa được lưu bố rộng rãi. Sau đó, Ngài đích thân lên kinh đô, vượt đường xa ngàn dặm, không ngại gian khổ, đem sách này dâng lên Hoàng đế. Nhà vua xem xong khen ngợi, bãi bỏ lệnh cũ, cho phép in ấn lưu hành rộng rãi*".

Thật tôn kính biết bao! Đại sư Ưu Đàm ý chí ngất trời, dùng mắt tuệ viết nên sách này, tâm thành cùng cực, vì pháp quên cả thân mạng, quyền uy không khiếm phục, dốc sức mở bày chánh pháp, dẫn dắt mọi người đồng về nẻo giác. Với tâm này, nên Sư mới đạt thành chí nguyện như thế!

Chúng tôi chỉ mong những ai có duyên đọc qua, hoặc thấy hoặc nghe, bao người tu tập pháp môn Tịnh Độ đều là bạn sen thân thiết với chúng tôi, cùng nhau quyết tâm tu hành, dốc sức niệm Phật không thối chuyển, để đền đáp phần nào công ơn sâu nặng của Phật, Tổ.

Dịch phẩm hoàn thành dưới sự chứng minh của Hòa Thượng *thượng* Trí hạ Tịnh (viện chủ chùa Vạn Đức), sự tận tâm giúp đỡ của Đại Đức Thích Chân Tính (Trụ trì chùa Hoằng Pháp) cùng chư pháp hữu Đại Đức Tâm Huệ, Phật tử Tâm Hoa, Hoằng Trạng... biết bao tấm lòng vì sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh nên công việc sớm được thành tựu.

Trong khi phiên dịch, không sao tránh khỏi sai lầm sơ thất, mong chư tôn đức niệm tình chỉ dạy cho. Thành kính tri ân vô lượng!

Chùa Huệ Viễn, 14/10/2008
Thích Pháp Đăng *kính ghi*

ĐẠI SƯ ƯU ĐÀM (? – 1330)

Đại sư Ưu Đàm, người đời Nguyên, họ Trương, quê ở Đơn Dương, gia thế thường thờ Phật. Mười lăm tuổi, Ngài xuất gia nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Về sau, được mời trụ trì chùa Diệu Quả tại Đơn Dương.

Năm đầu thời Nam Tống (1127), ngài Từ Chiêu sùng mộ di phong Bạch Liên Xã(1) của Tổ Huệ Viễn, nên đề xướng thành lập một đoàn thể chuyên tu niệm Phật cho những người dân thường, gọi tên Bạch Liên Tông(2) (tên gọi khác của Tịnh Độ Tông). Nhưng vì đệ tử Ngài là Xà Lê Tiểu Mao bóp méo giáo lý, khiến cho cuối đời Tống, tông này bị cho là tà đạo.

Đến đời Nguyên, lại có một hội tên Bạch Liên do Đỗ Vạn Nhất ở huyện Đô Ấp, tỉnh Giang Nam thành lập, bị triều đình xem là loạn tặc nên đàn áp, đồng thời ngăn cấm không cho gọi tên Bạch Liên Hội và tất cả việc tà đạo làm rối loạn nước nhà. Đứng trước tình thế này, năm đầu niên hiệu Đại Đức (1305), đời vua Nguyên Thành Tông, Đại sư Ưu Đàm đem hết tâm tư soạn thuật mười quyển *Liên Tông Bảo Giám*, làm rõ giáo nghĩa chân thật của Liên tông do ngài Từ Chiêu đề xướng, đồng thời phá dẹp tà thuyết, tà hạnh của Bạch Liên Hội đương thời.

Năm đầu niên hiệu Chí Đại (1308), do Bạch Liên Đạo Nhân thuộc Bạch Liên Đường ở tỉnh Phước Kiến làm việc sai quấy, vua lại xuống chiếu bãi bỏ Liên tông. Đại sư Ưu Đàm đích thân đến kinh đô dâng sách này lên Hoàng Đế Nhân Tôn, cầu xin phục hưng giáo pháp Tịnh Độ. Vua xem xong bèn chuẩn y và cho phép in ấn lưu hành, dạy Ngài làm giáo chủ, ban cho hiệu Hồ Khê Tôn Giả.

Năm đầu niên hiệu Thuận Hóa (1330), Đại sư an tường ngời niệm Phật vắng sinh.

*Theo Mấy điều Sen Thanh,
Phật Quang Đại Từ Điển*

CHÚ THÍCH:

- (1) **Bạch Liên Xã**: nói đủ là Bạch Liên Hoa Xã, gọi tắt là Liên Xã, là đoàn thể niệm Phật do ngài Huệ Viễn đời Đông Tấn sáng lập, nay trở thành tên gọi chung cho các đoàn thể thuộc loại này. Năm Thái Nguyên thứ 9 (384), ngài Huệ Viễn đến Lô Sơn, ở chùa Đông Lâm tại Hồ Khê, tăng tục từ bốn phương quy tụ về đây cầu đạo. Niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu (402), vào tháng bảy, Huệ Vĩnh, Huệ Trì, Đạo Sinh, Lưu Di Dân, Tôn Bính, Lô Thứ Tông v.v... gồm 123 người, tụ họp lại tại chùa Đông Lâm, trước tượng Phật Vô Lượng Thọ trên đài Bát Nhã, kiến trai lập thể, chuyên tu niệm Phật Tam Muội, nguyện cầu vắng sinh Tây Phương.

Vì trong ao chùa trồng nhiều sen trắng, lại cũng vì đoàn thể nguyện cầu sinh cõi sen trắng, cho nên gọi là Bạch Liên Xã. Về sau, người đến theo tu mỗi ngày một nhiều, mở đầu sự hưng thịnh của Tịnh Độ giáo, đặc biệt được thịnh hành vào cuối đời Đường, đầu đời Tống. Mỗi khi kết hợp những người cùng chí hướng để dựng đạo tràng Tịnh độ, chuyên tu Tịnh nghiệp, thì lại lấy ngài Huệ Viễn làm vị thủ tổ của Liên Xã, lấy kinh Ban Chu Tam Muội làm tư tưởng chủ yếu cho Liên Xã niệm Phật, lấy việc thấy Phật vãng sinh làm mục đích. Niên hiệu Chí Đại năm đầu (1308) đời Nguyên, Liên Xã bị cấm. Thời ấy, Ưu Đàm Phổ Độ (?-1330) ở chùa Đông Lâm, dâng mười quyển *Lô Sơn Liên Tông Bảo Giám* xiển minh ý chỉ của Liên tông, bèn được giải tỏa, đồng thời, chịu mệnh vua, Ưu Đàm làm giáo chủ. Về sau, trải qua các đời Minh, Thanh đến nay, vẫn còn có những người kết đoàn niệm Phật.

(2) **Bạch Liên Tông**: một phái thuộc tông Tịnh độ của Phật giáo Trung Quốc, do Mao Tử Nguyên sáng lập vào đầu năm Thiệu Hưng đời Cao Tông triều Nam Tống. Tử Nguyên còn gọi là Từ Chiêu Tử Nguyên, lúc đầu thờ ngài Tịnh Phạm ở chùa Diên Tường, Ngô Quận làm thầy, học giáo nghĩa Thiên Thai, tập thiền pháp chỉ quán. Nhân hâm mộ di phong lập Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn đời Đông Tấn nên khuyên nhủ sĩ dân quy y Tam Bảo, giữ năm giới, niệm Phật A Di Đà năm tiếng để chứng năm giới, biên thành **Liên Tông Thần Triều Sám Nghi** (nghi thức sám hối buổi sớm mai), thay cho pháp giới chúng sinh lễ Phật sám hối, cầu nguyện chúng sinh vĩnh sinh Tịnh Độ. Sau đến Hồ Điển Sơn ở Bình Giang (nay ở phía Tây huyện Thanh Phố, tỉnh Giang Tô, phía Nam huyện Côn Sơn) sáng lập Bạch Liên Sám Đường, tự xưng là Bạch Liên Đạo Sư, tu Tịnh nghiệp, soạn *Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ*, đề xướng nghĩa mới bèn thành lập một phái. Thời đó, có người chê bai cho là Sư thờ ma, Sư mới dời đến Châu Giang (huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây), song vẫn khuyến hóa xa gần, không hề mệt mỏi. Năm Kiến Đạo thứ hai (1166) đời Hiếu Tông nhà Nam Tống, Sư vẫn mệnh vua, vào điện Đức Thọ diễn thuyết về pháp môn Tịnh Độ, được ban hiệu là từ Chiêu Tông Chủ. Không bao lâu, Sư lại về Bình Giang, lấy Phổ Giác Diệu Đạo làm nên tông, chủ trương Thiền Tịnh nhất trí, Di Đà tức là bản tánh của chúng sinh, Tịnh Độ tức ở trong tâm chúng sinh, chỉ cần Tín, Nguyện niệm Phật thì dù chẳng dứt được phiền não, chưa bỏ duyên đời, không tu thiền định, sau khi mệnh chung cũng có thể được vãng sinh Tịnh Độ. Trước tác có: *Di Đà Tiết Yếu, Pháp Hoa Bách Tâm, Kệ Ca Tứ Cú, Phật Niệm Ngũ Thanh, Chứng Đạo Ca, Phong Nguyệt Tập*... một thời tông phong đại thịnh.

LỜI TỰA

Trong pháp giới tánh chân thật, chúng sinh và chư Phật bình đẳng, không đồng không khác. Nơi tâm sáng suốt nhiệm màu, ô nhiễm và thanh tịnh dung nhau, chẳng phải một, chẳng phải hai. Thế nên, mỗi hạt bụi đều là Tịnh Độ, phương khác và cõi này đồng là thế giới Cực Lạc; mỗi niệm đều là Di Đà, bò, bay, máy, cửa đồng là Pháp thân chư Phật. Nhưng vì tình cảm phát sinh nên trí tuệ bị ngăn cách, tư tưởng vừa biến hiện thì bản thể đã sai khác. Tâm theo sự dời đổi sinh trụ dị diệt, nên cảnh có cao thấp, hãm hốt, gò nổng. Thế nên, cõi nước thanh tịnh hay thế giới cấu uế, đau khổ và an vui có khác biệt. Chúng sinh và chư Phật, phàm Thánh không đồng, nên dẫn đến sáu nẻo mịt mù, trôi lăn trong chín cõi. Bốn loài lũ lượt thẳng trầm nơi ba đường, từ mê vào mê, từ khổ đến khổ, trải qua số kiếp nhiều như cát bụi cũng không có ngày giải thoát.

Do vậy, đức Phật mở môn phương tiện dạy về Niệm Phật Tam Muội, chỉ rõ Tịnh Độ làm nơi trở về. Bảo rằng Niệm Phật Tam Muội**(3)**, Phật nghĩa là bậc Giác ngộ. Tự mình giác ngộ, lại giác ngộ cho người, thực hành hạnh giác ngộ viên mãn, nên gọi là Phật, ví như người ngủ tỉnh giấc, như hoa sen nở.

Vì muốn cho chúng sinh tự soi sáng lại mình, được tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày thuần thục dứt trừ hết mọi mê lầm và nghiệp chướng. Một niệm không sinh thì đoạn dứt mé trước sau. Tỏ ngộ tánh giác này, thì bên trong không có tâm hay niệm, bên ngoài không có cảnh được niệm; năng sở đều quên, chúng sinh với Phật không hai, cho nên gọi là niệm Phật.

Tiếng Phạn Tam Muội, nghĩa là chánh định, là nhớ chuyên, tưởng lặng, thần trí sáng suốt nhiệm màu.

Trong kinh nói: "*Nếu có người niệm Phật, nên biết đó là hoa sen trắng trong loài người*". Tổ sư Huệ Viễn thời Đông Tấn, nhân nghe Pháp sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã mà hoát nhiên đại ngộ, vào trong vô lượng Tam Muội thâm sâu. Ngài đến Lô Sơn đạo cảnh và về sau ở lại đó, cùng với các cao tăng, triệu sĩ kết duyên tu hành. Ngài từng nói: "*Những tên gọi của Tam Muội trong giáo pháp có rất nhiều, nhưng công đức cao để tiến tu, niệm Phật đứng đầu*". Nhân đó, đặt tên cho xã là Bạch Liên. Ngài Huệ Viễn bèn trước tác lời tựa của quyển *Niệm Phật Tam Muội*. Đây vốn là để hiển dương nghĩa lý này.

Đại sư Trí Giả ở Thiên Thai phân định giáo pháp, bảo rằng: "*Kinh Quán Vô Lượng Thọ là giáo lý chân thật sau cùng của Đại thừa, dùng ba pháp quán lóng lạng tâm tư*". Đây vốn là để hiển bày yếu chỉ của niệm Phật.

Tôn giả Pháp Chiếu lễ Bồ tát Văn Thù cầu chỉ dạy, vốn là để chỉ dạy pháp này.

Thiền sư Tĩnh Thường kết duyên tịnh hạnh. Tế tướng, công khanh quy hướng cùng tu hành, vốn là tu về đạo này.

Thiền sư Trường Lô Sách kết Liên Hoa Trắng Hội, cảm ứng hai vị Bồ tát Phổ Hiền và Phổ Tuệ vào hội. Đây vốn là để chứng minh đạo này.

Tông chủ Từ Chiếu do sức bản nguyện thị hiện nơi thế gian, phát tâm hóa độ rộng lớn, dẫn chúng sinh từ nơi quyền biến đi đến chỗ chân thật, tùy cơ giáo hóa. Đây vốn là muốn khiến cho các hạng căn cơ bén nhạy và chậm lụt đều tỏ ngộ đạo này. Ngài biên tập *Bạch Liên Sám*, mở ra họa đồ bốn cõi, lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm tư lương, lấy Giới, Định, Tuệ làm chính yếu. Đây vốn là để thiết lập Chánh tông của pháp niệm Phật này.

Vua Tống Cao Tông đích thân đề xướng hai chữ Liên Xã. Đây vốn là tôn sùng pháp môn này.

Thiền sư Viên Ứng Nhật ở Đông Nham Thiền Tự được Hoàng Đế ban Thánh chỉ: "*Trụ trì đạo tràng, sửa sang chùa chiền, biên tập truyện của các bậc Hiền, noi theo gương xưa chấn chỉnh lại giếng mỗi, bắc chiếc cầu đại pháp, gọi là Tông Viên (noi theo Tổ sư Huệ Viễn), khai mở đạo Tổ*". Mười tám năm ngoài việc đề xướng kinh pháp thiền, Ngài thường lấy pháp Niệm Phật Tam Muội chỉ dạy Người, Trời. Đến mùa thu, năm Nhâm Thìn (1292), niên hiệu Chí Nguyên đời Nguyên, nhận lời mời của Quảng Lợi Thiền Tự ở núi Dục Vương, phủ Khánh Nguyên, nhường đạo tràng Khai Tiên lại cho Thiền sư Duyệt Đường Ngân tiếp nối trụ trì.

Tháng giêng năm đầu niên hiệu Nguyên Trinh, lại có Thánh chỉ ra lệnh hộ trì giáo pháp ở Liên Tông Thiện Pháp Đường. Tháng giêng năm thứ hai (1295), niên hiệu Nguyên Trinh (1295) đời Nguyên, được nhà vua ban hiệu là Đại sư Thông Tuệ Chánh Tông Liên Xã, lại còn được ban tặng ca sa kim tuyến. Vào tháng mười, năm thứ năm, niên hiệu Đại Đức (1301) đời Nguyên, khâm phụng Thánh triều. Nhà vua ban ngự hương, phan vàng đến chùa.

Từ đời Tấn đến nay gần một ngàn năm, cảm ân đức này, phương xa cõi khác, hoặc hiền hoặc ngu đều theo sự giáo hóa, mọi người đồng lòng niệm Phật.

Ngưỡng chúc Hoàng Đế thánh thọ vạn an, thiên hạ thái bình, pháp luân thường chuyển, đất nước an lạc tợ thời vua Nghiêu, vua Thuấn. Ngay nơi cõi này trở thành thế giới Cực Lạc.

Ưu Đàm này lạm dự vào dòng họ Thích, mà không lợi ích cho Phật pháp. Từng thấy những người tu học theo Liên tông(4), nhưng chưa am tường tông chỉ của pháp niệm Phật, bỏ gốc theo ngọn, chấp tướng tu hành. Chánh nhân Tịnh nghiệp dường như mất hết, đều là những người ôm báu vật quên mất cỗ hương, trái với chân thật, hướng theo giả dối. Những người tu theo pháp này rất nhiều, người đủ chánh kiến chẳng có mấy ai, đến nỗi khiến cho những kẻ thượng mạn xem thường đạo Phật.

Thật đáng buồn thay! Cách xưa đã xa, người tu trong giáo pháp lâu dần sinh tệ. Chánh đạo càng suy yếu, tà pháp ngày thêm mạnh mẽ. Mọi người phần nhiều hiểu biết sai lầm, đi vào đường tà. Họ chẳng suy xét một môn Tịnh độ chính là đường tắt ra khỏi luân hồi. Pháp môn này thẳng như dây đàn, sáng tựa vầng nhật. Yếu chỉ ở nơi kinh sám, nếu không gặp minh sư chỉ dạy thì giống như đám người mù sờ voi. Ai nấy đều nói sai khác, từ tối vào nơi tối, mãi bị tà kiến ràng buộc. Thật đáng tiếc thay!

Hôm nay, may mắn gặp được nhà vua có tâm Phật, dùng chánh pháp sửa trị đời. Kịp lúc vua tôi gặp gỡ, Phật pháp được lưu thông. Đâu không dùng pháp môn Niệm Phật Tam muội của Tổ sư chỉ bảo Người, Trời, làm mắt sáng cho tương lai, khiến cho mọi người đồng ngộ nhập Tri kiến Phật. Tôi bèn chuyên tâm nơi Tịnh Độ, tìm xét chỗ sâu xa của giáo nghĩa Liên tông thuở trước, biên tập những lời thiết yếu gọi là Bảo Giám (chiếc gương quý báu), để soi sáng chân ngụy, gồm mười thiên:

1. **Chánh nhân niệm Phật:** nghĩa là vào nhà ắt từ nơi cánh cửa.
2. **Chánh giáo:** chỉ bảo pháp môn niệm Phật có tiêm, thiên, đốn, viên, khiến người tiến tu tùy theo căn cơ về nơi chí đạo.
3. **Chánh tông:** khai thị về đạo lý chánh tâm Niệm Phật Tam muội, khiến cho người tu tập hiểu rõ tông chỉ, thấu suốt cội gốc.
4. **Chánh pháp:** vốn nói rõ chỗ gốc ngọn đặc đạo của Phật Tổ cùng các bậc tông sư, muốn giúp cho hàng hậu học biết có cội nguồn.
5. **Chánh tín.**
6. **Chánh hạnh.**
7. **Chánh nguyện:** khiến cho mọi người tin chánh pháp, tu chánh hạnh, phát chánh nguyện cầu sinh về Tây Phương.
8. **Chánh quyết vãng sinh:** vốn nói rõ con đường vãng sinh Tịnh độ lúc lâm chung.
9. **Chánh báo:** trình bày rõ công đức trang nghiêm của Y báo, Chánh báo nơi Tịnh độ do tu hành đạt được.
10. **Chánh luận:** dẫn những lời chân thành của chư Phật để phá dẹp sự chấp trước sai lầm tà vạy, khiến cho mọi người sửa ác làm lành.

Ở đây chẳng dám nói hỗ trợ tông phong, chỉ là giúp ích cho người chưa nghe mà thôi. Mong muốn người có tâm cong vạy trở nên ngay thẳng, đổi tà thành chánh, dứt trừ nghi ngờ, người mê được ngộ. Mọi người khắp trên thế gian trong một niệm đều được

Niệm Phật Tam muội, cùng chứng ngộ Bồ đề. Như thế, chẳng phải là lợi ích rộng lớn lắm sao!

Xin người tu Tịnh nghiệp mở lòng từ bi xem thử một lần, thấy nghe tùy hỉ, tán thán phụ giúp lưu thông. Còn như một câu: "*Khi Phật Tổ chưa ra đời*" thì xin để mắt nhìn cao hơn!

Ngày Phật Di Đà đản sinh.

Năm Ất Tỵ, niên hiệu Đại Đức thứ 9 (1305), ở Liên Tông Thiền Pháp Đường,

Đông Lâm Thiền Tự tại Lô Sơn, Giang Châu

Ưu Đàm kính ghi

CHÚ THÍCH:

(3) **Niệm Phật Tam Muội:** Tam muội quán niệm đức của Phật hoặc xưng danh hiệu Phật, tức là loại thiền định lấy niệm Phật làm nội dung quán tưởng.

Niệm Phật Tam Muội được chia làm hai loại:

a. *Nhân hành niệm Phật Tam Muội:* Nhất tâm quán tưởng tướng hảo của Phật, hoặc nhất tâm quán tưởng thật tướng của pháp thân Phật, cả hai đều là quán tưởng niệm Phật. Trái lại, nhất tâm xưng niệm danh hiệu của Phật, thì gọi là xưng danh niệm Phật.

b. *Quả thành niệm Phật Tam Muội:* Ba loại nhân hành nói trên được thành tựu, như trong thiền định được thấy thân Phật hiện tiền. Nhân hành niệm Phật Tam Muội là "tu", quả thành niệm Phật Tam Muội là "phát được".

(4) **Liên tông:** cũng gọi là Liên môn, tức là tông Tịnh Độ. Tông này bắt nguồn từ Bạch Liên Xã (hội sen trắng) do ngài Huệ Viễn sáng lập ở chùa Đông Lâm, Lô Sơn, Trung Quốc.

Bài tựa trong Liên Tông Bảo Giám của ngài Ưu Đàm Phổ Độ nói: "*Tổ Huệ Viễn đời Đông Tấn đến Lô Sơn, kết duyên tu hành cùng với các vị cao tăng và danh sĩ triều đình. Ngài nói rằng có rất nhiều tên của Tam Muội trong các pháp môn, nhưng công hạnh cao mà dễ tiến thì chỉ có pháp môn niệm Phật là đứng đầu, vì thế, Ngài lập ra Bạch Liên Xã, chuyên niệm Phật cầu vãng sinh*".

Hoa sen tượng trưng cho y báu của cõi Cực Lạc Tịnh độ, vì thế, tông Tịnh độ cũng còn có tên là Liên tông.

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM QUYỂN MỘT

THIÊN THỨ NHẤT CHÁNH NHÂN NIỆM PHẬT

Từng nghe: trong hằng hà sa số các đức Như Lai, thì Di Đà là bậc nhất. Mười phương vi trần cõi Phật, thế giới Cực Lạc chính là chốn trở về. Lý cùng tột vốn chỉ nơi tâm, nhưng môn ban đầu phải từ nơi nhân địa. Nên biết, cội cây to lớn phát sinh từ mầm chồi nhỏ bé, hành trình ngàn dặm bắt đầu từ một bước ban sơ. Nếu muốn vượt qua sinh tử, nên lấy Tịnh Độ làm phương hướng trở về; muốn chứng Niết bàn, phải lấy niệm Phật làm trọng yếu để tâm trở nên chân chánh. Xét kỹ thì tin sâu Cực Lạc thật là cánh cửa nhiệm mầu của sự giải thoát, Phật Di Đà thật là bậc cha lành của chúng sinh. Trước nói rõ về chỗ cứu cánh nên nhìn về quả để tu nhân; đi dần trên con đường diệu huyền là từ nhân đến quả. Thế nên biết, việc hội tụ các bậc Hiền để kết Liên Xã là có ý chỉ. Chuyên niệm Phật để khuyên người cốt làm hưng thịnh giáo pháp. Nhân trùn biến quả, quả suốt nguồn nhân; hình thẳng tất bóng ngay, âm thanh hòa tự nhiên tiếng vang thuận.

Bồ tát Thế Chí trình bày chỗ cốt yếu của sự chứng ngộ Viên thông. Đức Thế Tôn thì nói về nhân tu Tịnh nghiệp từ nơi nghe, tư duy, tu tập mà vào chánh định; nhờ nơi lòng tin, thực hành, phát nguyện mà vào cửa pháp giới. Do đó, một niệm hưng khởi muôn loài đều biết, lòng tin phát sinh thì chư Phật hiện tiền. Vừa xưng Hồng Danh, tức đã gieo giống nơi thai sen; mới phát tâm Bồ đề, liền nêu danh nơi Kim địa. Có duyên gặp gỡ, nên tự ngộ tự tu, còn như tin cạn chẳng thọ trì thì thật là sai lầm rất lớn! Thế nên nói, cùng tột của Nhất thừa là đạt đến Lạc bang; tu vạn hạnh vẹn toàn, chỉ có xưng niệm Phật hiệu là hơn hết. Nghiệp nặng nề trong tám mươi ức kiếp, rỗng thênh tan thành mây khói; phương trời xa xăm cả mười muôn ức cõi, trong khoảng chớp mắt đến ngay. Tưởng niệm chuyên chú, ngay nơi tâm quán tưởng thấy thân Phật, tâm cảnh dung thông, ngay nơi nhân thành tựu quả thù thắng.

Cõi Tịnh Uế trong mười phương, mở ra và cuốn lại đồng ở nơi đầu sợi lông. Một tánh bao dung mênh mông trùm khắp cả pháp giới. Thế nên, chư Phật và chúng sinh thông suốt lẫn nhau; Tịnh Độ và Uế Độ thâm dung hội, kia đây đều tu, Sự Lý vô ngại. Giống như thần châu hàm chứa mọi báu vật, giống như mạng lưới của Đế Thích phản chiếu qua lại muôn ngàn tia sáng. Tâm ta đã vậy, tâm chúng sinh cùng chư Phật cũng thế.

Nên biết, thần thức dạo nơi muôn ức cõi nước, nhưng thật ra sinh trong tâm của chính mình; tuy gởi chất nơi chín phẩm sen, mà đâu ra khỏi sát na khoảnh khắc. Do đó, bậc hiền Nhị thừa vừa xoay tâm trở lại, được đến Liên trì; phạm phu tạo tội Ngũ nghịch(5), chỉ trong mười niệm liền lên Bảo địa.

Than ôi! Chúng sinh tâm thức mờ mịt, nghiệp chướng nặng nề, tin ít nghi nhiều, ché

Tịnh nghiệp là Quyền thừa, cười trì tụng là thô hạnh. Như thế, há chẳng phải là tham đắm trong nhà lửa, tự cam chịu muôn kiếp đắm chìm trong mê muội, trái nghịch Từ thân. Thật đau đớn xót xa, cả đời trôi sông vô ích!

Cần phải tin, nếu chẳng nhờ vào tha lực thì không sao dứt trừ nghiệp chướng mê lầm, không gặp tông này thì chẳng có đường vượt ra sinh tử. Thệ nguyện đồng như chư Phật, noi theo các bậc tiền nhân, khuyến tấn người sau, tôn sùng quý kính đạo này. Đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, mỗi việc như thế đều hướng về đức Phật A Di Đà. Hoặc sinh, nay sinh, hay đang sinh, trong từng niệm như thế đều quy hướng về nơi Tịnh Độ. Nếu muốn một đời xong việc thì hãy lưu tâm ở nơi đây. Trong tất cả thời, nghìn xe hợp lối; nơi bốn oai nghi, muôn việc lành đồng về, đều lên cánh cửa nhiệm màu Cực Lạc, nhanh chóng thành tựu Niệm Phật Tam muội.

*Một bước ban đầu cần tỏ rõ
Đến thẳng Tây Phương không đường khác.*

CHÚ THÍCH:

(5) **Ngũ nghịch**: Cũng gọi là ngũ nghịch tội, chỉ cho năm tội cực ác trái với đạo lý.

Theo thuyết của Tiểu thừa thì năm tội nghịch là:

- a. *Hại mẹ*: cũng gọi là giết mẹ.
- b. *Hại cha*: cũng gọi là giết cha.
- c. *Hại A la hán*: cũng gọi là giết A la hán.
- d. *Ác tâm làm thân Phật ra máu* cũng gọi là làm thân Phật ra máu.
- e. *Phá Tăng* cũng gọi là phá hòa hợp Tăng, đấu loạn Tăng chúng.

Trong năm tội trên đây, hai tội trước bỏ ruộng ân nghĩa, ba tội sau hủy hoại ruộng đức, vì thế gọi là năm tội nghịch, năm tội nặng. Vì hành vi của năm tội là nguyên nhân làm cho người vi phạm phải rơi vào địa ngục vô gián, nên cũng gọi là năm nghiệp vô gián, gọi tắt là năm vô gián, hoặc năm tội không cứu được.

Chương 1 NHÂN ĐỊA CỦA PHẬT A DI ĐÀ

Kinh *Cổ Âm Vương* nói: " Trong kiếp quá khứ, có cõi nước tên là Diệu Hỷ, vua tên Kiều Thi Ca. Ông nội là quốc vương Thanh Thái, cha là Chuyển Luân Vương Nguyệt Thượng, mẹ là Thủ Thắng Diệu Nhan, sinh ra ba người con. Con trưởng tên Minh Nguyệt, người thứ hai tên Kiều Thi Ca, người thứ ba tên Đế Chúng. Lúc ấy, có đức Phật ra đời hiệu là Thế Tự Tại Vương, Kiều Thi Ca phát đạo tâm, xả bỏ ngôi vua, theo đức Phật xuất gia, hiệu là Tỷ kheo Pháp Tạng".

Trong kinh *Vô Lượng Thọ* lại nói: "*Tỷ kheo Pháp Tạng ở chỗ Phật Thế Tụ Tại Vương phát tâm cầu đạo Vô Thượng, tất cả người trong thế gian không ai sánh bằng. Lúc ấy, đức Phật hiển bày hai trăm mười ức cõi nước của chư Phật, xứng theo tâm nguyện của Tỷ kheo Pháp Tạng. Pháp Tạng cúi đầu lễ Phật, phát bốn mươi tám nguyện rộng lớn, nếu không được như thế, thế chẳng thành Phật. Bấy giờ, quả đất chấn động, trời mưa diêu hoa, trong hư không đồng thanh tán thán rằng: "Ngài chắc chắn sẽ thành Phật".*

BỐN MƯƠI TÁM ĐẠI NGUYỆN CỦA PHẬT A DI ĐÀ

Hán dịch: Pháp sư Khương Tăng Khải

Việt dịch: Tỷ kheo Thích Trí Tịnh

1. Giả sử khi tôi được thành Phật, trong cõi nước của tôi còn có địa ngục, nạ quý và súc sinh, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
2. Giả sử khi tôi được thành Phật, mà hàng Trời, Người trong cõi nước tôi, sau khi mạng chung còn đọa vào ba ác đạo, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
3. Giả sử khi tôi được thành Phật, tất cả thân thể của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi, chẳng thuần sắc vàng ròng cả, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
4. Giả sử khi tôi được thành Phật, mà hình sắc của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi có tốt xấu không đồng nhau, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
5. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời Người trong nước tôi chẳng biết Túc mạng, ít nhất là biết những việc trong trăm nghìn ức vô số kiếp, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.
6. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng được Thiên nhãn, ít nhất là thấy trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.
7. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng được Thiên nhĩ, ít nhất là nghe lời nói khắp của trăm ngàn ức vô số đức Phật mà chẳng thọ trì trọn vẹn được, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
8. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng được Tha tâm trí, ít nhất là rõ biết tâm niệm của chúng sinh trong nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
9. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng được Thần túc thông, trong khoảng một niệm, ít nhất chẳng vượt qua được trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

10. Giả sử khi tôi được thành Phật, nếu hàng Trời, Người trong cõi nước tôi còn sinh lòng tham chấp nơi thân mình, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
11. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng trụ trong dòng chánh định mãi đến lúc thành Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
12. Giả sử khi tôi được thành Phật, ánh sáng của tôi còn có hạn lượng, ít nhất chẳng chiếu thấu trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
13. Giả sử khi tôi được thành Phật, thọ mạng của tôi còn có hạn lượng, ít nhất là trăm nghìn ức vô số kiếp, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
14. Giả sử khi tôi được thành Phật, có người tính đếm biết được số của hàng Thanh văn trong cõi nước tôi, hoặc giả hẳn đến tất cả chúng sinh trong cõi Tam thiên Đại thiên đều thành bậc Duyên giác, cùng nhau đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp mà biết được số Thanh văn đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
15. Giả sử khi tôi được thành Phật, thọ mạng của hàng Trời, Người trong cõi nước tôi không có hạn lượng, trừ khi họ có bốn nguyện riêng, dài ngắn tự tại theo ý muốn, nếu không được vậy, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
16. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi hẳn đến nghe có tên bất thiện, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
17. Giả sử khi tôi được thành Phật, các đức Phật trong vô lượng thế giới ở mười phương không đều ngợi khen xưng danh hiệu tôi, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.
18. Giả sử khi tôi được thành Phật, chúng sinh ở mười phương chí tâm tín nhạo muốn sinh về cõi nước tôi, hẳn đến trong mười niệm, nếu chẳng được vãng sinh, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác, chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch và chê bai chánh pháp.
19. Giả sử khi tôi được thành Phật, chúng sinh ở mười phương phát Bồ đề tâm tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về cõi nước tôi, đến lúc người đó mạng chung, nếu tôi chẳng cùng với đại chúng vây quanh hiện ra nơi trước người đó, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.
20. Giả sử khi tôi được thành Phật, chúng sinh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi,

để tâm nơi nước của tôi, vun trồng cội công đức chí tâm hồi hướng muốn sinh về cõi nước của tôi, nếu không được quả toại, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

21. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi chẳng đều thành tựu đầy đủ 32 tướng đại nhân, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

22. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi Phật phương khác sinh về cõi nước tôi, rốt ráo chắc đến bậc Nhất sinh Bồ xứ, trừ những vị có bốn nguyện, muốn tự tại hóa độ, vì chúng sinh mà mặc giáp hoằng thệ, chứa nhóm cội công đức, độ thoát mọi loài, đi qua cõi nước của chư Phật tu hạnh Bồ tát, cúng dường các đức Phật Như Lai ở mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sinh làm cho trụ vào đạo Vô thượng Chánh nhân, vượt ngoài hạnh tu tuần thứ theo địa vị của hạng tầm thường, hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền. Nếu chẳng được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

23. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi nương thần lực của Phật mà đi cúng dường các đức Như Lai, chừng trong khoảng một bữa ăn mà chẳng có thể đến khắp vô số vô lượng ức Na do tha cõi nước của chư Phật, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

24. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi, ở trước chư Phật hiện cội công đức của mình, bao nhiêu những đồ muốn dùng để cúng dường chư Phật, nếu chẳng có đúng như ý muốn đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

25. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi không thể diễn nói Nhất thiết trí, tôi nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh Giác.

26. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi không được thân Kim Cang bền chắc, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

27. Giả sử khi tôi được thành Phật, trong cõi nước tôi những hàng Trời, Người, tất cả muôn vật đều đẹp đẽ trong sạch sáng rỡ, hình sắc lạ thường, rất nhiệm, rất màu, không ai có thể cân lường được. Những chúng sinh kia hẳn đến người được Thiên nhãn mà có thể biện biết rõ ràng danh số của những vật trên đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

28. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ tát trong cõi nước tôi hẳn đến những vị công đức kém ít mà không thấy biết được Đạo Tràng Thọ cao bốn trăm muôn dặm, vô lượng màu sắc, vô lượng ánh sáng, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

29. Giả sử khi tôi được thành Phật, nếu Bồ tát trong cõi nước tôi đọc kinh pháp, phóng

tụng pháp, phúng tụng thọ trì, giảng thuyết mà không được trí huệ biện tài, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

30. Giả sử khi tôi được thành Phật, trí huệ biện tài của Bồ tát trong cõi nước tôi nếu có người hạn lượng được đó, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

31. Giả sử khi tôi được thành Phật, cõi nước của tôi thanh tịnh, thảy đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật mười phương, dường như gương sáng soi thấy rõ bóng mặt, nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng quả Chánh Giác.

32. Giả sử khi tôi được thành Phật, trong cõi nước tôi, từ mặt đất lên đến hư không, những cung điện, lầu đài, ao nước, cây hoa... Tất cả muôn vật đều do vô lượng chất báu đẹp cùng trăm nghìn thứ hương thơm hiệp chung lại làm thành, nghiêm sức tốt lạ, hơn hẳn hàng Trời. Mùi thơm của những vật ấy xông khắp cả cõi nước ở mười phương, Bồ tát nào ngửi được hơi hương ấy thời đều tu hạnh của Phật. Nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

33. Giả sử khi tôi được thành Phật, những loài chúng sinh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương, được ánh sáng của tôi chiếu đến thân, thời thân tâm của chúng sinh ấy hòa dịu hơn hẳn hàng Trời, Người. Nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

34. Giả sử khi tôi được thành Phật, những loài chúng sinh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, mà chẳng được các món tổng trì**(6)** sâu màu cùng Vô sinh Pháp nhẫn**(7)** của Bồ tát, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

35. Giả sử khi tôi được thành Phật, những người nữ trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, mà vui mừng tin mến phát Bồ đề tâm nhằm ghét thân gái, nếu sau khi mạng chung còn thọ thân gái trở lại, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

36. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ tát trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của tôi, thời sau khi mạng chung vẫn thường tu hạnh thanh tịnh đến lúc thành Phật đạo. Nếu không được như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

37. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Trời, Người nhân dân trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, nắm vốc gieo xuống đất, cúi đầu lễ lạy, vui mừng tin mến, tu hạnh Bồ tát thời các hàng Trời,

Người đều kính trọng đó. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

38. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi muốn được y phục, thời những y phục tốt đẹp đúng pháp như đức Phật ngợi khen liền tùy niệm tự nhiên hiện đến trên thân, nếu còn phải cần may, vá, đập, nhuộm... tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

39. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Trời, Người trong cõi nước tôi hưởng thọ sự vui sướng không bằng bậc Lưu Tận Tỷ kheo, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

40. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi, tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh ở mười phương, tức thời ở trong cây báu thấy đều soi thấy rõ ràng đúng như ý muốn chẳng khác gương sáng soi thấy bóng mặt. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

41. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, mãi đến lúc thành Phật, nếu các căn thiếu xấu chẳng đầy đủ, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

42. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, thấy đều chứng được "Chánh định thanh tịnh giải thoát". Trụ trong chánh định đó, trong khoảng móng niệm liền cúng dường khắp vô lượng bất khả tư nghị của đức Phật Thế Tôn, mà vẫn không sao mất tâm chánh định. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

43. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, sau khi mạng chung sinh vào nhà tôn quý. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

44. Giả sử khi tôi được thành Phật, các hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, vui mừng hớn hở, tu hạnh Bồ tát đầy đủ cội công đức. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

45. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, thấy đều chứng được "Chánh định Phổ đẳng". Trụ trong chánh định đó, mãi đến lúc thành Phật, thường thấy tất cả vô lượng bất khả tư nghị các đức Phật. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

46. Giả sử khi tôi được thành Phật, Bồ tát trong cõi nước tôi tùy ý muốn nghe pháp

chi, thời tự nhiên liền được nghe pháp đó. Nếu không như thế, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

47. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, chẳng liền được bậc Bất thối chuyển, tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

48. Giả sử khi tôi được thành Phật, hàng Bồ tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của tôi, mà chẳng liền chứng được bậc Âm hưởng nhẫn, Nhu thuận nhẫn và Vô sinh Pháp nhẫn, cùng ở nơi pháp của chư Phật mà chẳng liền được bậc Bất thối chuyển(8), tôi nguyện không chứng lấy quả Chánh Giác.

CHÚ THÍCH:

(6) **Tổng trì:** Sức niệm tuệ có khả năng thu tóm, ghi nhớ vô lượng Phật pháp, không để quên mất.

(7) **Vô sinh pháp nhẫn:** Một trong ba nhẫn, nhẫn thứ tư trong năm nhẫn nói trong kinh *Nhân Vương*, tức quán lý không sinh không diệt của các pháp, nhận kỹ lý ấy, an trụ tâm bất động.

(8) **Bất thối chuyển:** Không thối chuyển, chỉ cho sự tu hành không lui sụt cho tới khi thành Phật. Còn thối chuyển là chỉ cho sự lui sụt, rơi vào đường ác hoặc Nhị thừa địa (hàng Thanh văn, Duyên giác).

Bất thối vị còn gọi là Bất thối chuyển địa. Trong giai vị Tứ thiện căn của Hữu Bộ, đến Nhẫn vị thì không còn rơi vào đường ác, được xếp vào Bất thối vị.

Chương 2

NHÂN ĐỊA, BÀN NGUYỆN CỦA PHẬT THÍCH CA VÀ PHẬT A DI ĐÀ

Kinh *Bi Hoa* nói: "*Trong kiếp thuở xưa có vua Chuyển Luân tên là Vô Trách Niệm và vị đại thần là Bảo Hải làm thiện tri thức, cùng ở chỗ Phật Bảo Tạng phát tâm Bồ đề. Vua Vô Trách Niệm phát nguyện rằng: "Tôi tu Đại thừa cầu lấy Tịnh độ, chung quy chẳng nguyện ở nơi Uế độ thành tựu đạo giác ngộ Chân Chánh Vô Thượng. Trong thế giới tôi, chúng sinh không có những điều khổ não, nếu tôi không được cõi Phật như thế thì chẳng thành Chánh Giác"*.

Nay quả đã viên mãn, thành Phật hiệu là A Di Đà, cho nên hiện bày ra cõi Tịnh Độ.

Còn đại thần Bảo Hải nguyện ở nơi Uế độ giáo hóa thuần thực mọi chúng sinh, nay

quả đã viên mãn, thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, ở trong thế giới ác trước này thành tựu quả vị giác ngộ của Phật.

CHƯƠNG 3

ĐỨC PHẬT NÓI VỀ CHÁNH NHÂN TỊNH NGHIỆP CHO THÁNH HẬU VI ĐỀ HY

Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: "*Bấy giờ, bà Vi Đề Hy kêu khóc hướng về đức Phật bạch rằng:*

- Bạch đức Thế Tôn! Cúi mong Ngài nói rộng những cõi nào không còn lo buồn cho con nghe, con sẽ sinh qua đó. Con không ưa thích cõi Diêm phù đề(9) ác trước này nữa!

Bấy giờ, đức Thế Tôn phóng ánh sáng giữa chạng mờ, chiếu khắp vô lượng thế giới trong mười phương, các cõi nước của chư Phật đều hiện trong đó. Lúc ấy, bà Vi Đề Hy thấy rồi liền bạch Phật rằng:

- Các cõi Phật ấy tuy là thanh tịnh đều có ánh sáng, nhưng nay con chỉ ưa thích sinh về thế giới Cực Lạc, chỗ của Phật A Di Đà. Cúi mong đức Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con chánh định!

Đức Phật bảo bà Vi Đề Hy:

- Phật A Di Đà cách đây không xa. Bà nên nghĩ nhớ suy xét kỹ, quán tưởng về cõi ấy. Nay Ta nói rộng rãi cho bà nghe, cũng để khiến cho những kẻ phàm phu đời vị lai tu tập Tịnh nghiệp được sinh về Tây Phương cõi nước Cực Lạc.

Người muốn sinh về nước ấy, nên tu ba việc phước:

- Một: Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, tâm từ bi không sát hại, tu mười điều lành.

- Hai: Thọ trì Tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.

- Ba: Phát tâm Bồ đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn người tu hành.

Ba việc như thế, gọi là chánh nhân của Tịnh nghiệp.

Đức Phật bảo A Nan và bà Vi Đề Hy lắng nghe:

- Các vị hãy khéo nhớ nghĩ những điều ấy!"

1. Hiếu dưỡng cha mẹ:

Niệm Phật là chỗ cốt yếu của các pháp, hiếu dưỡng là hạnh đứng đầu trong trăm hạnh. Tâm hiếu tức là tâm Phật, hạnh hiếu tức là hạnh Phật. Muốn được đạo đồng với

chư Phật, trước phải hiếu dưỡng song thân. Thế nên, Thiền sư Sách nói: "*Một chữ hiếu là cánh cửa của mọi sự huyền diệu. Những lời Phật dạy lấy hiếu làm tông chỉ, kinh Phật nói lấy hiếu làm giới. Trong lời nói không mờ tối thì miệng phát ra ánh sáng giới, ngay đó rõ ràng nhanh chóng khai mở tâm địa*".

Nói về hiếu, có hiếu của tại gia, có hiếu của xuất gia.

Hiếu tại gia là được cha mẹ thương yêu, vui mừng mà không lãng quên bổn phận làm con; bị cha mẹ ghét bỏ, phải sống lao nhọc mà không hề oán hận. Luôn thuận theo sắc diện của song thân để làm tròn việc phụng dưỡng.

Đạo hiếu của người xuất gia là cắt đứt ân ái, từ giã song thân để cứu xét đạo huyền vi phù hợp bản tánh, thâm nhập lý vô vi, trên đền đáp ân cùng cực, tiến bước trên con đường giải thoát. Đây là lối tắt báo đáp ân đức của mẹ cha, chẳng những đời vị lai được lợi ích mà ngay trong hiện tại cũng được thành công.

Thế nên, đức Như Lai nửa đêm vượt thành, đạo quả viên mãn trên non Tuyết. Ngài Huệ Năng dùng bạch kim gởi gắm mẹ mà nối pháp ở Huỳnh Mai. Nhưng vì pháp mà đoạn dứt thâm ân, ắt cần phải nghĩ suy báo đức. Do đó, đức Thế Tôn về thăm Phụ vương ở thành Ca Tỳ La Vệ, lên trời Đạo Lợi thuyết pháp cho mẫu thân.

Còn như cha mẹ nghèo thiếu không nơi nương tựa, theo lý phải nên tự mình hầu hạ. Vì thế, ngài Tất Lăng Già Bà Ta hàng ngày đi khất thực để phụng dưỡng mẹ già. Đại sư Hoảng Nhẫn dựng lập Dưỡng Mẫu Đường. Ngài Trần Mục Châu đan hài nuôi mẹ. Pháp sư Lăng gánh cha mẹ mà đi du học khắp nơi.

Vậy thì, người xuất gia lấy pháp vị làm thức ăn ngon ngọt, nhưng cũng không quên đem dâng hiến cho song thân; lấy Phật sự làm việc chuyên cần, nhưng không bỏ sót lễ nghi của nhân thế. Không chỉ cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều đời đều báo đáp được. Không chỉ cha mẹ một thân này, mà cha mẹ khắp trong pháp giới đều được độ thoát, đồng lên bờ giác. Đạo hiếu người xuất gia lợi ích rộng lớn thay!

Nếu như nhân duyên chưa đủ, cha mẹ không cho phép thì nên ở tại nhà làm tròn đạo hiếu, siêng năng tu tập nhân xuất thế. Nếu có thể ở ngay nơi thế tục mà thực hành đạo chân thật thì vẫn có con đường để thành Phật. Chỉ mong được trở lại như lúc trẻ thơ, để khi cha mẹ nghiêm khắc, được quỳ dưới gối nhằm báo đáp sự nhọc nhằn chăm sóc của song thân.

Do đạo hiếu mà dẫn đến chỗ Nhất thừa viên mãn, liền khiến cho Bồ tát tại gia đạt được sự hiểu biết và tu hành không nghi ngờ. Hàng Cao nhân xuất tục, nhân ở đây có thể soi xét.

Nếu có người chỉ hạn cuộc ở việc phụng sự Phật pháp, không thể làm tròn việc phụng sự song thân, xem nơi đây ắt sẽ cảm xúc trong lòng, có thể khắc phục để vẹn toàn đạo hiếu.

Than ôi! Thời gian dễ trôi qua, cha mẹ khó quên lãng. Còn song thân ở nhà cũng như chư Phật tại thế; dùng hạnh hiếu để báo đáp ân đức của song thân, hoàn thành trọn vẹn công phu niệm Phật. Thế nên biết, cha mẹ vui vẻ thì chư Phật vui vẻ, tâm này thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Vẻ quê không núi non cách trở
Ánh trăng xuyên nước đẹp vô ngần.*

2. Phụng sự sư trưởng:

Bậc Cao đức ngày xưa nói: "*Sinh ra ta là cha mẹ, làm thành tựu cho ta là thầy bạn*". Thế nên, thầy là bậc Đạo sư sáng suốt trong đường mê, là ngọn đèn trí tuệ trong căn nhà tăm tối, là thuyền từ trong biển khổ, là mắt sáng của Trời, người. Ân sâu hơn cả cha mẹ, đức nặng sánh tợ đất trời. Cho nên, đệ tử thờ thầy chẳng dám xem thường. Đâu chẳng thấy: đức Phật bỏ thân mạng để cầu nửa bài kệ; Tổ Huệ Khả chặt cánh tay để hỏi pháp an tâm, lấy thân làm tòa để thờ thầy; Lục Tổ buộc đá vào hông để giã gạo, vác gạo nuôi chúng mà tiếp nối Tổ vị; Bồ tát Thường Đề bán tim gan học Bát nhã, gieo mình vào lửa để chứng Bồ đề. Vậy mà người xưa rất lấy làm vui mừng, vì cảm thấy may mắn. Như thế, sao lại có thể không cố gắng thờ thầy để học đạo hay sao?

Nên biết, tìm thầy để thoát sinh tử phải cầu chánh kiến, tham thiền hỏi đạo chớ nương tà tông. Cần phải hiểu rõ nguyên do tội phước, phân biệt kỹ sự lợi hại của chánh tà. Chánh thì thành Phật, tà thì thành ma. Ban đầu chẳng gặp bậc tác gia, đến già chỉ thành vô dụng. Bởi thế, đức Như Lai biết thầy sai lầm mà bỏ đi; ngài Phu Tử chọn người lành để theo. Xem các bậc Thánh xưa đã thế, tại sao người nay lại chẳng làm theo như vậy?

Huống chi, hiện nay là thời mạt pháp, có nhiều thầy tà, phàm muốn tu hành nhất định chớ nên gần gũi. Chỉ giữ chánh niệm, rốt cuộc sẽ gặp minh sư. Muốn tỏ ngộ việc lớn, phải nên thận trọng đừng cho là dễ dàng.

Vì thế, đệ tử phụng sự thầy tức đồng với phụng sự Phật. Điều này có thể gọi là:

*Tứ sự cúng dường chẳng nhọc lao
Vạn lượng vàng ròng cũng tiêu được.*

3. Tâm từ bi không sát hại:

Bốn loài chúng sinh: noãn (sinh ra từ trứng), thai (bào thai), thấp (ấm thấp), hóa (biến hóa), chim muôn, cá, trùng... đều là chư Phật ở vị lai, hoặc là cha mẹ nhiều đời trong quá khứ của chúng ta. Chúng đều biết kêu gào sợ chết, tha thiết tham sống, tránh khổ tìm vui, thì tâm ấy đều như nhau; biết tìm nơi an ổn mà dưỡng thân mạng, thì lý này muôn loài vốn chung đồng. Tại sao nghe tiếng kêu thương của chúng mà nở lời lên dao bén? Thấy chúng mắt đẫm lệ mà vẫn kéo lời đến chỗ mất mạng tan thân? Hoặc giăng lưới trên núi rừng, hay đốt lửa cháy khắp nơi khói bay mù mịt, làm chim ưng bay nhanh như điện xẹt để tranh nhau tìm lối thoát thân, ngựa giỏi lẫn chen phóng nhanh sợ hãi. Vượn nhìn mũi tên kinh hồn; nhận thấy chiếc cung khiếp vía. Nỗi đau đớn vỡ đầu rơi óc khó mà chống cự, sự thống khổ thấu tận tim gan biết làm sao để cầm ngăn? Huống chi, chúng cùng bảm thọ Ngũ hành(10), đều bao hàm Tứ tượng(11), đồng thấm nhuần tánh Phật, cùng có tâm thần sáng suốt. Tại sao lại giết hại chúng, chất thịt như núi, nấu nướng để cung cấp cho miệng và bụng của mình?

Nung đốt tim gan của chúng mà đâu biết rằng đoạn mạng chúng sinh cũng là làm cho thân Phật chảy máu; ăn thịt súc vật chính là nhai nuốt thân thể của cha mẹ mình! Ấy là gây tạo lỗi lầm sát hại thâm sâu, đoạn dứt chủng tánh từ bi. Hiện đời phước thọ âm thầm tiêu giảm, sau khi chết trầm luân nơi núi đao, rừng kiếm, trở lại làm gà, heo, cá, thỏ lần lượt hoàn trả nợ cũ. Đến như giết hại, cắt xẻo, nấu nướng... nhân quả cũng giống như nhau.

Xét kỹ việc ăn thịt thật đáng rùng rợn, dù bán hay đổi ở lò sát sinh, cũng khó tránh khỏi trọng tội. Bồ tát thà tan xương quyết không ăn thịt chúng sinh. Thế nên, thỏ trắng thiêu thân mà tiên nhân chẳng đoái hoài. Đối với cỏ cây còn không nhổ, thì thịt lẽ nào lại cho nếm. Rời xa nhà bếp, vì có lời dạy không nở nghe tiếng kêu than. Nuôi lớn súc vật rồi đem đi bán cũng đồng với tội lỗi miệng giết tâm ăn. Cho nên, Đại Thánh từ bi mới chế giới dứt hẳn sát sinh. Ân của đức Phật thật là to lớn! Người tu Tịnh độ cần phải giữ gìn!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Không tham đắm hương vị,
Mới là rồng trong xanh.*

CHÚ THÍCH:

(9) **Diêm phù đề**: Cõi nước có trồng nhiều cây Diêm phù và sản xuất ra vàng Diêm phù đàn.

Theo phẩm *Diêm Phù Đề* trong *Trường A Hàm 18*, kinh *Đại Lô Thán 1*, kinh *Khởi Thế 1*, kinh *Khởi Thế Nhân Bản 1*, cõi này phía Nam hẹp, phía Bắc rộng, chu vi khoảng

14.000km, khuôn mặt người cũng giống như địa hình ở đây. Lại phía Đông ao A Nâu Đạt (S: Anavatapha) có sông Hằng (S: Ganga), từ miệng bò sinh ra, theo 500 sông chảy vào biển Đông; phía Nam có sông Sindhu, từ miệng sư tử sinh ra, theo 500 nhánh chảy vào biển Nam; phía Tây có sông Vaksu Bà Xoa, từ miệng ngựa sinh ra, theo 500 nhánh chảy vào biển Tây; phía Bắc có sông Tư Kỳ (S: Sīta), từ miệng voi sinh ra, theo 500 nhánh chảy vào biển Bắc.

Theo *Câu Xá luận 11*, trong bốn đại châu lớn, chỉ có châu này có tòa kim cương, tất cả Bồ tát sắp thành chánh giác đều ngồi tòa này.

Theo trên thì có thể biết Diêm Phù Đề vốn chỉ cho Ấn Độ, về sau chỉ chung cho thế giới nhân gian.

(10) **Ngũ hành:** Trong triết học cổ Trung Hoa, tất cả vạn vật đều phát sinh từ năm nguyên tố cơ bản và luân luân trải qua năm trạng thái được gọi là: Mộc, Hỏa, Thổ, Kim và Thủy. Năm trạng thái này gọi là ngũ hành.

(11) **Tứ tượng:** Tứ tượng hay Tứ thánh thú, là một khái niệm hình tượng bộ bốn trong khoa học thiên văn, triết học, phong thủy... phương Đông.

Tứ tượng là bốn thánh thú trong các chòm sao Trung Hoa cổ đại:

- a. Thanh Long của phương Đông.
- b. Chu Tước của phương Nam.
- c. Bạch Hổ của phương Tây.
- d. Huyền Vũ của phương Bắc.

Mỗi thánh thú cai quản một phương và tượng trưng cho một mùa, chúng có những đặc điểm, nguồn gốc riêng. Chúng được miêu tả đầy sinh động trong thần thoại và trí tưởng tượng của người Trung Hoa, và cả trong Manga và Anime của Nhật.

4. Tu mười điều lành:

Chỗ cốt yếu huyền diệu của Đại thừa, vốn không rời Nhất tâm. Muốn được chánh nhân của Tịnh nghiệp, cần phải tu mười điều lành trước tiên. Đoạn dứt bảy tội nặng của thân và miệng, thì bảy hạnh được thành tựu; diệt trừ hết gốc rễ Tam độc (tham, sân, si) của ý thức, thì Tam học (Giới, Định, Huệ) tự nhiên đầy đủ.

Theo kinh *Di Đà*, người cầu sinh Tịnh độ cần phải tu tập mười điều lành này. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, chỉ có hàng Bồ tát Ly cấu địa mới có thể tự thân chứng đắc. Còn từ cõi Người, Trời cho đến cõi Hữu Đảnh đều lấy mười điều lành này làm duyên để thọ sinh. Hàng Thanh văn cho đến Phật thừa cũng lấy mười điều lành làm căn bản vào đạo. Nếu không tuân theo sự chế định của đức Phật, sẽ dễ rơi vào ba đường ác tối

tắm, dù cho được thân người cũng bị hai loại quả báo ác. Không tu thì là mười điều bất thiện, vâng giữ tức là pháp môn mười giới. Đây quả thật là nền tảng của Tịnh Độ.

5. Thọ trì Tam quy:

Đức Phật là bậc Đạo sư của ba cõi, giáo pháp là mắt sáng của muôn loài. Tăng là Thượng sĩ lực hòa, đều là ruộng phước chân thật thanh tịnh. Trái ngược với đây thì trở thành tà vạy, thuận theo đó thì trở thành chân chánh. Công đức thần thông chẳng ai sánh bằng, sức mạnh Thánh nhân khó mà suy xét. Giải trừ khổ não như cái trống có thoa thuốc thì các mũi tên bắn vào đều rơi xuống; vượt thoát tai nạn như song kiếm đột phá vòng vây. Biến khổ làm vui trong khoảng sát na, đổi phàm thành Thánh chỉ trong khoảnh khắc. Thế nên, thấy tướng xe lửa hiện ra, nếu biết quy y liền được trong mát; sắp đến Địa ngục, nếu xưng niệm danh hiệu Phật tẩy đều lìa khổ. Ngài Phổ Minh và chư vương tránh khỏi tai nạn là bởi do công phu của định Không. Để Thích đánh lui oai thế của Đảnh Sinh là từ sức mạnh của Bát nhã.

Thế nên, Phật tử có lòng tin quy y Tam Bảo chân thật từ bi, dùng hương hoa cúng dường nơi Phật và tăng, đọc tụng lưu thông pháp bảo. Tập hợp những điều thiện lợi này mà hướng về Bồ đề, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh đồng sinh Tịnh độ. Đâu không nghe nói: Tần Già, Anh vũ xưng niệm danh hiệu Phật được về Tây Phương; chư Thiên, Đế Vương quy kính Tam Bảo thể cầu Thánh đạo. Mọi chúng sinh đều có thể trên cầu quả vị Phật, dưới thoát khỏi nỗi khổ luân hồi.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Thiền là Đại Quy, thơ là Phát
Thiền tử Đại Đường chỉ ba người.*

6. Đầy đủ các giới:

Đã phát được tâm Bồ đề, nên tu hạnh Bồ tát. Ban đầu thọ Tam quy, kể giữ năm giới, dần dần tu mười pháp lành, viên mãn Tam tụ luật nghi(**12**). Căn cơ thuần thực thì giữ gìn trọn vẹn, nếu căn cơ chưa thuần thì thọ trì từng phần. Mỗi năm có Tam thiện, mỗi tháng có Lục trai(**13**), nếu như thấy năm giới khó thực hành thì hãy trừ bỏ rượu thịt. Mười điều ác(**14**) dễ phạm, nên giữ một giới không sát sinh. Bụi nhỏ tích lũy thành núi non, sương rơi cũng thêm cho dòng nước. Một giọt rơi xuống vực, rớt cuộc cũng trở về biển cả mênh mông.

Thế nên, kinh *Niết Bàn* nói: "Lúc đức Phật còn ở đời thì lấy Phật làm thầy, sau khi đức Phật diệt độ thì lấy giới làm thầy". Kinh *Phạm Võng* nói: "Giới như trăng trong sáng, cũng như châu anh lạc. Chúng Bồ tát nhiều như cát bụi đều do giới này thành tựu đạo giác ngộ chân chánh". Vì thế, rồng không có tâm phạm sát; sói còn có ý trì trai. Tỷ kheo khổ hạnh tiết tháo đến nỗi bị buộc cổ mà chẳng dám đi; bảo hộ con ngỗng mà phải đổ máu hồng; Cư sĩ bị bệnh duyên mà hoàn toàn không uống rượu ăn thịt. Thế

nên biết, nói về cội gốc của các điều lành, thì năm giới đứng đầu. Bậc vương giả theo đó để trị quốc, người quân tử phụng hành để lập thân; không thể rời xa lúc vội vàng, không thể phớt bỏ dù trong khoảnh khắc.

Đạo Phật gọi là Ngũ giới, Nho giáo gọi là Ngũ thường(15). Ở nơi trời là Ngũ tinh(16), ở nơi đất là Ngũ nhạc(17), ở nơi người là Ngũ tạng(18), ở nơi xứ sở là Ngũ phương(19). Nói rộng ra thì không chỗ nào mà chẳng thâm nhiếp; quán xét cả trên dưới không gì có thể thêm vào. Do đó, trong *Pháp Uyển Châu Lâm* nói: "*Điều thế tục ưa chuộng là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; chỗ ý thức tham lam nường vào là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu*".

Đạo và đời tuy trái ngược nhau, nhưng về mặt Tiệm giáo (tu hành) thì chung đồng không khác. Trong chánh pháp dạy, bắt đầu ở nơi nhân. Đó tức là ở nơi pháp thật chỉ sự việc nói thẳng, không nhờ vào ngôn từ hoa mỹ, nường vào danh tự mà biểu hiện ý nghĩa. Tu nhân như thế, không mong quả mà chứng quả; từ chỗ này vào đạo, không muốn vui mà được vui. Hiện nay, thấy người trì giới không sát hại, chẳng cầu nhân mà nhân tỏa sáng; giữ giới không trộm cắp, chẳng hân hoan nghĩa mà nghĩa phô bày. Người không tà dâm, chẳng mong lễ mà lễ được lập. Người không nói dối, chẳng mộ tín mà tín tự vang xa. Người không uống rượu, chẳng thực hành trí mà trí sáng tỏ. Năm giới này không chỉ tự kiềm chế mình, ngăn ngừa sai quấy, mà còn trợ giúp nước nhà phát triển sự giáo hóa. Muốn tu thành tựu tịnh hạnh, cần phải nghiêm túc giữ gìn giới luật.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Vạn thiện hòa dung đồng cõi Phật
Vui tươi hớn hở thuở thái bình.*

7. Phát tâm Bồ đề:

Quả Phật Vô Thượng gọi là Bồ đề, nếu phát tâm này, chắc chắn thành Phật. Pháp môn *Tịnh Hạnh* nói: "*Người tu Tịnh độ, cần phải khéo phát tâm. Nếu vì mình chán nản Ngũ trước(20), ưa thích Cửu phẩm(21) thì trái với tâm Bồ đề. Đó là hạnh Thanh văn không nên phát khởi. Nếu vì chúng sinh mà phát tâm đại bi cầu vãng sinh Cực Lạc, mong nhanh chóng thành tựu đạo lực thần thông để trải qua mười phương cứu độ tất cả chúng sinh, khiến họ cùng thành Phật thì thuận với tâm Bồ đề. Đó là hạnh Bồ tát cần nên phát khởi*". Nay, khuyên hàng cao lưu tu hành Tịnh nghiệp, phàm muốn lợi mình, lợi người cần phải phát tâm lập chí. Nên ở trước Tam Bảo dâng hương hiến hoa, chí tâm phát nguyện:

*Nam mô Phật.
Nam mô Pháp.
Nam mô Tăng.*

Đệ tử là..... hôm nay phát tâm rộng lớn này, chẳng vì mong cầu phước báo Trời, Người, Thanh văn, Duyên giác; cho đến chư vị Bồ tát hàng Quyền thừa, chỉ y theo tối thượng thừa mà phát tâm Bồ đề.

Cúi mong cho con cùng với cha mẹ hiện đời, cha mẹ nhiều đời, cùng chúng sinh khắp trong pháp giới, tất cả kẻ oán người thân đồng sinh về Tịnh độ, đều được Bất thối chuyển nơi đạo giác ngộ Chân Chánh Vô Thượng.

Nói ba lần như trên. Luôn luôn phát khởi tâm này, mỗi ngày nên thường thực hành như thế.

Thuở xưa, đồng tử Thiện Tài do phát tâm Bồ đề nên chứng quả trong một đời; Long nữ tám tuổi mà được thành Phật. Ở nơi Địa ngục phát tâm này, liền nhanh chóng vượt lên hàng Thập địa(22). Sa di(23) biết phát tâm thì đã hơn hẳn hàng Nhị thừa(24).

Như thế, thật đáng gọi là:

*Một khí hồi nguyên vận,
Vạn vật thấm nhuần ân.*

CHÚ THÍCH:

(12) **Tam tụ luật nghi:** Ba tụ giới pháp của Đại thừa Bồ tát. Tụ nghĩa là chủng loại. Vì ba tụ pháp giới này vô cấu thanh tịnh, hàm nhiếp các giới Đại thừa, viên dung vô ngại nên gọi là Tam tụ tịnh giới. Tam tụ viên giới. Tam tụ tinh giới gồm:

a. Nhiếp luật nghi giới: Pháp môn chỉ ác, đoạn dứt tất cả điều ác, hàm nhiếp các luật nghi, là giới của bảy chúng thọ trì, tùy theo tại gia, xuất gia khác nhau mà có chia ra các giới điều năm giới, tám giới, mười giới, cụ túc giới... cũng có thể quy thành ba loại chung là biệt giải thoát giới, định cộng giới và đạo cộng giới. Giới này là nhân của pháp thân. Pháp thân vốn tự thanh tịnh nhưng bị các điều xấu ác che đậy, nên không hiển được, nay lìa các đường ác thì công đức thành tựu hiện tiền.

b. Nhiếp thiện pháp giới: nghĩa là tu tập tất cả các pháp lành. Đây là pháp môn tu thiện, là luật nghi giới mà Bồ tát tu hành, hồi hướng các điều thiện do tu thân, khẩu, ý về Vô Thượng Bồ đề, như thường siêng năng tinh tấn, cúng dường Tam Bảo, tâm không buông lung, giữ gìn các giác quan và thực hành sáu Ba la mật... nếu phạm tội thì như pháp sám hối, nuôi lớn các pháp lành. Đây là nhân của báo thân, có công năng dứt ác tu thiện, cho nên trở thành duyên của báo thân Phật.

c. Nhiếp chúng sinh giới: tức dùng từ tâm nhiếp thọ, làm lợi ích tất cả chúng sinh, đây là pháp môn lợi sinh. Kinh *Bồ tát Địa Trì 4* nêu mười một loại như sau:

- Cùng làm bạn với những việc nhiều ích mà chúng sinh đã thực hành.
- Cùng làm bạn với các khổ bệnh đã sinh hoặc chưa sinh của chúng sinh và những người sẵn sóc bệnh.
- Nói pháp thế gian, xuất thế gian cho các chúng sinh nghe hoặc dùng các phương tiện khiến họ được trí huệ.
- Biết ân báo ân.
- Có khả năng cứu giúp các sự sợ hãi của chúng sinh. Nếu họ bị tai nạn như người thân qua đời, mất mát tài vật thì Bồ tát khai giải khiến họ hết lo buồn.
- Thấy có chúng sinh nghèo nàn khốn khổ thì cấp cho những vật cần dùng.
- Đức hạnh đầy đủ, nhận y chỉ đúng pháp, nuôi chúng đúng pháp.
- Trước nói lời an ủi, thường tới lui thăm nom, cấp cho thức ăn uống, nói lời lành của thế gian, làm mọi việc chẳng vì mình mà vì chúng sinh.
- Xưng dương khen ngợi người có thật đức.
- Dùng từ tâm quở trách người có lỗi xấu, chiết phục đuổi phạt khiến họ hối cải.
- Dùng năng lực thần thông thị hiện ác đạo, khiến các chúng sinh ấy chán sợ điều ác, vâng tu theo Phật pháp, hoan hỷ tin ưa, sinh tâm hy hữu.

Ba tụ tịnh giới này là giới chung của tăng, tục Đại thừa nhưng tăng chúng Đại thừa ban đầu thọ nhiếp luật nghi giới (thọ 250 giới) gọi là biệt thọ; sau lại tổng thọ 3 tụ tịnh giới, gọi là thông thọ.

(13) **Lục trai:** Sáu ngày trai giới thanh tịnh trong mỗi tháng: mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30.

Vào sáu ngày này, chúng tăng phải nhóm họp một chỗ để Bồ tát thuyết giới, còn hai chúng tại gia thọ trì bát quan trai giới một ngày một đêm. Tương truyền ngày xưa tại Ấn Độ, quỷ thần thường hãm hại người vào sáu ngày này, cho nên ở dân gian có phong tục tắm gội, nhịn ăn vào những ngày này. Về sau, Phật giáo cũng tiếp tục theo phong tục đó, đồng thời cho rằng vào 6 ngày này có Tứ Thiên vương xuống thế gian xem xét việc thiện ác

(14) **Mười điều ác:** Sát sinh, Trộm cắp, Tà dâm, Vọng ngữ, Lưỡng thiệt (nói lời gây ly gián, lời phá hoại), Ác khẩu (nói lời thô ác), Ý ngữ (là lời nói vô nghĩa, lời nói do tâm nhiệm phát ra), Tham dục (tham ái, tham thủ, xan tham), Sân khuể, Tà kiến (tức ngu si).

(15) **Ngũ thường:** Năm điều phải hàng có trong khi ở đời, gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

- a. Nhân: Lòng yêu thương đối với muôn loài vạn vật.
- b. Nghĩa: Cư xử với mọi người công bình theo lẽ phải.

- c. Lễ: Sự tôn trọng, hòa nhã trong khi cư xử với mọi người.
- d. Trí: Sự thông biết lý lẽ, phân biệt thiện ác, đúng sai.
- e. Tín: Giữ đúng lời, đáng tin cậy.

16) **Ngũ tinh:** Sao Thủy, sao Kim, sao Hỏa, sao Thổ và sao Mộc.

(17) **Ngũ nhạc:** Theo thần thoại Trung Quốc, ngũ nhạc có nguồn gốc từ thân thể và đầu của Bàn Cổ, vị thần đầu tiên sáng tạo ra thế giới. Do vị trí ở phía Đông của mình nên Thái Sơn được gắn liền với mặt trời mọc, là biểu tượng cho sự ra đời và hồi sinh. Cũng vì cách diễn giải này, nó thông thường được nhắc đến như là ngọn núi linh thiêng nhất.

Ngũ nhạc được sắp xếp theo bốn hướng chính và trung tâm của vùng đất Trung Hoa cổ đại. Các rặng núi trong nhóm này bao gồm:

- a. Hướng Bắc: Hằng Sơn, thuộc tỉnh Sơn Tây.
- b. Hướng Nam: Hành Sơn, thuộc tỉnh Hồ Nam.
- c. Hướng Đông: Thái Sơn, thuộc tỉnh Sơn Đông.
- d. Hướng Tây: Hoa Sơn, thuộc tỉnh Thiểm Tây.
- e. Trung tâm: Tung Sơn, thuộc tỉnh Hà Nam.

(18) **Ngũ tạng:** Tâm, can, tỳ, phế, thận.

(19) **Ngũ phương:** Chỉ cho năm phương Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương.

(20) **Ngũ trược:** Năm thứ cặn đục khởi lên trong kiếp giảm. Theo thuyết của kinh *Bí Hoa, quyển 5, Pháp Uyển Châu Lâm, quyển 98*, ngũ trược chỉ cho:

- a. Kiếp trược: Vào thời kiếp giảm. lúc tuổi thọ con người rút ngắn lại còn ba mươi tuổi thì nạn đói kém xảy ra, lúc giảm còn hai mươi tuổi thì nạn bệnh tật xảy ra; lúc giảm còn mười tuổi thì nạn chiến tranh xảy ra, tất cả chúng sinh trong thế giới đều bị hại.
- b. Kiến trược: Chánh pháp đã diệt, tượng pháp dần dần khởi, tà pháp bắt đầu sinh, tà kiến tăng mạnh, làm cho con người không tu tập pháp lành.
- c. Phiền não trược: Chúng sinh nhiều ái dục, tham lam bòn sẻn, thích đấu tranh đua mịnh, dối trá, tiếp nhận tà pháp, nên tâm thần bị nhiễu loạn.
- d. Chúng sinh trược: Chúng sinh phần nhiều độc ác, không hiếu kính cha mẹ, người lớn tuổi, không sợ quả báo ác, không tạo công đức, không tu huệ thí, không giữ gìn trai giới.

e. Mạng trước: Thời xưa con người thọ tám vạn tuổi, đời nay do ác nghiệp tăng trưởng nên tuổi thọ giảm dần, người trăm tuổi rất hiếm.

Trong năm trước thì Kiếp trước là Tổng, bốn trước còn lại là Biệt. Trong bốn trước thì Kiếp trước và Phiền não trước làm tự thể mà tạo thành Chúng sinh trước và Mạng trước.

(21) **Cửu phẩm:** Chín bậc: Thượng thượng, Thượng trung, Thượng Hạ; Trung thượng, Trung trung, Trung hạ; và Hạ thượng, hạ trung, Hạ hạ. Thuật ngữ thường dùng là cửu phẩm vãng sanh, Cửu phẩm Tịnh Độ, Cửu phẩm đại y, Cửu phẩm hoặc.

(22) **Thập địa:** Cũng gọi là Thập trụ, chỉ cho mười địa vị.

Thập địa chung cho Tam thừa: thuyết này có xuất xứ từ kinh *Đại Phẩm Bát Nhã, quyển 6, 17*. Vì Thập địa này chung cho cả Tam thừa, nên gọi là Tam thừa công Thập địa, hoặc Cộng Thập địa, Cộng địa. Tông Thiên Thai gọi là Thông giáo Thập địa. Trong *Pháp Hoa Huyền Nghĩa, quyển 4 Hạ, và Ma Ha Chỉ Quán, quyển 6 Thượng*, ngài Trí Khải giải thích ý nghĩa của Thập địa này như sau:

a. *Can Tuệ địa:* Cũng gọi là Quá Duyệt Tịnh địa, Tịch Nhiên Tịch Kiến Hiện Nhập địa, Siêu Tịnh Quán Địa, Kiến Tịnh địa, Tịnh Quán địa, nghĩa là địa vị này chỉ có tuệ chứ chưa có định, tương đương với giai vị của Tam hiền của Thanh văn và giai vị của Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến trước khi được thuận nhẫn.

b. *Tánh địa:* Cũng gọi là Chủng Tánh địa, Chủng địa, tức địa vị tương đương với giai vị Tứ thiện căn của Thanh văn và giai vị Thuận nhẫn của Bồ tát, tuy đảm trước thật tướng các pháp, nhưng không sinh tà kiến, đầy đủ trí huệ và thiền định.

c. *Bát Nhân địa:* Cũng gọi là Đệ Bát địa, Bát địa. Nhân nghĩa là nhẫn, tương đương với mười lăm tâm kiến đạo của Thanh văn và Vô sinh Pháp nhẫn của Bồ tát.

d. *Kiến địa:* Cũng gọi là Cụ Kiến địa, tương đương với quả Tu đà hoàn của Thanh văn và địa vị A Bệ Bạt Trí (Bất thối chuyển) của Bồ tát.

e. *Bạc địa:* Cũng gọi là Nhu Nhuyễn địa, Vi Dục địa, tức là giai vị đã đoạn trừ một phẩm trong chín phẩm tu hoặc (phiền não) ở cõi Dục, tức quả Tu đà hoàn hoặc Tư đà hàm; cũng chỉ cho địa vị Bồ tát đã đoạn trừ phiền não, nhưng vẫn còn các tập khí mỏng (bạc), tức địa vị từ A Bệ Bạt Trí trở lên cho đến trước quả Phật.

f. *Ly Dục địa:* Cũng gọi là Ly Tham địa, Diệt Dâm Nộ Si địa, tức giai vị Thanh văn

diệt hết phiền não ở cõi Dục, được quả A na hàm và địa vị Bồ tát là dục, được năm thần thông.

g. *Dĩ Tác địa*: Cũng gọi là Sở Tác Biện địa, Dĩ Biện địa, tức địa vị Thanh văn được Tận trí, Vô sinh trí, chứng đắc A la hán quả, hoặc Bồ tát thành tựu Phật địa.

h. *Bích Chi Phật địa*: Duyên giác quán xét mười hai nhân duyên mà thành đạo.

i. *Bồ Tát địa*: Chỉ cho các địa vị từ Can Tuệ địa cho đến Ly Dục địa đã nói ở trên, hoặc chỉ cho Hoan Hỷ địa cho đến Pháp Vân địa (từ sơ phát tâm ho đến Kim cang Tam muội) sẽ nói ở sau, tức địa vị Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến khi thành đạo.

j. *Phật địa*: Chỉ cho địa vị hoàn toàn đầy đủ các pháp của chư Phật như Nhất Thiết Chủng Trí.

Theo *Luận Đại Trí Độ, quyển 75*, thì hàng Bồ tát Tam thừa cộng vị này nương vào trí vô lậu, đoạn trừ hết nghi hoặc mà khai ngộ, như ngọn đèn tâm được thắp lên không nhất định là ngọn lửa đầu tiên hay ngọn lửa sau cùng, sự đoạn hoặc của hàng Thập địa cũng thế, không cố định ở bất cứ một địa nào, mà là mỗi địa đều đưa đến quả Phật, vì thế mà ví dụ Thập địa như việc đốt đèn.

(23) **Sa Di**: Người nam xuất gia trong tăng đoàn Phật giáo, đã thọ mười giới, chưa thọ cụ túc giới.

Sa Di cự dịch là "tức từ". "Tức" là chấm dứt, quyết tâm chấm dứt kiếp số hệ lụy và khổ đau. "Từ" là thương yêu mọi người và mọi loài bằng trái tim của vị Bồ tát, không vướng mắc, không phân biệt. Tân dịch là "cần sách" nghĩa là chuyên cần và luôn luôn được nhắc nhở. Sa Di cũng có nghĩa là "cầu tịch" (theo ngài Nghĩa Tịnh), nghĩa là mong cầu đạt đến quả vị Niết bàn, chấm dứt mọi vọng tưởng phiền não.

Theo luật *Ma Ha Tăng Kỳ 29*, căn cứ vào tuổi tác thì Sa Di được chia làm ba loại:

a. *Khu ô Sa Di* từ bảy tuổi đến mười ba tuổi, đã có thể đuổi chim qua trên sân khi phơi lúa gạo.

b. *Ứng pháp Sa Di* từ mười bốn đến mười chín tuổi, có khả năng làm những việc khó nhọc, hầu thầy và có khả năng tu tập, ngồi thiền, tụng kinh.

c. *Danh tự Sa Di*: tuổi đã quá hai mươi nhưng chưa thọ cụ túc giới, vẫn còn là Sa Di.

Trong Tăng đoàn Phật giáo, vị Sa Di đầu tiên là La Hầu La. Đến đời sau, gọi Sa Di thọ trì mười giới là Pháp đồng Sa Di, còn người cạo tóc nhưng chưa thọ mười giới gọi là Hình đồng Sa Di. Ngoài ra, Nhật Bản có danh từ "Tại gia Sa Di" là chỉ cho người tu hành xuất gia mà có vợ con.

(24) **Nhị thừa:** Hai cỗ xe, vì dụ giáo pháp của đức Phật có công năng vận chuyển chúng sinh đến quả vị giác ngộ giải thoát. Giáo pháp có hai loại nên gọi là Nhị thừa.

a. Đại thừa và Tiểu thừa: Giáo pháp đức Phật nói trong một đời được chia thành Đại thừa và Tiểu thừa khác nhau. Tiểu thừa là giáo pháp Phật nói cho hàng Thanh văn, Duyên giác; còn Đại thừa là giáo pháp Phật nói cho hàng Bồ tát.

b. Thanh văn thừa và Duyên giác thừa:

- Thanh văn thừa: Trực tiếp nghe đức Phật nói pháp, nương vào lý Tứ Đế mà giác ngộ.

- Duyên giác thừa: Không trực tiếp nghe đức Phật nói pháp, chỉ tự mình quán xét lý mười hai nhân duyên mà được giác ngộ.

VĂN KHUYÊN PHÁT TÂM BỒ ĐỀ ĐẠI SƯ THẬT HIỀN SOẠN (Phần bổ sung)

Thật Hiền tôi, một sư tăng phàm phu, hư hèn ngu muội, dập đầu lạy khóc, rớm máu quanh mi, van xin đại chúng hiện tiền, cùng tín hữu nam nữ mai hậu, cúi xin quý vị xót thương, ghé tai nghe xét.

Từng nghe: cửa yếu vào đạo lấy sự phát tâm làm đầu, việc cấp thiết tu hành lấy sự lập nguyện làm trước. Nguyện có lập thì chúng sinh mới độ nổi, tâm có phát thì đạo mới tự thành. Nếu tâm rộng lớn không phát, nguyện kiên cố không lập, dù trải qua trăm kiếp ngàn đời, vẫn cứ quanh quẩn trong vòng luân hồi mãi mãi. Dù có gia công tu hành, cũng chỉ nhọc công vô ích, đắng cay vẫn hoàn đắng cay.

Cho nên, kinh *Hoa Nghiêm* nói: "*Quên mất tâm Bồ đề mà tu hành các thiện pháp, gọi là việc làm của ma*". Quên mất còn như thế, huống nữa là chưa phát? Cho nên biết rằng, muốn học đạo Như Lai, trước hết phải phát nguyện Bồ đề, không thể trì hoãn, chần chừ được.

Nhưng tâm nguyện có nhiều tướng trạng khác nhau, nếu không trình bày biết đâu mà

hướng tới? Nay vì đại chúng, xin nói tóm lược. Tướng trạng của tâm nguyện có tám, đó là: tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên.

Ở đời, có người sau khi vào chùa tu, nhưng chẳng xét tâm mình, chỉ chuyên lo những việc bên ngoài: hoặc cầu sướng thân, hoặc ham nổi tiếng, hoặc ưa thích dục lạc thế gian, hoặc cầu mong quả vui mai hậu. Phát tâm như thế, đích thật là tà.

Danh lợi không ham, quả vui chẳng thiết, chỉ mong giải thoát, đạt đạo Bồ đề. Phát tâm như thế, được gọi là chánh.

Niệm niệm liên tục, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Nghe Phật đạo cao siêu, không sinh sầu lo thoái chí; thấy chúng sinh khó độ, không sinh mệt mỏi sờn lòng. Như trèo núi cao muôn trượng, quyết lên thâu đỉnh; như leo tháp lớn chín tầng, phải leo tận nóc. Phát tâm như thế, được gọi là chân.

Có tội không sám hối, có lỗi không dứt trừ. Ngoài sạch trong dơ, trước siêng sau trễ. Tâm tuy tốt đấy, nhưng phần lớn bị danh lợi xen lẫn. Pháp tuy hay đấy, nhưng oan uổng vì bị vọng nghiệp nhuộm bẩn. Phát tâm như thế, đích thị là ngụy.

Cõi chúng sinh hết, nguyện tôi mới hết; đạo Bồ đề thành, nguyện tôi mới mãn. Phát tâm như thế, được gọi là đại.

Xem ba cõi như lao ngục, nhìn sinh tử tựa oan gia, chỉ mong tự độ, không muốn độ người. Phát tâm như thế, chính là tiểu.

Ngoài tâm nếu thấy có chúng sinh cần độ, có Phật đạo mong thành, công phu không xả, thấy biết không tan. Phát tâm như thế, chính là thiên.

Nếu biết tự tánh là chúng sinh, nên nguyện độ thoát. Tự tánh là Phật đạo, nên nguyện tu hành. Không có pháp nào ngoài tâm riêng có. Đem tâm hư không mà phát nguyện hư không, tu hạnh hư không, chứng quả hư không. Cũng không có tướng hư không, có thể đắc chứng. Phát tâm như thế, được gọi là viên.

Biết được tám tướng khác nhau trên đây là biết cứu xét. Biết cứu xét là biết lấy bỏ. Biết lấy bỏ là biết phát tâm. Cứu xét như thế nào? Đem tâm mình ra để cứu xét, so với tám tướng nói trên để biết tâm mình là chánh, là tà, là chân, là ngụy, là đại, là tiểu, là thiên hay viên. Lấy bỏ thế nào? Bỏ tà, bỏ ngụy, bỏ tiểu, bỏ thiên. Lấy chánh, lấy chân, lấy đại, lấy viên. Phát tâm như thế mới gọi chân chánh phát tâm Bồ đề.

Tâm Bồ đề này là pháp lành hàng đầu trong các pháp lành. Phát khởi được tâm ấy hẳn phải có nhân duyên. Tóm gọn có mười nhân duyên phát khởi.

1. Nhớ nghĩ ơn nặng của Phật.
2. Nhớ nghĩ công ơn cha mẹ.
3. Nhớ nghĩ công ơn sư trưởng.
4. Nhớ nghĩ công ơn thí chủ.
5. Nhớ nghĩ công ơn chúng sinh.
6. Nhớ nghĩ khổ đau sinh tử.
7. Tôn trọng tánh linh của mình.
8. Sám hối nghiệp chướng đã gây.
9. Nguyên cầu vãng sinh Tịnh độ.
10. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

1. Thế nào là nhớ nghĩ ơn nặng của Phật?

Đức Thế Tôn Thích Ca Như Lai chúng ta khi mới phát tâm, vì tất cả chúng sinh tu Bồ tát đạo, trải vô lượng kiếp, nếm đủ mọi điều cay đắng gian lao. Khi ta tạo nghiệp, đức Phật rất xót thương, tìm cách giáo hóa, nhưng ta ngu si, chẳng chịu nghe theo. Ta đọa Địa ngục, Phật lại càng thương, muốn thay chịu khổ, nhưng ta nghiệp nặng, không phương cứu vớt. Ta sinh cõi Người, Phật dùng phương tiện, giúp trồng căn lành. Đời đời kiếp kiếp, Ngài luôn theo dõi từng tâm niệm, cứu vớt chúng sinh không lúc nào bỏ sót. Khi Phật xuất thế, ta còn chìm đắm, nay được làm người thì Phật đã diệt. Tội lỗi chi khiến ta sinh vào thời mạt pháp, phước đức nào mà ta được dự vào hàng ngũ xuất gia? Nghiệp chướng chi khiến ta không được thấy thân vàng của Phật, may mắn nào xui ta được thấy xá-lợi như vậy? Suy nghĩ như thế thì mới rõ lẽ: giả sử quá khứ không trồng thiện căn, làm sao hôm nay có thể được nghe Phật pháp?

Không nghe Phật pháp, làm sao biết mình thường thọ nhận ân của Phật? Ân đức ấy non sâu khó sánh. Trừ phi tự mình phát tâm rộng lớn, hành đạo Bồ tát, xây dựng đạo tràng, cứu độ chúng sinh; còn không thì dù cho thịt nát xương tan, cũng khó mà đền đáp xứng đáng. Đó là nhân duyên thứ nhất của sự phát tâm Bồ đề.

2. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn cha mẹ?

Thương thay cha mẹ, sinh ta nhọc nhằn! Mười tháng cư mang, ba năm bú mớm. Bên ướm mẹ nằm, bên ráo con lăn; ngậm đắng nuốt cay, ngọt bùi chẳng tưởng. Khổ công nhường ấy, ta mới thành người. Hy vọng về sau, tiếp nối gia phong, lo phần tế tự. Vậy mà, nay ta lại đi xuất gia, lạm xưng Thích tử, nhục hiệu Sa môn. Ngọt bùi không cung cấp, giỗ chạp chẳng lo toan. Lúc còn sống ta đã không chu toàn được miếng cơm manh áo, khi chết rồi ta lại chẳng đủ sức tiếp dẫn giác linh. Đối với thế gian là kẻ sống thừa, về mặt xuất thế cũng chẳng ích chi. Hai đường đều mất, tội nặng khó thoát. Suy nghĩ như thế, chỉ còn một cách là thường hành Phật đạo trong trăm kiếp ngàn đời, để cha mẹ nhiều kiếp đều được siêu thăng, không những cha mẹ một người mà cha mẹ của tất cả đều được cứu vớt. Đó là nhân duyên thứ hai của sự phát tâm Bồ đề.

3. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn sư trưởng?

Cha mẹ tuy sinh ta, nuôi ta khôn lớn, nhưng nếu không có sư trưởng thế gian thì lễ nghĩa không biết; không có sư trưởng xuất thế gian thì Phật pháp không hay. Không biết lễ nghĩa thì có khác chi cầm thú, không tin Phật pháp ắt đồng với người phàm. Ngày nay, chúng ta có biết sơ qua ít nhiều về Phật pháp, lễ nghĩa cũng biết tạm đủ. Thân phủ ca sa, mình đượm giới phẩm. Công ơn lớn ấy chính nhờ sư trưởng mà có.

Nếu cầu quả nhỏ, chỉ được lợi mình. Nay theo Đại thừa, nguyện đem lợi lạc đến khắp quần sinh, thì sư trưởng thế gian và sư trưởng xuất thế, cả hai đều được lợi ích, do ta cúng hiến. Đó là nhân duyên thứ ba của sự phát tâm Bồ đề.

4. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn thí chủ?

Chúng ta ngày nay, đồ vật dùng hằng ngày chẳng phải do ta tự cấp. Cháo cơm ba bữa, quần áo bốn mùa, thuốc men trị bệnh, chi phí linh tinh... hết thảy đều do sức lực của kẻ khác làm ra, mang đến cho ta chi dùng. Họ thì dốc sức cày cấy, bụng chẳng đủ no; ta thì ngồi không an hưởng, mà lòng vẫn còn chưa thỏa. Họ thì đan dệt không ngừng tay, suốt đời gian khổ; ta thì may mặc đến thừa mứa, đâu biết tiếc thương. Họ thì nhà tranh vách lá, nghèo khó suốt đời; ta thì sân rộng nhà dài, thông thả quanh năm. Đem sức lao nhọc của họ để cung cấp cho sự sống an nhàn của ta, lòng sao yên được? Lấy cái lợi của người để bồi dưỡng thân ta sung sướng, như vậy xét theo lý, thì có thuận không? Nếu chẳng phải mình vận dụng hai đức bi trí, trang nghiêm hai quả phước tuệ để tín thí nương nhờ ơn đức, chúng sinh thọ nhận ân sung, thì dù gạo chỉ một hạt, vải chỉ một ô, mà mình đã thọ cúng trước kia, đến nay đều phải trả đủ, không thì ác báo khó trốn. Đó là nhân duyên thứ tư của sự phát tâm Bồ đề.

5. Thế nào là nhớ nghĩ công ơn chúng sinh?

Ta với chúng sinh, từ bao kiếp trước, hết đời nợ qua đời kia, từng làm cha mẹ của nhau. Ơn nghĩa qua lại, nhiều lớp nhiều tầng. Nay vì cách đời, cho nên hôn mê không nhận ra nhau. Cứ lý ấy mà suy, thì sao không biết đền đáp! Nay là loài mang lông đội sừng, biết đâu xưa kia không là con ta? Nay là loài bò, bay, máy, cựa, biết đâu xưa kia chẳng phải là cha mẹ ta? Thường thấy bao người, khi trẻ lìa xa gia đình, lúc lớn trở về dung mạo đổi khác không thể nhận ra. Huống nữa cha mẹ đời trước của ta, ngày nay kẻ thì họ Trương, người thì họ Vương, làm sao nhớ được? Họ đang gào thét trong Địa ngục, hoặc đang ngất ngư trong chốn Ngạ quỷ. Khổ đau ai biết, đói khát kêu ai? Ta tuy không thấy không nghe, nhưng họ thì luôn cầu xin cứu vớt. Nếu chẳng phải kinh điển thì không chỗ nào có thể nói rành việc ấy, nếu chẳng phải đức Phật thì không ai tả rõ cảnh này. Hạng người tà kiến không sao biết nổi! Bồ tát nhìn sâu kiến, thấy toàn

là cha mẹ quá khứ và chư Phật vị lai, cho nên thường nhớ cách giúp đỡ để báo đền ơn chúng. Đó là nhân duyên thứ năm của sự phát tâm Bồ đề.

6. Thế nào là nhớ nghĩ khổ đau sinh tử?

Ta cùng chúng sinh từ bao kiếp trước, sinh tử quẩn quanh, chưa hề thoát khỏi. Khi ở cõi Trời, lúc sinh cõi Người. Nơi kia chốn nọ, ra vào muôn lối, lên xuống nửa giây. Thoáng chốc làm Trời, thoáng chốc làm Người, thoáng chốc chui vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh. Cổng đen sáng ra chiều vào, hang sắt mới khép đã mở. Leo lên núi đao thì không còn mảnh da nguyên vẹn; vịn vào kiếm bén thì da thịt đều bị rách tan. Hoàn sắt nóng không trừ được đói, nuốt vào rồi gan ruột nát tan; nước đồng sôi không giải được khát, uống vào rồi xương thịt chín như. Cửa bén xả thầy, đứt xong liền nối; gió nghiệp thổi vào mặt, chết rồi lại sinh. Trong thành rực lửa, thảm thể tiếng hét rú lên; trên bàn xào nướng, tê tái tiếng gào vang vọng. Bằng giá đồng lại thì thân hình xanh như sen xanh kết nhụy, máu thịt rửa ra thì mình mẩy đỏ tựa sen hồng trở hoa. Trong chốn Địa ngục, một đêm chết sống kể vạn lần; một buổi thọ hình chốn U minh so với nhân gian thì lâu tròn thế kỷ. Bao phen lính ngục ra tay nhọc mệt, nào ai chịu tin lời Diêm chúa răn khuyên. Lúc thọ hình mới kêu van khổ, nhưng dù hối cũng chẳng kịp nữa. Khi thoát rồi thì vội quên ngay, vẫn nghiệp cũ lại gây như trước. Xua heo vào lò mổ, nào ngờ cha mình sắp rã thầy. Ăn thịt con mà không biết, ăn thịt cha mà chẳng hay, vua Văn Vương còn như thế thì phàm phu cũng thế thôi. Năm xưa ân ái, nay thành oan gia; thưở trước oán cừu, nay thành ruột thịt. Đời trước là mẹ, mà nay là vợ; thưở xưa là cha, nay lại là chồng. Lấy Trí tức mạng mà soi, thật đáng hổ thẹn biết mấy; dùng Thiên nhãn mà nhìn, thấy đáng chán, đáng cười biết bao! Trong bụng đầy phần, mười tháng rúc chui, hết còn chịu nổi; qua đường ngập máu, một phen lộn ngược sinh ra, đáng thương biết mấy! Nhỏ đại biết chi, kia đây chẳng rõ, lớn khôn dần hiểu, tham dục bèn sinh. Loáng thoáng mới đó, già đau đã tới, chẳng mấy chốc cơn vô thường lại đến tìm. Gió lửa trong lúc giao tranh, thần thức tơ bời rối loạn. Khí huyết bên trong với cạn, xương thịt bên ngoài teo khô. Không một kẽ chân lông nào không bị kim đâm, không một nơi khiếu huyết nào không bị dao cắt. Rùa già đem nấu, lột được vỏ ra, e rằng còn dễ; thần thức sắp đi, phải lìa khỏi xác, khó gặp bội phần! Tâm không thường làm chủ, giống kẻ lái buôn khắp nơi rong ruổi; thân không hình cố định, khác nào phòng ốc nay đổi mai thay. Chỉ như mảy bụi ở trong ba ngàn cõi, thân nọ quay cuồng, nhấp nhô như sóng bốn biển, qua lại vô tận vô cùng, nước mắt ly biệt trào dâng kể sao cho xiết! Xương chồng chất vượt quá núi cao, thịt chứa nhóm nhiều hơn đất dày. Giả sử không được nghe lời Phật dạy, việc như thế ai thấy ai nghe. Không được xem kinh Phật, thì lý đó ai hay ai biết? Vậy mà có kẻ vẫn tham luyện như xưa, si mê không bỏ. Chỉ e ngàn đời muôn kiếp, một lầm trăm lần, dây dưa trăm kiếp. Thân người khó được mà dễ mất, vận may dễ qua mà khó tìm. Âm cảnh mờ mịt, ly biệt dài lâu. Ác báo ba đường, rồi phải tự chịu. Khổ không thể nói, ai chịu thay cho? Nhân nói đến đây, thật cảm thấy trong lòng lạnh lùng đau xót. Cho nên, phải dứt dòng

sinh tử, thoát biển ái dục, mình người cùng thoát, bờ giác cùng lên. Công lao muôn kiếp, chính được bắt đầu từ buổi hôm nay. Đó là nhân duyên thứ sáu của sự phát tâm Bồ đề.

7. Thế nào là tôn trọng tánh linh của mình?

Tâm của chúng ta trong hiện tiền, so với đức Thế Tôn Thích Ca không hai không khác. Thế thì, vì sao Thế Tôn đã thành Chánh Giác từ vô lượng kiếp, còn chúng ta thì vẫn điên đảo hôn mê làm phàm phu? Lại nữa, Thế Tôn có đủ vô lượng thần thông trí tuệ, công đức trang nghiêm; còn chúng ta chỉ có vô lượng phiền não, nghiệp chướng, sinh tử buộc chặt? Tâm tánh chỉ một, do mê ngộ nên cách xa như trời vực. Cứ im lặng mà suy ngẫm lại xem, há chẳng thấy đáng xấu hổ sao? Ví như ngọc báu vô giá rơi xuống bùn nhơ, thì cũng xem giống như là ngói gạch, chẳng còn quý báu. Cho nên, phải dùng vô lượng thiện pháp để đối trị vô lượng phiền não. Có gia công tu đức, thì tánh đức mới sáng ra. Như ngọc báu được lau chùi, đem treo lên phướn cao thì tỏa ánh sáng rực chiếu, soi khắp tất cả. Thế mới đáng gọi là không phụ sự giáo hóa của Phật, chẳng phụ tánh linh của mình. Đó là nhân duyên thứ bảy của sự phát tâm Bồ đề.

8. Thế nào là sám hối nghiệp chướng?

Kinh dạy: "*Phạm một giới nhỏ, bị đọa Địa ngục lâu bằng năm trăm tuổi thọ của cõi trời Tứ thiên vương*". Cát La tội nhỏ mà còn như thế, huống nữa tội nặng thì quả báo lớn thật là khó nói? Trong nếp sống hàng ngày, một cử chỉ, một hành động của chúng ta thường trái với luật Phật! Khi ăn, lúc uống phạm giới bao phen! Kể cả các điều vi phạm, chỉ trong một ngày cũng đã vô lượng, huống nữa trọn đời nhiều kiếp, tội lỗi gây ra thì khó mà nói hết! Chỉ lấy riêng Ngũ giới mà nói, cứ mười người giữ đã hết chín người phạm. Phát lộ thì ít, che dấu thì nhiều. Ngũ giới là giới tại gia còn không giữ nổi; huống nữa các giới Sa di, Tỷ kheo, Bồ tát, thôi khỏi bàn đến! Hỏi đến danh nghĩa thì tự xưng ta là Tỷ kheo; nhưng xét về thực chất, thì chưa xứng để làm một Phật tử! Há chẳng đáng hổ thẹn sao? Nên biết rằng, giới Phật không thọ thì thôi, đã thọ rồi thì không được hủy phạm; không phạm thì thôi, đã phạm rồi thì khó tránh sa đọa. Nếu không vì xót thương mình, thương người, mà lệ rơi theo tiếng thiết tha, thân quý lạ thăm thiết, cùng với chúng sinh cầu xin sám hối, thì dù ngàn đời muôn kiếp ác báo khó bề tránh khỏi. Đó là nhân duyên thứ tám của sự phát tâm Bồ đề.

9. Thế nào là cầu sinh Tịnh độ?

Tu hành ở cõi này rất khó tiến đạo, nhưng được vãng sinh cõi kia thì việc thành Phật lại dễ dàng. Vì dễ dàng nên một đời có thể đạt được; vì quá khó cho nên muôn kiếp chưa chắc tự thành. Vì vậy, Thánh Hiền đời trước, các vị đều thú hướng về đây; ngàn kinh muôn luận, chỗ nào cũng giải bày nghĩa này. Việc tu hành trong đời mạt pháp

không còn pháp nào hơn được pháp ấy. Song, kinh nói rằng: "*Ít cần lành khó được vắng sinh, nhiều phước đức mới về cõi Tịnh*". Nói phước đức dày, không chi bằng chấp trì danh hiệu; nói điều lành nhiều, phát tâm rộng lớn chiếm ưu tiên. Cho nên, chấp trì danh hiệu trong chốc lát, hơn hẳn công đức bố thí cả trăm năm; vừa phát được tâm Bồ đề rộng lớn, liền vượt trội công đức tu hành trong nhiều kiếp. Bởi vậy, niệm Phật là mong ước làm Phật, nếu tâm lớn không phát thì niệm cũng chẳng ích chi. Phát tâm là nhằm mục đích tu hành, nếu Tịnh độ không sinh thì tuy có phát tâm, nhưng cũng dễ thối chuyển. Thế thì gieo giống Bồ đề, phải cày bằng lưỡi cày niệm Phật, đạo quả tự nhiên tăng trưởng. Cõi thuyền đại nguyện, vào được biển lớn Tịnh độ, quyết định vắng sinh Tây Phương. Đó là nhân duyên thứ chín của sự phát tâm Bồ đề.

10. Thế nào là làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài?

Thế Tôn từ vô lượng kiếp, vì tất cả chúng ta mà tu đạo Bồ đề. Ngài làm được việc khó làm, nhẫn được điều khó nhẫn. Cho nên, khi nhân quả tròn đủ, Ngài mới thành Phật. Sau khi thành Phật, giáo hóa hoàn tất, Ngài vào Niết bàn. Nay thời chánh pháp đã qua, thời tượng pháp đã hết; dù Phật và pháp vẫn còn đó, mà không có người tu hành. Tà chánh chẳng phân, phải trái lẫn lộn. Tranh đua nhân ngã, toàn phường lợi danh. Ngước mắt nhìn quanh, mọi người đều như vậy, chẳng ai thoát khỏi. Mịt mù chẳng biết Phật là ai? Pháp là gì? Tăng nghĩa ra sao? Suy tàn đến thế, không thốt nên lời! Nhưng mỗi khi nghĩ đến những việc ấy, thì bất giác lệ tuôn. Ta là Phật tử mà không thể đền đáp công ơn Phật? Trong vô ích cho mình, ngoài chẳng lợi cho người. Sống vô ích cho đời, chết vô ích cho hậu thế. Trời tuy cao không che nổi ta, đất tuy dày không chở nổi ta. Người mang tội nặng, không phải ta thì là ai? Do đó, lòng đau không thể chịu nổi, toan tính cũng chẳng đề xuất được kế gì. Bỗng nhiên, vụt quên rằng mình quê mùa, chợt phát tâm trí rộng lớn. Tuy chưa thể kéo mạt vận trở lại ngay trong lúc này, nhưng quyết định phải hộ trì được chánh pháp mai sau. Cho nên, cùng các Thiện hữu dắt nhau đến đạo tràng, soạn thuật sám pháp, lập pháp hội này. Phát bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng nhằm hóa độ chúng sinh, cầu trăm ngàn kiếp thâm tâm, tâm nào cũng hướng đến chỗ làm Phật. Kể từ hôm nay cho đến tận cùng đời vị lai, thề hết thân này, thề quyết phải sinh về An Dưỡng. Sau khi lên xong chín phẩm, trở lại Ta Bà(25), khiến cho mặt trời Phật pháp sẽ được sáng lại, cửa vào chánh pháp phải được mở toang. Tăng chúng thanh tịnh ở cõi này, nhân dân được độ khắp tất cả. Kiếp vận nhờ đó kéo dài, chánh pháp do đây bền vững. Đây là tâm nguyện chân thành, từng được thiết tha ấp ủ! Đó là nhân duyên thứ mười của sự phát tâm Bồ đề.

Như vậy, mười duyên đã biết, tám tướng đã rõ. Thú hướng có lối, khai phát có nơi. Chúng ta đã được làm người, được ở đất có văn hóa, sáu căn không thiếu, cơ thể mạnh khỏe, đầy đủ tín tâm, may mắn không gặp ma chướng. Huống nữa còn được xuất gia, thọ giới Cụ túc, được gặp đạo tràng, được nghe Phật pháp, được tu sám

pháp, được gặp bạn lành, được đủ duyên may. Như thế, nếu hôm nay không chịu phát tâm rộng lớn thì đợi đến bao giờ?

Cúi xin đại chúng xót thương cho tấm lòng thành ngu muội của tôi, thương tiếc xét cho cái chí nguyện khổ sở của tôi, để cùng nhau cùng lập nguyện ấy, cùng phát tâm này. Ai chưa phát thì nay phát, ai phát rồi thì nên tăng trưởng, ai tăng trưởng rồi thì nay cứ tiếp tục. Đừng thấy khó mà sợ hãi lùi bước, đừng cho dễ mà khinh thường, đừng ham mau mà không giữ được bền lâu, đừng lười nhác mà mất lòng dũng mãnh, đừng rụt rè mà giảm khí thế đang lên, đừng vì chần chừ mà hẹn nay, hẹn mai. Đừng tự cho mình ngu mà buông thả tất cả, đừng vì căn cơ chậm lụt mà mặc cảm rằng mình không được dự phần. Ví như trồng cây, trồng lâu thì rễ càng ăn sâu. Lại ví như mài dao, mài hoài thì dao cùn cũng phải bén. Đâu nên vì cạn mà không trồng, để mặc cho cây khô héo; hay vì cùn mà không mài, để mặc cho dao sét rỉ, thành vật vô dụng. Lại nữa, nếu bảo tu là khổ, đâu biết lười biếng lại khổ hơn. Tu chỉ nhọc nhất thời mà an vui vĩnh viễn, lười biếng thì tạm thông thả một đời mà chịu khổ muôn kiếp. Huống nữa, lấy pháp môn Tịnh độ làm tàu thuyền, thì lo gì thối chuyển; lại thêm có trí tuệ vô sinh làm sức đẩy, thì ngại gì gian nan. Nên biết, tội nhân ở Địa ngục còn phát tâm Bồ đề từ kiếp trước; nay được làm người lại là Phật tử, sao không lập đại nguyện ngay trong đời này?

Vì hôn mê từ bao kiếp trước, nên những gì qua rồi không thể cản ngăn. Nhưng ngày nay đã tỉnh ngộ, thì những gì sắp đến còn có thể đón bắt. Còn nếu mê mà chưa tỉnh đương nhiên là việc đáng thương, nhưng biết mà không làm mới thật là điều đáng tiếc. Nếu sợ cái khổ Địa ngục thì tự sinh khởi tinh tấn, nếu nghĩ cái chết gần kề thì sẽ không còn lười nhác.

Lại nữa, phải lấy Phật pháp làm roi giục, lấy bạn lành làm tay dắt. Vội mấy cũng không rời, trọn đời luôn bám chặt. Như vậy, không còn lo gì thối chuyển nữa. Chớ bảo rằng một niệm chẳng đi đến đâu, đừng cho rằng nguyện sông chẳng ích gì. Tâm chân thì việc thật, nguyện rộng lớn thì tâm hạnh sâu xa. Hư không chẳng có rộng lớn, tâm vương mới là rộng lớn; kim cương chẳng bền chắc, chỉ nguyện lực mới bền chắc.

Nếu đại chúng thật tâm, không vớt bỏ lời tôi, thì xin nguyện cùng làm quyến thuộc Bồ đề, bạn lành Tịnh độ. Nguyện cùng sinh Tịnh độ, cùng thấy Di Đà, cùng độ chúng sinh, cùng thành Chánh Giác.

Biết đâu, ba mươi hai tướng tốt và trăm phước trang nghiêm sau này, chẳng phải bắt đầu từ buổi phát tâm lập nguyện hôm nay! Nguyện cùng đại chúng cùng nhau gắng sức!

Rất mong lắm thay! Rất mong lắm thay!

CHÚ THÍCH:

(25) **Ta Bà**: Chỉ cho thế giới Ta Bà, tức là thế giới hiện thực do đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa. Chúng sinh trong thế giới này làm mười điều ác, chịu đựng các phiền não mà không muốn lìa bỏ, vì thế gọi là nhân. Lại khi chư Phật, Bồ tát làm việc lợi lạc ở thế gian này, các ngài phải chịu mọi thứ phiền não, để biểu thị lòng vô úy và từ bi của các ngài, cũng gọi là nhân. Ta Bà còn được dịch là tạp ác, tạp hội, nghĩa là cõi Ta Bà là chỗ Tam ác, Ngũ thú tụ hội phức tạp.

Ngoài ra danh từ Ta Bà chỉ cho cõi Diêm Phù Đề, nơi cư trú của chúng sinh. Đời sau, Ta Bà trở thành một thế giới Tam thiên đại thiên do đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa, cho nên gọi chung thế giới có trăm ức núi Tu Di là Ta Bà.

8. Tin sâu nhân quả

Đã quyết định bước đi trên con đường huyền diệu, phải nên tẩy rửa tâm tư nơi đạo lớn, tin sâu nhân quả thế gian, xét rõ cội nguồn xuất thế. Muốn xét tận cùng nguồn cội, thì phải xét ở chỗ chính yếu; mà chỗ chính yếu phải từ nơi dụng, dụng ấy có lẽ lại từ nơi tâm chăng? Tâm bao gồm cả vạn hạnh, hội thông nơi muôn loài. Bởi lẽ, tâm không phải là pháp thường hằng, nên nương nơi thiện và ác mà thay đổi tác dụng. Vì tội và phước như bóng với hình nên nhân quả không trái nhau. Thế nên biết, đi vào cảnh mà động gọi đó là nhân; động mà sinh khởi ý thức gọi đó là duyên, duyên khởi thì nghiệp theo nhau, có nghiệp thì nhất định có quả báo. Do đó, những hành vi thiện ác là nhân của thế gian; còn Tam giới(26), Lục đạo(27), Cửu hữu (28), Tứ sinh(29) là quả của thế gian. Pháp môn niệm Phật là nhân xuất thế gian; cứu phẩm hóa sinh thành Phật nơi Tịnh Độ là quả của xuất thế gian.

Trong lòng hiểu rõ nhân quả như ở trên, do đó không ưa thích pháp thế gian. Đối với pháp xuất thế thì tâm hạnh không trái ngược, niệm niệm không quên Tịnh Độ, tâm tâm chẳng rời Di Đà. Làm sao biết được như thế? Vì hiện nay là nhân, lúc lâm chung là quả. Nên biết, nhân chân thật thì quả không hư dối.

Hai con đường thiện ác, hai quả báo khổ vui đều từ nơi ba nghiệp(30) tạo nên, bốn duyên(31) sinh ra, sáu nhân(32) làm thành, năm quả(33) thâm nhiếp. Nếu một tâm niệm sân hận hoặc tà dâm là nghiệp Địa ngục, xan tham không chân thật là nghiệp Ngạ quỷ; ngu si tầm tối là nghiệp Súc sinh; ngã mạn cống cao tức là nghiệp A tu la; giữ vững năm giới là nghiệp Người; tinh chuyên tu mười điều lành là nghiệp Trời; chứng ngộ nhân không là nghiệp Thanh văn; rõ lý duyên khởi là nghiệp Duyên giác; tu hành Lục độ(34) là nghiệp Bồ tát; chân thật, từ bi, bình đẳng là nghiệp Phật.

Nếu tâm thanh tịnh thì hóa sinh nơi cõi Tịnh, đài hương cây báu; tâm cấu uế thì thọ thân nơi thế giới nhơ xấu, gò nông, hầm hố. Đó đều là quả báo ngang nhau, vì hay

đồng cảm nên nhân duyên tăng trưởng mãi. Vì vậy, rời tự tâm, không có thể tánh nào khác. Kinh *Duy Ma* nói: "*Muốn được Tịnh Độ, chỉ cần thanh tịnh tâm mình*". Thế nên biết, tất cả đều trở về tâm, muôn pháp đều do nơi mình. Muốn thành tựu quả thanh tịnh, chỉ cần thực hành nhân thanh tịnh.

Hơn nữa, hạng Xiển Đề(35) do tà kiến sâu dày, nên nhất định phải rơi vào Địa ngục ngàn kiếp; vì chê bai bài bác rằng không có nhân quả, đó chính là quyến thuộc của ma. Nếu quán xét sự báo ứng giống như hình với bóng, tin có nhân quả rõ ràng, thì mới thấy thật là đáng kinh sợ!

*Khô qua đắng tới gốc
Dưa ngọt, ngọt tận rễ.*

CHÚ THÍCH:

(26) **Tam giới:** Chỉ cho Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới.

a. *Dục giới:* Thế giới của loài hữu tình có tính dâm dục, sắc dục và thực dục cư trú. Trên từ cõi trời Tha Hóa Tự Tại thứ sáu, giữa gồm bốn đại châu cõi người, dưới đến địa ngục Vô gián. Vì nam, nữ ở lẫn lộn, nhiều thứ dục nhiễm nên gọi Dục giới.

b. *Sắc giới:* Sắc có nghĩa là biến ngại hoặc thị hiện, là thế giới cư trú của loài hữu tình đã xa lìa dâm dục của cõi Dục, nhưng vẫn còn có sắc chất thanh tịnh. Cõi này ở phía trên cõi Dục, không có các thứ dục nhiễm, cũng không có thân nữ. Chúng sinh ở cõi này đều do hóa sinh, cung điện cao lớn, là do sự hóa sinh của sắc, tất cả đều thù thắng đẹp đẽ. Vì cõi vẫn còn sắc chất, nên gọi là Sắc giới. Cõi này tùy theo thiên định sâu cạn, thô diệu mà được chia làm bốn bậc, từ Sơ thiên Phạm Thiên cho đến A Ca Nị Tra Thiên, tất cả có mười tám tầng trời.

c. *Vô sắc giới:* Thế giới cư trú của loài hữu tình chỉ có thọ, tưởng, hành, thức, không có một vật gì là vật chất, cũng không có thân thể, cung điện, quốc độ, chỉ có tâm thức trụ trong thiên định sâu xa mẫu nhiệm, nên gọi là Vô sắc giới. Thế giới này ở phía trên cõi Sắc, có tất cả bốn tầng trời (Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Phi Tưởng Xứ) cũng gọi là Tứ vô sắc, Tứ Không xứ.

(27) **Lục đạo:** Chỉ cho sáu đường thọ sinh tùy theo nghiệp lực của chúng sanh:

- a. Địa ngục.
- b. Ngạ quỷ.
- c. Súc sinh.
- d. Tu la.

e. Người.

f. Trời.

Trong đó, ba đường trước gọi là ba ác đạo, ba đường sau gọi là ba thiện đạo.

(28) **Cửu hữu:** Chín chỗ cư trú của chúng hữu tình, tức trời, người nơi cõi Dục, trời Phạm Chúng, trời Cực quang Tịnh, trời Biến Tịnh, Trời Vô Tướng, trời Không Vô Biên, trời Thức Vô Biên, trời Vô Sở hữu, trời Phi Tướng Phi Phi tướng.

(29) **Tứ sinh:** Chỉ cho bốn loài hữu tình trong sáu đường thuộc ba cõi, gồm:

a. Noãn sinh: (Andajayoni) loài sinh ra từ trứng như: ngỗng, khổng tước, gà, rắn, cá, kiến.

b. Thai sinh (Jalabuja, còn gọi là Phúc sinh): Loài sinh ra từ thai mẹ, như người, ngựa, voi, trâu, bò, heo, dê, lừa...

c. Thấp sinh (Samsedaja, còn gọi là Nhân duyên, Hàn nhiệt hòa hợp sinh): Loài sinh ra từ khí ẩm ướt ở những nơi ẩm thấp như các loài thiêu thân, muỗi, sâu, mối mòng, sâu mè...

d. Hóa sinh (Opapatika): Loài không chỗ nương tựa bỗng nhiên sinh ra gọi là Hóa sinh như các loài hữu tình: chư thiên, địa ngục, trung hữu, đều do nghiệp lực đời quá khứ mà hóa sinh.

(30) **Ba nghiệp:** Thân, miệng, ý.

(31) **Bốn duyên:**

a. *Nhân duyên:* Tự thể sinh tự quả là nhân, lấy nhân làm duyên.

b. *Đẳng vô gián duyên:* Tâm và tâm sở lần lượt không gián đoạn tiếp nối sinh khởi.

c. *Sở duyên duyên:* Tâm và tâm sở theo duyên mà sinh, hay là chỗ mà tự tâm duyên lự (nghĩ ngợi).

d. *Tăng thượng duyên:* Sáu căn soi cảnh vật phát khởi thức, có lực dụng tăng thượng, khi các pháp sinh, chẳng sanh chướng ngại.

(32) **Sáu nhân:** Luận về thể của nhân, có sáu thứ: năng tác nhân, câu hữu nhân, đồng loại nhân, tương ưng nhân, biến hành nhân và dị thực nhân.

(33) **Năm quả:** Là quả hữu vi, vô vi do sáu nhân sinh ra và từ đạo lực mà chứng được:

a. *Đẳng lưu quả,* còn gọi là Tập quả.

b. *Dị thực quả,* còn gọi là Báo quả.

- c. *Ly hệ quả*, còn gọi là Giải thoát quả.
- d. *Sĩ phu quả*, còn gọi là Công dụng quả.
- e. *Tăng thượng quả*.

Trong đó, Ly hệ quả thuộc về quả vô vi, bốn quả còn lại đều thuộc về hữu vi.

(34) **Lục độ**: Sáu hạnh rất ráo mà Bồ tát Đại thừa cần phải thực hiện để đạt đến Phật quả. Sáu hạnh là:

a. *Bố thí Ba la mật* (Thi Ba la mật, Đản na Ba la mật, Bố thí độ vô cực): Nghĩa là bố thí một cách rất ráo viên mãn, gồm tài thí, pháp thí và vô úy thí. Hạnh này dùng để đối trị với tham lam bòn xén, tiêu trừ được bần cùng.

b. *Trì giới Ba la mật* (Giới Ba la mật, Thi La Ba la mật, Giới độ vô cực): Giữ gìn giới luật một cách trọn vẹn để đối trị với nghiệp ác, khiến cho thân tâm được an lạc.

c. *Nhẫn nhục Ba la mật* (Nhẫn Ba la mật, Sằn đề Ba la mật, Nhẫn nhục độ vô cực): Nhẫn nhục mà không trụ tướng để đối trị với sân hận, khiến cho tâm được an trụ.

d. *Tinh tấn Ba la mật* (Tấn Ba la mật, Tì lê da Ba la mật, Tinh tấn độ vô cực): Tự khuyến thân tâm thực hành không gián đoạn năm Ba la mật kia, để đối trị với lười biếng, làm tăng trưởng pháp lành.

e. *Thiền định Ba la mật* (Thiền Ba la mật, Thiền na Ba la mật, Thiền độ vô cực): Thiền định thù thắng nhất. Bồ tát tu thiền định này có thể đến cảnh giới cứu cánh.

f. *Trí huệ Ba la mật* (Huệ Ba la mật, Bát nhã Ba la mật, Minh độ vô cực): Trí huệ vô phân biệt. Nương vào trí huệ này có thể thành tựu năm Ba la mật kia.

Nếu phối hợp sáu Ba la mật này với tam học là giới, định, tuệ, thì thí giới, nhẫn thuộc về Tăng thượng giới học; Thiền Ba la mật về Tăng thượng tâm học; Bát nhã Ba la mật thuộc về Tăng thượng huệ học, còn Tinh tấn Ba la mật thì thông cả tam học.

Tông Pháp tướng lại chia trí huệ Ba la mật thành bốn loại: phương tiện, nguyện, lực, trí cùng với sáu Ba la mật thành mười Ba la mật cũng là thắng hạnh của Bồ tát.

(35) **Xiển đê**: Chỉ những chúng sinh ưa thích sanh tử, không mong cầu xuất ly. Cho nên, các kinh chú *Lăng Già*, phần nhiều cho rằng Xiển đê rốt cuộc không thể thành

Phật.. Xiển đề thành Phật là thuyết của kinh *Đại Bát Niết Bàn*. Tư tưởng căn bản của kinh này là chủ trương tánh Phật thường trụ và hết thảy đều có, do đó cho rằng Nhất Xiển đề cũng có tánh Phật, cho dù có đứt mất căn lành thì tánh Phật vẫn thường trụ không thay đổi, cuối cùng cũng có thể thành Phật.

9. **Đọc tụng kinh điển Đại thừa:**

Đã có lòng hâm mộ cõi Tây Phương, thì phải nên tìm cầu nghĩa lý rất ráo để tu hành. Tuy trong chỗ tối tăm có báu vật, nhưng nếu không có đèn soi rọi cuộc cũng không thể tìm thấy được. Gương xưa chôn vùi trong cát bụi, nếu chẳng chùi lau thì làm sao ánh sáng hiển bày. Thế nên, cần phải điều phục ba nghiệp, cứu xét một tâm; chân thật tôn kính văn kinh, nghiền ngẫm ý nghĩa huyền diệu của bậc Thánh; vào sâu cội nguồn giáo pháp, thấu rõ cơ dụng của chư Phật. Đường nghĩa lý đã thông suốt, thì tự nhiên thấy rõ hoa tâm. Đâu chẳng nghe nói: "*Dây leo nương nơi từng bách mà bò lên cao ngàn trượng, nương nhờ nhân thù thắng mới có được lợi ích rộng lớn*". Như cây quế mọc ở non cao, nhờ mây sương mới được trở hoa tươi thắm; sen mọc trên sóng biển, bụi bay chẳng thể ô nhiễm lá xanh. Tuy tính chất của sen tự thanh khiết, quế vốn kiên trinh, nhưng bởi vì nương tựa chỗ cao thì vật nhỏ không thể làm lụy, nương dựa vào nơi thanh tịnh thì vật uế trước chẳng thể làm nhiễm ô. Cây cối vô tri còn nhờ chỗ tốt mà trở thành tốt đẹp vẹn toàn như thế, thì con người có tâm thức, đâu thể không nhân nơi tâm mình mà chứng ngộ tâm Phật. Há chẳng nghe Đại sư Trí Giả tụng *Pháp Hoa* thấy Linh Sơn chưa tan pháp hội. Thiền sư Khuê Phong đọc *Viên Giác* bỗng nhiên tâm địa khai thông. Phổ Am kế hội ý chỉ kinh *Hoa Nghiêm*, đạt đến cội gốc quên hết tình chấp. Lục Tổ nhân câu kinh: "*Nên không trụ vào đâu*" (ưng vô sở trụ), mà tỏ ngộ tông chỉ Bát nhã. Xét thấy các bậc Cao đức thuở xưa còn tuân theo như vậy, lẽ nào người đời nay lại không lấy đó để học tập?

Như thế, thật đáng gọi là:

*Qua sông phải dùng thuyền
Đến bờ thuyền bỏ lại.*

10. **Khuyên bảo mọi người tiến tu:**

Từ bi rộng lớn là môn học Phật đầu tiên, là con đường chính của Bồ tát. Khuyên bảo tiến tu là hạnh chủ yếu làm lợi ích mọi người, là nhân thù thắng của Tịnh nghiệp.

Các bậc Hiền trong Liên Xã thời Tấn, đều nguyện sinh về An Dưỡng. Hải chúng khắp mười phương, đều ưa thích ra khỏi Ta bà. Than ôi! Sinh tử khó thoát ra, vô thường thật mau chóng. Như thế, có thể không noi theo các bậc Hiền triết, vui thích thực hành và dẫn dắt lớp người đi sau chẳng?

Khuyên một người, hai người, cho đến nhiều người, đó là sự bố thí pháp trong nhà Phật. Niệm một đức Phật, hai đức Phật, cho đến muôn đức Phật, nhằm để tiến đến đạo diệu huyền Cực Lạc. Định khóa mỗi ngày niệm ngàn câu Phật, tích lũy từ tháng đến năm thì có ba mươi sáu vạn câu Phật. Tích lũy không lười biếng, thì cũng gần với địa vị Phật. Mỗi ngày làm một việc thiện nhỏ, tích lũy từ tháng đến năm thì có ba trăm sáu mươi việc lành. Siêng năng tích lũy, thì cũng gần với bậc quân tử.

Là kẻ ngu, là tiểu nhân mà không biết sám hối ắt đồng với cầm thú, bởi vì họ không học, cũng không có người khuyên bảo. Kinh nói: "*Nếu người đem bảy loại báu khắp bốn thiên hạ để cúng dường Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn được phước rất nhiều, nhưng chẳng bằng khuyên người niệm Phật một câu, phước đức này còn hơn phước đức của người kia*". Đó là lời khuyên bảo của đức Thế Tôn. Luận ngữ nói: "*Mình muốn thành lập nên giúp người thành lập; mình muốn thành đạt nên giúp người thành đạt*". Đó là lời khuyên bảo của Khổng Tử**(36)**.

Thế nên, cần phải khuyến khích đồng bạn tu tập Tịnh hạnh. Hoặc tháng giêng, tháng năm, tháng chín cùng nhau họp mặt một lần; hoặc lấy thời gian nửa năm, một năm, ba năm làm một kỳ hạn để gặp nhau, trông sâu căn lành đều hồi hướng khắp tất cả chúng sinh. Thường vì bạn đạo giúp đỡ lẫn nhau, một người thối lui biếng nhác thì chung sức nắm tay dẫn dắt tiến lên. Một người bỏ tu tập theo phàm tục, thì bạn bè lần lượt quan tâm, giúp đỡ. Tuy không thể truyền bá giáo pháp lợi ích rộng khắp mọi loài, nhưng cũng có thể ôn cũ để biết mới. Đâu chẳng thấy cho người một đồng tiền, mà người còn gọi là nhận ân huệ; giúp người một lời có ích, lẽ nào họ lại không hay biết? Bố thí tiền của chỉ cứu giúp nghèo khó trong một đời, bố thí thức ăn chỉ cứu giúp sinh mạng trong một ngày, nhưng bố thí giáo pháp có thể khiến người ra khỏi thế gian, công đức này đâu thể so sánh được! Bố thí tiền của như ngọn đèn chỉ soi sáng một căn nhà, bố thí pháp như mặt trời soi khắp cả đại thiên thế giới. Lẫn tiếc giáo pháp không khuyên người tu tập, thì nhiều kiếp chìm trong Địa ngục tối tăm. Suy xét nơi tâm mình mà thực hành hóa đạo, thì ngay hiện đời tức là A Di Đà.

Dám mong mọi người vận dụng lòng từ của mình mà khuyến khích lẫn nhau, dùng bi nguyện kết duyên thanh tịnh, cứu vớt những kẻ đắm chìm trong vòng sinh tử. Đây là lối tắt thoát khỏi nẻo luân hồi, cùng nhau lên Tịnh độ, để mong báo đáp ân đức Phật.

Như thế, đáng gọi là: "*Người chưa hóa độ, nay được độ*".

CHÚ THÍCH:

(36) **Khổng Tử**: Tên là Khâu, tự Trọng Ni, sinh ngày 27 tháng 8 năm 551 trước Công nguyên, vào thời Xuân Thu trong lịch sử Trung Quốc, tại ấp Trâu, làng Xương Bình, nước Lỗ (nay là huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc). Nhiều sử sách ghi rằng ông sinh trong một gia cảnh nghèo, nhưng thực tế gia đình ông có ông tổ ba đời vốn

thuộc dòng quý tộc sa sút từ nước Tống dời đến nước Lỗ. Cha của Khổng Khâu, Thúc Lương Ngột (cháu 13 đời của Vi Tử Diễn, anh của vua Trụ nhà Thương), là quan võ thuộc ấp Trâu, đến 70 tuổi mới lấy Nhan Thị mà sinh ra ông.

Năm lên ba, Khâu mồ côi cha, lớn lên phải làm lụng vất vả để nuôi mẹ, nhưng rất ham học. Năm 19 tuổi, ông lấy vợ và làm một chức quan nhỏ coi kho. Năm 22 tuổi, ông mở lớp dạy học. Học trò gọi ông là Khổng Phu Tử, hay gọi gọn hơn là Khổng Tử. "Tử" ngoài ý nghĩa là con ra, còn có ý nghĩa là thầy. Do vậy Khổng Phu Tử là thầy Khổng.

Trong suốt gần 20 năm, từ năm 34 tuổi, Khổng Tử dẫn học trò đi khắp các nước trong vùng để truyền bá các tư tưởng và tìm người dùng các tư tưởng đó. Có nơi ông được trọng dụng nhưng cũng có nơi ông bị coi thường. Năm 51 tuổi, ông quay lại nước Lỗ và được giao coi thành Trung Đô, năm sau được thăng chức Đại Tư Khẩu (coi việc hình pháp) kiêm quyền Tế Tướng. Sau ba tháng, nước Lỗ trở nên thịnh trị. Nhưng rồi bị ly gián, dèm pha, ông bèn từ chức và lại ra đi một lần nữa.

Năm 68 tuổi, Khổng Tử trở về nước Lỗ, tiếp tục dạy học và bắt tay vào soạn sách. Trong những năm cuối cùng này, ông đã soạn ra bộ *Ngũ Kinh*. Ông mất tháng 4 năm 479 trước Công nguyên, thọ 73 tuổi.

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM QUYỂN HAI

THIÊN THỨ HAI CHÁNH GIÁO NIỆM PHẬT

Pháp giới vốn không có chúng sinh, thấy có chúng sinh là do có vọng kiến (*cái nhìn phân biệt, chấp trước*). Như Lai vốn không lời dạy, có lời dạy là vì muốn độ thoát loài hữu tình. Vọng kiến là bệnh của chúng sinh, lời dạy là thuốc của chúng sinh. Lấy thuốc trị bệnh thì bệnh đều được lành, lấy lời nói để thức tỉnh sự mê vọng thì mê vọng đều trở thành giác ngộ. Tất cả đều ở trong sinh hoạt hàng ngày của phàm phu mà họ chẳng hay biết, nên đạo của Như Lai hiếm người nhận được. Do đó, bậc Đại Giác Năng Nhân thương xót mọi loài chưa tỏ ngộ, nên phát khởi lòng từ bi rộng lớn chỉ dạy khuôn phép khéo léo. Thời *Hoa Nghiêm* khai thị một cách viên đốn, hàng Thanh văn còn như kẻ điếc, người mù; thời *A Hàm* thì phương tiện tùy thuận căn cơ, nên Bồ tát chưa được lợi ích; thời *Phương Đẳng* thì tán thán Đại thừa; thời *Bát Nhã* lại quét sạch không còn; đến thời *Niết Bàn* thì mọi đường khác nhau cùng trở về một lối, và thời *Pháp Hoa* thì đều thọ ký cho tất cả. Thế nên, bao nhiêu kinh điển đều khen ngợi Tây Phương, bởi lẽ Phật A Di Đà có nguyện rộng lớn, duyên sâu dày. Giáo pháp tôn quý,

nghĩa lý đầy đủ nên được như thế. Giáo thì chỉ cho cõi Phật, là chỗ trở về. Ao hoa, đất báu trang nghiêm thẳng diệu, khiến người ưa thích cõi ấy mà chán nản thế giới này. Lý thì chỉ rõ Di Đà là tánh thật của chính mình, mỗi niệm tròn sáng, tâm tâm đều là thật tướng, như biển cả dung nạp trăm dòng. Hạnh thì mở ra mười sáu pháp quán**(37)**, thu nhiếp tâm nơi cảnh màu nhiệm, thấu rõ tánh tướng đều rỗng không, như gương sáng thấy rõ mặt mình. Quả thì chín phẩm hóa sinh theo thứ bậc, thu nhiếp cả căn cơ lợi鈍, đồng lên bậc Bất thối, tiến đến đạo giác ngộ tột cùng.

Thế nên, chúng sinh trong chín pháp giới**(38)**, dùng tâm thấu rõ đạo lý không có được gì cả để tu hạnh vi diệu Tịnh độ. Việc ấy chẳng phải là điều nên làm hay sao? Hoài bão xuất thế của Như Lai ở trọn nơi đây. Những lời nói nghiêng về tán dương Tịnh độ đích thực có ý chỉ.

Pháp môn này thật là cửa chính yếu của trăm ngàn Tam muội, là con đường thẳng đạt đến cảnh giới chân thật. Luận về sự nghi thì sám hối sáu căn sạch trong ba nghiệp; cứu xét tông chỉ thì vạn pháp rỗng không, thấu rõ nhất tâm. Đó gọi là chiếc thuyền kiên cố vượt qua biển khổ, là thuốc hay cứu chữa bệnh cấp bách. Người tin đạo này thì khai mở tâm sáng suốt vốn sẵn có, thoát khỏi nỗi khổ trong cõi đời Ngũ trược, đạt được Tịnh độ chân thật, tỏ ngộ bản tánh Di Đà. Giống như trăng sáng giữa trời không, ví tựa hoa sen ra khỏi nước, cho nên giáo pháp này được gọi tên là Liên tông.

Dương Vô Vi nói: "*Liên là ra khỏi bùn lầy mà chẳng bỏ thế giới chúng sinh. Hoa sen ở trong hư không vô nhiễm hiển lộ thể tánh thanh tịnh. Hoa có hạt, chẳng phải là cảnh giới ma. Hoa, hạt đồng thời, nhân quả như một. Hoa nở hạt sen hiện là bày tỏ quyền biến và chân thật. Hoa rụng, hiển lộ hạt sen là phế bỏ quyền biến lập chân thật. Một hạt sen sinh ra vô lượng hoa là dựng lập tất cả pháp. Mười phương đồng một hoa tạng là biểu thị cảnh Phật không khác biệt. Ý nghĩa của giáo pháp Liên tông đâu chẳng phải như thế sao?*"

Thế nên, vận dụng lòng từ bi, dạo chơi nơi cõi Thường Tịch Quang**(39)**; giới hạnh trong sáng thấu suốt giáo nghĩa rộng lớn sâu xa, bơi lội trong bể cả giải thoát. Do đó, được Thiên Long hộ trì, vua quan tôn kính. Xưa nay, sự giáo hóa này chẳng suy vi, sĩ dân đồng ngưỡng mộ đạo phong. Nếu chẳng phải do sức mạnh của tâm từ bi rộng lớn, thương xót an ủi chúng sinh tu tập trong thời mạt pháp, thì ai có thể làm được như thế? Vì vậy, Bồ-tát Long Thọ dùng luận để chứng minh; các bậc Hiền ở Liên Xã thời Đông Tấn cùng nhau tu hành; ngài Thiên Thai phân định giáo pháp và giải thích; ngài Từ Ân soạn *Thông Tán*, ngài Từ Chiếu biên tập *Sám Nghi*; ngài Tông Đản làm số giải. Cao tăng, danh Nho phụng trì tôn kính như nhóm họp châu báu; cao Hiền, đạt sĩ tu tập, sử sách còn ghi.

Than ôi! Phật pháp dần suy, cách Thánh càng xa. Kẻ thờ Phật thì nhiều, người vì đạo

lại ít, chỉ lấy việc cạnh tranh tiếng tăm, lợi dưỡng làm tài năng của mình, xem sự truyền bá chánh pháp là trò của trẻ con. Vì thế, khiến cho pháp môn suy tàn, cương lĩnh giáo pháp bị nghiêng đổ. Thật phải nhờ người Hiền đời sau khắc phục gánh vác đạo này. Mong khắp tất cả mọi người hãy quên thân vì pháp, suy xét lại chính mình để nương tựa theo bậc thầy sáng suốt.

Muốn đạt được Chân thừa, trước hết cần phải nghiên cứu giáo điển; tiếp thu giáo pháp mới có thể hiểu rõ nghĩa lý, hiểu rõ nghĩa lý sau đó mới tu hành. Hạnh nguyện không thiếu thì có thể chứng đắc đạo quả. Thế nên biết, khi tai nghe mắt thấy phải y theo bốn pháp để suy tư tu tập. Miệng tụng mà tâm trái ngược, dù hiểu biết ngàn chương nào có ích gì. Đó chính là: đối với tâm thì lấy giáo pháp để soi sáng, đối với Phật thì lấy việc xưng niệm để giữ gìn; đối với sai quấy thì lấy giới luật để ngăn ngừa; đối với tội lỗi thì lấy sám hối làm cho trong sạch. Đối với người tu đạo cần phải thực hành chân thật, việc làm nên phù hợp với lễ nghi; gần thì mong lập thân vang danh, xa thì mong chuyển phàm thành Thánh. Phát huy đạo của Phật Tổ, ngoài chúng ta ra thì còn ai thực hiện điều đó?

Nắm chặt thanh gươm trí tuệ, chém nát mạng lưới ma quân; uống cam lồ chánh pháp, phá tan rừng rậm tà kiến. Tránh bợn ác như tránh hổ lang, thờ bạn lành như thờ cha mẹ. Cần thận giữ gìn ý chí, chớ nên thối thất đại tâm. Noi theo bậc Chánh Giác, chớ làm các việc trái với đạo; có lỗi cần phải mau sửa đổi, có điều hay chớ nên khoe khoang. Nếu làm được như vậy thì tự nhiên tai họa tiêu trừ, phước lành hội tụ, tuy hiện đang ở trần thế mà mọi người kính trọng, chư Thiên trợ giúp. Ngày sau ở nơi cõi Tịnh có thể thành tựu quả Thánh, đạt đến đại đạo. Lẽ nào lại ở nơi việc xem đoán số mạng trên hình tướng, hoặc nịnh hót để mong cầu vinh hiển thành đạt? Đâu cần nhìn xem hình dáng để xét đoán ngày lâm chung? Những điều đó chẳng phải sự thấy biết của người tu chân chính, chỉ là vọng tình của kẻ phàm tục.

Chớ theo kẻ khác để tìm cầu, chỉ nên y nơi bốn phận của mình. Gặp việc nhân từ chớ bỏ qua, thấy người hiền nên suy nghĩ làm sao để được bằng họ. Danh lợi không làm dao động tinh thần, sinh tử chẳng thể làm nhọc nhằn lo lắng. Muốn công thành chí toại, phải từ chỗ gần mà đến nơi xa; nên xét kỹ quả để biết được nhân, tin có làm thì có quả báo.

Trí tuệ đủ để chiếu phá mê lầm, sáng suốt đủ để soi tỏ chỗ tối tăm. Lời nói thì có thể làm khuôn phép, việc làm thì có thể an vui. Đạo đức, nhân nghĩa đáng để noi theo, tiến thoái có thể đo lường; phân biệt giả dối thấu rõ chân thật, rõ chân như đá đẹp thử vàng, xua tối tăm soi sáng vạn vật, giống như ngọn đèn chân thật chiếu sáng thế gian. Nếu được như thế, đó là bậc Đại Đạo sư, là người bạn không cần đợi mời mới đến. Lấy ra Bảo tạng ở Long cung, bố thí rộng rãi cho mọi loài; mở toan quan ải của Tổ sư, đón tất cả mọi người đến học tập. Dẹp trừ bệnh tà, chỉ dẫn chúng sinh trở về

nguồn cội nhiệm màu, khiến cho gương mờ được lau chùi sáng lại, như áo nhơ nhờ giặt giũ mà được sạch trắng sạch. Tông phong chân thật chấn hưng trở lại, phước đức phổ cập thế giới đại thiên, mặt trời trí tuệ thêm sáng tỏ, ánh sáng chói chang muôn thuở. Như thế, thật đáng gọi là người con chân thật của đấng Pháp Vương, đáng gọi là bậc Đại tượng phư. Đem những điều ấy mà phụng sự giáo pháp cho đức Phật ở Tây Phương, nào có hổ thẹn gì?

CHÚ THÍCH:

(37) **Mười sáu pháp quán:** Mười sáu pháp quán ghi trong kinh Quán Vô Lượng Thọ giúp cho hành giả niệm Phật được vắng sinh Tây Phương, đó là:

1. *Nhật tướng quán:* ngòi xoay mặt về hướng Tây, quán kỹ mặt trời sắp lặn, hình dáng như cái trống treo, tâm an trụ vững chắc, chuyên tưởng không dời. Đã thấy mặt trời rồi thì mở mắt, nhắm mắt đều thấy rõ ràng.
2. *Thủy tướng quán:* ban đầu thấy Tây Phương đều là nước, lại khởi tưởng là băng, thấy băng trong suốt, tưởng như lưu ly.
3. *Địa quán tưởng:* quán tưởng phía dưới có kim tràng bảy báu, nâng mặt đất lưu ly, trên đất lưu ly có dây vàng ròng đan khít nhau, mỗi thứ báu đều có năm trăm tia sáng nhiều màu sắc.
4. *Bảo thụ quán:* quán cõi nước Cực Lạc có bảy lớp hàng cây, hoa lá bảy báu đều đầy đủ, mỗi hoa mỗi lá đều có bảy báu khác nhau, phía trên các cây có giăng bảy lớp lưới.
5. *Bảo trì quán:* quán tưởng cõi nước Cực Lạc có ao nước tám công đức, trong mỗi ao nước có sáu mươi ức hoa sen bảy báu, nước ma ni trôi chảy trong ấy diễn nói diệu pháp, lại có chim màu sắc trăm báu, thường khen ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.
6. *Bảo lâu quán:* quán lâu gác báu. Thực hành quán tưởng này thì tức khắc thành tựu năm pháp quán ở trên, nên còn gọi là tổng quán. Tổng quán tưởng, tổng tưởng quán. Quán tưởng trên mỗi mỗi cõi có năm trăm lầu báu, trong lầu báu có vô lượng chư thiên đang thổi kị nhạc.
7. *Hoa tọa quán:* quán tòa sen mà Phật và hai vị Bồ tát ngồi.
8. *Tượng quán:* quán tưởng tượng Phật sắc vàng Diêm phù đàn ngồi trên hoa sen, lại quán tưởng hai Bồ tát Quán Âm, Thế Chí đứng hầu hai bên, cả ba vị đều phóng kim quan.
9. *Chân thân quán:* quán tưởng chân thân Phật Vô Lượng Thọ. Thực hành pháp quán tưởng này sẽ thấy được tất cả các chư Phật.
10. *Quán Âm quán:* tức quán tưởng Bồ tát Quán Thế Âm đang đứng hầu Phật A Di Đà.
11. *Thế Chí quán:* tức quán tưởng Bồ tát Đại Thế Chí đang đứng hầu Phật A Di Đà.

12. *Phổ quán*: quán tự thân về thế giới Cực Lạc, ngồi kiết già trong hoa sen. Khi hoa sen nở có năm trăm tia sáng màu sắc đến chiếu khắp thân, cho đến Phật, Bồ tát đầy khắp hư không.
13. *Tạp tướng quán*: quán tướng thân Phật cao trượng sáu đứng trên ao sen hoặc hiện thân lớn đầy khắp hư không, tức tạp quán chân Phật, hóa Phật thân lớn, thân nhỏ.
14. *Thượng bối quán*: người vãng sinh Tịnh độ tùy theo nhân tu mà có ba bậc vãng sinh thượng, trung, hạ; ba bậc này lại chia làm ba phẩm thượng, trung, hạ, cộng chung thành chín phẩm. Thượng bối quán là quán bậc chúng bậc thượng, tự phát tam tâm, tu từ tâm, không sát sinh... lâm chung được Thánh chúng đón rước, sau khi vãng sinh được các tướng lợi ích thù thắng.
15. *Trung bối quán*: tức quán đồ chúng bậc trung, thọ trì ngũ giới, bát giới, tu hạnh hiếu dưỡng cha mẹ... và cảm được tướng Thánh chúng đón rước vãng sinh.
16. *Hạ bối quán*: tức quán đồ chúng bậc hạ, tuy tạo tác ác nghiệp nhưng khi sắp lâm chung, nhờ gặp được thiện tri thức chỉ dạy, nên biết niệm danh hiệu A Di Đà, nhân đó được vãng sinh, được các tướng lợi ích thù thắng.

Theo *Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*, phần đầu, ngài Huệ Viễn chia mười sáu pháp quán này thành hai loại, bảy môn trước là quán y báo, chín môn sau là quán chánh báo. Trong mười pháp quán sau thì năm môn trước nói về quán Phật, Bồ tát, môn thứ sáu nói về tự vãng sinh quán, môn thứ bảy nói về quán Phật, Bồ tát; ba môn cuối nói về vãng sinh quán. Quán Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, hạ của ngài Trí Khải chia mười sáu pháp quán thành ba loại: sáu pháp quán đầu là quán y quả, bảy pháp kế là quán chánh báo, ba pháp quán cuối nói về việc vãng sinh cửu phẩm của ba hạng chúng sinh. Các vị như Huệ Viễn... đều cho rằng mười sáu pháp quán này là pháp quán Định Thiện, ngài Thiện Đạo thì cho rằng chỉ có mười ba pháp quán trước là Định Thiện, ba pháp quán sau là Tán Thiện. Trong Định Thiện thì bảy pháp quán trước là y báo quán, sáu pháp kế là chánh báo quán.

(38) **Chín pháp giới**: chín cõi của loài hữu tình cư trú.

a. *Dục giới ngũ địa*: còn gọi là ngũ thú tạp cư địa (hoặc tạp trụ địa), cõi của năm loài hữu tình ở chung lẫn nhau: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Người, Trời.

b. *Ly sinh hỷ lạc địa*: thuộc trời sơ thiên của cõi Sắc. Sự hỷ lạc có được do lìa các pháp dục, ác ở cõi Dục.

c. *Định sinh hỷ lạc địa*: thuộc trời đệ nhị thiên của cõi Sắc. Cảnh giới do định mà phát sinh hỷ lạc thù thắng.

d. *Ly hỷ diệu lạc địa*: thuộc trời đệ tam thiên của cõi Sắc. Cảnh giới an lạc thù

thăng vi diệu do là trạng thái hỷ thô trọng ở nhị thiên của cõi Sắc mà được diệu lạc ở tam thiên.

e. *Xả niệm thanh tịnh địa*: thuộc trời đệ tứ thiên của cõi Sắc. Cảnh giới thanh tịnh do là bỏ trạng thái hỷ lạc của các địa trên.

f. *Không vô biên xứ địa*: thuộc tầng trời thứ nhất của cõi Vô sắc. Cảnh giới chứng đặc tính hư không vô biên tự tại, do là tính vật chất của cõi sắc.

g. *Thức vô biên xứ*: thuộc tầng trời thứ hai của cõi Vô sắc, cảnh giới mà thức đạt được rộng rãi không ngăn mé.

h. *Vô sở hữu xứ địa*: thuộc tầng trời thứ ba của cõi Vô sắc. Cảnh giới tư tưởng dứt bật do là tính động của không vô biên xứ địa và thức vô biên xứ địa.

i. *Phi tướng phi phi tướng xứ địa*: thuộc tầng trời thứ tư (tức trời hữu đảnh) của cõi Vô sắc. Cảnh giới vắng lặng do là tướng và vô tướng, là cả chấp có lẫn không.

(39) **Thường Tịch Quang**: Tịnh độ mà pháp thân của chư Phật, Như Lai an trú; một trong bốn độ do tông Thiên Thai chủ trương. Thế giới mà Phật an trụ thuộc về chân như bản tánh, không có sự sinh diệt biến hóa (Thường) và sự nhiễu loạn của phiền não (Tịch), đồng thời có ánh sáng trí huệ (Quang) nên gọi là Thường Tịch Quang độ. Quốc độ này là cõi nước tối cực bí tạng do Phật tự chứng, lấy pháp thân, giải thoát, Bát Nhã làm Thể, đầy đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh.

Kinh *Quán Phổ Hiền Bồ tát Hành Pháp* (Đại 9, 392 hạ) ghi: "*Phật Thích Ca Mâu Ni được gọi là Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ, trụ xứ của đức Phật này gọi là Thường Tịch Quang, Thường Ba la mật Sơ Nhiếp Thành Xứ, Ngã Ba la mật Sở An Lập Xứ, Tịnh Ba la mật Diệt Hữu Tướng Xứ, Lạc Ba la mật Bất Trụ Thân Tâm Tướng Xứ*".

Quốc độ này có chia ra phần chứng và cứu cánh khác nhau, chia làm ba phẩm: thượng, trung, hạ. Theo thuyết của Duy Ma Kinh Lược Số 1 thì quốc độ mà pháp thân bậc Diệu giác an trụ là Thượng phẩm Tịch Quang độ, quốc độ mà bậc một đời nữa là bước lên địa vị Đẳng Giác an trụ là Trung phẩm Tịch Quang độ, còn quốc độ mà bậc sơ trụ trở lên của viên giáo an trụ là Hạ phẩm Tịch Quang độ. Vị tăng đời Bắc Tống là ngài Tứ Minh Tri Lễ lại phối hợp Thật Báo độ và Tịch Quang độ với thi giác và bản giác, đề xướng thuyết *Tịch Quang Hữu Tướng*, còn vị tăng đời Bắc Tống là ngài Tịnh Giác thì đề xướng thuyết *Tịch Quang Vô Tướng*.

Chương 1

ĐỨC PHẬT NÓI PHÁP NIỆM PHẬT CHO PHỤ VƯƠNG

Kinh Bảo Tích nói: "*Phụ vương Tịnh Phạn đánh lễ dưới chân Phật, một lòng chấp tay bạch Phật rằng:*

- Bạch Thế Tôn, làm sao tu hành để được đạo của chư Phật?

Đức Phật đáp:

- Tất cả chúng sinh đều là Phật. Nay Phụ vương nên niệm Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương, thường siêng năng tinh tấn thì sẽ được đạo của chư Phật.

Phụ vương hỏi:

- Bạch Thế Tôn, tại sao tất cả chúng sinh đều là Phật?

Đức Phật đáp:

- Tất cả pháp không sinh, không dao động, không lấy bỏ, không tướng mạo, không tự tánh. Phụ vương nên ở trong pháp Phật ấy mà an trụ tâm mình, đừng tin nơi người khác!

Khi ấy, vua Tịnh Phạn và bảy vạn người dòng họ Thích nghe nói về pháp này, ai nấy đều tin hiểu hoan hỷ, tỏ ngộ Vô sinh nhẫn".

Đức Phật mỉm cười nói bài kệ rằng:

*Dòng Thích trí quyết định
Thế nên trong Phật pháp
Tâm quyết tin an trụ
Sau khi mạng chung rồi
Được sinh cõi An Lạc
Gặp Phật A Di Đà
Vô úy thành Bồ đề.*

Chương 2

THIỆN TÀI THAM VẤN 53 VỊ THIÊN TRI THỨC, BAN ĐẦU GẶP TỶ KHEO ĐỨC VÂN NÓI VỀ MÔN NIỆM PHẬT

Phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm nói: *Tỷ kheo Đức Vân bảo Thiện Tài rằng:*

- *Thiện nam tử! Tôi được sức mạnh hiểu biết, quyết định tự tại, lòng tin thanh tịnh, ánh sáng trí tuệ tỏ rạng, quán xét khắp cả cảnh giới, rời tất cả chướng ngại, đầy đủ hạnh thanh tịnh, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật. Thường niệm tất cả chư Phật Như Lai, giữ gìn chánh pháp của tất cả chư Phật và thường thấy tất cả chư Phật, tùy theo nơi các thứ tâm ưa thích của chúng sinh, thị hiện đủ mọi môn thành tựu Chánh Giác. Ở trong đại chúng, gầm lên tiếng Sư tử.*

- *Thiện nam tử! Tôi chỉ được pháp môn: "Nghĩ nhớ tất cả cảnh giới chư Phật. Trí tuệ sáng suốt thấy khắp cả" này. Gọi là môn niệm Phật trí sáng soi khắp, môn niệm Phật khiến cho tất cả chúng sinh niệm Phật, môn niệm Phật khiến cho an trụ lực, môn niệm Phật khiến cho an trụ pháp, môn niệm Phật chiếu soi các phương, môn niệm Phật vào chỗ không thể thấy, môn niệm Phật trụ nơi các kiếp, môn niệm Phật an trụ trong tất cả thời, môn niệm Phật an trụ trong tất cả cõi, môn an trụ tất cả đời niệm Phật, môn an trụ tất cả cảnh niệm Phật, môn an trụ nơi lặng lẽ niệm Phật, môn an trụ nơi xa lìa niệm Phật, môn an trụ nơi rộng lớn niệm Phật, môn an trụ vi tế niệm Phật, môn niệm Phật an trụ trang nghiêm, môn an trụ nơi làm được mọi việc niệm Phật, môn an trụ nơi tâm tự tại niệm Phật, môn an trụ nơi làm việc của chính mình niệm Phật, môn an trụ nơi thần thông biến hóa niệm Phật, môn an trụ nơi hư không niệm Phật.*

Chương 3

BỒ TÁT TRÍ THỦ NÓI VỀ NIỆM PHẬT

Kinh Hoa Nghiêm nói:

*Trong tất cả oai nghi
Thường niệm công đức Phật
Ngày đêm không tạm ngừng
Việc như thế nên làm.*

Chương 4

ĐẠI SĨ LONG THỌ KHUYÊN NIỆM PHẬT

Luận Đại Trí Độ(40) nói: "*Đức Phật là bậc Pháp vương Vô thượng, chư đại Bồ tát là đại thần trong chánh pháp. Các vị đại thần trong chánh pháp chỉ tôn trọng bậc Pháp Vương, do đó Bồ tát phải nên niệm Phật*". Lại bảo rằng: "*Có các vị Bồ tát, tự nghĩ nhớ về thuở xưa, phỉ báng pháp Bát nhã, đọa vào đường ác. Dù trải qua vô lượng kiếp tu các hạnh lành khác, nhưng chưa được thoát khỏi. Về sau, gặp thiện tri thức chỉ dạy thực hành Niệm Phật Tam muội, liền diệt trừ tội chướng, mới được giải thoát*".

Bài kệ còn nói:

*Nếu người nguyện thành Phật
Tâm niệm A Di Đà
Tức thời Ngài hiện thân
Nên con quy mạng lễ.*

CHÚ THÍCH:

(40) **Luận Đại Trí Độ**: gồm 100 quyển, do Bồ tát Long Thọ soạn, ngài Cưu Ma La Thập dịch vào đời Hậu Tần, thu vào Đại chánh tạng tập 25, cũng gọi *Đại Trí Độ Kinh Luận, Ma ha Bát nhã Thích Luận, Đại Trí Thích Luận, Thích Luận, Trí Độ Luận, Trí Luận, Đại Luận*.

Nội dung luận này là giải thích kinh Đại Phẩm Bát nhã. Đại Trí Độ là dịch ý của từ Ma ha Bát nhã Ba la mật (trí tuệ lớn vượt qua đến bờ bên kia).

Tương truyền, nguyên văn của bộ luận này có hơn mười vạn bài tụng. Như vậy, bản 100 quyển hiện nay là ngài Cưu Ma La Thập đã dịch rút gọn lại, nếu dịch toàn bộ thì số quyển sẽ tới hơn 1000. Bài tựa đầu sách là do sư Tăng Tuệ soạn. Luận này viện dẫn rất nhiều kinh điển, là bộ luận rất quan trọng để lý giải Phật giáo Đại thừa.

Luận này giảng giải rõ ràng về học thuyết, tư tưởng, dụng lệ, truyền thuyết, lịch sử, địa lý, quy định thực tiễn và tăng già. Những kinh luận được dẫn dụng bao gồm Thánh điển nguyên thủy, các bộ luận của Phật giáo bộ phái và các kinh điển của Phật giáo Đại thừa của thời kỳ đầu, như: *Pháp Hoa, Hoa Nghiêm...* Luận cũng đề cập đến học phái Thặng luận và các hệ tư tưởng khác của Ấn Độ thời bấy giờ, có thể nói đây là bộ bách khoa toàn thư của Phật giáo thời bấy giờ.

Chương 5

CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT CÓ BẢY ĐIỀU THÙ THẮNG

Trong *Cam Lồ Sớ* nói:

- 1. Từ ngữ ít nên dễ thực hành: vì chỉ xưng một câu A Di Đà Phật nên tất cả mọi người đều có thể niệm.*
- 2. Niệm duyên theo cảnh Phật: vì nhất tâm niệm duyên nơi tướng hảo của thân Phật, lấy cõi thanh tịnh làm cảnh giới.*
- 3. Lìa tai nạn được an vui: vì được chư Phật và Bồ tát gia hộ nên người niệm Phật không có các hoạn nạn, vui vẻ tốt lành.*
- 4. Xưng danh diệt tội: vì niệm Phật một tiếng, diệt trừ được tội nặng của sự sinh tử trong tám mươi ức kiếp.*

5. Trì niệm được phước: vì xưng một câu Phật hiệu được phước hơn đem bảy loại báu trong tứ thiên hạ cúng dường Phật và La hán.

6. Quả báo cảm được thấy Phật: vì chúng sinh niệm Phật, nên nhất định thấy Phật.

7. Đích thân Phật đón rước vãng sinh: Hóa Phật và Bồ tát phóng quang tiếp đón hành giả vãng sinh cõi Phật.

Chương 6 PHÁP MÔN TU TRÌ

Cảnh giới vô vi vượt khỏi ngũ ngôn, sắc tâm hữu lậu phải nhờ tu chứng. Chân như gồm đủ mọi đức, vì lập phương tiện nên có nhiều môn. Trên từ lìa tướng bình đẳng, dưới đến xưng danh mười niệm. Nói chung, chẳng rời ba thừa**(41)**, vãng sinh thâm hợp chín phẩm; hữu niệm rồi cuộc trở về vô niệm, có sinh tiến thẳng đến chỗ không sinh. Thật đáng gọi là:

*Một câu A Di Đà
Muôn cơ đều thích ứng.*

CHÚ THÍCH:

(41) **Ba thừa:**

- a. Thanh Văn thừa;
- b. Duyên Giác thừa;
- c. Bồ Tát thừa.

Ba xe dụ cho ba pháp môn chuyên chở chúng sinh vượt qua sinh tử đến bờ Niết bàn. Ba thừa là y cứ vào căn cơ chúng sinh có độn căn, trung căn và lợi căn khác nhau nên đức Phật nói.

Chương 7 PHÁP MÔN VÔ TRỤ LÌA TƯỚNG NIỆM PHẬT TAM MUỘI

Tông chủ Từ Chiếu nói: "*Lìa Tướng Niệm Phật Tam muội là người trí căn cơ bậc thượng*". Tổ ngộ lý thâm sâu này, thường vận dụng tâm bình đẳng như hư không, không có tướng ngã nhân, chúng sinh, thọ giả. Kinh *Kim Cang* nói: "*Lìa tất cả tướng gọi là chư Phật*".

Luận rằng: "*Ngã là do chấp bên trong, nhân là do chấp bên ngoài, chúng sinh là do chấp vào sự hòa hợp của năm uẩn(42) thuở trước, thọ giả là chấp vào thời gian của mạng sống về sau. Đã không có tâm chấp trong ngoài, trước sau, thì tất cả các tướng thảy đều rỗng lặng[i]*". Thế nên, kinh [i]Viên Giác nói: "*Biết không có ngã nhân, thì ai*

chịu luân chuyển? Cũng không có thân tâm để nhận sự sinh tử". Đó gọi là Lìa Tướng Niệm Phật Tam muội.

Như thế, thì thấy bản tánh của tất cả chúng sinh đều đồng với Phật Di Đà. Đã không chấp hai bên hữu tướng, vô tướng, cũng không chấp vào cái thấy có, không đoạn diệt và thường hằng, mỗi niệm A Di Đà xuất thế, nơi nơi Cực Lạc hiện bày. Niệm như thế là "*niệm mà không có gì để niệm là niệm chân như; sinh mà không có gì để sinh thì sinh thật tướng*". Thế nên biết, không niệm tức là lìa niệm, thật tướng là vô tướng. Không tướng thì không trụ, vô trụ thì vào cảnh giới Phật. Đó chính là đạo giác ngộ rộng lớn chân chánh vô thượng.

Nếu đến chỗ đó thì không tu không chứng, không có sinh tử để thoát ra, không có Niết bàn để mong cầu. Tánh tướng đều rỗng không, Thánh phàm bằng nhau. Không có Phật đạo để thành, không có chúng sinh để độ, không có tánh linh của chính mình để được. Một niệm vô vi, mười phương dứt bật; không một pháp sẵn có, không có một pháp mới thành. Đây và kia thâm nhiếp lẫn nhau, Sự Lý không ngăn ngại, mỗi hạt bụi đều đầy đủ, tất cả cõi nước hiện rành rõ. Pháp vốn như thế nghĩ bàn chẳng tới.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Các đức Phật mười phương
Cùng một đường Niết bàn.*

CHÚ THÍCH:

(42) **Ngũ uẩn**: năm nhóm tích tụ tất cả pháp hữu vi theo từng loại khác nhau. Một trong ba khoa (Uẩn, Xứ, Giới).

- a. Sắc uẩn: nhóm gồm tất cả sắc pháp.
- b. Thọ uẩn: các cảm thọ do khổ, vui, không khổ không vui... sinh ra.
- c. Tưởng uẩn: các thứ tưởng do nhãn xúc sinh ra.
- d. Hành uẩn: chỉ cho tất cả pháp hữu vi, ngoại trừ sắc, thọ, tưởng, thức, cũng tức là tác dụng của ý chí và tâm.
- e. Thức uẩn: nhóm gồm các loại thức như thức mắt, thức tai v.v...

Chương 8

PHÁP MÔN VÔ NIỆM QUÁN KHÔNG NIỆM PHẬT TAM MUỘI

Lời tựa của Tổ sư Huệ Viễn nói về Quán không Niệm Phật Tam muội: "*Tư tưởng chuyên nhất lặng lẽ, tâm chí không tán loạn, thần khí rỗng rang sáng suốt thì không có chỗ sâu kín nào mà chẳng thấu kịp. Người vào định này hồn nhiên quên hiểu biết, phiền lụy trần lao nhanh chóng tiêu tan, tình chấp ngưng trệ tiêu dung sáng tỏ. Chẳng*

phải là bậc Đại đạo trong thiên hạ, ai có thể dựa vào đó được?".

Đại sư Trí Giả dùng môn Quán Không mà dẹp sạch tất cả pháp. Thế nên nói: "*Một không thì tất cả không; không có giả, không có trung nào mà chẳng không*".

Người vào pháp quán này là đạt đến Chân đế xác thật. Nay, muốn giúp người tu hành bỏ vọng về chân, nên gọi là từ pháp Quán Giả vào Quán Không. Bởi lẽ, pháp Quán Giả là lời thuyết minh giải thích để đi vào Quán Không. Trước phải quán xét tất cả pháp là giả dối, cho đến bốn đại**(43)**, năm uẩn, sáu căn**(44)**, sáu trần**(45)**, sáu thức**(46)**, cùng tận thế giới trong mười phương, núi sông, quả đất đều không có một vật. Biết rõ toàn là giả dối, mà thế hội chỗ chân thật, thế nên gọi là pháp quán về Nhị đế**(47)**.

Người tu pháp này trước cần phải nhiếp tâm ngồi yên lặng, tận tâm quét sạch tất cả cảnh giới giả dối không thật ở thế gian, hoàn toàn không dính mắc, chỉ quán xét ở nơi không. Vì thế, kinh *Bát Nhã* nói: "*Nội không, ngoại không, nội ngoại không, không; không không cũng không thể được*". Như thế, nhanh chóng vào biển không sáng suốt quý báu của Như Lai. Tánh giác chân không tức là Như Lai tạng. Tánh không tròn sáng, linh quang chiếu khắp vì là bản tánh của pháp giới. Như ngọc Ma ni tùy theo ý của người phát sinh ra những báu vật, như biển cả sông rộng thâm nhiếp chứa đựng tất cả. Trí tánh bình đẳng gọi là Tri kiến Phật.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Các hành vô thường, tất cả không
Là đại Viên giác của Như Lai.*

CHÚ THÍCH:

(43) **Bốn đại** (Caturmahādhātu): bốn yếu tố cơ bản hình thành nên thể chất (thân vật lý) của con người, bao gồm:

- a. Chất khoáng (Pathavī - đất).
- b. Chất lỏng (Āpo - nước).
- c. Nhiệt độ (Tejo - sức nóng).
- d. Hơi khí (Vāyo - gió).

Gọi chung về thân tứ đại là đất, nước, gió, lửa.

(44) **Sáu căn** (six sense organs): sáu căn (quan) năng mà theo Phật giáo, con người thông qua để nhận thức thế giới:

- a. Nhãn căn (mắt).
- b. Nhĩ căn (tai).
- c. Tỷ căn (mũi).

- d. Thiệt căn (lưỡi).
- e. Thân căn (thân).
- f. Ý căn (ý) ý thức.

(45) **Sáu trần** (six sense objects): sáu trần:

- a. Sắc.
- b. Thanh.
- c. Hương.
- d. Vị.
- e. Xúc.
- f. Pháp.

(46) **Sáu thức** (six sense of consciousness): sáu thức:

- a. Nhãn thức.
- b. Nhĩ thức.
- c. Tỷ thức.
- d. Thiệt thức.
- e. Thân thức.
- f. Ý thức.

(47) **Nhị đế**: Tục đế (sự thật ước lệ) và Chân đế (sự thật rốt ráo).

Chương 9

PHÁP MÔN CHUYÊN TƯỚNG NHẬT QUÁN NIỆM PHẬT TAM MUỘI

Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: "*Đức Phật bảo bà Vi Đễ Hy:*

- Bà và chúng sinh nên chuyên tâm buộc niệm một chỗ, tưởng về Tây Phương. Nói về sự quán tưởng, tất cả chúng sinh nếu chẳng phải là người mù thì ai cũng có mắt nên đều thấy cảnh mặt trời lặn. Hãy khởi tưởng niệm, ngồi ngay thẳng hướng về phương Tây, nhìn kỹ mặt trời, khiến tâm trụ vững, chuyên tưởng không đổi dời. Lúc mặt trời sắp lặn, hình dáng giống như cái trống treo lơ lửng. Đã thấy mặt trời rồi thì khi mở mắt, nhắm mắt đều khiến cho thấy rõ ràng. Đó là pháp quán tưởng về mặt trời, gọi pháp quán ban đầu".

Hành giả vào pháp quán này, nên ở chỗ yên tĩnh, đoạn dứt mọi duyên bên ngoài, ngồi ngay thẳng thu nhiếp tâm, quán kỹ mặt trời hiện đang ở trước mắt, chú tâm vào một cảnh, lắng lắng tịch tĩnh như đối trước gương sáng tự thấy mặt mình. Nếu tâm rong chạy tán loạn thì chế ngự khiến nó trở về, tâm dừng trụ an định liền được Tam muội.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Kim ô đáy biển, vắng nhật trên trời,
Con người trong mắt người trước mặt.*

Chương 10

PHÁP MÔN CỨU CẢNH THAM THIỀN NIỆM PHẬT TAM MUỘI

Tổ sư Huệ Viễn viết lời tựa về *Thiền Kinh*, nói rằng: "*Thiền nếu chẳng có trí thì không thể tận cùng chỗ lặng lẽ. Trí nếu chẳng có thiền thì không thể soi chiếu sâu xa. Thiền và trí là nói về soi sáng và lặng lẽ. Hai bên hỗ trợ lẫn nhau, soi sáng không là lặng lẽ, lặng lẽ không là soi sáng. Cảm ứng thì đều cùng một lời như nhau*".

Ngài Từ Chiếu nói:

"- *Lặng lẽ mà thường soi sáng, soi sáng mà thường lặng lẽ. Thường lặng lẽ, thường soi sáng gọi là Thường Tịch Quang. Người niệm Phật muốn tham thiền thấy tánh, chỉ cần y vào pháp này. Phải ở nơi tịnh thất ngồi ngay thẳng, dẹp trừ các duyên phiền lụy, cắt đứt tình trần, mở mắt vừa phải, ngoài không vướng cảnh, trong không trụ định, soi sáng lại chính mình, trong ngoài đều lặng lẽ. Sau đó, âm thầm cất tiếng niệm Nam mô A Di Đà Phật năm ba tiếng, rồi soi sáng lại tự mình nghiền ngẫm: "Thấy tánh thì thành Phật, rốt cuộc cái gì là bản tánh Di Đà của ta?". Lại soi chiếu xem: "Nay, cái phát lên một niệm này là từ đâu khởi? Phải xem xét cho thấu triệt một niệm này. Lại xem xét cho thấu triệt cái xem xét ấy là ai? Tham cứu giây lâu, lại cất niệm Nam mô A Di Đà Phật. Cứ xem xét như thế, tham cứu như thế, cấp thiết thực hành công phu, chớ để gián đoạn. Tỉnh sáng không mờ, như gà ấp trứng, không câu nệ hình thức, trong bốn oai nghi đều thực hành xem xét. Niệm như thế, nghiền ngẫm như thế, tham cứu như thế, một hôm bỗng ở nơi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc nghe tiếng, thấy sắc được khai thông tỏ ngộ, tận mắt thấy bản tánh Di Đà. Thân tâm trong ngoài nhất thời thấu suốt, trọn cả càn khôn quả đất là một cõi Tây Phương, vạn tượng sum la đều là chính mình, lặng lẽ mà không bỏ sót sự soi sáng, tuy hành động mà chẳng rời chỗ lặng lẽ. Sau đó, vận dụng lòng từ bi tiếp dẫn những người chưa ngộ. Bi trí viên dung, bước vào hạnh không ra công dụng sức, được sinh lên Thượng phẩm, gọi là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, được Nhất thiết chủng trí*".

Như thế, thật đáng gọi là:

*Muôn thuở đầm xanh trắng giữa trời,
Ba lần mò bắt mới rõ hay.*

Chương 11

PHÁP MÔN ĐIỀU HÒA HƠI THỞ NHIỆP TÂM NIỆM PHẬT TAM MUỘI

Phẩm *Hiển Hộ* trong kinh *Đại Tập* nói: "*Người cầu đạo giác ngộ tốt cùng nên tu Niệm Phật Thiền Tam muội*".

Kê rằng:

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

Trang 57

*Nếu người chuyên niệm Phật Di Đà
Gọi là Thiền sâu màu cao tốt
Lúc chí tâm quán tưởng thấy Phật
Chính là pháp chẳng sinh chẳng diệt.*

Kinh *Tọa Thiền Tam Muội* nói: "*Bồ tát tọa thiền, không nghĩ nhớ chi cả, chỉ niệm một đức Phật liền được Tam muội. Người mới tu tập, chưa tránh khỏi hai bệnh hôn trầm và tán loạn, cần phải nhờ sự đối trị*".

Nhân Thiên Bảo Giám nói: "*Phàm tu thiền định nên vào tĩnh thất, ngồi ngay thẳng, đếm hơi thở ra vào, từ một tới mười, từ mười tới trăm, từ trăm tới ngàn muôn. Thân lặng yên, tâm này tịch tĩnh, đồng như hư không, chẳng nhọc ngăn chặn. Như thế, lâu dần hơi thở tự trụ, không ra không vào, thời biết hơi thở này từ trong lỗ chân lông, tám vạn bốn ngàn hơi nóng bốc lên, các căn bệnh từ xa xưa đến nay tự nhiên được khỏi, mọi sự chướng ngại tự nhiên tiêu diệt, tự nhiên tỏ ngộ. Ví như người mù bỗng nhiên sáng mắt, khi ấy thấy suốt, không cần tìm người chỉ đường nữa*".

Nay, người tu pháp Niệm Phật Nhiếp Tâm này, muốn được nhanh chóng thành tựu Tam muội, thì việc đếm hơi thở rất là thiết yếu để đối trị hôn trầm và tán loạn.

Phàm lúc muốn ngồi, trước nên tưởng thân mình ở trong ánh sáng tròn đầy, thâm quán nơi chót mũi, tưởng hơi thở ra vào. Mỗi một hơi thở niệm thầm một câu A Di Đà Phật. Dùng phương tiện điều hòa hơi thở, không hưỡn không gấp, tâm và hơi thở nương nhau, theo sự ra vào của hơi thở. Lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể thực hành dừng để gián đoạn. Thường tự âm thầm hành trì cho đến vào sâu Thiền định. Hơi thở và câu niệm Phật cả hai đều quên thì thân tâm này đồng như hư không, lâu dần thuần thực, mắt tâm tỏ sáng, Tam muội bỗng nhiên hiện tiền, tức là Tịnh độ duy tâm.

Chương 12 **PHÁP MÔN CHUYÊN NIỆM NHẤT TƯỚNG NIỆM PHẬT**

Kinh *Đại Bát Nhã* nói: "*Văn Thủ Sư Lợi* bạch đức Phật rằng:

- *Bạch Thế Tôn, Bồ tát tu hành pháp gì để mau chóng chứng đắc đạo giác ngộ tột cùng?*

Đức Phật đáp:

- *Bồ tát hay tu hành chân chánh về Nhất Tướng Trang Nghiêm Tam muội thì mau chứng đắc giác ngộ.*

Người tu hạnh này nên rời chỗ huyên não, không nghĩ mọi hình tướng, chuyên tâm

buộc niệm nơi một đức Như Lai. Nhớ kỹ danh hiệu, khéo tưởng dung nghi, đó tức là quán tưởng khắp tất cả chư Phật trong ba đời. Như thế, liền được tất cả trí tuệ của chư Phật".

Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai nói: "Tất cả chư Phật thầy đều bình đẳng, chỉ vì chúng sinh căn cơ chậm lụt, tư tưởng vẫn đục tán loạn nhiều, nếu không chuyên tâm buộc niệm nơi một đức Phật thì tâm phân tán, khó thành tựu Tam muội. Thế nên, chỉ dạy họ chuyên niệm Phật A Di Đà, đó tức là Nhất Tướng Tam muội".

Luận Bảo Vương nói: "Người tu trì Nhất Tướng Niệm Phật Tam muội, khi đi, đứng, ngồi, nằm nên buộc niệm không quên. Dù cho ngủ nghỉ cũng buộc niệm, đến khi thức dậy thì tiếp tục thực hành, không để việc khác làm gián đoạn, không cho tham, sân làm ngăn cách, có lỗi lầm gì thì liền sám hối. Không có niệm gì gián cách, không có niệm nào khác, không cách ngày, không cách thời. Niệm niệm thường không rời Phật, niệm niệm thanh tịnh tròn sáng, đó là thành tựu Nhất Tướng Tam muội".

Như thế, thật đáng gọi là: "*Nếu rõ một, muôn việc đều xong*".

Chương 13

PHÁP MÔN HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC SÁU THỜI NIỆM PHẬT

Tổ sư Huệ Viễn lập ra Liên Xã ở Đông Lâm để tăng tục cùng tu, bậc đại trí hiền đức có thể thâm nhập thiên quán, được Niệm Phật Tam muội. Hàng trung lưu sáu thời tu lễ Tịnh độ, hồi hương nguyện sinh về Tây Phương. Đời Đường có lời thơ rằng:

*Viễn Công riêng khắc Liên Hoa lậu
Còn ở non sâu lễ sáu thời.*

Phàm người tu pháp này, trước ở nơi tịnh thất an trí tượng Phật, dùng hương hoa, đèn nến tùy phần cúng dường, gội rửa trần cấu, mặc áo sạch sẽ. Mỗi ngày, sáng trưa, chiều tối, đầu hôm, khuya, rạng sáng, tự mình đối trước Tam Bảo, thân thể trang nghiêm chấp tay lễ bái Tây Phương. Mỗi khi mắt thấy dáng vẻ từ bi thì xưng niệm Thánh hiệu Nam mô A di đà Phật một ngàn lần, lễ Phật 48 lạy, đọc văn phát nguyện hồi hương Tây Phương. Mỗi ngày: sáng ba thời, tối ba thời, trong sáu thời hành đạo tinh chuyên không mỗi mệt, quyết chí tu trì, hạnh nguyện vững chắc, cho đến khi Tịnh nghiệp được thành tựu trọn vẹn, ngày sau ắt được Trung phẩm Trung sinh.

Chương 14

VĂN PHÁT NGUYỆN HỒI HƯƠNG TÂY PHƯƠNG CỦA ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ (Phần bổ sung)

*Cúi lạy Tây Phương cõi An Lạc
Tiếp dẫn chúng sinh Đại Đạo sư*

Nay con phát nguyện, nguyện vãng sinh

Nhờ đức từ bi thương nhiếp thọ!

Nay con khắp vì, bốn ơn ba cõi, pháp giới chúng sinh, cầu đạo Bồ đề, Nhất thừa của Phật; chuyên tâm trì niệm, Hồng danh muôn đức, Phật A Di Đà, nguyện sinh Tịnh độ. Lại bởi chúng con, nghiệp nặng phước khinh, chướng sâu huệ nặng, nhiễm tâm đễ động, tịnh đức khó thành, nay đối Từ Tôn, kính gieo năm vóc, bày tỏ một lòng, chí thành sám hối. Con và chúng sinh, nhiều kiếp đến nay, mê bản tịnh tâm, buông tham sân si, nhiễm dơ ba nghiệp, vô lượng vô biên, tội cấu đã gây, vô lượng vô biên, nghiệp oan đã kết, nguyện đều tiêu diệt.

Nguyện từ hôm nay, lập thệ nguyện sâu, xa lìa pháp ác, thề không còn tạo, siêng tu đạo Thánh, thề chẳng biếng lui, thề thành Chánh Giác, thề độ chúng sinh. Xin đức Từ Tôn, dùng nguyện từ bi, chúng biết lòng con, thương xót đến con, gia bị cho con. Nguyện khi thiền quán, hoặc lúc mộng mơ, được thấy thân vàng, A Di Đà Phật, được chơi cõi Tịnh, của đấng Đạo sư, được nhờ Từ Tôn, cam lộ rưới đầu, quang minh chiếu thể, tay xoa đánh con, áo đắp thân con, khiến cho chúng con, chướng cũ tự trừ, căn lành thêm lớn, mau tiêu phiền não, chóng phá vô minh, viên giác tâm màu, sáng bừng mở rộng. Tịch Quang cảnh thật, thường được hiện tiền. Đến lúc lâm chung, biết ngày giờ trước, thân không tất cả, bệnh khổ ách nạn, tâm dứt tất cả, tham luyến mê hoặc, các căn vui đẹp, chánh niệm phân minh, xả báo an lành, như vào thiền định. Phật A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, cùng chư Hiền Thánh, ánh lành tiếp dẫn, tay báu dắt dìu, lầu các tràng phan, nhạc trời hương lạ. Tây Phương cảnh Phật, bày hiện rõ ràng, khiến cho chúng sinh, kẻ thấy người nghe, mừng vui khen cảm, phát Bồ đề tâm. Bấy giờ thân con, ngồi đài kim cương, bay theo sau Phật, khoảng khảy ngón tay, sinh vào sen báu, nơi ao thất bảo, ở cõi Tây Phương. Rồi khi hoa nở, thấy Phật Bồ tát, nghe tiếng pháp màu, chúng Vô sinh nhần, giây phút lại đi, thừa sự chư Phật, nhờ ân thọ ký. Được thọ ký xong, ba thân**(48)**, bốn trí**(49)**, năm nhãn sáu thông**(50)**, vô lượng trăm ngàn, môn Đà la ni, tất cả công đức, thảy đều thành tựu. Từ đó về sau, không rời An Dưỡng, trở lại Ta bà, phân thân vô số, khắp cả mười phương, dùng sức thần thông, tự tại khó nghĩ, và các phương tiện, độ thoát chúng sinh, đều khiến lìa nhiễm, chúng được tịnh tâm, đồng sinh Tây Phương, lên ngôi Bất thối.

Nguyện lớn như vậy, thế giới không tận, chúng sinh không tận, nghiệp và phiền não, thảy đều không tận, đại nguyện của con, cũng không cùng tận. Nay con lễ Phật, phát nguyện tu trì, xin đem công đức, hồi thí hữu tình, bốn ân**(51)** khắp báo, ba cõi đều nhờ, pháp giới chúng sinh, đồng thành chủng trí.

CHÚ THÍCH:

(48) **Ba thân**: chỉ cho Pháp thân, Báo thân và Ứng thân của chư Phật.

Thân nghĩa là tụ tập, tụ tập các pháp mà thành thân, vì thế sự tụ tập về lý pháp gọi là Pháp thân, sự tụ tập về trí pháp gọi là Báo thân, sự tụ tập của các pháp công đức gọi

là Ứng thân. Hoặc gọi là Pháp thân Phật, Báo thân Phật, Ứng thân Phật; Pháp Phật, Báo Phật, Ứng Phật; Pháp thân, Ứng thân, Hóa thân; Pháp thân Phật, Báo Phật, Hóa Phật; Pháp Phật, Báo Phật, Ứng hóa Phật; Chân thân, Ứng thân, Báo thân; Tự tánh thân, Mãn tư dụng thân, Hóa thân; Tự tánh thân, Ứng thân, Hóa thân; Pháp thân, Ứng thân, Hóa thân; Pháp tánh thân, Thọ dụng thân, Biến hóa thân; Tự tánh thân, Thọ dụng thân, Biến hóa thân; Tự tánh thân, Thực thân, Biến hóa thân; Pháp thân Phật, Thọ dụng thân Phật, Hóa thân Phật; Chánh pháp Phật, Tu thành Phật, Ứng hóa Phật; Phật sở kiến thân, Bồ tát sở kiến thân, Nhị thừa phàm phu sở kiến thân.

(49) **Tứ trí:** gọi đủ: Tứ trí tâm phẩm.

Tứ trí của quả Phật, do tông Duy thức thành lập, tức chuyển biến các thức thứ 8, thứ 7, thứ 6 và 5 thức trước hữu lậu thành 4 thứ trí vô lậu là Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đăng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí và Thành Sở Tác Trí.

(50) **Sáu thông:** sáu diệu dụng vô ngại tự tại của Phật, Bồ tát do nương sức định huệ mà thị hiện. Đó là: Thần túc thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thiên nhãn thông và Lưu tận trí chứng thông.

(51) **Tứ ân:** bốn công ơn. Phật dạy các hàng đệ tử cần phải có bốn phận báo đáp bốn công ơn đó. Đó là ơn cha mẹ, ơn thầy bạn, ơn tổ quốc và ơn chúng sinh.

Chương 15

PHÁP MÔN BUỘC NIỆM SÁM HỐI NIỆM PHẬT CÔNG ĐỨC

Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Nếu khi tôi thành Phật, chư thiên, nhân dân trong vô lượng thế giới ở khắp mười phương, nghe danh hiệu tôi rồi dâng hương, rải hoa, đốt đèn, treo phan, cúng dường thức ăn cho Sa môn, xây dựng chùa tháp, trai giới thanh tịnh, làm các việc lành, một lòng nghĩ nhớ về tôi, tuy chỉ ở trong khoảng thời gian suốt một ngày đêm cũng được sinh về cõi nước của tôi. Nếu không được như nguyện này, tôi quyết không thành Phật".

Kinh này còn nói: "Nếu khi tôi thành Phật, chư thiên, nhân dân, cho đến loài bò, bay, máy, cựa trong vô lượng thế giới ở khắp mười phương, đời trước có làm ác, nhưng khi nghe danh hiệu tôi liền sám hối làm lành, vâng giữ giới luật, thực hành theo kinh giáo, nguyện sinh về cõi nước tôi. Khi lâm chung đều không trải qua ba đường ác, thẳng tắt vãng sinh, tất cả sự mong muốn đều được như ý. Nếu không được như nguyện này, tôi quyết không thành Phật".

Người tu trì trước nên trang nghiêm thanh tịnh đàn tràng, dâng hương đốt đèn, đặt bầy cúng dường, thỉnh một Tỷ kheo và các bậc Thượng thiện nhân làm tôn chứng. Rồi bạch với Phật, bày tỏ tâm ý, dứt tuyệt lo nghĩ, chớ dự tính việc nhà, đừng gặng gửi vợ

con, trai giới tu trì, buộc tâm niệm vào danh hiệu của Phật A Di Đà một ngày một đêm. Mỗi lần niệm là một ngàn câu, tụng một quyển kinh Di Đà. Như thế ba lần, chí tâm sám hối hồi hướng rằng: "*Con hôm nay tự nghĩ: từ vô thủy kiếp, cho đến ngày nay, đã gây nghiệp ác. Nguyên do công đức, niệm Phật ngày nay, được vào biển thệ, của đức Như Lai, nhờ sức Từ Tôn, tiêu trừ các tội, dứt sạch oan khiên. Dem các việc lành, từ nơi ba nghiệp, trang nghiêm Tịnh nguyện, phước trí hiện tiền. Con nguyện lâm chung, biết trước ngày giờ, thân không bệnh khổ, tâm không điên đảo, như vào thiên định. Trong khoảng sát na, con được đức Phật, tiếp dẫn vãng sinh, về cõi Cực Lạc, sinh trong ao báu, trên đài hoa sen. Được Phật thọ ký, được nghe kinh pháp, chóng khai Phật tuệ, rộng độ chúng sinh, mãn Bồ đề nguyện*".

Như thế, thật đáng gọi là:

*Nước chảy bên đá, trôi ra lạnh,
Gió từ trong hoa, thổi đến thơm.*

Chương 16

PHÁP MÔN TÍN, NGUYỆN SỚM TỐI NIỆM PHẬT CÔNG ĐỨC

Bồ tát tại gia thờ Phật giữ giới, vì mỗi ngày còn lo lắng việc nhà, chưa thể nhất tâm tu hành, thì cần phải dậy sớm thắp hương đảnh lễ Tam Bảo, tùy ý niệm Phật. Mỗi ngày, lúc hoàng hôn cũng lễ niệm như thế, lấy đó làm thời khóa thường ngày. Nếu như bỏ mất thời khóa, thì ngày kế tiếp tự đối trước Phật sám hối.

Pháp môn này không làm trở ngại mọi nghề nghiệp. Kẻ sĩ chẳng trở ngại việc tu tập học hành, nông dân chẳng trở ngại việc cày cấy, người thợ chẳng trở ngại việc làm, doanh nhân không trở ngại buôn bán. Ngoài việc lễ niệm sớm tối, lại có thể trong hai mươi bốn giờ tranh thủ công phu trì niệm danh hiệu Phật trăm ngàn câu, lấy tâm chí thành làm công, mong cầu sinh về Tịnh độ. Hồi hướng rằng:

Đệ tử là..... nay lễ bái và niệm Phật được công đức, nguyện đến lúc mạng chung vãng sinh Tịnh độ. Trong ao hoa sen, tận mắt thấy Phật A Di Đà, bên hàng cây báu, gặp được bạn lành. Nguyện cho cha mẹ, sư trưởng và chúng sinh khắp pháp giới cùng mãn nguyện này.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Chứa cát bụi gom thành núi cả,
Giọt nước nhỏ dẫn thành sông lớn.*

Chương 17

PHÁP MÔN MƯỜI NIỆM GIẢN ĐƠN NIỆM PHẬT CÔNG ĐỨC

Sám chủ Từ Vân Thức nói: "*Người ở trong thế tục, công việc bận rộn lăng xăng, mỗi*

ngày vào lúc sáng sớm, mặc y phục tề chỉnh rồi hướng về phương Tây chắp tay niệm Nam mô A Di Đà Phật, dùng hết một hơi làm một niệm. Như thế, mười niệm chỉ theo hơi dài hoặc ngắn, khi hơi tận cùng là tròn một niệm. Tiếng niệm Phật không ca cũng không thấp, chỉ ở mức trung bình. Mười niệm như thế, liên tục không gián đoạn, chú ý đừng để tâm phân tán, lấy việc tinh chuyên làm công phu. Ở đây tức là nhờ vào hơi thở để buộc tâm. Hồi hướng rằng: nay con..... nhất tâm quy mạng, Phật A Di Đà, ở cõi Tây Phương. Nguyên dùng ánh tịnh, soi chiếu thân con. Nay con xưng niệm, danh hiệu Như Lai, trong khoảng mười niệm, cầu sinh Tịnh độ. Đức Phật thuở xưa, vốn có thế nguyện, nếu có chúng sinh, muốn về nước tôi, xưng danh hiệu tôi, cho đến mười niệm, nếu không vãng sinh, thế không thành Phật. Nay con nguyện đem, công đức mười niệm, nguyện lúc mạng chung, tâm không điên đảo, trong khoảng một niệm, liền sinh Cực Lạc, nghe pháp vi diệu, mau chứng được Bồ đề'.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Lòng tin nếu không thối.
Quyết định lễ Kim Tiên.*

Chương 18 **LỜI TỰA BIỂU ĐỒ TUYÊN PHẬT BỐN CỐI VIÊN DUNG CỦA TÔNG CHỦ TỬ CHIẾU**

Cõi Thường Tịch Quang và Phàm Thánh Đồng Cư(52) chỉ là một trí không khác. Do tình sinh kia đây nên thấy có xa gần. Thấy mặt rõ sắc, tánh không như như, vốn không hai đường mà chúng sinh tự thấy có vi diệu và thô phù. Còn theo tôi thì không như thế, ở một thể Tỳ Lô trước cần phải biết rõ cội gốc, mới khỏi bị mơ hồ. Thực hành thì có tướng trạng của thực hành; trí tuệ ắt có khuôn mẫu của trí tuệ; phát nguyện thì có sức mạnh của phát nguyện; tiến tu thì có lộ trình của tiến tu. Tĩnh sáng lặng lẽ như ngọc trong sáng soi thấu tâm thể. Phàm Thánh chung đường, bốn cõi duy thông, ba thân như một, khắp nơi tức Tịnh độ, mọi chốn đều là Di Đà.

Và lại, sơn tăng vì thấy người tu học nhận định về bốn cõi hỗn loạn không thứ tự, đến nỗi kẻ căn cơ lợi鈍 chẳng phân biệt được, nhân quả đều mất. Chỉ nói Tịnh độ mà chẳng biết sự cao thấp của Tịnh độ, chỉ nói do tâm mà chẳng biết sự sâu cạn của tâm. Thế nên, thấy các môn phái hủy báng lẫn nhau, ai nấy đều chấp một bên, đâu biết đâu hay tự mình phá hủy tông phong, chớ chẳng phải tà ma làm hoại được.

Nay sơ lược mở ra một lối, trình bày bốn biểu đồ, trừ dẹp mê tình, nhanh chóng tỏ sáng tâm địa. Sau đó, hăng sa pháp giới đều thấu hết trong một trang giấy, vô lượng pháp môn đều được bày tỏ chỉ nơi gang tấc.

CHÚ THÍCH:

(52) **Phàm Thánh Đồng Cư**: cõi nước mà phàm phu Nhân đạo, Thiên đạo cùng ở chung với các bậc Thánh Thanh văn, Duyên giác. Trong đó lại được chia thành hai loại:

- Phàm cư: trong đó cũng có "Tứ ác thú", là chỗ ở của ác chúng sinh và "Nhân thiên thú", là chỗ ở của thiện chúng sinh khác nhau.

- Thánh cư cũng có Thật Thánh và Quyền Thánh khác nhau. Thật Thánh là chỗ ở của những vị đã chứng Tứ quả Thanh văn, Bích Chi Phật, Lục địa của Thông giáo, Thập trụ của Biệt giáo; còn Quyền Thánh có hàng Tam thừa trong Phương Tiện Hữu Dư độ, hàng Bồ tát pháp thân, Như Lai Diệu Giác trong Thật Báo Vô Chướng Ngại độ và Thường Tịch Quang độ, ứng theo yêu cầu của chúng sinh hữu duyên mà quyền hóa sinh vào cõi này. Ngoài ra, Phàm Thánh Đồng Cư độ này lại có hai thứ là tịnh và uế, như thế giới Ta bà là uế độ đồng cư, còn cõi Cực lạc Tây phương là Tịnh độ đồng cư.

BIỂU ĐỒ TỔNG TƯỚNG BỐN CỠI VIÊN DUNG

*Tự tánh Di Đà Phật
Duy tâm chân Tịnh độ
Tỏ ngộ chỉ một niệm
Mê lầm trải ba kỳ
Thâu nhiếp hai môn lập
Phàm Thánh một lối về
Tình đời xem ấm lạnh
Mặt người bèn thấp cao.*

BA ÁNH SÁNG ĐẦY ĐỦ

*Tình phàm Thánh khác, trí có khác
Phải nhờ tu chứng hợp Tỳ Lô
Sợ người sức yếu đi mỗi mệt
Tạm chỉ Tây Phương trụ nửa đường.*

*Thoát ngang ba cõi ít người biết
Dễ tu dễ vắng chớ hồ nghi
Một lòng tín, nguyện niệm A Di
Lâm chung chánh niệm đi tỏ rõ.*

Ba ngày, bảy ngày biết trước giờ

*Đã sinh Tịnh độ thường nghe pháp
Lo gì không được ngộ chân tâm.*

Cõi này chỉ có tín, nguyện niệm Phật, không dứt phiền não, không bỏ việc nhà, không tu thiền định. Lúc mạng chung, Di Đà tiếp dẫn, liền được vãng sanh Tịnh Độ, được thần thông, chứng bậc Bất thối, thẳng tiến Bồ đề. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư là tự tha thọ dụng, ba ánh sáng đầy đủ. Thân nhiếp chung bốn cõi, hóa sanh trong chín phẩm. Theo lý ba cõi sau đều ở trong cõi này, chẳng ở nơi nào khác. Ở đây chỉ dẫn Hạ phẩm hạ sanh là vì Tổ sư nói rõ việc dễ tu để vãng sanh. Ngoài ra, phẩm vị cao thấp đều tùy theo hạnh nguyện tu chứng của mỗi người mà thành.

NHƯ ÁNH SÁNG CỦA CÁC NGÔI SAO

*Đoạn trừ phiền não dứt dấu vết
Diệt sạch tâm trí hết liền thôi
Bảo Sở không thể tiến đến trước
Như Lai phương tiện nên lưu lại.
Thoát dọc ba cõi Thanh văn tánh
Phiền não trần lao gấp đoạn trừ
Nhập định từ thiền thường quán sát
Vượt hẳn cõi phàm không trở lại.*

Cõi này đều là căn tánh Tiểu thừa định tánh, sợ hãi ba cõi như cọp, quý, rắn rồng, phá trừ kiến hoặc, tư hoặc, tiêu diệt tham, sân, si, đoạn dứt hạt giống Như Lai như con chường một mình trốn thoát, không nhìn lại bầy đặng sau, thiên lệch chấp trước vào cái thấy nhỏ hẹp, dính mắc đắm chìm ở chỗ rỗng lặng, cho nên sanh về cõi Phương Tiện. Đức Như Lai vì họ mà nói thuận về Đại thừa để điều phục.

CHÚ THÍCH:

(53) **Biên công**: có công lao bảo vệ, khai thác hoặc sửa trị nơi biên cương.

NHƯ ÁNH SÁNG MẶT TRĂNG

*Tam pháp nhỏ nhiệm còn chưa dẹp
Nên biết, tình hết mới nhỏ gốc
Áo lột sát da đã chưa cởi
Mây trần vẫn ngại đại càn khôn.*

*Chẳng ngang chẳng dọc
Tam Quán lắng tâm tiến chớ nghi
Một lực chưa thể qua bờ giác
Vấn vạy rơi trong cơ Thánh Hiền.*

Cõi này đều là bậc Đại thừa tu trọn vẹn về Tam quán, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Đẳng giác. Pháp thân Đại sĩ nhiều như cát bụi, ai nấy đều phá trừ từng phần vô minh, phân thân khắp mười phương thị hiện tám tướng thành đạo, độ thoát chúng sanh, nhưng các ngài vẫn chưa đạt đến chỗ cứu cánh. Giáo pháp của Thiên Thai, Hiền Thủ có nói rõ điều này.

NHƯ ÁNH SÁNG MẶT TRỜI

*Cánh trí như như dứt chúng tu
Không còn việc tạp vướng nơi lòng
Tình hết chấp trừ tin tức dứt
Một vầng trăng sáng giữa trời Thu.*

*Xung quanh thấu đánh chẳng nghĩ bàn
Chỉ nơi đương niệm dứt nghĩ suy
Duy tâm Tịnh độ duy tâm tịnh
Ngay đây nhận lấy đệ nhất cơ.
Trí mở, hoặc trừ không phiền não
Trở về nguồn cội tự mình hay
Vô tâm thân khắp trần sa giới
Mặc tình thân nhận các con về.*

Cõi này cảnh giới Tối thượng thừa, hoặc hết tình quên, các pháp chẳng sanh, Bát nhã chẳng sanh, chẳng sanh chẳng diệt gọi ;à Đại Niết bàn, rốt ráo ở nơi đỉnh núi Niết bàn, ở yên trong cõi Thường Tịch Quang, gọi là Phập Pháp thân thanh tịnh Tỳ Lô Giá Na, gọi là đến bờ bên kia, cũng gọi là chính mình ở trước kiếp không.

BỐN CỐI PHƯƠNG ĐÔNG

*Bốn cõi chẳng phương vực
Tình sinh ngại không thông*

*Ngộ, mê phân Đại, Tiểu
Tịnh, uế cách Tây, Đông.
Vạn vật hình tuy khác
Ngàn cơ lý tự đồng
Gió Xuân vừa thổi đến
Khắp chốn nở hoa hồng.*

*Đại kiến trước sau không đổi
Tiểu kiến chín phẩm khác nhau
Thượng trí chỉ tại một tâm
Hạ trí Đông, Tây cách ngại.*

BỒN CỐI TÂY PHƯƠNG

*Chớ bảo Tây Phương xa
Tây Phương ở trước mắt
Tuy nói qua mười vạn
Chẳng hề rời tam thiên
Vừa mở miệng niệm Phật
Ao hoa đã trồng sen
Lòng tin nếu không thối
Quyết định lễ Kim Tiên*

*Tây Phương là thủ tướng
Hai môn tu chán, ưa
Nếu từ đây được vào
Khắp nơi là Tịnh độ.*

Y báo và chánh báo của địa ngục A tỳ hoàn toàn ở nơi tự tâm của bậc chí Thánh; thân cõi Tỳ Lô chẳng vượt ngoài một niệm của phàm phu. Ngài Trí Giả nói: "Lại nào lại là Giá Na mà tìm cầu cõi Thường Tịch Quang nào khác. Nên biết Phật Tỳ Lô Giá Na ở khắp tất cả chỗ. Người khác quán xét tâm thì tất cả vạn pháp duy tâm vốn đầy đủ".

BỒN CỐI TÂM QUÁN

*Muốn biết thiên chân Phật
Trước nay dứt chúng tu
Chẳng còn kiếm bên ngoài
Chỉ hướng tự tâm cầu
Ngộ ba thân dung hợp*

*Mê, bốn cõi không tròn
Chớ nên sinh phân biệt
Ngay đây dừng tâm thôi!*

Trọn ngày lặng lẽ sáng suốt mà chưa từng lặng lẽ sáng suốt là phàm phu. Muốn chứng ngộ chỗ lặng lẽ sáng suốt mà chưa đạt đến lặng lẽ sáng suốt cùng cực là Bồ tát. Đầy đủ lặng lẽ sáng suốt mà an trụ nơi lặng lẽ sáng suốt là Như Lai. Tịnh độ Thường Tịch Quang là tướng, tâm. Nếu đến chỗ này thì thấy nơi nào cũng là thường sáng suốt, lặng lẽ (Thường Tịch Quang).

Giáo là mắt Phật, Thiền là tâm Phật. Tâm không có mắt thì tâm không chỗ y cứ; mắt không có tâm thì mắt không thấy chi cả. Tâm và mắt hòa hợp mới rõ Đông Tây, Thiền và Giáo hòa dung mới khéo biết thông bát. Nên biết, cơ có lợi độn; pháp có khai mở và cấm ngăn. Nếu tạo ra một con đường cố định để thâm nhiếp mọi cơ, đều trở thành phi báng chánh pháp. Vào thành từ bốn cửa, nhưng cửa nào cũng đều đến dinh phủ; tu tâm theo bốn cõi, cõi nào cũng đều lên bờ giác. Người học giáo pháp không thể nghiên lệch tà vạy, các vị tham thiền nên hiểu rõ như thế! Phương tiện quyền biến và chưa thật vận dụng ở nơi người, chỉ nên dung thông Sự Lý, không thể chấp pháp thành bệnh.

Tam tuệ Văn, Tư, Tu; tam học Giới, Định, Tuệ đều phải trở về nguồn cội, muốn cho ai nấy được chuyển phàm thành Thánh. Người nay không hiểu rõ, chấp trước một bên, chỉ nói Giáo chẳng thông Thiền, nói Thiền lại chẳng thông Giáo. Vấn đề trừ bỏ chấp trước, nhưng trở lại thành thiên lệch; vốn để bình đẳng tu tâm; lại sinh phân biệt. Thiền tông nói: "*Hoa vàng, trúc biết đều là chân như*". Giáo môn nói: "*Một sắc, một hương toàn là Trung đạo*". Bồ tát Thế Chí nhân niệm Phật tự được tâm khai ngộ. Đại sư Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa được thấy pháp chân thật. Mọi nơi đều tồn tại đạo nhiệm mầu, há lại ở chỗ tranh luận huyền ảo!

Nay muốn tâm phàm và thân cõi hòa dung; niệm Phật, Thiền, Giáo cùng chung một đạo. Vào cửa tuy khác, nhưng rốt cuộc vốn đồng. Chớ sinh khởi yêu ghét, đừng phân biệt kia đây. Mọi người phải nên cứu xét cội gốc, đừng cạnh tranh trên cành lá. Không nên chấp chân thật, chê bai quyền biến, hay chấp quyền biến, chê bai chân thật.

Quốc sư Thanh Lương nói:

*Biển nghiệp trần lao
Hoặc kết chấp chặt
Tình hết, kiến trừ
Chẳng nhọc thâm thập.*

Ba thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng thân; bốn cõi: Tịch Quang, Thật Báo(54), Phương Tiện(55), Đồng Cư đều phải về nơi nguồn cội, tất cả cùng trở về một con đường. Một thân tức ba thân, bốn cõi là một cõi, chẳng sau chẳng trước, không đến không đi. Do tình chấp mà thấy có sai biệt, chẳng phải đức Phật che dấu. Chỉ chấp nhận tâm truyền, chẳng thông qua ngôn ngữ, cùng khắp viên dung, vô tận vô cùng.

Nhất chân vô ngại trùng trùng lớp lớp, dù cho mạng lưới ngọc của Đế Thích cũng chẳng thể nào ví dụ được. Xoay chuyển cơ quan(56) thấy đều thông suốt, chẳng do nơi lợi lạc mà chỉ nhờ tinh sáng. Phật Tỳ Lô đăc đạo thì chấp nhận cho ông thành tựu, dứt hẳn sinh tử, liền phóng ánh sáng. Nếu chẳng nghĩ bàn thì sông trong, biển lặng.

*Một cõi phân bốn cõi
Cõi cõi đều ba thân
Thân cõi không cùng tận
Tình chấp dường như sao.
Như Lai lực vô ngại
Tựa trăng giữa trời cao
Nơi nơi đều thấy trắng
Chốn chốn tràn ánh sáng.*

KỆ TỤNG

ĐẠI ĐẠO THÔNG THIÊN HẠ

*Sáng tỏ mấy trăm châu
Châu châu đều có lối
Lối lối hợp xuân thu
Mê mờ ba thân khác
Tỏ ngộ một cũng thôi
Chỗ không có, kia đây
Chớ đem kết oán thù.*

ĐỀ CƯƠNG NIỆM PHẬT

*Vốn không có dấu vết
Phương tiện bày cho anh
Nếu ai hỏi thế nào?
Nam mô A Di Đà!*

NIỆM PHẬT TÂM KHAI

*Chuyên tu Tam muội, niệm Di Đà
Di Đà bỗng gặp ở trong ta
Mới biết dưới chân đều Bảo sở(57)
Cõi cõi dung thông chẳng có xa.*

THIÊN, GIÁO THÀNH TỰU LÃN NHAU

*Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân giáo
Đạt Ma, Nam Sơn, ý vốn đồng
Pháp môn số lượng vô cùng tận
Chẳng lìa mây tơ, dứt diệu thô.*

BA THÂN THỂ ĐỒNG

*Ba đức ẩn kín với ba thân
Mở cuốn tùy duyên, phân chẳng phân
Chốn chốn dung thông không ngăn ngại
Chớ nên nhất định nói ba người.*

TAM BẢO KHÔNG KHÁC

*Phật, pháp, tạng bảo rất là chân
Chẳng khác hiện giờ một điểm linh
Nêu một tức ba, ba là một
Chớ để nhân lầm kim chỉ nam.*

THÂN CỠI KHÔNG HAI

*Tỳ Lô tức là Tịch Quang độ
Tịch Quang tức là đại Tỳ Lô
Thân cội xưa nay không hai tướng
Hoàng thành vốn là đại kinh đô.*

TÂM PHẬT KHÔNG KHÁC

*Tâm này chính là Phật Di Đà
Di Đà chính là tự tâm nguyên
Mọi người đều bảo trắng khuyết giảm
Ai tin xưa nay vãng nhật viên.*

BẬT DẤU KHÔNG TƯỚNG

*Một niệm sáng tròn trùn pháp giới
Khởi hướng ba kỳ chấp kiếp tu
Nếu ở trong đây hay rõ được
Một điểm vi trần cũng chẳng lưu.*

TÌNH HẾT TỎ TƯỜNG

*Tỳ Lô hải tạng toàn không dấu
Tịch Quang cội diệu vết cũng không
Kiếp hỏa cháy tiêu dù kẻ tóc
Non xanh vẫn thế mây trắng trong.*

NƠI NƠI THẤY ĐẠO

*Tịch Quang kim bảo và cát bùn
Chốn chốn không tâm tức là nhà*

*Rõ được trong đây huyền diệu ý
Ưu đàm vốn là Bạch liên hoa.*

CHỖ CHỖN GẶP NGUỒN

*Tâm tâm, niệm niệm Phật Di Đà
Nơi nơi chốn chốn Tỳ Lô xưa
Vi trần biển cõi như sao bủa
Sơn tăng râu trong một họa đồ.*

CHÚ THÍCH:

(54) **Thật Báo:** nơi sinh về của các vị Bồ tát đã đoạn trừ một phần vô minh. Đây là cõi nước vô ngại tự tại, là quả báo có được nhờ tu đạo chân thật nên gọi là Thật Báo Vô Chướng Ngại độ; đây là chỗ ở của các vị Bồ tát không có phàm phu và Nhị thừa, là cõi nước quả báo, nơi ở của các vị Bồ tát từ Sơ địa của Biệt giáo trở lên, từ Sơ trụ của Viên giáo trở lên.

(55) **Phương Tiện:** chỗ ở của hàng A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát Địa tiền. Vì các vị này tu phương tiện đạo, đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc nên gọi là phương tiện; nhưng còn dư chướng hoặc vô minh căn bản che lấp Thật tướng trung đạo nên gọi là hữu dư.

(56) **Cơ quan:** mưu chước, cơ pháp mà vị thầy tùy theo căn cơ lập ra, giúp cho người học khai ngộ và chỉ phù hợp với căn bản từng người. Cơ pháp ấy có thể là: công án, thoại đầu, đánh và hét.

(57) **Bảo sở:** dụ cho Niết bàn của Đại thừa, chỉ nơi an trụ rất ráo chân thật.

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM QUYỂN BA

THIÊN THỨ BA **CHÁNH TÔNG NIỆM PHẬT**

Đại sư Minh Giáo nói: "Đức Phật thiết lập giáo pháp hẳn là lấy Thiên làm tông, Phật là vị Tổ khai sáng, Tổ là khuôn phép rộng lớn của giáo pháp, tông là chỗ bao quát toàn thể giáo pháp. Chỗ bao quát toàn thể của giáo pháp, nếu không rõ ràng thì thiên hạ không thể đạt đến chỗ đồng nhất; khuôn phép rộng lớn của giáo pháp, nếu không chân chánh thì thiên hạ không thể chứng đắc chỗ chân thật".

Những người học Phật xưa nay, đem sở học của mình cạnh tranh hơn thua lẫn nhau là vì tông không rõ, Tổ không chánh mà trở thành tai hại. Song, chẳng phải Tổ và tông vốn không rõ ràng, không chân chánh, mà bởi người học đời sau không thể khảo cứu tận cùng kinh luận, sửa đổi cho đúng đắn. Vì thế, nên có những người hạn cuộc nơi giáo pháp, chẳng rõ ý chỉ sâu kín nơi đức Phật, huyền diệu ở ngoài ngôn ngữ. Các Thiền giả chẳng cứu xét lời Phật, chỉ xem khái quát ở trong giáo pháp, tự phát sinh phải quấy lằng xằng với nhau, xưa nay chưa từng tạm thời ngưng nghỉ.

Tôi từng cứu xét trong Đại tạng, hoặc kinh, hoặc truyện để kiểm nghiệm, gọi là Thiền tông đó chính là tâm của Phật, Tổ. Phật nói, một Đại tạng giáo lý chưa từng không lấy tâm làm tông chỉ. Than ôi! Căn cơ của chúng sinh khác biệt, sao có thể lấy một pháp để làm cho họ thấu rõ tâm ấy. Đức Phật thiết lập sự giáo hóa một cách bình đẳng, đối với căn bệnh nào thì cho thứ thuốc ấy thôi.

Vả lại, pháp môn niệm Phật trong tông Tịnh độ có chân thật và quyền biến, có đốn có tiệm, nhưng đều hiển bày lý chân thật mà Như Lai chứng ngộ, mở ra cội nguồn tự tánh của chúng sinh. Lấy môn Niệm Phật Tam-muội thâm nhiếp tất cả mọi người, khiến cho mình tâm thấy tánh, vào nơi trí tuệ Phật.

Có người hỏi:

- Niệm Phật có thể rõ tâm thấy tánh, vào nơi trí tuệ Phật được không?

Tôi đáp:

- Tâm là chủ của vạn pháp. Nếu ta làm chủ được tâm thì đạo nào chẳng thành tựu? Bồ tát Đại Thế Chí do niệm Phật mà chứng ngộ Vô sinh nhẫn. Cứu xét về nhân tu hành của Ngài, thuần là dụng công phu ở nơi niệm Phật, niệm niệm không gián đoạn, nhờ thành một khối. Cho nên nói: "Thâm nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà được chánh định. Đó là bậc nhất".

Bởi lẽ, Phật là tâm, niệm Phật là niệm tâm, tâm tâm không hai. Tâm đã không hai, Phật Phật đều như thế. Một niệm thông suốt, không có bờ mé trước sau. Ba mé đều dứt, đó là đạo tràng chân thật. Mỗi hạt bụi đầu hiển lộ, tất cả cõi hoàn toàn hiển bày, đó là vào nơi biển trí tuệ chân chánh thấy biết tất cả của Như Lai, đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Ý chỉ của niệm Phật đại lược như thế.

Tổ sư Huệ Viễn được Tam muội này, lấy đó dạy cho một trăm hai mươi ba người cùng tu cùng chứng, tư tưởng chuyên nhất lặng lẽ cho đến chỗ cứu cánh. Đây thật là Tổ sư có tâm lo lắng sâu xa cứu giúp mọi loài.

Hơn nữa, thời Đông Tấn, những kinh điển mới lạ chưa được truyền sang, trong nước chưa từng nghe cam lộ Thiền pháp, mỗi người nói tông chỉ thật tương theo mỗi cách khác nhau. Do đó, ngài Huệ Viễn mới sai đệ tử vượt ngọn Thông Lãnh thỉnh Thiền sư từ nơi xa đến, tìm xét kinh điển. Thế nên, Đại sư Minh Giáo trong Định Tổ Đồ nói: "Thời Tần, thấy Trí Nghiêm ở nước Kế Tân, thành khẩn mời thỉnh ngài Bạt Đà La sang Trung Hoa, truyền trao pháp Thiền. Ban đầu đến Trường An, sau đó đến Lô Sơn, cùng với ngài Huệ Viễn phiên dịch Thiền kinh. Sau khi phiên dịch xong, ngài Huệ Viễn viết lời tựa".

Bạt Đà La từng bảo ngài Huệ Viễn rằng: "Các Tổ sư truyền pháp ở Ấn Độ, từ ngài Đại Ca Diếp truyền thừa, về sau gồm có hai mươi bảy vị Tổ. Tổ thứ hai mươi sáu diệt độ gần đây tên là Bất Như Mật Đa và vị đệ tử kế thế của ngài là Bát Nhã Đa La đến giáo hóa ở miền Nam nước Thiên Trúc. Đem ngọn đèn trí tuệ này lần lượt truyền trao cho Đạt Ma Đa La, về sau trở thành vị Tổ thứ hai mươi tám. Nay, tôi theo những điều được nghe ấy mà nói về ý nghĩa này".

Ngài Huệ Viễn nghe Bạt Đà La nói, nên viết lời tựa rằng: "Đạt Ma Đa La là bậc tài trí xuất chúng ở Tây Vực, người nắm Tông chỉ của Thiền phái".

Trong Bảo Lâm Truyện nói: "Bạt Đà La từng nói với ngài Huệ Viễn về sự truyền pháp qua các đời của chư vị Tổ sư". Điều này vốn là nghiệm xét từ nơi kinh Thiền. Do đó, Trương Dĩ viết lời tựa về bài minh nơi ngôi tháp của ngài Huệ Viễn rằng: "Các kinh tâm thiền xuất phát từ Lô Sơn. Sư thường bảo pháp Thiền tinh vi, người không có khả năng chớ nên trao truyền. Chỉ có môn niệm Phật là công đức cao vời và dễ dàng tu tiến, dùng pháp chỉ quán để tu hành, chuyên cần tinh tấn nơi Tịnh nghiệp. Đó là nhờ sự tu hành lắng đọng tinh thần, thực tập lần lần sửa đổi tánh tình. Thật là từ nơi đây mà được vào nơi pháp môn vô tận của Như Lai".

Thế nên, khi giáo pháp Tịnh độ này đến chỗ Đại sư Trí Giả ở Thiên Thai thì Ngài chỉ dạy Tam quán**(58)**, chứng ngộ Nhất tâm, xâu kết tất cả hạnh chánh yếu của Ba thừa, thấu nhiếp hết căn cơ của Năm tánh**(59)**, giao phó gia tài chân thật về quán hạnh, ngộ nhập tri kiến của Như Lai. Từ đó mà biết, cương yếu của môn niệm Phật là lấy kinh Quán Vô Lượng Thọ làm tiêu chuẩn. Kinh này lấy cảnh tịnh của cõi Phật làm chính yếu, lấy trí quán tưởng, hạnh vi diệu làm chỗ hướng đến; lấy thật tướng Di Đà làm thể, lấy bỏ ác làm thiện làm dụng. Thế nên, thấy rõ vô lượng công đức cùng trang nghiêm và tất cả hạnh thù thắng đều dẫn trở về Cực Lạc; lời nói, hỏi đáp, thuyết minh tỏ tường. Ví như các vì sao hướng về Bắc đẩu, muôn dòng sông chảy về biển Đông. Vì thế, bà Vi Đề Hy chẳng trải qua địa vị, nhanh chóng chứng ngộ Vô sinh; người phạm năm tội nghịch**(60)** niệm mười câu Phật hiệu liền lên Cực Lạc. Đây tức là thuộc về giáo lý Viên đốn.

Pháp môn Niệm Phật Tam muội này, có quyền thật, có đốn tiệm, thâm nhiếp mê ngộ, gồm thâm hết tất cả để cùng trở về tông chỉ chân thật. Giống như xe có hai bánh, chim có hai cánh, từ đây mà vào đạo, pháp này đáng gọi là cùng tột. Thế nên, tập hợp mọi phương pháp chánh định, chỉ dạy tông yếu của sự tu hành, khai sáng mắt tâm, chỉ thẳng cội nguồn, ngõ hầu giúp cho người niệm Phật tiến tu, tỏ rõ tông, không mờ mịt nơi Tổ. Còn như một câu hợp cơ, thì Tịnh độ từ nơi tâm hiển lộ đầy đủ.

CHÚ THÍCH:

(58) **Tam quán:** ba pháp quán do Đại sư Trí Giả lập riêng khi giảng kinh Pháp Hoa.

a. *Tùng hạnh quán:* nghĩa là chỉ y cứ theo hạnh môn của các kinh mà tu quán, tức là chỉ đối với muôn cảnh mà quán nhất tâm, muôn cảnh tuy khác nhau nhưng lý diệu quán là một, như quán "ấm"... là thuộc nghĩa ấy.

b. *Phụ pháp quán:* nương vào các pháp tướng để tu viên quán, tức y cứ vào các pháp tướng như Tứ đế Ngũ hạnh... mà vào nhất niệm tâm để thành tựu pháp quán.

c. *Thác sự quán:* nghĩa là giả mượn sự nghĩa để thành tựu tu quán.

Hễ tu một pháp quán nào đều dùng pháp quán đối trị, để giúp cho tu quán. Như giả mượn thành Vương xá để tu quán thì quán Vương là sáu thức tâm vương, Xá là ngũ ấm, thành Vương xá là thân của chúng ta, cho đến thành Vương Xá này tức là Không, Giả, Trung, tâm vương tạo ra Xá này, nếu phân tích ngũ ấm thì Xá là Không, Không tức thành Niết bàn. Theo Thập Bất Nhị Môn Khu Yếu, Thượng, Thập thừa là nghĩa chung của ba thứ pháp quán, còn ba pháp quán tâm: Thác sự, Phụ pháp và Tùng hạnh là tướng khác của ba thứ pháp quán.

(59) **Năm tánh:** năm chủng tánh khác nhau của chúng sinh do chủng tử trong thức A lại da quyết định, không có cách gì thay đổi được. Đây là chủ trương của tông Pháp tướng. Năm tánh là:

a. *Thanh văn thừa định tánh:* người có đủ chủng tử vô lậu có khả năng chứng A la hán.

b. *Độc giác thừa định tánh:* người có đủ chủng tử vô lậu có khả năng chứng quả Bích Chi Phật.

c. *Như Lai thừa định tánh:* người có đủ chủng tử vô lậu có khả năng chứng quả Phật.

d. *Bất định chủng tánh:* người có chủng tử vô lậu, nhưng vẫn chưa quyết định là thuộc căn cơ nào trong Tam thừa. Bất định chủng tánh có bốn:

(a) Nhị tánh bất định của Bồ tát, Thanh văn: người có hai chủng tử quả Phật và quả A la hán.

(b) Nhị tánh bất định của Duyên giác, Bồ tát: người có hai chủng tử quả Phật và quả Bích Chi Phật.

(c) Nhị tánh bất định Thanh văn và Độc giác: người có hai chủng tử quả quả A la hán và quả Bích Chi Phật.

(d) Tam tánh bất định của Thanh văn, Độc giác và Bồ tát: người có ba chủng tử quả quả A la hán và quả Bích Chi Phật và quả Phật.

e. *Vô tánh*: mặc dù không có chủng tử vô lậu của ba thừa, nhưng có chủng tử hữu lậu có thể đạt được quả trời, người.

Trong năm tánh thì ba tánh Thanh văn định tánh, Duyên giác định tánh, và Vô tánh đều không có chủng tử Phật, rốt ráo không thành Phật nên gọi là Tam vô. Còn Bồ tát định tánh và người chứng quả Phật trong Bất định tánh là có chủng tử Phật và quyết định thành Phật, nên gọi là Nhị hữu.

(60) **Năm tội nghịch** (Ngũ nghịch tội): năm tội cực ác trái với đạo lý. Theo thuyết Tiểu thừa, năm tội nghịch: giết mẹ, giết cha, giết A la hán, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp tăng. Hai tội trước là phá Ân điển, ba tội sau là hủy Đức điển. Người phạm vào năm tội này sẽ bị đọa vào địa ngục Ngũ vô gián. Tội phá hòa hợp tăng chia làm hai:

a. *Phá Yết ma Tăng*: tách rời giáo đoàn mà mình đã sống, thành lập giáo đoàn mới tổ chức các việc Bồ tát, Yết ma riêng biệt.

b. *Phá Pháp luân Tăng*: tôn thờ thầy khác, lập thuyết khác, tổ chức giáo đoàn riêng.

Theo kinh Đại Tát Giá Ni Kiền Tử Sở Thuyết, quyển 4, thì năm tội trọng:

(a) Phá hoại chùa tháp, thiêu đốt kinh tượng, cướp đoạt tài vật của Tam Bảo hoặc sai bảo người khác làm việc này.

(b) Hủy báng Thanh văn, Duyên giác cho đến giáo pháp Đại thừa.

(c) Ngăn cản người xuất gia tu hành hoặc giết hại người xuất gia.

(d) Phạm một trong năm tội Ngũ nghịch của Tiểu thừa.

(e) Chủ trương tất cả đều không có nghiệp báo, thực hành mười nghiệp ác hoặc không sợ quả báo đời sau mà sai bảo người khác làm mười điều ác.

Trong Kim Quang Minh Tội Thắng Vương Kinh Sở, quyển 5, ngài Huệ Chiếu hợp tội giết cha và giết mẹ trong năm tội nghịch của Tiểu thừa thành một, đồng thời thêm vào tội phi báng Phật pháp mà lập thành năm tội nghịch cho cả Tam thừa.

Chương 1 **XÁC ĐỊNH RÕ TỔNG THỂ**

Trong Thông Tán của ngài Từ Ân nói: "Các bậc Cao đức thuở xưa ở phương này, phân định chung về kinh luận có bốn tông:

1. Tông lập tánh.
2. Tông phá tánh.
3. Tông phá tướng.
4. Tông hiển thật.

Các kinh Niết bàn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa... là hiển bày nghĩa Trung đạo chân thật, bỏ Hóa thành [61] về Bảo sở. Vì thế, kinh A Di Đà thuộc về Tông thứ tư.

Y theo văn mà phân định giáo pháp thì giáo pháp chỉ có ba. Theo loại để sắp đặt thì có tám tông:

1. Tông ngã pháp đều có.
2. Tông có pháp không ngã.
3. Tông pháp không tới lui.
4. Tông hiện thông giả thật.
5. Tông tục vọng chân thật.
6. Tông các pháp chỉ là giả danh.
7. Tông thẳng nghĩa đều không.
8. Tông ứng lý viên thật.

Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm và kinh A Di Đà thuộc về Tông thứ tám".

CHÚ THÍCH:

(61) **Hóa thành**: dụ cho Niết Bàn của Tiểu thừa chưa rốt ráo và không thật.

Chương 2 **TÔNG THỂ QUYỀN THẬT VỀ MƯỜI LOẠI TỊNH ĐỘ TRONG HOA NGHIÊM HỢP LUẬN CỦA TRƯỞNG GIẢ LÝ THÔNG HUYỀN**

Biển trí bát ngát mênh mông chẳng thể xét cùng bờ mé, nguồn chân rộng lớn bao la khó tìm kiếm được bến bờ. Pháp giới Tỳ Lô Giá Na, thể tướng bao quát nơi trần sa. Pháp môn Phương Quảng, tịnh uế chan hòa nơi vô cực. Tùy theo nghiệp dụng tu tập trong hiện tại, nên thấy cảnh giới chẳng đồng; vì trái với cảnh Thánh, mà y báo và căn trần bất định. Hoặc dùng quyền biến phân biệt Tịnh độ nơi cõi khác để chỉ cõi uế trước nơi Ta Bà, hoặc bảo nơi đây chỉ là phương tiện để dẫn dắt giáo hóa và nói rõ phương trên mới là cõi Thật Báo. Bồ tát Văn Thù ở thế giới Kim Sắc, từ cõi nước phương Đông đến; Quan Âm ở cõi màu An Lạc, từ Tây Phương sang. Mỗi vị đều có cách hiện bày sự quyền biến khác nhau, dẫn dắt người mê, giúp họ thấu rõ sự lý. Do đó, chúng sinh chỉ

LIÊN TÔNG BẢO GIẢM

nên tin chắc, nhưng không nên chấp trước.

Nay, sơ lược gom các môn lại để giúp cho người mới tu có chỗ y cứ vững. Trình bày tóm lược có mười loại để làm kim chỉ nam.

1. Tịnh Độ trong kinh Di Đà: đây là pháp môn dành cho hàng phàm phu còn một phần chấp tướng, chưa tin được lý chân thật về pháp không. Chỉ do chân thành chuyên nghĩ nhớ tưởng niệm không đổi dời. Vì vậy, tâm được phần nào thanh tịnh mà vắng sinh Tịnh độ. Đó là quyền biến chưa phải chân thật.

2. Tịnh Độ trong kinh Quán Vô Lượng Thọ: đây là pháp môn dành cho những chúng sinh có một phần chưa tin lý chân thật về pháp không và ưa thích sắc tướng vi diệu. Do đó, dạy bảo họ đem tâm chuyên quán tưởng về sắc tướng của Phật A Di Đà, đến khi thành tựu thì vắng sinh cõi Phật. Đó là quyền biến chẳng phải chân thật.

3. Tịnh Độ trong kinh Duy Ma: đức Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, khi Ngài sử dụng thần lực thì tạm hiện bày cõi Phật, nhưng rồi cũng trở về không. Tuy đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, nhưng chưa trình bày đầy đủ về sự rộng lớn và nhỏ hẹp. Ở đây là chân thật mà chưa rộng lớn.

4. Tịnh Độ trong kinh Phạm Võng: tuy nói một đóa hoa vương to lớn và có ngàn cánh. Trên mỗi một cánh có trăm ức vị Hóa Phật, giáo hóa các chúng sinh trong trăm ức tứ thiên hạ. Nhưng do hàng Bồ tát Tam thừa thấy chưa được rộng lớn nên phân ngàn cánh kia và hoa vương kia nói là cảnh Thật Báo chưa viên mãn. Đây là quyền biến chưa phải chân thật.

5. Tịnh Độ của cõi trời Ma Hê Thủ La: đức Như Lai ở nơi tòa sen, thành tựu đạo giác ngộ chân chánh, lấy đó làm Thật Báo. Còn lúc đức Phật ở trong đạo tràng Bồ đề, nước Ma Kiệt Đà nơi cõi Diêm phù đề này thành tựu đạo giác ngộ chân chánh, đó là vì để giáo hóa hàng Bồ tát quyền giáo trong ba thừa. Đối với người vẫn còn cái thấy về nhiệm và tịnh, nói rằng cõi Diêm phù- đề này và sáu cõi Trời... là cõi Dục hữu lậu, còn cõi trời Ma Hê Thủ La thượng giới là vô lậu. Tâm còn nhiễm và tịnh, chưa quên kia đây... Đó là giáo lý quyền biến chưa phải chân thật.

6. Tịnh Độ được trình bày trong kinh Niết Bàn: đức Như Lai có Tịnh độ Thật Báo ở Tây Phương, trải qua số cõi Phật nhiều gấp hai mươi hai lần số cát sông Hằng. Đây là giáo lý quyền biến trong ba thừa để giáo hóa những người còn một phần nhiễm tịnh chưa hết. Nói Tam thiên Đại thiên thế giới này đều là cõi uế trược, và dùng phương tiện quyền biến nói rằng chỉ có cảnh Thật Báo của Như Lai là cõi Tịnh độ ở Tây Phương. Đây là quyền biến chẳng phải chân thật.

7. Tịnh Độ được biến hiện ba lần trong kinh Pháp Hoa: đây là vì hàng Bồ tát trong giáo lý quyền biến ba thừa, chưa hết tâm nhiễm tịnh mà nói, dời chư thiên và loài người đặt ở cõi khác. Đó là quyền biến chẳng phải chân thật.

8. Tịnh Độ được hiển bày trên hội Linh Sơn: đây là vì dẫn dắt hàng Bồ tát trong giáo lý ba thừa chưa hết tâm nhiễm tịnh, khiến họ biết ngay nơi cõi này: uế trước tức là thanh tịnh. Đại chúng tuy có tin nhận, nhưng chưa thể tự thấy. Đó là chân thật chẳng phải quyền biến.

9. Tịnh Độ Duy Tâm: tự mình chứng ngộ tự tâm, ngay nơi thể vô tâm. Tự tánh là trí tuệ chân thật, chẳng còn suy nghĩ phân biệt tịnh uế, xứng hợp với chân tánh. Tâm không ngăn ngại, không tham, không si, hờn nhiên vận dụng từ bi, trí tuệ để làm an lạc chúng sinh. Đây là Tịnh độ chân thật, do tự mình thanh tịnh nên khiến cho người khác cũng thanh tịnh. Thế nên, kinh Duy Ma nói: "Tùy theo tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Muốn được cõi nước thanh tịnh nên thanh tịnh tâm mình". Đó là Tịnh độ chân thật.

10. Tịnh độ của Phật Tỳ Lô Giá Na cư trú: là ở cõi nước của mười đức Phật. Cõi nước Phật Liên Hoa bao hàm cả tịnh lẫn uế. Cõi ấy không uế, không tịnh, không có tướng cao thấp, kia đây, mình người. Mỗi một cõi Phật đều trải rộng cùng khắp pháp giới, nhưng không chướng ngại nhau. Nói sơ lược về cõi nước nhiều như cát bụi của mười đức Phật để thấy được vô tận cõi Phật không ra ngoài một hạt bụi, vì không có lớn nhỏ nên không lập ra hạn lượng. Lấy pháp làm giới, chẳng hạn cuộc ở nơi bờ mé, sắc tượng trùng trùng. Đây là Tịnh độ chân thật, chẳng thuộc về quyền biến.

Ngài Ngộ Khai nói: "Tảo Bách luận bàn về sự quyền biến và chân thật của mười loại Tịnh độ chưa đạt được ý chỉ, quyết đoán riêng tư theo ý mình, xem thường Tịnh nghiệp Tây Phương. Tại sao? Vì cho là giáo lý quyền biến. Đâu chẳng biết ý nghĩa về quyền biến và chân thật không có hơn kém, không rõ lý nhiệm màu của thể và dụng, chỉ mê lầm vọng sinh chấp trước. Huống chi, Tảo Bách do căn cứ vào kinh Hoa Nghiêm mà phân định giáo pháp, nên mới nói như thế".

Còn như nói: "Phàm phu còn một phần chấp tướng, chưa tin lý chân thật về pháp không". Lời nói ấy thành thật thay! Nên biết thủ tướng là nắm lấy tướng tịnh và uế. Tất cả phàm phu từ lúc sinh đến khi tử, chỉ toàn nắm lấy tướng uế trước, thậm chí tạo mọi nghiệp ác. Đó là lỗi lầm của sự nắm lấy tướng uế trước. Do đó, họ quanh quẩn trong ba đường đen tối không có ngày dừng nghỉ.

Đức Như Lai thường thương xót nỗi đau khổ của chúng sinh, lo nghĩ cứu vớt. Nếu đem lý chân không thật tướng để chỉ dạy ngay thì tuy rất hợp với hoài bão chính yếu của Ngài, nhưng chúng sinh nghiệp chướng nặng nề, trí tuệ tối tăm, làm sao có thể tin

nhận và tu học? Vì vậy, đành phải ấn dấu chỗ chân thật, mà chỉ dạy bỏ uế trước lấy thanh tịnh. Trước tiên là để thoát khỏi nỗi khổ đau trong ba cõi. Đó là quyền biến.

Hai chữ "quyền" và "thật" này vốn ở nơi chúng sinh mà nói, chứ không ở nơi đức Như Lai, cũng không ở nơi kinh giáo. Tại sao chẳng thấu suốt ý chỉ ấy, chỉ theo lời nói để hiểu, chấp hơn chấp kém, chê bai chánh pháp của Như Lai?

Nay tôi thuận theo sự phân định quyền và thật của ngài Tảo Bách để làm sáng tỏ điều này.

Còn như Tịnh nghiệp Tây Phương vốn là pháp môn lợi khắp ba căn, dung thông quyền và thật, thấu suốt trên dưới. Về mặt quyền biến thì thâm nhiếp hàng trung hạ; về mặt chân thật thì thâm nhiếp bậc thượng căn. Trong luận này nói, "Tịnh độ duy tâm" là chân thật, chẳng phải quyền biến. Niệm Phật đến chỗ nhất tâm không loạn, đạt sâu lý nhiệm màu, thế thì chẳng phải duy tâm là gì? Tịnh nghiệp của Tây Phương này đây, không phải phù hợp với giáo pháp chân thật hay sao?

Ở đây, Bảo Giám trích dẫn lời luận bàn của ngài Tảo Bách về sự quyền và thật của Tịnh độ, chỉ là muốn chứng minh thêm nghĩa lý sâu xa của Liên Tông mà thôi.

Chương 3 **NÓI VỀ NIỆM PHẬT, THAM THIỀN CẦU TÔNG CHỈ**

Thiền sư Từ Giác Di nói: "Niệm Phật chẳng ngại tham thiền; tham thiền chẳng ngại niệm Phật. Pháp tuy có hai môn, nhưng lý vốn đồng nhất"

Người thượng trí hẳn làm gì đều không dính mắc vào Nhị đế, còn kẻ hạ trí đều nghiêng về một bên không có sự hòa hợp, cho nên sinh khởi nhiều sự phân tranh. Từ đó, người tham thiền chê bai niệm Phật, người niệm Phật bác bỏ tham thiền, đều là do chấp trước chân thật phỉ báng quyền biến, hoặc chấp trước quyền biến phỉ báng chân thật. Cả hai đều chưa thành đạo quả, mà đã đến Địa ngục trước.

Nên biết, căn cơ dù có sâu cạn, nhưng đều phải được chỗ thích nghi. Ví như người làm ruộng đâu thể giữ kho, người giữ kho sao có thể làm ruộng được. Nếu bảo người làm ruộng đi giữ kho, cũng như kẻ què leo núi; còn nếu bảo người giữ kho đi làm ruộng, cũng như dìm người tài thành kẻ hèn, hoàn toàn không thích hợp. Chi bằng, kẻ làm ruộng hãy tự lo làm ruộng, người coi kho hãy tự coi kho, ai nấy đều được vừa ý tùy theo sở thích của mình. Thế nên, người niệm Phật và tham thiền đều phải tìm cầu tông chỉ. "Núi khe tuy khác, trăng mây vốn đồng".

Thật đáng gọi là:

*Chốn chốn liễu xanh kham buộc ngựa
Nhà nhà trước cửa thầu Trường An.*

Chương 4

TỊNH ĐỘ CHẴNG PHẢI THUYẾT QUYỀN BIẾN CHO HÀNG ĐỘN CĂN

Ngài Tư Phạm là giảng chủ của tông Thiên Thai, cư trú lâu dài nơi núi Lâm Bình, sự hiểu biết và tu hành sáng suốt cao vời, đạt sâu về giáo lý và quán chiếu, thầu suốt cội nguồn về pháp tánh và pháp tướng. Sư thường qua lại với các sĩ phu và đều giải đáp rõ ràng những câu hỏi của mọi người.

Một hôm, Thông phán Trịnh Công hỏi:

- Trong giáo lý nói rõ, niệm Phật A Di Đà nguyện sinh về Tịnh độ, chỉ vì hàng độn căn nên mới dùng phương tiện quyền biến nói ra. Nếu là bậc thượng căn đốn ngộ, một khi vượt qua thì vào thẳng địa vị Phật. Sao lại nhờ vào Tịnh độ của đức Phật khác?

Sư đáp:

- Các bậc Cao đức trong tông Thiên Thai đều quở trách lời nói này. Bảo rằng: "Lúc đức Phật còn ở đời thì có Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền. Sau khi Phật diệt độ, thì có ngài Mã Minh, Long Thọ, Đại sư Trí Giả, Thiền sư Trí Giác ở cõi này, tất cả đều nguyện vãng sinh Tịnh độ. Vậy thì các Ngài đều là hạng độn căn hay sao? Nếu cho đây là giáo lý quyền biến thì lấy pháp gì làm chân thật?". Thuở xưa, Lão Tôn Tân cũng nghi điều này, nhân gặp Dương thứ công là Vương Mẫn Trọng giải bày rõ ràng, nên liền dứt mọi nghi ngờ ấy.

Tin pháp môn Tịnh độ này, chẳng phải sự lập bày quyền biến của Thánh nhân, mà là tông chân thật viên mãn. Chú tâm niệm Phật A Di Đà ắt vãng sinh Tịnh độ. Đó chính là lời nói chân thật xứng hợp bản tánh, chẳng phải là giáo lý quyền biến.

Chương 5

TỊNH ĐỘ TÔNG YẾU CỦA THIÊN SƯ CHÂN YẾT LIỄU

Phật A Di Đà, chúng sinh và tâm chẳng rời nhau, cả ba không khác biệt. Cực Lạc ở khắp mọi nơi, vừa nêu lên một thì đã thâm nhiếp hết toàn thể. Như mạng lưới có cả ngàn hạt bảo châu trên diện của Đế Thích, ánh sáng của ngàn hạt châu đều hiện trong một hạt châu, ánh sáng của một hạt châu chiếu khắp cả ngàn hạt. Tuy mỗi hạt, mỗi hạt phản chiếu qua lại lẫn nhau khắp cả, nhưng hạt châu này không thể là hạt châu kia, và hạt châu kia không phải là hạt châu này. Hòa lẫn nhau mà chẳng có tạp loạn, riêng biệt mà chẳng có phân chia, mỗi hạt đều rõ ràng trải rộng khắp cả, cũng không có chỗ nơi nhất định.

Tịnh độ của Phật A Di Đà tức là một trong ngàn hạt bảo châu. Mười muôn cõi Phật tức là một cõi Phật, đều là một trong ngàn hạt châu. Thánh nhân dùng phương tiện khéo léo dạy người chuyên niệm Phật A Di Đà, đó chính là ở nơi ngàn hạt châu mà chỉ bằng một hạt châu. Thấy một đức Phật tức thấy chư Phật khắp mười phương, cũng là thấy tất cả chúng sinh trong chín pháp giới và biển thế giới nhiều như cát bụi. Mười đời xưa nay, một ẩn nhanh chóng viên mãn, hoàn toàn không còn thiếu sót pháp nào.

Chương 6 **LỜI KHAI THỊ TỊNH ĐỘ THẬT KIẾN CỦA ĐẠI SƯ TỊCH THẬT**

Người không tu Tịnh nghiệp nói:

- Những người tu tập Thiền định, ngộ tánh chân tông, hoặc nghe nói về Tịnh độ ắt bảo rằng Tịnh độ duy tâm. Tâm ta đã thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh, cần gì mong cầu sinh về nơi nào khác!

Ngài Tịch Thật bảo:

- Trong kinh Duy Ma nói: "Đức Như lai dùng ngón chân ấn xuống đất, thì toàn cõi Ta bà đều trang nghiêm thanh tịnh, nhưng mọi người trong chúng hội không thấy được, chỉ có Phạm vương Loa Kế biết được thôi". Nay, những người nói rằng ngộ tánh có thể thấy được Tịnh độ như Phạm vương Loa Kế chẳng? Huống chi ông ở trong căn nhà thấp hẹp, liền mong muốn nhà cao cửa rộng; bữa ăn chỉ có canh rau đạm bạc, thì mong cầu sơn hào hải vị; y phục cũ xấu ắt mong muốn gấm vóc lụa là. Nếu bảo rằng: "Tâm thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh", nhưng sao chẳng xóa tan sự phân biệt như thế? Và lại, ngay khi gặp nỗi khổ già, bệnh, chết, tình người trái ngược ở thế gian, thì vẻ mặt giống như người chưa ngộ. Như vậy, tuy miệng lớn tiếng nói rằng: "Tâm thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh", nhưng thân lại bị phiền não đau khổ trong cõi uế trước ràng buộc. Như vậy, thật sự là tự dối mình. Không nên thế! Cần phải tin theo giáo lý mà tu tập về pháp môn Tịnh độ.

Chương 7 **LỜI KHAI THỊ NIỆM PHẬT SỰ LÝ KHÔNG HAI CỦA LUẬT SƯ ĐẠI TRÍ**

Sư từng viết lời tựa cho quyển Tịnh Độ Tập của Pháp sư Từ Huệ Văn, sơ lược như vậy: "Người học Phật xưa nay, phần nhiều lầm lẫn giữa Sự và Lý". Bảo rằng: "Lý thì mảy trần chẳng lập; Sự thì vạn tượng sum la. Lắng tâm trụ nơi lặng lẽ đó là Lý, động dụng tu hành đó là Sự". Bèn dẫn lời người xưa: "Chỗ Lý chân thật chẳng nhận mảy trần, trong cửa Phật, Sự chẳng bỏ một pháp". Đây chính là lập ra việc đối nghịch giữa Sự và

Ly, cùng rong ruổi nơi có và không. Tôi từng đổi lời nói ấy thành "chỗ Lý chân thật chẳng thiếu mày trần. Trong cửa Phật, Sự chẳng còn một pháp". Tại sao? Vì Lý chân thật gồm đầy đủ tất cả pháp, lẽ nào lại thiếu một mày trần? Còn trong cửa Phật, Sự thì lia tất cả tướng, lẽ nào lại còn một pháp? Như thế, mới thấy Lý Sự như một, có không chẳng hai.

Chương 8

NIỆM PHẬT TÔNG YẾU TRONG LỜI TỰA PHÁP MÔN TỊNH HẠNH CỦA PHÁP SƯ VĂN

Phàm thấu suốt hữu tâm nơi vô tâm, biết rõ vô niệm nơi hữu niệm, chẳng trụ nơi có không thì năng sở đâu còn. Thế nên, niệm niệm tròn sáng, tâm tâm rỗng lặng. Nếu không rõ ý chỉ này, thì pháp nào cũng đều trở thành lầm lỗi. Còn kế hợp tông chỉ, thì môn nào cũng đều thông suốt.

Nay, có thể nói rõ về sự tu hành viên mãn không trái với chỗ chân thật, khiến cho những kẻ vác nặng đi xa trút bỏ được gánh nặng xuống, những người trôi nổi trong biển mê mau chóng bước lên bờ giác. Muốn cầu sinh về Tây Phương thì không gì hơn môn Quán Tưởng Niệm Phật(62).

Tôi vì người tu Tịnh nghiệp đã trích dẫn sơ lược về đại cương trong kinh luận, trước tác thành quyển Pháp Môn Tịnh Hạnh Tây Phương, chỉ rõ đường lối tu hành, giúp mọi người hiểu được yếu chỉ. Nếu có người đã đọc sách này rồi mà vẫn còn không phát khởi lòng tin tu hành, thì khác nào kẻ lao thẳng xuống hầm xí, toàn thân lún sâu mà muốn người cứu vớt. Biết làm thế nào được!

CHÚ THÍCH:

(62) **Quán Tưởng Niệm Phật:** ngồi ngay thẳng, chuyên tâm chánh niệm quán tưởng tướng hảo trang nghiêm của thân Phật, là một trong bốn cách niệm Phật được nói trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Số Sao của ngài Tông Mật.

Theo kinh Quán Phật Tam muội Hải quyển 9, 10 và kinh Tọa Thiền quyển thượng, nếu chuyên quán một trong ba mươi hai tướng của Phật thì diệt được tội nặng sinh tử trong chín mươi ức na do tha hằng hà sa vi trần số kiếp; nếu quán tướng hảo của toàn thân Phật thì phải ngồi ngay thẳng và chính thọ buộc niệm nơi thân Phật, không nghĩ đến các pháp khác như: đất, nước, gió, lửa... thường chỉ nhớ nghĩ thân Phật, thấy chư Phật ở ba đời mười phương đều ở ngay trước mắt, thì diệt trừ được tội chướng của vô lượng kiếp.

Ngoài ra, quán tướng niệm Phật có Nhất tướng quán, Đa tướng quán, Toàn tướng khác nhau.

THIÊN THỨ TƯ CHÁNH PHÁP NIỆM PHẬT

Phật do nơi tâm tạo, đạo ở nơi người hoằng hóa. Chỗ chính yếu của sự hoằng đạo không gì hơn niệm Phật. Niệm Phật tức là làm cho tâm chân chánh, tâm chân chánh nên có thể hợp với đạo. Chỗ tốt cùng của đạo gọi là Phật. Phật nghĩa là "giác". Tất cả chúng sinh đều có tánh bản giác này, nhưng do một niệm sai lầm nên trở thành bất giác. Tướng quốc Bùi Hưu nói: "Trọn ngày Viên giác, mà chưa từng Viên giác là chúng sinh. Đầy đủ Viên giác, mà an trụ vững chắc tánh Viên giác là Như Lai".

Thế nên, đức Phật thành đạo ở xứ Ma Kiệt Đà, nói có bàn không, quán xét tùy theo căn cơ mà chỉ dạy. Đặc biệt ở ngoài các pháp, mở ra một môn niệm Phật. Pháp môn này cắt đứt được cội nguồn đau khổ, là con đường chính yếu để bước vào dòng Thánh. Vì thế, kinh A Di Đà nói: "Từ đây qua phương Tây cách mười muôn ức cõi, có thế giới tên là Cực Lạc, cõi ấy có đức Phật hiệu là A Di Đà. Trong cõi Cực Lạc không có ba độc[/b](63)[/b], tám nạn**(64)**, mà có bảy loại báu và các thứ trang nghiêm vi diệu, lấy pháp làm thân, lấy các bậc Thánh làm bạn. Nếu có thể chí thành tin tưởng phát nguyện quy hướng về cõi ấy thì liền được vãng sinh, vượt qua Tam giới Cửu hữu, chứng ngộ đạo nhiệm mầu Vô thượng của chư Phật". Lời nói ấy thật không lừa dối!

Từ khi giáo pháp lưu truyền qua phương Đông, đến ngài Phật ĐỒ Trùng thì hưng thịnh. Sau ngài Phật ĐỒ Trùng là ngài Đạo An. Dưới cửa của Đạo An lại có ngài Huệ Viễn. Đại sư Huệ Viễn giới hạnh trong sáng tợ châu ngọc, thấu suốt giáo nghĩa rộng sâu như biển cả bao la, thần thái phi phàm, nên kỷ cương của giáo môn được chấn hưng trở lại, đầy đủ hoàn bị hơn. Đại sư trước tác quyển Niệm Phật Tam Muội, Vịnh Thân Khuyến. Khi ấy, các bậc hiền tài thời Đông Tấn kính mộ đạo đức của Ngài, cùng tranh nhau cứu xét đạo này hướng đến con đường chánh giác. Danh tiếng của Đại sư chấn động đến tai vua, một thời đức hạnh của Ngài được mọi người tôn kính. Hòa thượng Đạo An chọn Sư làm đệ tử lớn. Pháp sư Cư Ma La Thập kết làm bạn hiền. Tri thức và tâm lượng của Đại sư Huệ Viễn rất rộng lớn, siêu xuất xưa nay. Ngài còn dùng lời nói phản đối để hành đạo, làm bậc tông sư cho muôn đời, ích lợi rộng rãi Người, Trời.

Đời Tùy, có ngài Trí Giả; đời Ngụy, có Đàm Loan; đời Đường, có Thiện Đạo chấn hưng tông phong. Đời Tống, Đại sư Tông Đản soạn thuật Cam Lộ Sớ, Tĩnh Thường kết Liên Xã, Từ Giác khuyên tu, Thiền sư Diên Thọ dung thông muôn điều thiện để cùng trở về (Vạn Thiện Đồng Quy Tập), tông chủ Nguyên toát yếu các kinh viết thành nghi sám

hối; thực hành phương tiện rộng rãi, uyển chuyển làm nên từ bi. Tổ sư vì muốn khiến cho mọi chúng sinh trên địa cầu thấy Di Đà bản tánh, đạt Tịnh độ duy tâm, ai nấy đều giác ngộ đạo mầu nhiệm Bồ đề, nên bèn lập ra bốn chữ "Phổ Giác Diệu Đạo" định danh cho Liên tông.

Xét thấy bốn chữ, một gương soi suốt vô biên đồng một thể dụng. Tại sao biết như vậy? Nói tóm lại, ví như một thân thể con người mà có nhiều tác dụng của đầu, mắt, tay, chân, nhưng không một bộ phận nào có thể phân chia được. Nếu tự mình không phát nguyện rộng lớn, không có tâm từ bi sâu xa, đâu thể được thiên hạ đời sau tin tưởng.

Tôi từng thầm luận rằng: khắp cả pháp giới chúng sinh gọi là "Phổ"; trí thấu suốt lý này gọi là "Giác"; đức dụng vô biên gọi là "Diệu"; con đường ngàn Thánh cùng cất bước gọi là "Đạo".

Và lại, "Phổ" tức là bản thể tự tâm cùng khắp mười phương; "Giác" tức là tác dụng trí tuệ chiếu soi không mê mờ của tự tâm; "Diệu" tức là hạnh lợi tha và ứng cơ của tự tâm; "Đạo" tức là lý thông đạt trung đạo chân chánh của tự tâm. Hằng sa chư Phật chứng ngộ là chứng đạo này, chỗ mà bao đời Tổ sư đạt được cũng là đạt đạo này, những người vãng sinh Tịnh độ trong mười phương đã học đạo này, những người tu hành thời vị lai sẽ học đạo này. Huống chi, chư Phật và Bồ tát thị hiện ở thế gian làm bậc Đại Đạo sư, các Ngài đều có tâm nguyện từ bi chẳng bỏ chúng sinh. Hoặc làm vua quan, khanh tướng, cư sĩ, tế quan, xuất tục, tại gia, nghịch hành, thuận hạnh, đều đem đạo này giác ngộ cho người.

Chúng sinh trong ba cõi trôi nổi luân chuyển cho đến ngày nay, qua lại trong sáu đường như kiến bò quanh miệng chén không ngày ra khỏi. Bậc Đại Giác từ bi thiết lập phương tiện để dẫn dắt mọi loài, khiến họ thú hướng đến chỗ mà Ngài đã từng hướng đến. Chỗ hướng đến ấy chẳng phải lục đạo, chẳng phải Tam thừa mà chính là đạo Chánh Giác của Như Lai. Người được đạo này cũng dùng đạo đó giáo hóa những người chưa hướng đến. Ví như một ngọn đèn môi sang trăm ngọn đèn, trao đèn tiếp lửa sáng soi kim cổ. Pháp môn chánh tâm của tông niệm Phật này làm cho tâm chúng sinh được ngay thẳng trở về chánh đạo. Người người trao truyền cho nhau vô tận, cho nên gọi là ngọn đèn vô tận. Thuyết Phổ Giác Diệu Đạo đâu phải là lời nói suông!

Bởi lẽ, người người đều có thể làm Phật, chẳng do khoảng cách giữa tầng tục, chẳng do sự phân biệt giữa lợi căn và độn căn, không kia đây, không cao thấp, đồng một bản tánh mà thôi. Thấu được bản tánh ấy là ngộ, quên mất bản tánh ấy là mê, vốn cùng một lý. Mê là phàm phu, ngộ là Thánh nhân. Mê là ngăn cách trên mặt Sự, nhưng Lý thể không ngăn cách; bởi tự mình quên mất, nhưng bản tánh vốn không mất. Thế nên biết, tu Niệm Phật Tam muội tức là làm ngay thẳng tâm mình. Tâm này

ngay thẳng thì tánh thuận với Lý, được tánh thuận với Lý thì sáu trần không thể ô nhiễm, muôn cảnh chẳng thể đổi dời. Động dụng trong một tâm rỗng thanh, lặng lẽ trong sự biến hóa của vạn vật. Chẳng rời chỗ ngồi mà cùng khắp mười phương; vượt lên thế giới Cực Lạc đi vào ngôi nhà Tịch Quang; ở trên đỉnh núi Niết bàn, hướng về Pháp vương Vô thượng. Nghĩa lý chánh tâm của Phổ Giác Diệu Đạo thật rất là cùng tột. Người không biết nghĩa lý này thì công phu ở chỗ nào? Trí tuệ từ đâu phát sinh? Ví như người không có mắt, chẳng thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng, đi trên con đường nguy hiểm sa hầm sụp hố, những hạng người này không thể tính đếm hết được.

Ôi! Cách Phật đã xa, con người phần nhiều hiểu biết sai lầm. Tuy là ở nơi chánh đạo nhưng lại rơi vào tà tông, những kẻ tầm thường mờ tối chỉ thân nhận tri thức đến nỗi bị bọn tà kiến dối trá mê hoặc, bẻ phái nổi dậy công kích lẫn nhau, xôn xao luận bàn về có không, cắt xén hư không, thi nhau bài bác. Có kẻ chấp vào sự tướng chẳng chịu buông bỏ, có người thuận theo ứng duyên không tự giác ngộ, có người giữ cây khô mà nói Thiền định, có kẻ cậy vào thông minh xưng là trí tuệ, có người rong chạy trên con đường sai quấy lại cho là tài năng, có kẻ nhờ vào quý thần mà nói là thần thông, có người thân tâm buông lung mà nói vô ngại, có kẻ miệng tai thầm truyền mà nói là bí quyết, có người chấp vào chữ "Phổ", chữ "Giác" là của tông ta, có kẻ nói chữ "Diệu", chữ "Đạo" của tông kia. Như thế, đều là riêng tư trộm cắp chiếc gương này mà đi vào chỗ tà kiến, đến nỗi bụi dơ che lấp chẳng hiểu rõ tông thể. Tuy được cái danh của gương này nhưng không đạt được công dụng. Đâu chẳng biết, ngài Từ Chiếu lập bốn chữ ấy có ý nghĩa rất sâu xa. Kẻ mê mờ không hiểu rõ, chấp vào đó thì mất tiêu chuẩn.

Huống chi lại có lời nói rằng: giáo pháp của Phật Di Đà dành cho người tại gia, giáo pháp của Phật Thích Ca là dành cho người xuất gia. Họ tự tôn làm Tổ, chấp pháp làm tông. Giữ lấy tâm chấp trước kia đây, đưng đầu vương đó, hạn cuộc vào sự hiểu biết thấp kém nghiêng lệch tà vạy, tự cho mình là phải, người khác là sai, khiến cho chúng ta là hậu duệ của Phật Tổ mà không thể phá trừ sự chấp trước ấy, dẹp bỏ mê lầm của họ. Nếu đã vậy thì làm sao nêu cao mặt trời trí tuệ trong con đường tối tăm?

Thật đau lòng thay! Mạng sống trí tuệ của Phật Tổ lâm nguy, đau đớn còn hơn xẻo thịt trên người. Nghĩ nhớ báo đáp ơn sâu của Phật Tổ, ăn ngủ không yên. Nghĩ đến việc Phật tử các nơi lầm đường tu hành nên tuy chưa thể thấu rõ tận cùng được một phần nhỏ của người xưa, nhưng tâm này không hề lừa dối.

Tôi thường khẩn thiết ở nơi đây, cẩn trọng suy xét trong Cao Tăng Truyện Ký, tìm cầu khắp cả sự tích chân thật của các bậc Hiền triết, cứu xét cội nguồn, trích dẫn lý chân thật, thích đáng và những việc còn để lại, tập hợp mà biên soạn ra. Chỗ thiếu sót thì bổ túc, chỗ dư thừa thì lược bớt, những điều u ẩn làm cho sáng tỏ, lời nhận định thì trưng dẫn chứng minh. Mong rằng nghìn năm sau, người tu Tịnh nghiệp nhân lời nói

mà suy tư về đạo; uống nước biết nguồn, hiểu rõ phong cách của các bậc Thánh xưa để lại; thể hội khuôn phép của Liên tông thuở trước, tiếp nối làm hưng thịnh dòng dõi Phật; xiển dương sáng tỏ đạo nhiệm mầu, khiến cho mạng sống trí tuệ vô cùng, trao truyền ngọn đèn chân thật mãi mãi. Ở trước chẳng nói, bốn chữ một gương soi thấu vô biên đó sao! Người thể hội đạo này nên thận trọng chớ lơ là!

CHÚ THÍCH:

(63) **Tam độc:** ba thứ phiền não: tham dục, sân khuể, ngu si. Tất cả phiền não gọi chung là độc, nhưng ba thứ phiền não này có mặt khắp ba cõi, là thứ độc hại nhất trong thiện tâm xuất thế của chúng sinh, khiến cho hữu tình phải chịu khổ nhiều kiếp và không ra khỏi được, nên đặc biệt gọi là Tam độc. Tam độc này còn là nguồn gốc của ba ác hạnh thân, khẩu, ý, nên cũng gọi là tam bất thiện căn, đứng đầu trong các phiền não căn bản.

Theo Luận Đại Trí Độ 34, Tam độc có hai loại là Chánh tam độc và Tà tam độc. Vì Tà tam độc khó trừ, Chánh tam độc dễ trừ, nên Tịnh độ của chư Phật có Chánh tam độc mà không có Tà tam độc.

Theo Ma Ha Chỉ Quán 6, thượng, tham, sân, si về mặt tư hoặc là Chánh Tam độc và tham, sân, si về mặt kiến hoặc là Tà tam độc.

Theo Đại Tạng Pháp Số 15, Nhị thừa và Bồ tát đều có Tam độc. Hàng Nhị thừa thích cầu Niết bàn là tham dục, chán lìa sinh tử và sân khuể, mê lầm đối với Trung đạo là ngu si. Bồ tát muốn rộng cầu Phật pháp là tham dục, quở trách Nhị thừa là sân khuể, chưa liễu ngộ Phật tánh là ngu si.

(64) **Tám nạn:** tám nơi khổ nạn, chướng ngại chúng sinh đến với pháp đạo. Theo kinh Thập Thượng, Trường A Hàm 9; kinh Bát Nạn, Trung A Hàm 29 thì tám nạn là:

a. *Nạn địa ngục:* chúng sinh do tạo nghiệp ác chiêu cảm quả báo đọa vào Địa ngục, chịu khổ không ngừng suốt đêm trường tăm tối, không được thấy Phật nghe pháp.

b. *Nạn ngạ quỷ:* quỷ đói có ba loại:

(a) Ngạ quỷ nghiệp nặng nhất, nhiều kiếp không được nghe đến tên nước uống.

(b) Ngạ quỷ nghiệp nặng vừa, chỉ ở nhân gian rình tìm nơi tẩy rửa máu mủ dơ uế để ăn.

(c) Ngạ quỷ nghiệp nhẹ, loài này có khi được một bữa no thì lại bị dao rượt đuổi, bức bách không có chỗ trốn, chịu khổ vô lượng.

c. *Nạn súc sinh*: Súc sinh có nhiều loại, mỗi loại đều theo thân gây tạo mà chịu quả báo hoặc có loài được người nuôi dưỡng hoặc có loài ở núi rừng, sông biển thường bị đánh đập, sát hại. Có loài ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô cùng.

d. *Nạn sinh lên cõi trời Trường Thọ*: cõi trời này thọ năm trăm kiếp, tức trời Vô Tướng trong đệ tứ thiên thuộc cõi Sắc. Vô tướng là do tâm tướng không vận hành, giống như cá, trùng, sâu bị ướp lạnh. Ngoại đạo tu hành phần nhiều sinh vào cõi trời này, bị chướng ngại không được thấy Phật, nghe pháp.

e. *Nạn sinh ở cõi Uất Đan Việt*: Uất Đan Việt, Hán dịch là Thắng Xứ. Người sinh vào cõi này thọ đúng một ngàn tuổi, không chết nửa chừng, do đó tham đắm hưởng lạc không chịu nghe giáo hóa. Cõi này lại không được thấy Phật nghe pháp, thế nên không có Thánh nhân xuất hiện.

f. *Nạn điếc, đui, câm, ngọng*: những người tuy sinh trong vùng trung tâm (không phải biên địa), nhưng nghiệp chướng rất nặng, các căn không đủ: điếc, đui, câm, ngọng. Tuy có Phật ra đời mà họ không được thấy Phật, nghe pháp.

g. *Nạn thế trí biện thông*: người tuy thông minh lanh lợi, nhưng chỉ ưa học kinh sách ngoại đạo, không tin chánh pháp xuất thế.

h. *Nạn sinh trước Phật và sau Phật*: người do nghiệp nặng duyên mỏng, sinh trước hoặc sau Phật, không được thấy Phật, nghe pháp.

Theo kinh Tăng Nhất A Hàm 16, phụng trì pháp Bát quan trai có thể đối trị tám nạn này.

Theo luận Thành Thật 2 thì dùng tứ luân để đối trị bát nạn, đó là:

- Ở chỗ lành: được sống ở đô thị.
- Nương người thiện: sinh ra đời gặp Phật.
- Tự phát chánh nguyện: đầy đủ chánh kiến.
- Gieo sẵn căn lành: các căn đầy đủ.

Chương 1 **SƯ HUỆ VIỄN** (Tổ thứ nhất của Liên tông)

Sư hứ là Huệ Viễn, họ Cổ, nguyên quán ở Lô Phiền Nhạn Môn, nay là Đại Châu ở Hà Đông. Ngài sinh tại Thạch Triệu vào năm Giáp Ngọ, niên hiệu Diên Hy; nhằm niên hiệu Hàm Hòa thứ chín (334) đời vua Thành Đế nhà Tấn.

Năm mười hai tuổi, Sư theo cậu ở Lĩnh Cô du học miền Hứa Lạc. Không bao lâu, Sư bác thông Lục Kinh (sáu bộ kinh của nhà Nho: Kinh Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu), thấu suốt những thuyết Chu Dịch, Lão Trang.

Năm hai mươi một tuổi, Sư muốn qua sông ở ẩn với Phạm Tuyên Tử. Nhưng vì lúc ấy có loạn Thạch Hồ, đường giao thông bị trở ngại nên ý nguyện không thành.

Thời gian sau, nghe Pháp sư Đạo An ở tại chùa Nghiệp Trung núi Thái Hành, Sư bèn cùng Sư đệ Huệ Trì tìm đến đó. Sau khi nghe Pháp sư giảng kinh Bát Nhã, Sư suốt thông tỏ ngộ, than rằng: "Phật pháp quả thật vi diệu, xét lại học thuyết của Nho Đạo cửu lưu (chín trường phái học thuật thời Chiến Quốc: Nho gia, Đạo gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia) khác nào như cặn bã". Sư và Huệ Trì xin xuất gia, hai vị thường lấy việc gánh vác Đại pháp làm trách nhiệm của mình. Ngài Đạo An thấy vậy khen ngợi rằng: "Về sau, Phật pháp lưu thông ở Trung Quốc, có lẽ do Huệ Viễn này!".

Năm thứ chín niên hiệu Thái Nguyên (384), đời vua Hiếu Vũ, Sư đến Lô Sơn, cầm tích trượng động xuống đất, nói: "Có suối thì sẽ ở lại nơi đây!".

Bỗng nhiên có dòng nước phúng lên, Sư bèn lấy cỏ tranh dựng am. Giảng kinh Niết bàn, cảm được Sơn thần hiển linh, mưa giông sấm sét mở mang đất đai, trợ giúp vận chuyển cây gỗ. Thái thú Giang Châu kinh ngạc về sự thần dị ấy, tấu xin xây dựng chùa Đông Lâm, gọi đại điện là Thần Vận.

Năm thứ 11 niên hiệu Thái Nguyên (386), ngôi chùa được hoàn thành. Sư thấy ở phía Đông Nam kinh luật chưa đầy đủ, chưa nghe về thiền pháp, bèn dựng lập thiền thất riêng biệt ở trong chùa, thỉnh một Thiền sư chỉ dạy chúng tu tập thiền định. Lại còn sai đệ tử vượt sa mạc tìm cầu kinh nói về thiền, hầu như bốn chúng ở Giang Biểu đều được tu tập. Sư có tâm nguyện làm cho làm cho sự giáo hóa của Đại thừa từ phương Bắc truyền bá đến tận miền Nam.

Sư thường bảo: "Pháp thiền sâu xa mầu nhiệm, người không có khả năng thì chẳng trao truyền. Cửa đi vào đạo công đức cao để tiến tu, niệm Phật làm đầu".

Đồ chúng tới lui ba ngàn người, những bậc có niềm tin chân thật được một trăm hai mươi ba người. Trong đó có mười tám vị đứng đầu, gọi là Đông Lâm Thập Bát Đại Hiền, ở trước tượng Phật Vô Lượng Thọ kiến lập trai đàn thệ nguyện cùng tu Tây Phương Tịnh độ, kết Bạch Liên Xã. Lưu Di Dân viết văn phát nguyện, Sư viết lời tựa Niệm Phật Tam muội.

Tạ Linh Vận cậy tài kiêu căng nhưng vừa gặp Sư liền cung kính khâm phục, đào ao trồng sen, cầu xin gia nhập Liên Xã. Sư nhận thấy Tạ Linh Vận nội tâm hồn tạp nên từ chối.

Ở Lô Sơn nhiều răn, có hành giả không biết là người ở đâu thường hầu bên Sư, rất khéo đuôi răn, đến nay được gọi là "Thánh giả đuôi răn".

Chỗ Sư ở suối chảy vòng quanh chùa, phía dưới vào Hồ Khê. Mỗi khi đưa tiễn khách, Sư lấy Hồ Khê làm ranh giới. Khi ấy, Đào Uyên Minh và Lục Tu Tĩnh tìm đến yết kiến. Lúc đưa khách ra về, vì đàm đạo khế hợp bất giác, Sư bước qua khỏi Hồ Khê hồi nào không hay. Ba người nhìn nhau cả cười, đời sau nhân đó lưu truyền bức họa "Tam tiểu".

Khi ấy, Pháp sư La Thập gửi thư đến khen Sư là "Bồ tát hộ pháp phương Đông". Chúng tăng ngoại quốc đều ca ngợi: "Đất Hán có bậc Đạo sĩ Đại thừa", mỗi khi dâng hương lễ bái đều hướng về phía Đông cúi lễ, dâng tấm lòng về Lô Sơn.

Vua Diêu Tần khâm phục đạo đức, gửi thư liên tiếp. Năm đầu niên hiệu Long An (397) thời Tấn An Đế, Hoàn Huyền khuyên vua thanh lọc tăng ni, nhưng lại bảo Lô Sơn là nơi có đạo đức không cần tra xét. Sư gửi thư ngăn chặn Hoàn Huyền, bèn được khỏi nạn ấy.

Năm đầu niên hiệu Nguyên Hưng (402), Hoàn Huyền gửi văn thư cho Ngài, nói rõ lời đề nghị của Dữu Bạng muốn Sa môn phải lễ bái quốc vương. Sư lại gửi thư bàn luận rõ về việc ấy, nên được bãi bỏ.

Vua An Đế từ Giang Lăng trở về kinh, phụ quốc Hà Vô Kỵ khuyên Sư nghinh tiếp. Sư lấy cố đau yếu từ khước. Vua sai sứ đến thăm hỏi bảo rằng, tờ biểu của Sư đã được nghe. Nhà vua lại đáp lời bằng chiếu chỉ ưu ái ân cần.

Mồng 01 tháng 11 năm Ất Mão niên hiệu Nghĩa Hy (415), Sư nhập định đến ngày 17 mới xuất định, thấy Phật A Di Đà thân sắc vàng đầy khắp hư không. Văn Long Thờ Tịnh Độ nói: "Ngài Huệ Viễn ba lần thấy Thánh tướng mà trầm lặng không nói ra". Đại sư ở Lô Sơn hơn ba mươi năm, chân không bước ra khỏi núi, từ khước mọi sự liên lạc không cần thiết với thế tục.

Mồng 01 tháng 08 năm Bính Thìn (416), Sư nhuộm bệnh, đến mồng sáu thì bệnh tình trầm trọng. Các bậc Tôn đức kỳ cựu khuyên phương tiện dùng thuốc rượu để điều trị, Sư khước từ. Lại thỉnh Sư tạm dùng mật. Ngài sai Luật sư tra xem trong tạng, nhưng chưa tìm thấy thì Sư đã tập hợp các đồ đệ dạy rằng: "Ta từ lúc năm mươi tuổi gửi thân nơi núi này, tự xét ắt có ngày mạng tận mới dứt tuyệt duyên ngoài để mong toại

chí nguyện của mình. Chẳng mấy chốc thân thể già suy đã tám mươi ba tuổi rồi, nay ngày giờ đã đến, chỉ mong chôn xương cốt nơi rừng tùng, lấy ngọn núi làm phần mộ, đồng hình trạng với đất đai cây cỏ. Đó là lễ của người xưa, các ông chớ làm trái ngược! Nếu khiến tinh thần chẳng mờ tối mới mong để đạt đến chỗ chí thành. Thương xót thay! Đức Thế Tôn cũng sẽ dùng đạo lực gia hộ".

Đại sư nói xong, liền qua đời. Hàng đệ tử và Thái thú Tâm Dương cùng các quan làm lễ an táng và xây tháp Sư ở phía Tây Lô Sơn.

Vua An Đế sắc phong cho Đại sư thụy hiệu: "Lô Sơn Tôn Giả, Hồng Lô Đại Khanh Bạch Liên Xã Chủ", tháp được đặt tên là Ngưng Tịch. Tạ Linh Vận lập bia ghi lại đức hạnh của Sư, Trương Dĩ viết lời tựa. Đại sư có trước tác Khuôn Sơn Tập 10 quyển, lưu hành ở đời.

Thụy hiệu của Tổ sư Huệ Viễn được phong qua các triều đại:

- Niên hiệu Nghĩa Hy đời Tấn An Đế, phong thụy hiệu: Lô Sơn Tôn Giả, Hồng Lô Đại Khanh Bạch Liên Xã Chủ.
- Năm Mậu Thìn niên hiệu Đại Trung đời Đường, phong thụy hiệu: Đại Sư Biện Giác.
- Năm thứ ba niên hiệu Thăng Nguyên đời Nam Đường, phong thụy hiệu: Đại Sư Chánh Giác.
- Năm thứ ba niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc đời Tống, phong thụy hiệu: Đại Sư Viên Ngộ.
- Năm thứ hai niên hiệu Càn Đạo đời Tống, phong thụy hiệu: Đại Pháp Sư Đăng Biển Chánh Giác Viên Ngộ.

Chương 2

ĐẠI SƯ MINH GIÁO GHI LẠI LỜI KÝ NƠI NHÀ THỜ DI ẢNH TỔ SƯ HUỆ VIỄN

Sự tích ngài Huệ Viễn, học giả tuy xem nhưng ít ai hiểu tường tận được, khiến cho người đời chẳng thấy tỏ tường đức hạnh của bậc tiên hiền. Đó cũng là lỗi lầm của kẻ hậu học.

Tôi đọc Cao Tăng Truyện, Liên Xã Lục và Cửu Giang Tân Cựu Lục, rất mến mộ sáu việc của ngài Huệ Viễn. Thấy rằng có thể dùng để khuyên bảo người học nên mới dẫn ra giải thích, nêu lên nơi nhà thờ di ảnh, nói rõ với những người đến đây.

- Lục Tu Tĩnh là học giả khác đạo mà đưa qua khỏi Hồ Khê, đó là không do người mà vút bỏ lời nói của họ.
- Đào Uyên Minh say sưa rượu chè mà vẫn qua lại, là bởi bỏ qua tiểu tiết, nhận lấy sự thông đạt của người.
- Cao tăng Bạt Đà do hiển bày những việc lạ kỳ nên bị đuổi mà mời về, lại còn khen ngợi, là bởi trọng người có trí thức để sửa đổi những kẻ ganh ghét bậc hiền tài.
- Tạ Linh Vận do tâm hỗn tạp nên không tiếp nhận, kết quả bị chết bởi hành hình, là vì biết tánh khí của người ấy mà cẩn thận về sau.
- Lô Tuần muốn tạo phản mà nắm tay nhận bạn cũ, là bởi vì tự tin tưởng đạo đức.
- Hoàn Huyền uy thế lẫy lừng mà chống lại không khuất phục, là bởi vì có tiết tháo lớn.

Nói chung, tình người xưa nay không ai chẳng sợ uy thế mà tạm lánh tai ương, quên tình nghĩa để tránh sự nghi ngờ, háo danh mê mờ sự thật, a dua theo quyền thế, tàn nhẫn đối với kẻ cô độc; thay đổi cử chỉ vì sợ liên lụy; cho mình là đúng, kẻ khác là sai.

Ai có đạo đức được tôn kính một đời, làm bậc thầy của người hiền, lại vì vài lời nói mà nghe theo người sao?

Ai vốn đã có đức thù thắng, hạnh trong sạch, lại chịu kết giao với kẻ say sưa, tôn trọng sự thông đạt của người?

Có ai lại hạ thấp sự tôn nghiêm của bậc thầy mà quý trọng người khách bị kích bác và xua đuổi, bày tỏ sự hiền tài của người?

Có ai cự tuyệt kẻ sĩ danh tiếng lẫy lừng, chẳng tiếp nhận giáo hóa, giữ được toàn vẹn về sau?

Có ai vì nghĩa chẳng tránh tai họa, vẫn thân thiện với bạn cũ, tin tưởng đạo đức của người?

Có ai đứng trước uy quyền của tướng soái, ở nơi sát phạt bạo ngược mà giữ đạo chẳng khuất phục, gìn tiết tháo của mình?

Thế nên, kiến thức và độ lượng của ngài Huệ Viễn rộng lớn, vượt hẳn cả xưa nay. Còn

như việc gánh vác chánh pháp, mở rộng đạo Thánh, lưu lại công hạnh cho trời người. Kẻ ngu tối này chẳng thể hiểu tường tận, có lẽ Ngài là bậc Thánh chẳng? Bậc Hiền chẳng?

Vĩ đại thay! Khí phách trùm thiên hạ, thanh phong khắp đất trời, đó là danh tiếng của ngài Huệ Viễn. Vẻ thu bốn biển, sừng sừng trong núi thần, đó là sự thanh cao của ngài Huệ Viễn. Rộng trong loài người, phụng trong hàng tăng, từ bỏ quyền vị giống như Sào Phủ, Hứa Do(65) đó là phong cách của ngài Huệ Viễn. Mây trắng hang sâu, cây ngọc cỏ thơm, là nơi gửi thân của Ngài Huệ Viễn.

Kẻ ngu tối này tuy mến mộ nhưng lại hận sinh sau Ngài. Nay chiêm lễ di ảnh, cúi đầu dâng lễ, nguyện đem lời văn quê dốt ghi lên nơi vách.

- Tên họ mười tám bậc đại hiền ở Lô Sơn:

1. Tổ sư Huệ Viễn, họ Cổ, người ở xứ Lô Phiển, Nhạn Môn.
2. Pháp sư Huệ Vĩnh, họ Phồn, người ở Hà Nội.
3. Pháp sư Huệ Trì, sư đệ của ngài Huệ Viễn, cùng sư huynh tôn thờ Pháp sư Đạo An làm thầy.
4. Pháp sư Đạo Sinh, họ Ngụy, người ở Cự Dã, cư ngụ tại Bành Thành, sinh ra trong gia đình quan lại.
5. Tôn giả Phật Đà Da Xá, Trung Hoa gọi là Giác Minh, người ở nước Kế Tân, dòng dõi Bà la môn.
6. Tôn giả Phật Đà Bạt Đà La, Trung Hoa gọi là Giác Hiền, hậu duệ của Cam Lồ Phạn Vương.
7. Pháp sư Huệ Duệ, người ở Ký Châu.
8. Pháp sư Đàm Thuận, người ở Hoàng Long.
9. Pháp sư Đạo Kính, họ Vương, ở Lang Da (huyện Chư Thành ở Sơn Đông), ông nội là Vương Ngưng Chi coi giữ Giang Châu.
10. Pháp sư Đàm Hằng, người ở Hà Đông, xuất gia lúc còn trẻ thơ, chẳng biết họ gì.
11. Pháp sư Đạo Bính, người ở Dĩnh Xuyên, họ Trần.
12. Pháp sư Đàm Tiên, người ở Quảng Lăng, chẳng biết họ gì.
13. Cư sĩ Lưu Di Dân, húy Trình Chi, tự Trọng Tư, người ở Tự Lý tại Bành Thành.
14. Cư sĩ Lô Thứ Tôn, tự Trọng Luân, người ở Nam Xương.
15. Cư sĩ Tôn Bính, Thiểu Văn, người ở Nam Dương.
16. Cư sĩ Trương Dã, tự Lai Dân.
17. Cư sĩ Trương Thuyên,
18. Cư sĩ Châu Tục Chi, tự Đạo Tổ, người ở Hoàng Vu, Nhạn Môn.

Bài thơ của Thiên sư Quán Hưu được ghi nơi thơ di ảnh mười tám bậc Đại Hiền.

CHÚ THÍCH:

(65) **Sào Phủ, Hứa Do**: tên một tích truyện cổ Trung Quốc, lấy tên hai nhân vật trong đó là Sào Phủ (chữ Hán: 巢父) và Hứa Do (許由).

Theo truyền thuyết, hai nhân vật này sống đời vua Nghiêu. Câu chuyện như sau (lời đối thoại theo Chuyện giải buồn của Huỳnh Tịnh Của):

Hứa Do được tiếng là người hiền, vua Nghiêu vờ vào để truyền ngôi.

Hứa Do từ chối, cười mà về rồi ra suối rửa tai.

Khi đó, Sào Phủ mới dắt trâu tới suối uống nước, thấy Hứa Do rửa tai, bèn hỏi tại sao.

Hứa Do trả lời:

- Vua Nghiêu đòi tôi, bảo tôi thì làm vua.

Sào Phủ bèn dắt trâu bỏ lên trên giòng nước cho uống.

Hứa Do hỏi tại sao, Sào Phủ đáp:

- Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống nhầm.

Sào Phủ lại nói:

- Anh đi đâu cho người ta biết vua mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh lợi.

Huỳnh Tịnh Của phê rằng: "Nghe mà rửa, chi bằng giữ vẹn đừng nghe".

Tích Sào Phủ Hứa Do trở thành một điển cố về lòng trong sạch và tính ẩn dật.

Trong tác phẩm Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, đoạn Vân Tiên, Vương Tử Trực, Bùi Kiệm, Trịnh Hâm vào quán nước gặp một chủ quán có vẻ có tài, Vân Tiên khuyên ông ra làm quan. Ông trả lời:

Quán rằng: Nghiêu Thuấn thuở xưa

Khó ngăn Sào Phủ khôn ngừa Hứa Do.

Ý nói, ngay cả đời thịnh vượng thanh bình như thời vua Nghiêu, vua Thuấn mà còn có người ẩn dật không ra làm quan, huống chi thời này!

Chương 3

NÓI RÕ VIỆC THÀNH ĐẠO CỦA TỔ HUỆ VIỄN

Sách Lễ Ký nói: "Tổ tiên không có điều hay mà khen ngợi, là lừa dối; có điều lành mà chẳng biết, là không rõ; biết mà chẳng lưu truyền, là bất nhân. Ba việc ấy là điều mà người quân tử lấy làm hổ thẹn".

Ôi! Đối với người học Phật chúng ta lẽ nào lại không như thế! Tổ sư Huệ Viễn đức hạnh quả vị sáng ngời, công đức rộng lớn. Kẻ ngu này hổ thẹn được dự vào giáo pháp của Ngài, là con cháu trong thời kỳ Liên tông suy vi sa sút, quê mùa dốt nát, ít học bất tài, chưa có thể tiếp nối tông phong thuở trước. Thật là phụ bạc ân đức từ bi của người xưa! Từng đọc Minh Giáo Ký, rất lấy làm hổ thẹn. Lại từng xem Thông Luận của Thiền sư Tú ở Thạch Thất có nói rằng: "Cách Khổng Tử một trăm năm có Mạnh Kha (Mạnh Tử). Khi đó, đạo của Khổng Tử gần như suy vi, Mạnh Kha nỗ lực thực hành đạo ấy, do vậy mà chấn khởi lại".

Phật giáo sang phương Đông, trải qua ba trăm năm có ngài Huệ Viễn. Khi ấy, người xuất gia dần dần thêm nhiều, nhưng chưa có sự thực hành riêng biệt, chưa chế định phép tắt và khuôn mẫu tốt đẹp, làm bậc tông sư trong thiên hạ như ngài Huệ Viễn, Phật đạo do đó bắt đầu chấn hưng. Bởi thế, từng bảo rằng, ngài Huệ Viễn có công lớn đối với Phật giáo, giống như Mạnh Tử trong nhà Nho. Ngài cùng với cao tăng triều sĩ đồng tu Tịnh độ, đạo đức vang đến tận tai vua, giáo pháp truyền khắp thiên hạ. Những người tu tập niệm Phật sau này, chẳng biết ngọn ngành của Tổ sư, mất đi nguồn dòng. Thấy những kẻ Xiển đề bạc phước ở đời ngụy soạn Lô Sơn Thành Đạo Ký, trao chuốt những ngôn từ dối trá, toàn là những lời nói vô căn cứ, dối gạt thiện tín, truyền khắp tai mắt mọi người, đến nay chẳng thể sửa đổi.

Tôi mới tham khảo Đại tạng, Hoảng Minh Tập, Cao Tăng Truyện. Xét tận tường chỗ chính yếu, lược nêu bảy việc để phá trừ mọi sự nghi hoặc. Người hiểu biết nên soi xét:

1. Ngài Huệ Viễn lễ Pháp sư Đạo An ở núi Thái Hành xuất gia, lại tuyên truyền bừa bãi rằng lễ Tôn giả Chiên Đàn làm thầy, đó là điều dối trá thứ nhất.
2. Bừa bãi cho rằng Đạo An là cháu của ngài Huệ Viễn, đó là điều dối trá thứ hai.
3. Ngài Huệ Viễn ba mươi năm không ra khỏi núi, chân không bước vào thế tục, lại bừa bãi nói rằng bị Bạch Trang cướp bắt, đó là điều dối trá thứ ba.
4. Vua nhà Tấn ba lần mời thỉnh, ngài Huệ Viễn lấy cơ bệnh từ chối không đến, lại bừa bãi nói rằng Ngài bán thân làm nô bộc cho Thôi tướng công, đó là điều dối trá thứ tư.

5. Cánh tay phải ngài Đạo An có vòng thịt, lại bừa bãi nói rằng là ngài Huệ Viễn, đó là điều dối trá thứ năm.

6. Khi lâm chung, dặn dò thi hài xương cốt đặt dưới cội tùng ở phía Tây Lô Sơn, xem nơi tháp Ngưng Tịch có thể làm chứng cứ. Thế mà bừa bãi nói rằng Ngài ngồi trên thuyền nhiều màu sắc lên trời Đâu Suất, đó là điều dối trá thứ sáu.

7. Pháp sư Đạo Sinh giảng kinh ở Hồ Khâu, chỉ đá phát thệ, đá bèn gật đầu. Thế mà nói bừa bãi đó là ngài Huệ Viễn, đây là điều dối trá thứ bảy.

Buồn thay! Những kẻ gian nịnh ở đời chẳng biết đạo đức chân thật của Tổ sư, chỉ nghe lời đồn, tô vẽ bừa bãi nhiều việc càn dở, truyền tiếng xấu đến đời sau, khắp nơi chê cười nhạo báng, khinh lờn đạo đức của bậc Thánh. Người hiểu biết thấy vậy chẳng xét nét nguyên do, há lại xem thường Tổ sư hay sao? Như thế, đâu chẳng phải là làm thân Phật ra máu, phạm tội ngũ nghịch ư?

Tôi từng thấy, vào niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, Sư Tài Quán, Huệ Nghiêm và Tạ Linh Vận phiên dịch kinh Niết bàn thêm bớt từ ngữ, nhân đó mơ thấy vị thần quở trách rằng: "Dám đem tình phàm xem thường Thánh điển!". Sư Tài Quán sợ hãi mà ngưng lại.

Còn có ngài Huệ Lâm, do tài học nên được nhà vua quý mến, người thời ấy gọi Huệ Lâm là "Tể tướng áo đen". Ông tự trước tác Hắc Bạch Luận hủy báng Phật giáo, liền bị cảm bệnh dữ, da thịt thối rữa mà chết.

Ôi! Như thế viết bừa bãi truyện ký về Tổ sư, há lại không sợ rơi vào ba đường địa ngục sao?

Phàm những người đồng chí hướng với tôi, nên xét kỹ những việc thật về ngài Huệ Viễn từ gốc đến ngọn; nói rõ khắp nơi, làm cho đạo Tổ sáng ngời mới mong nỗi oan ức của bậc Thánh Hiền do đây được rửa sạch.

Chương 4 **ĐẠI SƯ ĐÀM LOAN**

Thuở nhỏ, nhân dạo núi Ngũ Đài, Đại sư Đàm Loan thấy thần tích linh dị, bèn phát tâm xuất gia. Sư nghiên cứu đầy đủ giáo pháp Đốn, Tiệm của ba thừa, khai mở Định, Tuệ. Sư thường bị bệnh, khi đi đến Phần Châu, chợt thấy mây che khắp cả, cửa trời mở toan, bậc thang dẫn đến sáu tầng trời cõi Dục(66) trên dưới trùng điệp. Sư vừa chớp mắt, bệnh liền được khỏi. Từ đó, khẩn thiết dụng tâm nơi Phật đạo, thường gắng sức như không kịp; dạy bảo cho những kẻ thế tục mê mờ, không phân biệt xa gần.

Lúc đầu, Sư thích thuật học của đạo Tiên, nghe Đào Ân Cư được pháp trường sinh, từ xa tìm đến. Đào Ân Cư trao cho mười quyển kinh Tiên. Sư rất vui mừng, cho rằng đạo thuật Thần Tiên là điều cần thiết.

Khi trở về, qua Lạc Dương, gặp Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi, trong lòng tâm đắc bèn hỏi rằng:

- Trong đạo Phật có pháp trường sinh bất tử chăng?

Bồ Đề Lưu Chi cười đáp:

- Nói về trường sinh bất tử, thật ra chỉ có Phật pháp mà thôi!

Nói xong, lấy kinh Quán Vô Lượng Thọ trao cho và bảo:

- Tu học theo đây thì không còn luân chuyển trong sáu đường, thoát ly hẳn ba cõi. Sự thịnh suy thành bại, đường họa phúc xuống lên, cũng không còn ràng buộc được. Nói về thọ lượng thì kiếp đá và cát sông Hằng cũng chẳng thể sánh bằng. Đây mới thật là pháp trường sinh của đức Phật vậy!

Ngài Đàm Loan nghe nói liền phát khởi lòng tin sâu chắc, bèn đốt kinh Tiên đã học, chuyên tu theo kinh Quán Vô Lượng Thọ. Từ đó, Ngài thông suốt nghĩa lý trong kinh ấy và tu ba phước nghiệp, quán tưởng chín phẩm. Dù lạnh nóng thay đổi, bệnh tật đến thân cũng không lười biếng bê trễ, giữ vững tâm ban đầu. Vua nước Ngụy mến trọng ý chí cao thượng, lại khen ngợi sự tu hành và giáo hóa mọi người, đạo nghiệp rộng lớn, ban hiệu cho Sư là Thần Loan, lại sắc chỉ cho Sư trụ trì chùa Đại Nghiêm ở Tinh Châu, chưa bao lâu dời về chùa Huyền Trung ở Phần Châu.

Một hôm, Sư đang trì tụng, có một vị tăng người Ấn Độ dáng vẻ phi phàm vào trong thất bảo:

- Ta là Long Thọ, ở nơi Tịnh độ, do ông có tâm hướng về Cực Lạc nên đến thăm viếng.

Sư thưa:

- Có việc gì xin Ngài chỉ dạy!

Ngài Long Thọ nói:

*Đã qua, chẳng theo kịp
Chưa đến, không thể tìm*

*Hiện tại, nay ở đâu
Ngựa khỏe khó kéo lại.*

Nói xong liền biến mất.

Do thấy điều kỳ lạ nên Sư biết đã đến kỳ vắng sinh, liền tập hợp đệ tử mấy trăm người, răn dạy rằng:

- Bốn loài luân chuyển nhọc nhằn không có ngày dừng nghỉ. Nỗi khổ nơi địa ngục rất đáng kinh sợ, tịnh nghiệp nơi chín phẩm cần gắng tu!

Nói xong, bảo hàng đệ tử cao tiếng niệm Phật A Di Đà. Sư bèn hướng về phương Tây, nhắm mắt cúi lạy rồi thị tịch.

Lúc ấy, kẻ tăng người tục đều nghe tiếng nhạc rền vang giữa hư không, từ phương Tây vọng lại giây lâu mới dứt.

CHÚ THÍCH:

(66) **Sáu tầng trời cõi Dục:** chỉ cho sáu tầng trời cõi Dục. Đó là:

a. *Tứ Đại Vương Thiên:* cũng gọi Đại Vương Thiên, Tứ Vương Thiên. Có bốn vua trời là: Trì Quốc, Tăng Trưởng, Quảng Mục, Đa Văn và các Thiên chúng. Người ở cõi trời này cao bằng $\frac{1}{4}$ câu lô xá, sống năm trăm tuổi; một ngày đêm ở đây bằng năm chục năm ở trần gian.

b. *Tam Thập Tam Thiên:* cũng gọi là Đạo Lợi Thiên. Gồm ba mươi ba cõi trời: Trời Đế Thích ở giữa, bốn phương mỗi phương đều có tám cõi trời. Thân cao bằng $\frac{1}{2}$ câu lô xá, sống một ngàn tuổi; một ngày đêm ở đây bằng một trăm năm ở nhân gian.

c. *Dạ Ma Thiên:* cũng gọi Diệm Ma Thiên, Viêm Ma Thiên, Thời Phần Thiên. Đứng đầu cõi trời này là Tu Dạ Ma thiên, thân cao bằng $\frac{3}{4}$ của một câu lô xá, sống hai ngàn tuổi; một ngày đêm ở cõi trời này bằng hai trăm năm ở nhân gian.

d. *Đâu Suất Thiên:* cũng gọi Đổ Sứ Đa Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hỷ Túc Thiên. Đứng đầu cõi trời này là vua trời San Đâu Suất Đà. Thân cao một câu lô xá, sống bốn ngàn tuổi; một ngày một đêm nơi này bằng bốn trăm năm ở nhân gian.

e. *Hóa Tự Tại Thiên:* cũng gọi là Lạc Biến Hóa Thiên, Vô Kiêu Lạc Thiên, Vô Cống Lao Thiên, Ni Ma La Thiên. Đứng đầu cõi trời này là vua trời Thiên Hóa. Thân cao một câu lô xá $\frac{1}{4}$, sống tám ngàn tuổi; một ngày đêm ở cõi trời này bằng tám trăm năm ở nhân gian.

f. *Tha Hóa Tự Tại Thiên*: cũng gọi Tha Hóa Tự Chuyển Thiên, Tha Hóa Lạc Thiên, Hóa Ứng Thanh Thiên, Ba La Ni Mật Thiên. Đứng đầu cõi trời này là vua trời Tự Tại. Thân cao một câu lô xá $\frac{1}{2}$, sống mười sáu ngàn tuổi; một ngày đêm tại đây bằng một ngàn sáu trăm năm ở nhân gian.

Chương 5 **ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ**

Sư hús Trú Khái, tự Đức An, họ Trần, quê ở Dĩnh Xuyên. Mẹ họ Từ, mộng thấy mây khói năm sắc bay quanh thân mà cảm mang thai Ngài. Đến khi đản sinh, trong nhà bỗng nhiên ánh sáng chiếu soi rạng ngời.

Sư sinh ra đã có tướng lạ: mày thanh tú, mắt dài sáng, mũi tròng có hai con người. Lúc còn nhỏ hễ gặp hình tượng Phật Bồ tát thì liền đánh lễ, thấy chư tăng thì rất cung kính.

Năm mười tám tuổi, Sư nương theo Pháp sư Pháp Chử ở chùa Quả Nguyện, tại Tương Châu xuất gia. Sư thường tụng kinh Pháp Hoa, kiêm thông luật tạng, tính ưa tu tập Thiền định. Về sau, lại nhằm hướng Bắc đến núi Đại Tô, lễ Thiên sư Huệ Tư làm thầy. Ngài Huệ Tư vừa nhìn thấy Sư, liền bảo:

- Ta với ông xưa kia đồng nghe kinh Pháp Hoa ở Linh Sơn, duyên xưa vẫn còn, nay lại gặp nhau!

Nhân đó, được Thiên sư truyền trao pháp tu Pháp Hoa Tam muội.

Sư tụng kinh trải qua hai mươi một ngày, đến phẩm Dược Vương Bốn Sự tới câu: "Đó là tinh tấn chân thật, đó gọi là cúng dường pháp chân thật...", thân tâm chợt rộng rang, lặng lẽ vào định, soi sáng Pháp Hoa như mặt trời chiếu khắp vạn vật; thấu suốt tướng của các pháp như gió mát dạo giữa hư không. Sư đem chỗ chứng ngộ bạch với Ngài Huệ Tư. Thiên sư ngợi khen, bảo:

- Chỉ riêng ông mới chứng, duy có ta mới biết! Cảnh mà ông chứng đó là tiền phương tiện của Pháp Hoa Tam muội. Ông được Tuyên Đà la ni, trong những người thuyết pháp ông là bậc nhất.

Về sau, Sư hoằng pháp ở Nghiệp Đô, các Pháp sư tài giỏi đương thời thấy đều khuất phục.

Sau, Sư vào núi Thiên Thai, hàng phục ma quân, tiến tu đạo hạnh. Khi hóa duyên đã mãn, Sư ở trước tượng Phật bằng đá lớn tại Tân Xương thị hiện có bệnh, bảo rằng

nhập diệt. Đệ tử thưa hỏi:

- Ngài có được sinh về Tây Phương chăng?

Sư đáp:

- Các thầy bạn đều theo Bồ tát Quán Âm tới rước ta vãng sinh!

Đến tối, thị giả thấy có Phật đến, thân Phật to lớn gấp đôi tượng Phật đá lớn.

Lúc sắp lâm chung, Sư nói về các pháp môn, bảo đại chúng tụng kinh Vô Lượng Thọ và đề mục của kinh Quán Vô Lượng Thọ. Sư bèn nhìn khắp đại chúng, chấp tay khen ngợi rằng:

- Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ, ao sen cây báu để vãng sinh mà ít kẻ nguyện cầu. Người tạo năm tội nghịch, mười điều ác tướng địa ngục hiện, một niệm cải hối còn được sinh về; huống là bậc huân tu giới định, nỗ lực thực hành đạo Thánh, tất công phu chẳng luống uổng vậy!

Nói xong, xướng danh Tam Bảo rồi điềm nhiên thị tịch.

Về sau, có vị tăng mong muốn biết Sư sinh về cõi nào, bèn nằm mộng thấy Ngài theo sau Bồ tát Quán Thế Âm thân sắc vàng chói, cao lớn mấy trượng, đi đến bảo rằng:

- Trí Giả đã sinh về Tây Phương! Ông đừng nên nghi ngờ nữa!

Chương 6 **ĐẠI SƯ THIỆN ĐẠO** (Tổ thứ hai của Liên tông)

Niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Đại sư Thiện Đạo chu du khắp nơi tìm hỏi đạo pháp, nhân thấy Thiền sư Đạo Xước ở Tây Hà thực hành những phương pháp sám hối Đại thừa và đạo tràng Tịnh độ cứu phẩm, giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, Sư rất vui mừng bảo:

- Đây mới thật là lối chính yếu đi vào cảnh Phật. Tu các hạnh nghiệp khác quanh co khó thành tựu, chỉ môn quán này mau thoát sinh tử. Nay ta đã được rồi vậy!

Từ đó, Ngài siêng năng tinh tấn không ngại khổ nhọc như cứu lửa cháy trên đầu. Về sau, đến kinh sư khuyến khích bốn chúng đệ tử**(67)** tu hành, không kể là kẻ sang người hèn, ngay cả bọn bán rượu thịt cũng cảm ngộ được.

Sư mỗi khi vào thất, quỳ chắp tay nhất tâm niệm Phật, nếu chưa đến lúc kiệt sức, quyết không chịu thôi nghỉ, thậm chí trời lạnh buốt cũng đổ mồ hôi. Tướng trạng ấy là bày tỏ lòng chí thành tinh tấn của Sư.

Lúc ra thất, diễn nói pháp môn Tịnh độ cho đại chúng, giáo hóa người tăng kẻ tục, làm cho họ phát tâm đạo tâm tu hạnh Tịnh độ, không khi nào không làm lợi ích cho mọi người. Hơn hai mươi năm không có chỗ ngủ nghỉ, chưa từng tạm thời nghỉ ngơi, trừ khi tắm gội, chưa từng cởi áo. Sư thực hành pháp Ban chu Tam muội, lễ Phật Phương Đăng, chuyên lấy đó làm trách nhiệm của mình.

Sư giữ gìn giới hạnh không sai phạm một mảy may, chưa từng ngược mắt nhìn người nữ, tâm dứt hẳn nơi danh lợi, tránh xa những sự cười đùa. Dùng việc tu thân thanh tịnh làm sự cúng dường; đồ ăn, thức uống, tứ sự(68) không tự hưởng đều đem bố thí. Được thức ăn ngon đưa cho nhà trù để cúng dường đại chúng, chẳng dùng sữa lạc, đề hồ, phần mình chỉ dùng thức ăn đạm bạc.

Sư đem những tịnh tài được dâng tặng dùng để viết hơn mười vạn quyển kinh A Di Đà, vẽ hơn ba trăm bức Tịnh độ biến tướng; thấy chùa tháp hư hoại đều tu sửa lại, đốt đèn tiếp nối ánh sáng suốt năm chẳng dứt; ba y, bình bát chẳng sai khiến người khác mang rửa, trước sau không đổi thay.

Sư giáo hóa những người có duyên, thường tự đi một mình không đi chung với mọi người, sợ đi cùng với người khác bàn luận việc đời trở ngại cho việc tu hành của mình. Hoặc có người tìm kiếm lễ bái được nghe Ngài nói một ít pháp, hoặc có người được cùng dự đạo tràng, đích thân tiếp nhận lời dạy bảo; hoặc có người chưa từng thấy nghe, tìm kiếm giáo nghĩa; hoặc có người truyền trao lần lượt pháp môn Tịnh độ hoặc tụng kinh A Di Đà mười vạn biến, cho đến ba mươi vạn biến, niệm Phật A Di Đà mỗi ngày một vạn năm ngàn câu, cho đến mười vạn và được niệm Phật Tam muội, vắng sinh Tịnh độ đông không thể kể xiết.

Có người hỏi:

- Niệm Phật được vắng sinh chẳng?

Ngài đáp:

- Tùy theo sự tinh tấn niệm Phật, chắc chắn ông sẽ được mãn nguyện.

Nói xong, Ngài tự niệm Nam mô A Di Đà Phật, liền có một tia sáng từ trong miệng phóng ra. Kế lại liên tiếp niệm từ mười cho đến một trăm câu, ánh sáng cũng thế.

Một hôm, Đại sư bỗng bảo mọi người:

- Thân này đáng chán, các khổ bức ngặt, tâm tư biến đổi không tạm dừng nghỉ.

Nói xong, leo lên cây liễu trước chùa, hướng về Tây nguyện rằng:

- Nguyện oai thần của Phật mau chóng tiếp dẫn con; Bồ tát Quán Âm Thế Chí cũng đến trợ giúp, khiến tâm con chẳng mất chánh niệm, chẳng sợ hãi, ở trong giáo pháp Phật Di Đà chẳng phát sinh mảy may lui sụt.

Nguyện xong, Ngài ở trên cây, đứng nghiêm trang thoát hóa.

Khi ấy, các sĩ đại phu ở kinh sư, thành kính tin tưởng thâm nhất hài cốt an táng. Hoàng đế Cao Tông nghe nói Ngài niệm Phật phát ra ánh sáng, lại hay khi xả bỏ báo thân an lành đến như thế, nên ban một tấm biển sắc tặng hiệu chùa là Quang Minh Tự.

Lược truyện của ngài Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc nói Hòa thượng Thiện Đạo là Phật A Di Đà hóa thân. Từ khi đến Trường An, nghe tiếng nước chảy, Hòa thượng bảo có thể dạy niệm Phật, bèn lập Ngũ Hội Giáo, khuyên bảo giáo hóa rộng rãi. Có người rất mực tin tưởng, thấy Hòa thượng niệm Phật, Phật tử trong miệng hiện ra. Sau ba năm, trong thành Trường An đều biết niệm Phật. Việc này thấy trong biệt truyện, về sau có Đại sư Pháp Chiếu là hậu thân của ngài Thiện Đạo, vào thời vua Đức Tông mở Ngũ Hội Giáo ở Tinh Châu dạy người niệm Phật. Nhà vua ở Trường An thường nghe phía Đông Bắc có tiếng niệm Phật. Vua sai sứ đi tìm, đến Đại Khang quả nhiên thấy ngài Pháp Chiếu dạy người niệm Phật. Vua bèn mời vào cung. Ngài bèn mở năm hội niệm Phật dạy mọi người trong cung tu hành, việc này có ghi rõ trong truyện ký.

CHÚ THÍCH:

(67) **Bốn chúng đệ tử**: chỉ cho bốn chúng đệ tử tạo thành giáo đoàn Phật giáo, tức Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di hoặc chỉ riêng cho bốn chúng xuất gia là Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Sa di và Sa di ni.

(68) **Tứ sự**: dâng cúng bốn món cần thiết trong sinh hoạt hàng ngày lên Phật và Tăng, đó là y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men hoặc chỉ cho y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, phòng xá.

Chương 7 **ĐẠI SƯ PHÁP CHIẾU**

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai đời nhà Đường (767), Ngài ở chùa Vân Phong tại Hành Châu huân tu từ bi, nhẫn nhục, giới hạnh, Thiền định, được mọi người đương thời quy

kính.

Một buổi sáng nọ, vào lúc thanh trai, Sư thấy trong bát cháo nơi tăng đường hiện rõ bóng mây ngũ sắc. Trong mây hiện ra cảnh chùa, phía Đông Bắc của chùa có dãy núi lớn, chân núi có khe nước. Phía Bắc có khe nước lại có cửa ngõ bằng đá. Trong ngõ đá, khoảng năm dặm lại có một ngôi chùa, trên bảng vàng đề "Đại Thánh Trúc Lâm Tự". Tuy mắt Ngài thấy mà trong lòng còn ngờ là lúc ấy tinh thần không tỉnh sáng. Mấy hôm sau, khi thọ trai, Ngài lại thấy trong bát hiện mây ngũ sắc, trong mây hiện ra mấy cảnh chùa; không có núi rừng nhơ xấu, thuần là cõi sắc vàng; ao đài, lầu các cùng các thứ báu xen kẽ lẫn nhau, muôn vị Bồ tát ở trong đó. Trong ấy, cõi nước trang nghiêm của chư Phật, đủ mọi tướng thù thắng. Sư vui thích đem cảnh tượng này tìm hỏi, có hai vị tăng Gia Diên và Đàm Huy nói: "Sự biến hiện của chư Thánh không thể dùng phàm tình lường xét được, nhưng nếu luận về địa thế non sông, thì đó là cảnh Ngũ Đài Sơn".

Mùa hạ năm Đại Lịch thứ tư (769), Đại sư mở đạo tràng Ngũ Hội Niệm Phật ở chùa Hồ Đông tại Hành Châu. Ngày 02 tháng 06 năm ấy, mây lành ngũ sắc che khắp cả chùa. Trong mây hiện ra lầu các, trên lầu các có mấy vị tăng người Ấn Độ thân cao hơn một trượng, cầm tích trượng hành đạo. Lại thấy Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát Quán Âm, Thế Chí thân tướng cao lớn khắp cả hư không. Lúc trời tối, ở ngoài đạo tràng, Sư gặp một cụ già bảo:

- Trước ông đã phát nguyện muốn đến thế giới kim sắc đánh lễ Đại thánh Văn Thù, sao đến nay vẫn chưa thực hiện?

Ngài nói:

- Thời gian và đường sá khó khăn, biết làm thế nào?

Cụ già bảo:

- Chỉ cần đi ngay thì được, nào có gian nan gì!

Ngài chưa trả lời thì cụ già biến mất.

Do thấy sự lạ kỳ, nên lại phát nguyện:

- Nguyện đem thân này đến gặp Đại Thánh, dù cho có vào trong biển lửa sông băng cũng quyết không lui bước.

Ngày 13 tháng 08 năm ấy, Đại sư cùng mấy người đồng chí hướng, từ Nam Nhạc xuất

phát, quả nhiên không gặp gian nan hiểm trở. Ngày mồng 05 tháng 04 năm Đại Lịch thứ 5 (770), đến huyện Ngũ Đài, từ xa trông thấy phía Nam của chùa có mấy luồng ánh sáng. Ngày mồng 06 đến chùa Phật Quang, in như những cảnh thấy trong bát, không sai khác chút nào. Đêm ấy, vào khoảng canh tư, lại có ánh sáng lạ từ phương Bắc chiếu đến. Ngài chẳng rõ mới hỏi:

- Đây là điềm gì? Lành hay dữ?

Vị tăng bảo:

- Đây là ánh sáng chẳng nghĩ bàn của Đại Thánh thâm nhiếp thân tâm ông, tại sao lại hỏi như thế?

Đại sư nghe rồi, liền đầy đủ oai nghi tiến bước đến chùa. Đến phía Đông Bắc của chùa khoảng năm dặm, quả nhiên có một dãy núi. Dưới chân núi có khe nước, phía Bắc khe có cửa cổng bằng đá. Nơi cửa có hai vị đồng tử, một vị xưng là Thiện Tài, vị kia xưng là Nan Đà. Hai vị dẫn Sư vào cửa, đi về phương Bắc khoảng năm dặm lại thấy một cổng vàng, phía trên có lầu các, bên cạnh lầu các lại có một ngôi chùa, cổng chùa có tấm biển vàng lớn đề: "Đại Thánh Trúc Lâm Tự".

Chu vi của chùa khoảng hai mươi dặm, hơn một trăm viện, mỗi viện đều có bảo tháp. Vàng ròng làm đất, đài hoa cây ngọc đầy khắp trong đó. Sư vào chùa, lên giảng đường, thấy Bồ tát Văn Thù bên Tây, ngài Phổ Hiền bên Đông. Hai vị đều ngồi tòa sư tử cao đẹp. Sư đến trước hai vị Bồ tát đánh lễ, thưa rằng:

- Hàng phàm phu thời mạt pháp, hiểu biết cạn kiệt, tuy có Phật tánh tâm địa mà không sao hiển lộ được. Chưa biết tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Cúi mong Đại Thánh giải trừ mối nghi ngờ cho con!

Bồ tát Văn Thù bảo:

- Lời ông hỏi hiện nay rất đúng lúc. Các môn tu hành, không gì hơn niệm Phật. Ta trong đời quá khứ nhờ niệm Phật mà được Nhất Thiết Chứng Trí. Tất cả các pháp Bát Nhã Ba la mật đa, những môn Thiền định thậm thâm, cho đến biển Chánh Biến Tri của chư Phật đều từ niệm Phật mà sinh.

Pháp Chiếu lại hỏi:

- Nên niệm thế nào?

Ngài Văn Thù dạy:

- Về Phương Tây của thế giới này có Phật A Di Đà, nguyện lực của đức Phật ấy chẳng thể nghĩ bàn. Ông nên chuyên niệm danh hiệu của Ngài nối tiếp không gián đoạn, khi mạng chung chắc chắn được vãng sinh.

Nói xong, hai vị Bồ tát đồng đưa tay vàng xoa đầu Sư, rồi thọ ký:

- Do ông thực hành pháp niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, nên rốt cuộc chứng được đạo giác ngộ tột cùng. Nếu thiện nam tín nữ nào muốn mau giải thoát thì nên niệm Phật.

Khi ấy, hai vị Bồ tát cùng nói kệ. Ngài Pháp Chiếu nghe rồi càng thêm vui vẻ.

Bồ tát Văn Thù lại bảo:

- Ông có thể đi qua các viện đánh lễ chư Bồ tát để được dạy bảo.

Sư theo lời dạy, lần lượt thỉnh vấn và được dạy bảo. Sau đó, đến vườn hoa thất bảo, rồi trở về chỗ Đại Thánh lễ tạ, được hai vị đồng tử Thiện Tài và Nan Đà khi trước đưa ra cửa. Sư lại đánh lễ từ biệt, vừa ngẩng đầu lên thì người và cảnh đều biến mất.

Đến ngày 13, Sư cùng hơn năm mươi vị tăng đến hang Kim Cang Vô Trước, nơi của Đại Thánh. Bỗng thấy chỗ ấy rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, cung điện bằng lưu ly, Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền và khoảng một vạn vị Bồ tát, Phật Đà Ba Lợi cũng ở trong ấy. Ngài Pháp Chiếu được thấy, rồi theo đại chúng trở về chùa. Đêm ấy, vào lúc canh ba, ở lầu Tây viện Hoa Nghiêm lại thấy ven khe nước bên vách núi ở phía Đông chùa có ngọn đèn năm nhánh lớn hơn một thước (khoảng bốn tấc ta). Sư nói: "Nguyện chia làm một trăm ngọn đèn, để về một mặt". Đèn chia ra như nguyện, lại nguyện chia làm ngàn ngọn đuốc, đuốc cũng như vậy, hàng hàng đối nhau, ánh sáng mỗi mỗi giao nhau. Những điều kỳ lạ trong ánh sáng khắp cả núi rừng.

Ngài Pháp Chiếu lại đến hang Kim Cang, mong được thấy Đại Thánh. Đến canh ba, thấy một vị tăng người Ấn Độ tự xưng là Phật Đà Ba Lợi dẫn vào chùa. Đến ngày mồng một tháng chạp, Sư vào đạo tràng niệm Phật ở viện Hoa Nghiêm, nhớ lời hai vị Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền nói Ngài rốt cuộc chứng được đạo giác ngộ tột cùng, lại ghi nhận Ngài niệm Phật A Di Đà quyết định vãng sinh, do đó một lòng niệm Phật. Đang lúc niệm Phật, Sư bỗng thấy một vị tăng người Ấn Độ bước vào đạo tràng bảo:

- Đài hoa nơi Tịnh độ của ông đã hiện rồi. Ba năm sau hoa nở, ông sẽ vãng sinh. Song, ông được thấy các chùa Trúc Lâm, tại sao không nói cho mọi người được rõ?

Đại sư nghe rồi, nhớ lại những cảnh được thấy trước kia, bảo những người thợ điêu

khắc trên đá, đồng thời ở chỗ được thấy Trúc Lâm Tự, đặc biệt xây dựng một ngôi chùa, lấy hiệu là Trúc Lâm. Công trình xây dựng chùa hoàn tất, Sư bảo:

- Việc của tôi đã xong, tôi đâu thể ngưng trệ ở lâu nơi đây.

Vài ngày sau, Sư bèn thị tịch.

Chương 8 **ĐẠI SƯ THIÊU KHANG** (Tổ thứ năm của Liên tông)

Sư là người ở vùng núi Tiên Đô xứ Tấn Vân. Mẹ là La Thị, nhân đạo ở đỉnh Hồ Phong, được ngọc nữ trao cho hoa sen xanh, bảo rằng:

- Hoa này tốt lành, trao cho bà sẽ sinh quý tử.

Ngày sinh ra Sư, có ánh sáng xanh đầy khắp nhà, mùi thơm tợ hoa sen.

Năm 15 tuổi, Sư đọc năm bộ kinh như: Pháp Hoa, Lăng Nghiêm..., lại học tập nghiên cứu giới luật và nghe các bộ luận Hoa Nghiêm, Du Già.

Niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu (785), Sư đến viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thấy chỗ để sách trong đại điện phóng quang, Sư lại tìm xem, thì ánh sáng ấy phát xuất từ tập văn Tây Phương Hóa Đạo của Hòa thượng Thiện Đạo, Sư liền khẩn rằng:

- Nếu tôi có nhân duyên Tịnh độ, nguyện tập văn này phóng quang một lần nữa!

Chưa dứt lời, ánh sáng lại càng chiếu xa rực rỡ. Sư nói:

- Kiếp đá có thể mòn, nhưng nguyện của tôi không thay đổi.

Nhân đó, Sư đến Trường An, chiêm lễ di ảnh của Hòa thượng Thiện Đạo, thành tâm thiết lễ cúng dường. Đang khi lễ, bỗng thấy Đại sư Thiện Đạo hiện trên hư không bảo Ngài rằng:

- Ông y theo lời dạy của ta, làm lợi lạc cho chúng sinh, ngày kia công thành sẽ sinh về Cực Lạc!

Sư nghe rồi như có điều chứng đắc. Sau đó đi về phương Nam, đến chùa Quả Nguyên, ngang qua Giang Lăng, trên đường đi Sư gặp một vị tăng bảo:

- Ông muốn dạy người niệm Phật, nên qua xứ Tân Định.

Nói xong, bỗng biến mất.

Đến Mục Châu, thấy mọi người chưa được giáo hóa, Sư quyền tiền dẫn dụ trẻ con: "Ai niệm một câu A Di Đà Phật thì cho một đồng tiền". Trẻ con vì muốn được tiền nên niệm Phật rất nhiều. Sư lại bảo niệm Phật mười câu mới cho một đồng. Một năm như thế, lớn nhỏ sang hèn, mọi người gặp Sư đều niệm A Di Đà Phật! Do đây, người niệm Phật đầy khắp trên đường.

Năm thứ mười niên hiệu Trinh Nguyên (794), Sư thành lập đạo tràng Tịnh độ ở núi Ô Long, xây đàn tam cấp. Mọi người nhóm họp trưa tối hành đạo. Khi vào đạo tràng, Sư lên tòa bảo đệ tử nam nữ hướng về phương Tây to tiếng niệm A Di Đà Phật. Đại chúng thấy Sư niệm một câu Phật thì Phật từ miệng Ngài hiện ra, niệm liên tục mười câu thì Phật cũng hiện ra liên tiếp như xâu chuỗi. Đại sư bảo:

- Mọi người thấy Phật chẳng? Nếu người thấy Phật chắc chắn vắng sinh Tịnh độ.

Nhưng cũng có kẻ lễ Phật mà chẳng thấy Phật.

Ngày 03 tháng 10 năm thứ 21 niên hiệu Trinh Nguyên (805), Sư dặn dò kẻ tăng người tục:

- Các vị nên phát tâm tinh tấn tu hành để vắng sinh Tịnh độ, đối với Diêm phù đề nên sinh lòng chán nản xa lìa. Giờ đây, thấy Phật mới thật sự là đệ tử của tôi!

Nói xong, Sư phóng mấy tia sáng lạ đẹp, rồi lặng lẽ thị tịch.

Đại chúng xây tháp Sư ở Đài Nham. Về sau, Thiền sư Đức Thiệu ở Thiên Thai trùng tu lại. Người sau phần nhiều cho rằng, tháp ấy là tháp của ngài Thiện Đạo.

Chương 9
ĐẠI SƯ TỈNH THƯỜNG
(Tổ thứ bảy của Liên tông)

Sư hús Tỉnh Thường, tự Tháo Vi, con nhà họ Nhan ở Tiền Đường.

Năm 17 tuổi, Sư xuất gia thọ giới Cụ túc, giới hạnh trang nghiêm, thông suốt Luận Đại Thừa Khởi Tín, tu tập pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai, tiếp nối di phong của ngài Huệ Viễn.

Đời Tống niên hiệu Thuần Hóa, Sư trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ Hàng Châu, chuyên tu Tịnh nghiệp, kết Tịnh Hạnh xã. Tướng quốc Vương Văn Đán làm người đứng đầu trong hội. Những bậc sĩ đại phu tham dự hội đều gởi thi tụng, tự xưng là đệ tử Tịnh Hạnh. Sư bèn tự chích tay lấy máu hòa với mực chép phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm. Mỗi khi viết một chữ, lạy ba lạy, kinh hành ba vòng, niệm danh hiệu Phật ba lần. Khi hoàn thành khắc bản, in ra ngàn quyển phân chia cho ngàn người, lại dùng gỗ hương Chiên đàn đều khắc tượng Phật Tỳ Lô Giá Na. Lúc tượng hoàn thành, Sư quỳ dưới đất chắp tay phát nguyện rằng:

- Con cùng với đại chúng một ngàn người, tám mươi Tỷ kheo, bắt đầu từ hôm nay phát tâm Bồ đề, cùng tận bờ mé vị lai thực hành hạnh Bồ tát. Nguyện hết thân nghiệp báo này được vãng sinh Cực Lạc.

Hàn lâm Thừa chỉ Tống Bạch soạn bia. Hàn lâm Học sĩ Tô Dị Giảng viết lời tựa phẩm Tịnh Hạnh. Trạng nguyên Tôn Hà viết tên những người tham dự Tịnh Hạnh xã lên mặt sau bia đá. Pháp sư Viên ở Cô Sơn viết về hạnh nghiệp của Sư, trong ấy dẫn lời tựa của Tô Dị Giảng: "Tôi sẽ trải tóc để Ngài bước lên, khoét thân thỉnh pháp còn không sần hận, huống gì học vấn cạn cợt, văn từ quê mùa, mà lại lẩn tiếc hay sao!". Lời văn bia của Tống Bạch ghi: "Sư ngưỡng mộ ngài Huệ Viễn, khởi phát Tịnh xã ở Lô Sơn, đổi Liên Hoa thành tên Tịnh Hạnh. Ngài Huệ Viễn ở vào thời suy đồi, những người Ngài kết bạn phân nửa là ẩn sĩ. Đại sư Tỉnh Thường ở thời thanh bình, kết giao phần nhiều là các bậc thiên tài đạo đức. So với thuở trước thì hàng danh sĩ hơn nhiều; lưu lại sự nghiệp đời sau thì có rường cột tiếp nối". Từ lời nói của hai vị ấy mà xét sự hưng thịnh ở thời đó, cũng có thể thấy được phần nào.

Sư thị tịch vào ngày 12 tháng giêng năm thứ tư niên hiệu Thiên Hy (1020), hưởng thọ sáu mươi hai tuổi.

Chương 10
THIÊN SƯ TỪ GIÁC

Sư hús là Tông Trách, hiệu Từ Giác, người ở Tương Dương. Cha mất sớm, mẹ là Trần
LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

thị, được người cậu nuôi dưỡng. Thuở nhỏ học Nho, chí tiết cao vời, học vấn uyên bác.

Năm hai mươi chín tuổi, lễ Thiên sư Tú ở Trường Lô Chân Châu xuất gia, tham cứu thông suốt lẽ huyền diệu, tỏ ngộ chánh pháp nhân tạng của Như Lai.

Niên hiệu Nguyễn Hựu đời Tống, Sư trụ trì chùa Trường Lô, rước mẹ về phụng dưỡng ở tịnh thất phía Đông phương trượng, khuyên bà xuống tóc. Ngoài việc dâng món ngon ngọt ra, Sư còn khuyên mẹ cố gắng trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Bà mẹ mỗi ngày chuyên cần tu hành trước sau bảy năm, lúc lâm chung quả nhiên không bệnh, an lành niệm Phật qua đời. Sư tự bảo, lòng báo đáp mẫu thân đã trọn vẹn, bèn trước tác Khuyến Hiếu Văn nêu gương một trăm hai mươi vị, soạn Ví Giang Tập, Tọa Thiền Châm để noi theo khuôn phép của Lô Sơn. Sư kiến lập Liên Hoa Trắng Hội, khuyên tất cả tăng tục đều tu niệm Phật, chỉ dạy quán tưởng, sau đó lập ra phép tắc cho người dự hội, mỗi ngày niệm Phật A Di Đà từ một trăm câu đến một ngàn câu, từ một ngàn đến một muôn câu, hồi hướng phát nguyện cầu sinh Tịnh độ. Niệm mười câu đánh một chữ thập, đến lúc mặt trời lặn thì tính đếm tất cả số câu Phật hiệu đã niệm trong ngày lấy đó làm công khóa.

Đêm nọ, Sư nằm mộng, thấy có một người khăn đen áo trắng, dáng vẻ thanh nhã, khoảng ba mươi tuổi, đến vòng tay thưa rằng:

- Tôi muốn vào hội Liên Hoa, xin Ngài ghi tên cho!

Thiền sư lấy sổ bộ ra, rồi hỏi:

- Hiền giả tên họ chi?

Đáp:

- Tôi tên Phổ Tuệ.

Khi thấy ghi xong, lại nói:

- Anh nhà cũng cầu xin ghi danh.

Hỏi:

- Xin cho biết tên họ của người anh đó!

Đáp:

- Anh tôi tên là Phổ Hiền.

Nói xong liền ẩn mất.

Tỉnh giấc, Sư đem điềm mộng ấy thuật lại với các bậc Tôn túc rồi bảo:

- Phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm, có hai vị Bồ tát Phổ Hiền, Phổ Tuệ, giúp tuyên dương Phật pháp. Nay tôi lập Liên Hoa Thắng Hội cùng nguyện về Tây Phương, nên cảm hai vị Đại sĩ âm thầm tán trợ!

Nói xong, Ngài để tên hai vị Bồ tát vào hàng người đứng đầu trong hội. Từ đó, xa gần đều được cảm hóa.

Chương 11 **THIÊN SƯ DIÊN THỌ**

Sư tên Diên Thọ, tự Xung Huyền, hiệu Bảo Nhất Tử, người ở Đơn Dương, con nhà họ Vương, lúc mới sinh ra đã có nhiều điềm lạ. Khi cha mẹ tranh cãi thì từ trên giường cao lăn xuống đất, cha mẹ liền thôi. Lớn lên, làm Nho sĩ.

Năm 16 tuổi, Sư dâng Tề Thiên Phú cho Ngô Việt Vương, mọi người khen ngợi là bậc kỳ tài. Sư muốn xuất gia, cha mẹ không cho, bèn lấy dao đâm vào tim, máu tuôn lai láng. Từ đó, Sư tuyệt dứt việc ăn mặn. Cuối cùng cũng toại chí.

Năm 34 tuổi, nương theo Thiên sư Thúc Nham ở chùa Long Sách xuống tóc, thọ giới Cụ túc. Buổi sáng Sư phục vụ đại chúng; ban đêm tu tập Thiền định. Nhân xem Luận Đại Trí Độ nói: " Khi Phật còn tại thế, có một ông lão cầu xin xuất gia. Xá Lợi Phất không cho. Đức Phật xét thấy người này kiếp xưa làm tiểu phu bị cạo rượt đuổi, ông leo lên cây thất thình niệm "Nam mô Phật". Do có điều lành nhỏ ấy, nên gặp Phật được độ, đắc quả A-la-hán". Sư xét nghĩ, những chúng sinh bị nghiệp ràng buộc nơi thế gian chẳng thể giải thoát, chỉ có dùng pháp niệm Phật để dẫn dắt hóa độ, bèn in hình tháp Di Đà bốn mươi vạn bản, khuyến người lễ niệm.

Một hôm, khi đang kinh hành trong sám đường, bỗng thấy hoa sen trên tay tượng Bồ tát Phổ Hiền, nhân đó nghĩ về nguyện xưa, tiến thối chưa quyết định. Sư bèn làm hai lá thăm, một lá đề "Nhất tâm Thiền định", lá kia đề "Vạn thiện sinh Tịnh Độ". Đến nửa đêm, trong lòng thầm nguyện, trong hai con đường này, đường nào công hạnh được thành tựu thì phải bốc trúng bảy lần. Đến khi rút thăm, luôn bảy lần Sư đều bốc nhằm lá "Vạn thiện sinh Tịnh Độ". Từ đó, mỗi ngày Sư tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, thuyết giới, thí thực, phóng sinh, làm một trăm lễ tám việc lợi ích, chưa lúc nào bê trễ. Việt Vương thỉnh Sư trụ trì chùa Tịnh Từ, ban hiệu là Thiên sư Trí Giác. Sư dung hội yếu nghĩa của ba tông, trước tác Tông Cảnh Lục một trăm quyển, Vạn Thiện Đồng Quy

Tập, Thần Thê An Dưỡng Phú... gồm chín mươi bảy quyển, đều được lưu hành ở đời. Sư chí thành tha thiết chuyên đem pháp niệm Phật khuyên bảo mọi người đồng sinh Tịnh độ. Người đời khen ngợi là: "Mẫu mực của Tông môn, bậc siêu xuất trong Tịnh độ".

Lúc lâm chung, Sư dự biết ngày giờ, rất nhiều sự thù thắng. Khi trà tỳ, xá lợi vô số.

Có một vị tăng qua đời, nơi cỗi U minh thấy phía bên trái trong điện, Diêm Vương đang cúng dường và ân cần lễ bái một bức họa hình vị tăng, bảo là: "Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, đã vãng sinh Thượng phẩm nơi Tây Phương, nên tôi kính lễ!".

Chương 12 **SÁM CHỦ TỪ VÂN**

Sư húy Tuân Thức, tự Tri Bạch, họ Diệp, người ở huyện Lâm Hải tại Thái Châu, hiệu là Sám chủ Từ Vân. Mẹ Ngài cầu xin nơi Bồ tát Quán Âm mà sinh được Pháp sư.

Năm mười tám tuổi, đến cầu xin xuất gia với Hòa thượng Nghĩa Toàn ở núi Đông Dịch. Ban đầu ở chùa Thiền Lâm học tập giới luật, sau đó vào chùa Quốc Thanh, trước tượng Bồ tát Phổ Hiền đốt ngón tay, thệ nguyện tu tập giáo pháp tông Thiên Thai. Sư học vấn cao thâm, hành trì kham khổ, tiếng tăm vang khắp hai vùng Triết Đông, Tây; học tập rộng sâu về giáo quán, chuyên chí nơi Tịnh độ.

Sư từng kiệt thất chín mươi ngày, tu hành pháp Ban Chu Tam muội, chuyên cần tinh tấn đến nỗi chân nứt, miệng ói máu, lấy cái chết làm kỳ hạn. Bỗng một hôm, Sư dường như nằm mộng, thấy Bồ tát Quán Âm mặc áo trắng hiện thân đưa tay vào miệng Sư kéo ra vài con lãi, đầu ngón tay của Bồ tát rịn nước cam lồ nhiều vào miệng. Sư nghe trong mình khỏe khoắn, tâm thần an định. Từ đây, bệnh cũ liền khỏi. Sau đó, do công đức lễ sám, đỉnh đầu của Sư nhô cao hơn một tấc, hai tay dài quá gối, tiếng nói như chuông ngân, đều khác với trước kia. Mọi người ai cũng khen ngợi kính ngưỡng.

Sư xây dựng chùa Thiên Trúc mấy trăm gian. Ba lần trải qua nạn giặc, mỗi khi chùa bị đốt thì lửa tự tắt, đó là do nguyện lực kiên cố mà ra. Lúc Sư đang giáo hóa, người trong núi thấy ngôi sao lớn rơi xuống ngọn Linh Thứu. Sư hóa độ đệ tử được một trăm người, học trò một ngàn vị.

Lúc sắp lâm chung, Sư dâng hương chiêm ngưỡng Thánh tượng, dặn dò rằng:

- Chư Phật mười phương đồng trụ nơi chân thật. Xin các Ngài trụ nơi chân thật ấy mà nhận một nén hương này. Chư Phật chứng minh cho con vãng sinh An Dưỡng!

Có người hỏi chỗ về, Sư đáp về Tịnh độ Thường Tịch Quang.

Tối hôm ấy, Sư ngồi kiết già thị tịch, nhắm vào niên hiệu Thiên Thánh, hưởng thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mười.

Sư có trước tác Vãng Sinh Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn và Tịnh Độ Sám Pháp, Kim Quang Minh Sám Nghi, Quán Âm Sám Nghi. Các bản ấy đều được lưu hành ở đời.

Tông phong và giáo nghĩa của tông Thiên Thai hưng thịnh nơi đất Ngô Việt, thật do đạo đức của Đại sư Từ Vân.

Xem trong Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn dẫn lời kinh nói: "Tìm khắp mười phương không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa". Đó là nói về pháp môn Tịnh độ này chăng? Sám chủ tổ ngộ cõi Thường Tịch Quang nơi bản tánh, đi vào cõi Phật thanh tịnh duy tâm. Lợi mình lợi người, Sự Lý vô ngại. Trước thuật mấy trăm thiên, mỗi khi phát ngôn đều lấy Tịnh độ làm tông chỉ hướng về. Xiển dương rộng rãi giáo lý của các kinh, giáo hóa khắp tất cả. Từ khi Sám văn lưu truyền ở đời, người vãng sinh Tịnh độ chẳng biết mấy ngàn muôn. Nối tiếp đạo pháp của tông Thiên Thai, tán dương sự giáo hóa về Tịnh độ trên đời chưa ai sánh kịp với Sư!

Chương 13 **VÂN NGẠN BÁC**

Công họ Văn, húy Ngạn Bác, làm Thái thú Lạc Dương, từng thiết lễ cúng dường trai tăng. Lúc qua chùa Long An, chiêm ngưỡng lễ bái Thánh tượng, chợt thấy tượng vỡ rơi xuống đất, tâm ông giảm bớt sự cung kính, chỉ nhìn rồi đi ra. Bên cạnh có vị tăng bảo:

- Sao không làm lễ?

Ông đáp:

- Tượng đã vỡ, tôi lấy gì để lễ?

Vị Tăng bảo:

- Bạc Tiên đức nói rằng:

*Như đất đường quan
Người ta lấy làm tượng.
Bạc trí biết là đất
Kẻ phàm bảo hình tượng.
Về sau quan muốn đi
Lại đem tượng lấp đường
Tượng vốn chẳng sinh diệt
Đường cũng không cũ mới.*

Ông nghe rồi tỉnh ngộ. Từ đó, tâm mộ đạo rất mạnh mẽ, chuyên niệm Phật A Di Đà cầu sinh Tịnh độ. Sớm, chiều, tối, ngồi niệm Phật chưa từng bỏ phế, thường phát nguyện rằng: "Nguyện tôi thường tinh tấn, siêng tu mọi việc lành. Nguyện tôi rõ tâm tông, độ khắp cả muôn loài". Mỗi khi gặp mọi người đều khuyên niệm Phật, thệ nguyện kết duyên mười vạn người cùng sinh Tịnh độ.

Cư sĩ Như Như có bài tụng khen ngợi rằng:

*Biết ông gan mật lớn như trời.
Nguyện kết Tây Phương mười vạn duyên.
Chẳng vì thân mình cầu kế sống.
Mọi người cùng nhau bước lên thuyên.*

Chương 14

PHÁP SƯ TỔNG ĐÀN

Sư họ Thân, người ở Lê Thành, Lộ Châu.

Từ thuở nhỏ, đã xuất gia vào ở trong viện Diên Tường tại quê nhà, lễ ngài Đạo Cung làm thầy.

Năm 16 tuổi, xuống tóc thọ giới Cụ túc. Thời thiếu niên, Sư đã thông suốt nghĩa lý của Phật giáo, được người đương thời khen ngợi. Lúc trưởng thành, Ngài đi khắp nơi học hỏi các bậc danh sư, mở rộng sự thấy biết.

Từ đó về sau, Sư đi giảng kinh khắp nơi, tiếng tăm vang dội. Trong năm mươi năm, lấy Đại tạng làm chỗ dựa chơi ngơi nghỉ, lấy Viên đốn làm môn đình. Trước Sư giảng các kinh Viên Giác, sau biên tập sơ giải các kinh Viên Giác, Quán Vô Lượng Thọ. Lúc tuổi già, Sư ở Đường Châu, Đặng Châu, Nhữ Châu, Dĩnh Châu, giảng kinh Quán Vô

Lượng Thọ và khuyên người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Khi ấy, thính chúng hội về đông như mây, tất cả đều tu Tịnh nghiệp. Sau, Sư về Trấn Thanh Đài ở Đường Châu, nguyện cầu sinh An Dưỡng, lấy niệm Phật quán tưởng làm việc thường ngày, nơi ba nghiệp, trong bốn oai nghi chưa từng lơ là bê trễ.

Ngày 27 tháng 04 năm thứ tư niên hiệu Chánh Hòa đời nhà Tống (Công nguyên 1114), Sư nằm mơ thấy Phật A Di Đà hiện thân bảo:

- Ông thuyết pháp thêm sáu ngày nữa sẽ được sinh về Tịnh Độ!

Thức giấc, Sư đem điềm ấy thuật lại cho đại chúng biết, bảo rằng:

- Tôi tu hành cầu sinh về cõi An Dưỡng, dường như được nhân duyên tương ứng. Vừa rồi, hóa Phật bảo tôi được vãng sinh Tịnh Độ, đâu dám không tin!

Hôm sau, tuy cảm thấy trong người không khỏe, nhưng vẫn không ngừng giảng kinh khai thị. Tới cuối đêm, mồng 04 tháng giêng năm thứ năm niên hiệu Chánh Hòa (1115), Sư biết thời khắc đã đến, đánh chuông nhóm chúng dạy rằng:

- Nhân duyên tan hợp, vốn tự có thời; duyên thù thắng của Tịnh Độ, chỉ dựa vào thời khắc. Xin đại chúng đồng niệm Phật, trợ giúp tôi vãng sinh!

Lại nói kệ rằng:

*Thọ bảy mươi sáu tuổi
Chỗ tứ đại chia lìa
Lễ Di Đà Tịnh độ
Thoát hẳn khổ ba cõi.*

Nói xong, ngồi an nhiên thoát hóa. Lúc ấy, tiếng sấm liên tiếp nổ vang, mây trắng từ phương Tây kéo đến hiện ra che khắp mặt đất, ba ngày sau mới tan. Trước kia, Sư có một râu chuối mã não, lúc lâm chung cuộn tròn trên tay, mọi người không thể lấy ra được. Những việc cảm ứng rất nhiều như các chỗ khác đã nói.

Chương 15 **ĐẠI SƯ TỬ CHIẾU**

Sư húy Tử Nguyên, hiệu Vạn Sự Hư, con nhà họ Mao, quê ở Côn Sơn, Bình Giang. Mẹ là Sài Thị, nằm mơ thấy một đức Phật vào nhà, hôm sau sinh ra Sư, nhân đó đặt tên là Phật Lai.

Cha mẹ mất sớm, Sư đến chùa Diên Tường ở Bồn Châu, lễ Hòa thượng Chí Thông cầu xuất gia, đọc tụng tu tập kinh Pháp Hoa.

Năm mười chín tuổi, xuống tóc tu pháp Thiên Chỉ Quán. Một hôm, trong chánh định, nghe tiếng quạ kêu mà ngộ đạo, bèn nói bài tụng rằng:

*Hơn hai mươi năm tìm trên giấy
Tìm tới tìm lui mãi trầm ngâm
Bỗng nghe tiếng quạ kêu vang vọng
Mới hay từ trước dụng tâm lầm.*

Từ đó, tâm muốn làm lợi ích cho mọi người càng thêm tha thiết, phát nguyện hóa độ rộng lớn. Mến mộ phong thái Bạch Liên Xã của Tổ Huệ Viễn ở Lô Sơn, Sư khuyến tấn mọi người quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, niệm Phật A Di Đà năm câu để chứng minh năm giới, kết tịnh duyên rộng khắp, muốn giúp cho người đời thanh tịnh Ngũ căn**(69)**, để được Ngũ lực**(70)**, ra khỏi Ngũ trược, nên rút tuyển những lời chính yếu trong Đại tạng, biên soạn thành quyển Liên Tông Thần Triêu Sám Nghi, thay thế chúng sinh trong pháp giới lễ Phật sám hối, cầu sinh Cực Lạc.

Về sau, Sư đến ven hồ Điện Sơn, lập ra Liên Tông Sám Đường, hướng dẫn hàng tăng tục đồng tu Tịnh nghiệp. Lại soạn thuật Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ, khai thị chỗ chính yếu của Liên tông.

Năm 46 tuổi, khi ở Giang Châu, Sư gặp những chướng ngại. Trong cảnh thuận nghịch chưa từng động niệm; tùy phương tiện khuyến hóa, bèn trở thành văn tụng gọi là Tây Hành Tập.

Năm thứ hai niên hiệu Càn Đạo (1166), Đại sư phụng chiếu thọ thánh Cao Tông, đến điện Đức Thọ diễn thuyết pháp môn Tịnh độ, được vua tứ hiệu Khuyến Tu Tịnh Nghiệp Liên Tông Đạo Sư Từ Chiếu Tông Chủ. Sư đến chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Tiền Đường, chúc tụng tạ ơn vua. Phật sự hoàn tất, trở về Bình Giang, từng phát thệ rằng: "Nguyện người khắp trên địa cầu, tất cả đều giác ngộ đạo mầu (Phổ Giác Diệu Đạo)". Thường lấy bốn chữ này làm định danh cho Liên tông, hướng dẫn dạy bảo mọi người chuyên niệm Di Đà, đồng sinh Tịnh độ. Từ đó, tông phong được chấn hưng mạnh mẽ. Sư biên tập Di Đà Tiết yếu, Pháp Hoa Bách Tâm, Chứng Đạo Ca, Phong Nguyệt Tập lưu hành ở đời.

Đến ngày 23 tháng 03, tại nhà cư sĩ Nghệ Phổ Kiến ở Đạt Thành, Đại sư bảo các môn đồ rằng:

- Duyên giáo hóa của ta đã mãn, đến lúc phải đi rồi!

Nói xong, chấp tay từ biệt đại chúng, lặng lẽ thị tịch.

Đến ngày 27, sau khi làm lễ trà tỳ, được xá lợi vô số.

Tháp của Ngài được vua ban hiệu là Tối Thắng.

CHÚ THÍCH:

(69) **Ngũ căn:** năm căn vô đạo trong 37 phẩm trợ đạo.

Năm căn này là cội gốc sinh ra các căn lành, có tác dụng tăng thượng đối với việc dẹp trừ phiền não, dẫn vào Thánh đạo nên gọi chúng là căn. Năm căn gồm có:

- a. Tín căn: tin lý Tứ đế, tin Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng).
- b. Tấn căn: tinh tấn căn, cần cần, dũng mãnh tu tập pháp lành.
- c. Niệm căn: nhớ nghĩ chánh pháp.
- d. Định căn: làm cho tâm dừng trụ ở một chỗ, không cho loạn động.
- e. Huệ căn: ở trong định khởi trí quán, biết rõ chân lý như thật.

(70) **Ngũ lực:** năm sức mạnh có thể phá trừ điều ác, duy trì sự tu hành để đạt đến giải thoát, được sinh ra từ sự tăng trưởng của năm căn, tức 5 lực trong 37 đạo phẩm.

- a. Tín lực: thành kính đối với Tam Bảo, có thể phá trừ tất cả tà tín.
- b. Tinh tấn lực: tu bốn chánh căn có thể đoạn trừ các điều ác.
- c. Niệm lực: tu bốn niệm xứ để được chánh niệm.
- d. Định lực: chuyên tâm thiền định để đoạn trừ phiền não do 6 căn gây ra.
- e. Huệ lực: quán Tứ niệm xứ thành tựu trí huệ, có khả năng đạt đến giải thoát.

Chương 16

DƯƠNG KIỆT

Cư sĩ húa là Kiệt, tự Thứ Công, người đời Tống ở quận Vô Vi, nên tự có đạo hiệu là Vô Vi Tử.

Lúc còn nhỏ, ông là người hùng tài tuấn kiệt. Thuở niên thiếu, thi đậu làm quan tới chức Thượng Thư Chủ Khách Lang, xem xét việc hình ngục ở hai vùng Triết Đông, Triết Tây, lại tôn sùng Phật pháp, tỏ ngộ yếu chỉ của Thiền tông. Các vị quơ gậy, hét vang trong tông Lâm Tế ở Giang Tây, ông còn cho là việc thường; mặt khác, lại xiển dương giáo lý Tịnh độ, dẫn dắt mọi người.

Khái quát lời luận bàn của ông rằng: "Căn tánh chúng sinh có chậm lụt và bèn nhay. Pháp môn gần gũi dễ hiểu, đơn giản dễ thực hành, chỉ có môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ mà thôi. Nếu có thể nhất tâm quán niệm, thâm nhiếp tâm tán loạn, nương nhờ nguyện lực của Phật Di Đà thì tiến thẳng lên cõi An Dưỡng, không còn lối nào khác, quyết chắc thành công. Bồ tát Long Thọ gọi là đạo dễ thực hành, vì nương vào sức mạnh của Phật".

Ông viết lời tựa trong quyển Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai và lời tựa cho quyển

Tịnh Độ Trực Chỉ Quyết Nghi Tập của cư sĩ Vương Cổ, Pháp Bảo Tăng Giám, Di Đà Bảo Các Ký, An Lạc Quốc Tam Thập Tán, trình bày đầy đủ về yếu nghĩa của Tịnh độ. Thật là gương sáng của việc vãng sinh cho muôn đời!

Ông có trước tác Phụ Đạo Tập, chuyên nói về Phật thừa. Tô Đông Pha viết lời tựa, đại khái như vậy: "Dương Kiệt bẩm thọ tánh linh từ đời trước, tham vấn khắp các bậc thiện tri thức, thường gọi là người có đủ mắt Kim Cang, ông nhìn đâu cũng rõ được đạo".

Về già, ông làm Giám Ty Quận Thú, vẽ hình Phật Di Đà cao một trượng sáu, đem theo bên mình để quán niệm. Lúc sắp lâm chung, cảm Phật đến tiếp dẫn, ngồi ngay thẳng thoát hóa.

Có bài kệ từ tạ cõi đời rằng:

*Sống vẫn không chi luyến
Chết cũng không chi xả
Giữa khoảng thái hư không
Mặc chi hồ giả dã!
Cõi Tây Phương Cực Lạc!*

Trong niên hiệu Tuyên Hòa, có phu nhân Kinh Vương nằm mộng dạo chơi nơi cõi Tây Phương, thấy ông ngồi trên hoa sen, thế thì ông chắc chắn đã được vãng sinh rồi!

Các sĩ đại phu đời Tống ca ngợi, tán thán rất nhiều về Tịnh độ, nhưng vào chánh định tụ thì chỉ có hai người là Dương Kiệt và Vương Mẫn Trọng mà thôi!

Như vậy, đâu chẳng phải là trời muốn đạo này lâu dài, nên mới sinh ra ra người như thế ở đời đó sao!

Chương 17 **VƯƠNG NHẬT HƯ**

Quốc học tiến sĩ Vương Nhật Hư, tự là Hư Trung, trí tuệ tư tu và lòng từ bi giáo hóa mọi người của ông đã được trình bày trong Hồ Tự Văn, nơi đây không cần phải nói lại. Ông là người ở Long Thợ, có trước tác Tịnh Độ Văn, nhân đó lấy hiệu là Cư sĩ Long Thợ. Văn ấy được lưu hành rộng rãi trong thiên hạ, người tu Tịnh nghiệp ai cũng xem đọc.

Trong niên hiệu Càn Đạo, ông Lý Ngạn Bạc ở Lư Lăng đau bệnh nguy ngập, đã chuẩn

bị quan quách, bỗng mộng thấy một người thần thái thanh nhã, dáng vẻ nghiêm trang, dùng tay xoa bóp thân thể. Ngạn Bạc sợ hãi hỏi, vị ấy đáp rằng:

- Tôi là cư sĩ Long Thơ!

Nhân đó, Lý Ngạn Bạc nói về bệnh tình của mình. Nhật Hưu bảo:

- Khi thức dậy, dùng cháo trắng sẽ được lành bệnh.

Lại nói:

- Ông còn nhớ Hám Trọng Nhã đã dạy về lối tu thẳng tắt chăng?

Ngạn Bạc thưa:

- Tôi mỗi ngày niệm Phật không ngừng.

Sau khi thức dậy, ông bảo nấu cháo trắng ăn, quả nhiên bệnh thuyên giảm. Về sau, Lý Ngạn Bạc thấy bức chân dung của Vương Nhật Hưu giống tạc người mình đã gặp trong giấc mộng. Ngạn Bạc rất kính trọng, bảo rằng:

- Sinh tử cốt nhục!

Bèn sai con cháu học theo hạnh của ông.

Đêm ấy, cư sĩ Vương Nhật Hưu giảng dạy xong, như thường lễ niệm. Đến canh ba, ông bỗng to tiếng niệm A Di Đà Phật vài câu, bảo rằng:

- Đức Phật đến tiếp dẫn tôi!

Rồi đứng ngay thẳng mà hóa.

Đêm ấy, trong vùng có người mộng thấy hai vị mặc áo xanh dẫn ông đi về phương Tây.

Ba ngày trước đó, ông đi từ biệt khắp các thân hữu, khuyên họ tinh tấn tu Tịnh nghiệp, bảo rằng mình sắp đi xa, không còn gặp nhau nữa.

Ôi! Nếu tự mình chẳng thấu suốt đạo lý duy tâm bản tánh, thông đạt sự biến hóa của sinh tử thì đâu thể được như vậy! Có người nghi giấc mộng của Lý Ngạn Bạc là do ý tưởng mà thành. Bạc bảo rằng:

- Cư sĩ Nhật Hưu mách bảo dùng cháo trắng lành bệnh. Thế thì sao có thể là lừa dối được!

Khi ấy, Thừa tướng Ích Quốc Công Chu Tất Đại thấy kỳ tích của cư sĩ nên viết lời khen ngợi rằng: "Lo sợ mà không mong cầu, nhọc nhằn chẳng lo lắng. Xót xa tông phong sắp suy đồi, gom các điều lành về chung một dòng, dẫn dắt đi đến nguồn nhân nghĩa, chỉ dạy đạt được niềm vui tịch diệt. Người đời chỉ biết hữu tác, chẳng rõ chỗ vô vi của ông. Cho nên, nơi Trung đạo lặng lẽ mà đem chỗ giác ngộ chân thật chỉ bảo cho người".

Cư sĩ Lý Ngạn Bạc rất kính trọng nhưng không thể đáp đền ân đức, bèn in hình tượng và sự tích của ông để lưu truyền lâu xa. Từ đó, ở Lư Lăng, mọi nhà đều kính thờ.

Chương 18 **VƯƠNG CỔ**

Vương Cổ, tự Mẫn Trọng, người đời Tống, ở Đông Đô, từng nhậm chức Thượng thư Lễ bộ Thị lang, do làm Phát vận sứ nên ở Nghi Chân.

Ông bẩm tánh rất nhân hậu, khoan dung độ lượng, từ bi thương vật, hoằng truyền Phật giáo rộng rãi, xiển dương cội nguồn của sự giáo hóa. Trước kia, kinh đô là nơi hội tụ các bậc tôn túc ở tông lâm, ông từng luận đạo với các vị ấy. Đến khi đạo ở Giang Tây thì cùng kết bạn với các Thiền sư Hoàng Long, Thúy Nham, Hối Đường và Dương Kỳ, kế ngộ sâu về tông chỉ thiền, lại thấu rõ sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ, khảo cứu rộng rãi các kinh, suy nét sâu sắc về việc vãng sinh, thấu suốt kinh văn, tỏ rõ ý Phật. Ông bèn trước tác Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập ba quyển. Dương Kiệt viết lời tựa, được ghi lại trong bản truyện. Ông soạn tập bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, và chín phẩm vãng sinh trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, Luận Đại Thừa Khởi Tín của Bồ tát Mã Minh, Tùy Ý Vãng Sinh Niệm Phật Tam muội Bảo Vương Luận của Quốc sư Huệ Trung đối đáp với vua Túc Tông, và các kinh luận trình bày đầy đủ về chỗ chính yếu của sự vãng sinh Tịnh độ. Sư tập, trích lục rất đầy đủ, như xưng niệm Nam mô Thập Lục Vạn ức Nhất Thập Nhất Vạn Ngũ Thiên Ngũ Bá Đồng Danh Đồng Hiệu A Di Đà Phật cũng trích ra từ trong Tạng kinh. Đến như chư Bồ tát luận về yếu nghĩa của pháp môn Tịnh độ, ông đều biên tập lại. Thường ngày, tâm tu hành quán niệm chưa từng gián đoạn ngơi nghỉ, tràng chuỗi không rời tay, đi đứng nằm ngồi thường lấy việc tu tịnh quán Tây Phương làm Phật sự.

Có vị tăng, thần thức đạo nơi Tịnh độ, thấy Thị lang Vương Cổ và đại phu Cát Phiến cùng ở Tịnh độ làm Phật sự. Đó chính là sự chứng nghiệm của việc vãng sinh cõi An Dưỡng.

Việc hoằng truyền lưu thông Tịnh độ, khai thị nghĩa lý trọng yếu, hỗ trợ Phật A Di Đà hóa độ khắp cả mọi người. Từ sau khi mười tám vị Hiền ở Lô Sơn tiếp nối đạo này, chỉ có Dương Kiệt và Vương Cổ nổi tiếng ở đương thời, lưu truyền đến mấy trăm đời.

Hoằng truyền lưu thông giáo pháp rộng lớn của Phật Di Đà, phổ độ nhiếp hóa hưng thịnh không cùng tận, thì bậc cao minh triều sử đời Tấn chỉ có hai vị này được vậy mà thôi. Như thế, mới có thể làm vẻ vang những bậc tiền hiền, kế thừa phong thái thuở xưa để lại.

Chư Tổ và các bậc tông sư đặc đạo ở trên, đều được trích lục từ trong Đại tạng, Cao Tăng Truyện, Vãng Sinh Truyện, Bảo Châu Tập. Như Tông chủ Từ Chiếu giáo hóa thịnh hành ở đời, vua tôi, tăng tục, đều quy hướng, người niệm Phật được đạo rất nhiều. Song, xem xong các truyện lục chẳng ghi chép đầy đủ, không có văn để khảo cứu. Nay tôi tìm tòi trong sự tích của Tông chủ Từ Chiếu thì thấy đã được biên tập. Ngoài ra, còn có tất cả những vị tại gia xuất gia niệm Phật được đạo, có đức hạnh tiếng tăm. Tôi chỉ chờ đợi các bậc Cao hiền dụng tâm tìm tòi cứu xét sách vở ghi chép sự thật, phát huy rộng rãi, sẽ bổ túc vào để ấn hành. Như thế, mới mong khỏi mai một đức hạnh của các bậc tu hành thuở trước, đồng thời cũng là làm vẻ vang cho pháp môn vậy.

ĐẠI SƯ THỪA VIỄN (Bổ Sung) (Tổ thứ ba của Liên tông)

Đại sư Thừa Viễn, người đời Đường, nguyên quán từ đâu chưa rõ được xuất xứ.

Ban đầu, Sư theo học với Thiền sư Đường ở Thành Đô, kế lại học với Thiền sư Tản ở Tư Xuyên. Sau đến Kinh Châu, tham học với Pháp sư Chân ở chùa Ngọc Tuyền.

Pháp sư Chân bảo Ngài đến Hoàn Sơn để ứng duyên hoằng hóa, người được giáo hóa đến cả muôn. Mới đến, Đại sư ở dưới gộp đá phía Tây Nam của non Hoàn. Khi có thức ăn thừa của người để lại thì dùng, hôm nào không có thì ăn bùn đất. Khổ tu như thế đến nỗi mình gầy mặt nám, tự thân đi lượm củi về dùng.

Phàm giáo hóa người, Sư dạy họ ở nơi Trung đạo. Nếu gặp người có bệnh thì dạy pháp môn chuyên niệm Phật. Trên đường, trong hẻm, bên hang đá, hoặc suối khe, Sư đều có viết lời Phật dạy, ân cần dẫn dắt chỉ bảo tu hành. Mọi người lần lượt kẻ mang vải vóc, người đốn cây cối, khiêng đất đá, đến càng lúc càng đông, xây dựng thành cảnh chùa, đặt tên là chùa Di Đà. Ngoài những lúc xây dựng ra, Sư thường bố thí cho những người đói kém bệnh tật.

Ngày 19 tháng 07 năm thứ 18 niên hiệu Trinh Nguyên (820), Đại sư an lành thị tịch tại chùa, hưởng thọ chín mươi một tuổi.

Trước đó, có ngài Thích Pháp Chiếu ở Lô Sơn một hôm nhập định, thần thức dạo chơi nơi cõi Cực Lạc. Bên đức Phật, thấy một vị tăng mặc y rách đứng hầu, đức Phật bảo:

- Đây là Thừa Viễn ở Hoành Sơn đấy!

Sau khi xuất định, Pháp Chiếu đến Hoành Sơn tìm. Lúc gặp ngài Thừa Viễn, thấy quả đúng là vị tăng ấy, liền xin theo làm đệ tử.

Về sau, ngài Pháp Chiếu đi truyền giáo khắp thiên hạ, được vua Đại Tông nhà Đường phong làm Quốc sư. Ngài thuật lại đạo hạnh cao vời của thầy mình cho vua nghe, Thiên tử bèn xoay về phương Nam, hướng về phía Hoành Sơn đánh lễ. Nhà vua xét thấy đạo đức của Đại sư Thừa Viễn chưa được mọi người tỏ rõ, nên mới truyền chỉ phong tặng chỗ ở của Sư là "Đạo Tràn Ban Chu. Vua lại truyền cho Liễu Tông Nguyên soạn bài ký sự khắc vào bia đá, dựng bên cổng trước chùa.

ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ (Tổ thứ tám của Liên tông)

Đại sư Châu Hoảng, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, người đời Minh, con nhà họ Thẩm, ở xứ Nhân Hòa tại Hàng Châu. Năm mười bảy tuổi, Sư đỗ tú tài, nổi tiếng là người học hạnh kiêm toàn.

Láng giềng có bà lão mỗi ngày niệm Phật vài ngàn câu lấy làm thường khóa. Nhân lúc rỗi rảnh sang chơi, Sư hỏi duyên cớ, bà lão đáp:

- Lúc sinh tiền, ông nhà tôi chuyên lo niệm Phật, đến khi chết không đau bệnh chi, vui vẻ vòng tay cáo tử mọi người mà qua đời. Do đó, tôi biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!

Sư nghe nói cảm động, từ đó hằng để ý đến pháp môn Tịnh độ. Lại viết bốn chữ "Sinh tử sự đại" dán nơi vách đầu bàn để tự răn nhắc.

Năm ba mươi một tuổi, Sư xuất gia, rồi đi tham phỏng các bậc danh đức. Sau cùng

đến tham học với các Thiền sư Tiểu Nham, Biển Dung, tham cứu câu "Niệm Phật là ai?", có chỗ tỉnh ngộ.

Năm thứ năm niên hiệu Long Khánh (Công nguyên 1571), Đại sư đi khất thực ngang qua đỉnh Vân Thê, thấy cảnh non nước cực kỳ u nhã, quyết ý cất am ở tu. Trong núi ấy có nhiều cọp, Sư hành pháp Du-già thí thực, từ đó các loài thú dữ không còn khuấy hại nữa. Mấy năm sau, gặp lúc nắng hạn lâu, cư dân quanh vùng đến am xin cầu mưa. Sư đáp:

- Tôi chỉ biết niệm Phật, không có tài chi khác!

Mọi người vẫn nài nỉ cố thỉnh, Đại sư cảm lòng thành của dân chúng, ra gõ mõ đi dọc theo bờ ruộng mà niệm Phật. Bước chân của Sư đi đến đâu, mưa lớn rơi theo đến đó. Nhân dân vui mừng kính đức, cùng nhau hợp sức xây cất điện chùa. Tăng chúng các nơi lần lượt nương về, không bao lâu, chỗ ấy thành cảnh tòng lâm.

Sư chủ trương Tịnh Độ, cất lực bác bỏ cuồng thiền. Bộ *Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao* do Đại sư trước tác, dung hòa cả Sự Lý, gồm nhiếp khắp ba căn, lời dẫn giải rất uyên áo.

Ông Tào Lỗ Xuyên gửi thư đến Vân Thê, đại khái như sau: "*Trong Phật pháp có ba tạng, mười hai phần giáo(71), đức Thế Tôn khi xưa đã giảng nhiều thứ lười nơi bề sinh tử sâu rộng, để tùy phần vớt các loài cá nhân thiên lớn nhỏ đưa lên bờ Niết bàn. Nhưng nên nói lớn để gồm nhỏ, đâu thể nêu một mà bỏ nhiều! Gần đây, tôi nghe có người bảo: nhiều kiếp thành Phật, tức là Tiệm chớ không phải Đốn. Và lại Tiệm giáo cũng là Phật dạy, chưa từng không đúng, song dùng Tiệm để bỏ Đốn giáo phải chăng thật đã sai lầm?*

Tôn giả bên trong ẩn dấu sự tỏ ngộ viên đốn, ngoài thì hiển bày pháp môn Tịnh độ. Việc này chư Phật cũng có như thế, không nghi ngờ. Nhưng học chúng của Ngài gần đây chỉ trọng một đức A Di Đà mà bỏ hết mười lăm vị vương tử, muốn tôn một kinh Tịnh Độ mà bỏ hết ba tạng, mười hai phần giáo. Đó là điều kẻ hèn này không muốn nghe! Hiện nay, tuy nhằm thời mạt pháp, song con người há chỉ có độn tánh mà không lợi căn? Như đức Thích Tôn vì Ca Diếp, Kiều Trần Như thì nói pháp này; vì Thiện Tài, Long Nữ lại nói pháp khác. Trong kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Thánh đều chứng Viên Thông, Bồ tát Văn Thù khen ngợi chẳng đồng nhau. Như thế, chính là nói hôm qua định, hôm nay bất định. Còn bảo rằng, nói ngã là không thì lại chẳng phải không; nói ngã là có thì lại chẳng thật có. Thế nên, gọi là khéo léo không nắm chặt mãi một pháp môn, linh động uyển chuyển như trái hồ lô lăn trên mặt nước. Nếu như cắm cọp đóng đinh ở một chỗ, làm sao lợi ích hàng nhân thiên được? Rất mong Tôn giả vì đại chúng diễn thuyết về giáo lý Tịnh độ, khi gặp hàng lợi căn nên vì nói Thượng

thừa, để họ ngộ lý viên dung không còn hạn chế ở một khía cạnh nào, khiến cho đại bàng cùng chim én đều được chỗ thích nghi. Như thế, đâu không phải là hoàn toàn tốt đẹp hay sao?

Kinh Hoa Nghiêm là Viên giáo Nhất thừa Vô thượng, là lời luận bàn cùng tốt xứng hợp với bản tánh của Như Lai. Tôn giả lại đem kinh này sánh ngang với kinh Di Đà tợ hồ chưa thỏa đáng. Nhân đó mà có kẻ trước tác luận số đưa Tịnh Độ cao hơn Hoa Nghiêm, khiến cho màu tím sắc đỏ thành ra lẫn lộn! Mong Tôn giả vì người có căn cơ Tịnh độ thì nói Tịnh độ, người có căn cơ Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm, đừng chê nhau cũng chớ lạm nhau, mới thật là lưu thông Phật pháp. Như thế, mới là cùng trình bày Ngũ giáo(72), thâm nhiếp cả ba căn, cần gì nhất định phải khắc thuyền tìm gươm, nhân việc nhỏ mà mất việc lớn!".

Đại sư Liên Trì đáp:

- Kinh Hoa Nghiêm gồm đủ vô lượng môn; cầu sinh Tịnh độ là một trong vô lượng môn của Hoa Nghiêm. Theo căn cơ thời nay, nên do một môn Tịnh độ mà vào Hoa Nghiêm, không phải nêu Tịnh độ mà bỏ Hoa Nghiêm. Cư sĩ bảo trong thơ, do tôi đem kinh Di Đà sánh ngang với Hoa Nghiêm, nên mới có kẻ làm luận đưa Tịnh độ cao hơn Hoa Nghiêm. Xin hỏi bộ luận ấy do ai trước tác? Kinh Hoa Nghiêm như Thiên tử, có ai đem chư hầu, vua, đại thần, trăm quan mà đặt lên trên Thiên tử? Nhưng tôi cũng chưa từng đem kinh Di Đà sánh ngang với Hoa Nghiêm. Trong văn Số Sao của tôi chỉ nói: "Kinh Hoa Nghiêm là giáo lý viên mãn cùng cực, kinh Di Đà được một phần ít viên". Đó là bảo kinh Di Đà chỉ là quyền thuộc của Hoa Nghiêm, chẳng phải đồng hạng bậc.

Vả lại, trong thơ cư sĩ bảo rằng nên tùy căn cơ mà nói giáo lý, người có căn cơ Tịnh Độ thì nói Tịnh Độ, người có căn cơ Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm. Ý ấy rất hay! Nhưng trong đó có hai nghĩa:

1. Ngàn căn cơ đều được dạy bảo, đó là việc lớn mà đức Như Lai ra đời; chẳng phải khả năng của kẻ hèn này. Thế nên, Lục Tổ ở Tào Khê chuyên hoằng truyền Thiên trực chỉ, đâu phải Ngài không thông các giáo pháp khác. Ngài Huệ Viễn công ở Lô Sơn riêng mở Bạch Liên Xã, há chỉ tiếp độ kẻ độn căn? Đến như năm tông: Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động, Quy Ngưỡng, Lâm Tế, tuy đồng từ một nguồn mà ra, nhưng sự trao truyền và tiếp nhận của mỗi tông đều có phần sai khác. Sự lập bày riêng của chi phái môn đình cũng là lẽ tất nhiên, chẳng lấy chi làm lạ! Chư Tổ sư khi xưa đều như thế, huống nữa kẻ phàm thường này ư? Nếu vọng bắt chước theo người xưa, hôm qua định hôm nay bất định, tùy tiện không có sự truyền thừa của thầy, đổi thay lộn lạo chẳng chuyên nhất, mà gọi là lợi ích cho người nhưng thật ra làm cho người lẫm lạp. Tại sao thế? Bởi Phật là đấng Pháp vương, đối với các pháp đều tự tại. Còn kẻ dân

thường mà tiềm xung Thiên tử là điều nguy hiểm, há chẳng nên kiêng dè ư?

2. Khi nói Hoa Nghiêm đã gồm Tịnh Độ, nói Tịnh Độ cũng thông với Hoa Nghiêm. Thế thì kẻ diễn Hoa Nghiêm tự nói Hoa Nghiêm, người nói Tịnh Độ tự diễn Tịnh Độ, vẫn đồng hành mà không trái nhau. Người thời nay chỉ biết Hoa Nghiêm rộng hơn Cực Lạc, nhưng không rõ đức Di Đà chính là Phật Tỳ Lô Giá Na. Ngài Long Thọ lấy kinh Hoa Nghiêm từ Long cung mà nguyện sinh Cực Lạc. Đức Phổ Hiền là Trưởng tử trên hội Hoa Nghiêm mà nguyện về An Dưỡng. Đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng phụ tá Phật Tỳ Lô Giá Na, hiệu là Tam Thánh Hoa Nghiêm, cũng phát nguyện về cõi Liên Bang. Tất cả đều có chỗ y cứ rõ ràng, sáng tỏ mặt trời, trăng sao.

Cư sĩ đề xứng Hoa Nghiêm, định truyền bá khắp bốn phương mà trái ngược với Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ, đó là điều mà kẻ hèn này chưa hiểu, huống gì Trưởng giả Lý Thông Huyền đưa ra mười loại Tịnh độ. Cực Lạc tuy nói là quyền nghi, còn Hoa Nghiêm quyền thật dung thông, Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại. Thế nên, phòng dâm, nơi sát sinh, đều là đạo tràng thanh tịnh, huống chi cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm.

Bà Tu Mật Đa, Vô Yếm Túc đều là diệu dụng của Cổ Phật thị hiện, huống là Phật Di Đà muôn đức đầy đủ. Cư sĩ dạo chơi nơi môn vô ngại Hoa Nghiêm mà ngại nơi Tịnh độ, đó là điều mà kẻ hèn này chưa hiểu!

Kẻ hèn này cùng với Tào cư sĩ đều là bạn chẳng trái ngược nhau nơi thế giới hoa tạng, mà cư sĩ lại chẳng hiểu rõ tâm ý nhỏ bé của tôi. Tôi còn muốn mời cư sĩ làm huynh đệ ở Liên Bang. Mong đừng xem tôi là người ngoài vậy!

Lỗ Xuyên lại gởi thơ rằng:

- Các kinh luận không liễu nghĩa lưu hành riêng biệt, còn như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện và Luận Khởi Tín đều nói về Tịnh độ. Đó lẽ nào lại không có nguyên nhân? Song trong kinh Hoa Nghiêm chưa từng đề cập, thế thì Tịnh độ thứ mười mà Trưởng giả Lý Thông Huyền nêu ra lại càng tỏ rõ.

Kinh Pháp Hoa nói mười sáu vị vương tử có Phật Di Đà mà chưa từng xác định là bậc chí tôn duy nhất. Trong đó, khen ngợi công đức trì kinh, bên cạnh đó lại biện dẫn cõi An Lạc, thật ra là nói rõ nhân quả của người nữ.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Thánh chứng Viên thông, Bồ tát Văn Thù hoàn toàn chẳng phân biệt cao thấp, chỉ nói phương tiện có nhiều môn, lại bảo rằng thuận nghịch đều là phương tiện, nhưng tiếp theo lại nói mau chậm chẳng đồng nhau. Thế thì ở nơi chỗ không có cao thấp sai biệt, cũng vẫn chỉ rõ chỗ quy hướng, nên phải đưa Phổ Môn lên tột bậc, chẳng suy tôn ngài Thế Chí, lại còn hạ thấp bảo rằng vô thường,

bảo rằng sinh diệt.

Còn như các Đại sư Hiền Thủ, Thanh Lương cật lực nêu về năm giáo Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên, mọi người đều cho rằng thỏa đáng mà chưa từng bình phẩm về Tịnh độ. Thiền tông thì lại càng quét sạch, như Thiền sư Tề Kỳ nói: "Duy có lối tắt tu hành, y như xưa lẩn quẩn, chỉ niệm Phật Di Đà, niệm được vẫn vô ích". Lại bảo rằng: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha hương, va Đông chạm Tây, khổ thay A Di Đà Phật!" Những lời nói ấy có người cho rằng quá hà khắc, song lẽ nào Ngài lại nói lời vô nghĩa, ắt là có đạo lý.

Bởi thế người thấu đạt thường nói: "Trải qua nhiều kiếp cần khổ tu hành, không bằng một niệm ngộ Vô sinh Pháp nhẫn". Lại nói: "Một niệm duyên khởi không sinh, vượt qua hàng quyền học ba thừa". Huống chi chẳng luận Tam thừa, Nhất thừa, chỉ cần không có ngã và ngã sở. Nay nói vắng sinh Tịnh độ, ta là người hay sinh, Cực Lạc là chỗ sinh về; người và cảnh còn phân biệt, sinh diệt rõ ràng, ưa thích và chán nản lằng xằng. Thật là nhiều vướng mắc không thể nói hết.

Nhìn lại trước nay, những người luận bàn về Tịnh độ ắt hẳn bảo rằng: "Hoa nở thấy Phật ngộ Vô sinh". Bởi vì phải đợi sau khi vắng sinh thấy đức Di Đà, mới theo Bồ tát Quán Âm hay Thế Chí, hoặc được Phật Di Đà chỉ dạy đạo lý tất cả pháp Vô sinh, khi ấy mới tỏ ngộ, phải chăng là chậm trễ xa vời?

Lại nói Hoa Nghiêm tánh hải hiện bày toàn thân, như trong thân người có tám muôn bốn ngàn lỗ chân lông, mà Phật Dược Sư ở phương Đông, Phật Di Đà ở phương Tây, mỗi vị đều ở trong một lỗ chân lông ấy, thuyết pháp độ chúng sinh. Nếu vứt bỏ toàn thân mà vào trong một lỗ chân lông nhỏ bé, đó không chỉ bỏ biển cả lấy bọt nước, giống như con ruồi lao vào mảnh giấy nơi cửa sổ tìm lối ra. Vậy thì nói thế nào? Trước kia trong thơ, kẻ hèn này có nói, vì người có căn cơ Tịnh độ nên nói Tịnh độ, với người có căn cơ Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm. Tôi tự cho rằng thế là chẳng trái với pháp môn của chư Phật, cũng là vì tấm lòng chân thành của Tôn giả. Tôn giả lại muốn dẫn tôi vào thai sen, thì giống như người xưa nói: "Dẫn người vào mê lộ", lại giống như "bỏ vàng mà gánh cỏ".

Trong hội của Tôn giả, tín chúng từ Hàng Châu đến Tô Châu, vị nào cũng nôn nao cầu về chín phẩm. Nhân khi cùng nói chuyện, tôi vừa đề cập đến Thượng thừa thì họ đều sững mắt kinh lòng và có người còn cười. Đó là lỗi của hàng đệ tử hay là lỗi của thầy? Đấng đại trượng phu khí lượng phải ngất trời, nên lấy việc độ chúng sinh làm cấp thiết. Nay Ngài đã là người ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, sao không đủ tác lược của bậc đại nhân, mà chỉ biết bắt chước cử chỉ của những ông già bà lão ăn chay ở đầu làng ngõ xóm? Nếu một mai bị bậc lạnh lợi hỏi đến, người mắt sáng dờn ép, sẽ toan ẩn mình trên sao Bắc đẩu, hay trốn vào núi Thiết vi(73) ư?

Phật pháp là việc lớn, không phải tầm thường. Mong Ngài nghĩ lại!

Đại sư Liên Trì lại gởi thơ đáp:

- Mấy điều huệ cổ của cư sĩ, lời hay lẽ diêu, luận biện điệp trùng, thật là đáng ngợi khen, đáng ngưỡng vọng. Nhưng trộm nghĩ, lòng thương tôi tuy sâu, song tiếc đã lắm lời phí uổng!

Nếu cư sĩ quả muốn tuyên dương Thiên tông, hạ thấp Tịnh Độ, thì không cần nói chi nhiều. Sao chẳng bảo: "Chư Phật trong ba đời bị miệng ta nuốt mất hết cả. Một đức Phật còn chẳng lập, có ai là A Di Đà?". Lại, sao không bảo: "Nếu người biết được tâm, đại địa không tắc đất. Một tắc đất đã không, nơi nào là Cực Lạc?". Chỉ dùng hai lời ấy thôi, đủ gồm biết hết những điều cư sĩ muốn nói. Nay nghĩ nếu mỗi mỗi đều thù đáp e phạm lỗi đấu tranh. Nếu không trả lời, thì đạo pháp có tương quan, nên chẳng thể im lặng. Vậy xin tỏ bày tước lược như sau:

Trong thơ gởi đến nói, kinh chẳng liễu nghĩa mới bàn luận về Tịnh Độ, lại dẫn phẩm Hạnh Nguyên và Luận Khởi Tín. Khởi Tín hãy khoan chẳng nói đến, chỉ một phẩm Hạnh Nguyên mà thấu nhiếp toàn bộ kinh 80 quyển, từ xưa đến nay ai dám nghị luận là không liễu nghĩa. Cư sĩ đặc biệt tôn sùng Hoa Nghiêm mà lại bài xích phẩm Hạnh Nguyên là không liễu nghĩa, thì kinh Hoa Nghiêm cũng không liễu nghĩa.

Cư sĩ dẫn kinh Pháp Hoa, nói sự vắng sinh Tịnh độ là nhân quả của người nữ. Thế thì việc Long nữ thành Phật cũng là nhân quả của người nữ ư? Bảo rằng Phật Di Đà là một trong mười sáu vị vương tử, vậy thì Phật Tỳ Lô Giá Na cũng chỉ là tăng thứ mười ba của hai mươi lớp thế giới hoa tạng. Cư sĩ đặc biệt tôn sùng Tỳ Lô Giá Na, tại sao lại không biết Tỳ Lô Giá Na và Phật A Di Đà là bình đẳng?

Lại dẫn kinh Lăng Nghiêm, bảo rằng chọn lấy Quán Âm bỏ lại Thế Chí. Nói đức Văn Thù bác niệm Phật là vô thường, sinh diệt, không viên thông. Thế tại sao ngài Kiều Trần Như tỏ ngộ hai chữ "khách trần" có thể gọi là suốt lý vô thường, hợp lẽ bất sinh bất diệt, lại chẳng được chọn là pháp viên thông? Nếu quả thật đức Quán Âm đỗ cao, ngài Thế Chí thi rớt, thì sao cư sĩ chẳng nghe biết điều thí dụ: "Cửa rỗng chạm trán", là lời của kẻ quê mùa miền Đông đã ở nước Tề?

Trong thơ gởi lại bảo rằng, như Thiên sư Tề Kỳ đem bài kệ khuyên niệm Phật của người xưa theo câu mà chú thích.

Người xưa nói: "Duy có lỗi tắt tu hành", phụ chú rằng: "Y như xưa lẩn quẩn". Người xưa nói: "Chỉ niệm Phật Di Đà", phụ chú rằng: "Niệm được vẫn vô ích". Cư sĩ đã thông

suốt pháp thiên, sao chẳng biết đó là các bậc tông sư trong tức thời vì người phá chấp mở trí, lại căn cứ theo văn tự hiểu thành sự thật mà chịu chết dưới câu nói như thế? Nếu quả vậy thì Cổ đức bảo: "Đạp trên đỉnh đầu Phật Tỳ Lô mà đi", như thế không chỉ Phật Di Đà vô ích mà Phật Tỳ Lô cũng chẳng làm được việc gì. Những lời nói trên trong các Ngữ lục, Truyện ký có đến trăm ngàn muôn ức. Lão già này, bốn mươi năm về trước cũng đã từng dùng đến để cho lời nói cao siêu xuất cách, câu văn mạnh mẽ hào hùng. Về sau, xét lại biết hổ thẹn, không còn dám theo lẽ lối cũ, nay chợt nghĩ đến hãy còn đỏ mặt. Như Thiền sư Tề Kỷ nói: "Người cầu sinh Tây Phương, như con bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương, va Đông chạm Tây, khổ thay A Di Đà Phật!". Xin cũng dùng chuyển ngữ đối đáp: "Nay chính thật như con nhớ mẹ, trở lại quê xưa, bỏ Đông được Tây, vui thay A Di Đà Phật!". Thử đem cân lường câu nói này với lời ngài Tề Kỷ, cách nhau bao nhiêu?

Trong thơ lại dẫn lời Cổ nhân bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành, không bằng một niệm ngộ Vô sinh Pháp nhẫn?". Cư sĩ đã ngộ Vô sinh Pháp nhẫn chưa? Nếu chứng được thì không nên cho rằng: ta là người hay sinh, Tịnh độ là chỗ sinh về. Tại sao? Bởi tâm tức là Tịnh độ, ai là người hay sinh? Tịnh độ tức là tâm, đâu là chỗ được sinh? Vì không có thấy năng sở, cho nên trọn ngày sinh mà chưa từng vắng sinh. Đó mới là Vô sinh chân thật. Nếu cho không sinh về đâu mới là Vô sinh, thì rơi vào cái không đoạn diệt, chẳng phải ý chỉ Vô sinh.

Cư sĩ bảo: nếu đợi hoa nở thấy Phật mới ngộ Vô sinh là chậm trễ xa vời. Cư sĩ hiểu Thiền tông sao chẳng biết: từ mê được ngộ như tỉnh giấc mộng, như hoa sen nở. Người niệm Phật tùy theo căn cơ, có vị trong hiện đời đã kiến tánh, đó là hoa sen nở trong giây phút. Có kẻ sau khi vắng sinh mới kiến tánh. Đó là thời gian lâu dài hoa mới nở. Bởi căn cơ có lợi độn, công phu có trễ siêng, nên hoa nở mới có sớm muộn, đâu được cho rằng tất cả là chậm trễ xa vời.

Trong thơ gởi đến lại ví dụ thế giới hoa tạng như toàn thân, Tây Phương giống như lỗ chân lông. Người vắng sinh Tây Phương như đem toàn thân bỏ vào trong lỗ chân lông, là bỏ biển cả mà lấy bọt nước. Ví dụ lớn nhỏ ấy không sai. Song cư sĩ đã thông suốt tông Hoa Nghiêm, tại sao chỉ chấp nhận đem nhỏ vào lớn mà không chấp nhận từ lớn vào nhỏ? Hống chi lớn nhỏ vào nhau, chính là một Huyền môn trong mười Huyền môn của Hoa Nghiêm. Dù vô tận thế giới chẳng thể nói hết nơi cõi hoa tạng, vào trong một hoa sen ở thế giới Cực Lạc còn chẳng đầy một điểm nhỏ bé trong một cánh sen ấy, thế thì nào có ngại gì đem toàn thân vào trong một lỗ chân lông!

Trong thơ còn đề cập đến mấy vị tăng ở núi hoang nào đó, khi hỏi đến Thượng thừa đều sững mắt kinh lòng! Cư sĩ khuyên tôi với căn cơ Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm, với căn cơ Tịnh độ thì nói Tịnh độ. Nay những kẻ ấy thuộc về hàng độn căn chính nên giảng Tịnh độ, sao cư sĩ không tùy bệnh cho thuốc lại luận Thượng thừa với họ mà

chi?

Cư sĩ lại bảo tôi đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, mà không đủ tác lược của bậc đại nhân, cứ chỉ như ông già bà lão ở đầu làng ngõ xóm. Nếu một mai bị bậc lạnh lợi hỏi đến, người sáng mắt dồn ép, sẽ toan ẩn mình trên sao Bắc đẩu, hay trốn vào núi Thiết vi. Lão già này chưa từng dám nhận lấy danh "ra ứng thế", nên tự không có tác lược của bậc đại nhân. Điều này hãy tạm gác qua, không cần bàn luận. Nhưng nếu chê người tu Tịnh độ giống hạng ông già bà lão ăn chay quê mùa, thì người xưa nói không phải chê kẻ ngu phu ngu phụ đó, mà thật ra chính là chê đức Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ vậy! Đâu riêng gì những vị Bồ tát ấy, mà chư Tổ như Huệ Viễn, Thiên Đạo, Thiên Thai, Vĩnh Minh, chư Bồ tát, chư Thiện tri thức, các vị danh nhân niệm Phật như Lưu Di Dân, Bạch Cư Dị, Liễu Tông Nguyên, Tô Đông Pha... các bậc đại quân tử ấy đều là kẻ quê mùa hay sao? Dù là hạng quê mùa nếu niệm Phật được vắng sinh, sẽ lên ngôi Bất thoái chuyển, cũng đâu nên xem rẻ khinh chê? Và lại, những ông già bà lão ăn chay niệm Phật thấp hèn vô trí, mà biết giữ theo quy củ của chính mình, cũng đáng khen ngợi họ. Còn hạng thông minh tài biện, vọng nói Bát nhã, ăn thịt no rồi, hôm sớm đến tìm chư tăng gạn thiền nói đạo, đó thật là ma! Người ngu quý nơi an phận ngu, tôi thành thật từng tự nghĩ: thà làm ông già bà lão ăn chay niệm Phật, chớ chẳng nên làm ma dân cùng ma nữ.

Đến như việc các ông già bà lão khi bị kẻ lạnh lợi, người sáng mắt hỏi đến thì chẳng cần lên sao Bắc đẩu, trốn vào núi Thiết vi làm chi cao xa. Họ chỉ cần đặt giường nằm nơi cổ họng của kẻ lạnh lợi, trải tòa ngồi trên đôi mắt của các vị thông suốt ấy. Làm như thế để chi? Để dạy chúng hãy tạm đóng môn Tam muội nơi cửa miệng, biết nhắm mắt hồi quang phản chiếu xét trở lại chính mình đó thôi! Cư sĩ tôn sùng Hoa Nghiêm mà cật lực chê bai Tịnh độ, lão già này chuyên tu Tịnh độ mà không ngừng khen ngợi Hoa Nghiêm. Trong khi tĩnh lặng, cư sĩ thử xét xem, việc này tại sao như thế?

Cư sĩ cho rằng việc tôi khuyên cư sĩ cầu sinh Tịnh độ là bỏ vàng gánh cỏ, là điên đảo, làm khuất nhục cư sĩ thái quá! Nhưng các thí dụ ấy còn chưa thân thiết. Nay lão già này xin đem thí dụ khác thay thế:

Có một lão nông dân chân thật gởi thiệp vào cửa vị phú Trưởng giả, mời đến nhà ở đồng ruộng của mình viếng cảnh. Mọi người nghe nói đều cười. Lão nông lại quét dọn đường sá sạch sẽ, đến mời thỉnh lần nữa. Người gác cửa nhà phú Trưởng giả cười bảo: "Chủ nhân lần trước không quở trách ông là may mắn lắm rồi. Ông định làm mặt dày hay sao?". Lão ông đáp: "Tôi thấy trong các nhà giàu, có kẻ làm giàu mà bất nhân. Có người ngoài giàu nhưng trong nghèo. Có kẻ chưa giàu sang tỏ ra kiêu mạn trước. Có người chỉ giữ kho, giữ sổ sách ở nhà giàu, tự cho mình là giàu. Và lại cảnh giàu sang như Kim Cốc(74), My Ổ(75) nay còn đâu? Tôi là một lão già ở đồng ruộng, an hưởng sự vui thái bình, nên quên phận thấp hèn của mình, mới làm như thế. Thôi

từ nay cũng xin tự biết lỗi rồi!". Nói xong cùng nhau cười rộ mà chia tay.

Cả đời, Đại sư Liên Trì thường ngày tu tất cả hạnh lành để phụ trợ Tịnh nghiệp. Đương thời, giới đàn bị ngăn cấm đã lâu, Sư bảo người cầu giới chuẩn bị đầy đủ ba y, thọ giới ở trước tượng Phật. Sư chứng minh cho họ. Ngài lại còn thăm định nghi Thủy Lục, hành Du Già Diệm Khẩu để cứu khổ U minh, mở ao phóng sinh, trước tác Văn Giới Sát, khiến người quy hóa làm lành rất nhiều.

Cuối tháng 06 năm thứ 40 niên hiệu Vạn Lịch (Công nguyên 1612), Đại sư vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu, nói: "Tôi sắp đi nơi khác!". Rồi trở về chùa thiết tiệc trà từ giả đại chúng. Mọi người không hiểu là duyên có gì. Đến chiều mồng 01 tháng 07, Sư vào Tăng đường bảo:

- Mai này tôi sẽ đi!

Qua chiều hôm sau, Đại sư vào phương trượng thị hiện có chút bệnh, nhắm mắt tĩnh tọa. Chư tăng, các đệ tử tại gia và những người cố cựu trong thành đều hội đến. Sư mở mắt nhìn mọi người, nói:

- Các vị nên chân thật niệm Phật, đừng làm điều chi khác lạ và chớ phá hoại quy củ của tôi!

Nói xong, hướng về Tây niệm Phật mà qua đời. Thọ được tám mươi một tuổi.

CHÚ THÍCH:

(71) **Mười hai phân giáo**: cũng gọi là Thập nhị phần giáo, Thập nhị phần Thánh giáo, Thập nhị phần kinh, chỉ cho mười hai loại kinh được phân biệt theo hình thức và nội dung giáo pháp của Phật.

a. *Khế kinh (Sutra, Tu Đa la)*: cũng gọi là Trường hàng, tức thể văn xuôi, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của đức Phật.

b. *Ứng tụng (Geya, Kỳ dạ)*: cũng gọi là Trùng tụng, tức phần kệ tụng giải thích lại cho rõ ràng những giáo thuyết mà Khế kinh đã nói.

c. *Ký biệt (Vyakarana, Hòa già la na)*: cũng gọi là Thọ ký, vốn là thể loại giải thích về giáo nghĩa. Đời sau đặc biệt chỉ cho những lời ấn chứng trước của Phật về các việc làm trong vị lai của các đệ tử.

d. *Phúng tụng (Gatha, Già đà)*: cũng gọi là Cô khởi, tức thể loại kệ tụng độc lập, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật, không lập lại ý nghĩa trong phần văn Trường hàng đã nói trước đó như vai trò của Ứng tụng.

e. *Tự thuyết (Udana, Ưu đà na)*: nghĩa là đức Phật không đợi người khác thưa hỏi mà Ngài tự khai thị giáo pháp.

f. *Nhân duyên (Nidana, Ni đà na)*: ghi chép nhân duyên thuyết pháp giáo hóa của Phật, như phẩm Tựa của các kinh.

g. *Thí dụ (Avadana, A ba đà na)*: dùng thí dụ để giảng nói pháp nghĩa.

h. *Bốn sự (Itivrttika, Y đế viết đa già)*: thể loại ghi chép về hình trạng của Phật và các đệ tử ở đời quá khứ, ngoài Bốn sinh đàm. Hoặc các kinh mở đầu bằng câu: "Phật như thị thuyết" cũng thuộc thể loại này.

i. *Bốn sinh (Jataka, Xà đà già)*: thể loại ghi chép những hạnh đại bi mà đức Phật tu hành trong các đời quá khứ.

j. *Phương quảng (Vaipulya, Tỳ Phật lược)*: các kinh giảng nói giáo nghĩa sâu xa, rộng lớn.

k. *Hy pháp (Adbhuta-dharma, A phù đà đạt ma)*: cũng gọi là Vị tăng hữu pháp, tức thể loại kinh ghi chép những việc hiếm có của Phật và các đệ tử.

l. *Luận nghị (Upadesa, Ưu ba đế xá)*: thể loại kinh ghi chép việc đức Phật nghị luận về thể tính các pháp, phân biệt rõ ràng ý nghĩa.

(72) **Ngũ giáo**: năm loại giáo pháp phân chia Thánh giáo đức Phật nói trong một đời.

a. *Năm giáo do ngài Hiền Thủ lập ra:*

- (a) Tiểu thừa giáo.
- (b) Đại thừa thi giáo.
- (c) Đại thừa chung giáo.
- (d) Đốn giáo.
- (e) Viên giáo.

b. *Năm giáo do ngài Tông Mật đời Đường lập ra:*

- (a) Nhân thiên giáo: giáo pháp nói về lý nhân quả nghiệp báo lành dữ trong ba đời, tu tứ thiên bát định.
- (b) Tiểu thừa giáo: giáo pháp nói về lý ngã không, tu quán trí vô ngã để dứt trừ các nghiệp tham... chứng được ngã không chân như.
- (c) Đại thừa pháp tướng giáo: giáo pháp tương đương với pháp thi giáo, tức giáo pháp nói về lý duy thức biến hiện, tu duy thức quán, lục độ, hàng phục phiền não chướng và sở tri chướng, chứng nhị không chân như.
- (d) Đại thừa pháp tính giáo: tương đương với không thi giáo. Giáo pháp

nói về lý, tất cả đều không, quán không nghiệp chướng, không quả báo, không tu, không chứng. Dùng để phá trừ cái chấp về các pháp có tướng cố định.

(e) Nhất thừa hiển tính giáo: nhờ phương tiện ẩn mật chỉ thẳng tự tâm tức là chân chánh bản giác, lià các vọng tưởng chấp trước thì ngay trong tự thân thấy được trí huệ rộng lớn của Như Lai.

c. *Năm giáo do Tam tạng Ba Phả Mật Đa La vào đời Đường lập ra:*

(a) Tứ đế giáo: nói về pháp Tứ đế, ngộ lý chân không Niết bàn, như kinh A hàm.

(b) Vô tướng giáo: nói về pháp các pháp đều không, để ngộ lý không của Đại thừa, như kinh Bát nhã.

(c) Quán hạnh giáo: nói về các pháp quán tâm, để hiển bày lý tu nhân hợp với quả, như kinh Hoa Nghiêm.

(d) An lạc giáo: nói về bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh và thường, trụ, tịch, diệt, làm cho chúng sinh được an lạc, như kinh Niết bàn.

(e) Thủ hộ giáo: nói về các việc giữ gìn chánh pháp... khiến chúng sinh hộ trì không mất, như kinh Đại Tập.

(73) **Thiết Vi:** Cũng gọi là Thiết Luân Vi Sơn, Luân Vi Sơn, Kim Cương Sơn, Kim Cương Vi Sơn

Thế giới quan Phật giáo lấy núi Tu Di làm trung tâm, xung quanh có tám núi và tám biển bao bọc. Lớp ngoài cùng, bên ngoài Hàm Hải được cấu tạo bằng sắt, cho nên gọi là Thiết Vi Sơn.

Có thuyết cho rằng Tam thiên thế giới Đại, Trung và Tiểu đều có núi Thiết Vi bao quanh. Theo Luận Đại Tỳ Bà Sa quyển 133: "Chính giữa thế giới này là núi Tu Di, do bốn thứ báu cấu tạo thành, xung quanh có bảy núi vàng từ Kiện Đạt La đến Ni Dân Đạt La bao bọc. Khoảng giữa mỗi núi đều có một biển. Biển thứ 8 là Hàm Hải (biển nước mặn) bao bọc xung quanh núi Ni Dân Đạt La và bốn châu nằm trong biển này. Bên ngoài Hàm Hải có núi lớn bao bọc như bức tường, nên gọi là Luân Vi. Lại vì được cấu tạo bằng sắt, nên cũng gọi là Thiết Vi".

(74) **Kim Cốc viên:** ở huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam. Đời Tấn, nhà hào phú Thạch Sùng có người thiếp xinh đẹp tên là Lục Châu. Tôn Tú yêu cầu Thạch Sùng tặng cho người thiếp này, Thạch Sùng khước từ. Vì việc này, Thạch Sùng bị Tôn Tú dèm pha với Triệu Vương Luân và bị giết chết.

(75) **My Ô:** Ô tức là dinh thự. Năm thứ ba, niên hiệu Sơ Bình thời Đông Hán, Đông

Trác xây dựng dinh thự ở đất My, cao rộng bảy trượng, tương đương với thành Trường An. Trong dinh chứa đầy của cải, được gọi là dinh Vạn Tuế, người đời gọi là dinh My.

ĐẠI SƯ THẬT HIỀN (Tổ thứ chín của Liên tông)

Đại sư Thật Hiền, tự Tư Tề, hiệu Tĩnh Am, người đời Thanh, con nhà họ Thời ở Thường Thục. Từ thuở bé, Sư không ăn cá thịt. Sau khi xuất gia, tham cứu câu "Niệm Phật là ai?", được tỏ ngộ và nói: "Tôi đã tỉnh giấc mơ!".

Kế tiếp, Đại sư đóng cửa thất ba năm ở chùa Chân Tịch, ngày xem ba tạng kinh, đêm chuyên trì Phật hiệu. Mãn thất, Sư đến Mậu Sơn lễ xá lợi ở tháp A Dục Vương. Nhằm ngày Phật Niết bàn, Sư họp nhiều hàng đạo tục sắm lễ cúng dường, rồi đốt ngón tay trước Phật, phát bốn mươi tám điều đại nguyện. Lúc ấy, cảm xá lợi phóng ánh sáng rực rỡ. Sư làm bài văn Khuyên Phát Tâm Bồ đề để khuyến khích bốn chúng, nhiều người đọc đều rơi lệ.

Lúc lớn tuổi, Sư về trụ trì chùa Tiên Lâm tại Hàng Châu. Năm thứ bảy niên hiệu Ung Chánh (1729), Đại sư lập Liên Xã, làm văn phát thệ giữa đại chúng, lấy trọn đời tinh tấn tu Tịnh nghiệp làm kỳ hạn. Sư chia nhật khóa làm hai mươi phần, mười phần trì danh, chín phần quán tưởng, một phần lễ sám. Có nhà tu Thiên hỏi về chỉ thú niệm Phật, Sư dùng lời kệ khai thị rằng:

*Một câu A Di Đà
Là việc đầu công án
Không thương lượng chi khác
Ngay đây liền quyết đoán
Ví như đồng lửa lớn
Chạm đến liền cháy tan
Lại như gươm Thái A
Chạm đến liền đứt đoạn.
Tám muôn tư pháp tạng
Sáu chữ gồm nhiếp thân
Ngàn bảy trăm công án
Một dao liền đứt hết.
Mặc ai không thích nghe
Ta tự tâm tâm niệm
Xin chẳng cần nhiều lời
Gắng một lòng không loạn!*

Mồng 08 tháng chạp, năm thứ 11 niên hiệu Ung Chánh (1733), Sư bảo hàng đệ tử rằng:

- Tháng tư sang năm, ta sẽ đi xa!

Rồi đóng cửa thất, mỗi ngày niệm Phật mười muôn câu.

Sang năm, ngày 12 tháng tư, Sư bảo môn đồ rằng:

- Từ đầu tháng đến nay, ta đã hai phen thấy Tam Thánh Tây Phương, chắc là đến lúc vắng sinh!

Nói xong, liền viết kệ giã từ đại chúng.

Qua hôm sau, Sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi thẳng. Đến canh năm, tắm rửa thay y áo. Hôm ấy tức là ngày 14, gần giờ Ngọ, Đại sư hướng về Tây ngồi yên lặng. Hàng đạo tục các nơi nghe tin hội về đông như chợ. Sư bỗng mở mắt nói:

- Tôi đi rồi trở lại ngay. Sinh tử là việc lớn, mỗi người nên cố gắng tinh tâm niệm Phật!

Dặn dò xong, chấp tay xưng Hồng danh Phật rồi thị tịch. Thọ được bốn mươi chín tuổi.

THIÊN THỨ NĂM CHÁNH TÍN NIỆM PHẬT

Tịnh Độ duy tâm cùng khắp mười phương, Di Đà tự tánh viên dung một trí. Ứng đối màu nhiệm nơi cảnh âm thanh sắc tướng, sáng ngời trong khoảng mắt và tâm. Ngay đây bỏ vọng về chân, liền đó trái trần hợp giác.

Thuở xưa, Tỳ kheo Pháp Tạng phát thệ nguyện lớn, mở ra con đường nhiệm màu Cực Lạc. Thế nên, đức Thế Tôn chỉ rõ Tây Phương, khai thị cõi nước nhiệm màu cho bà Vi Đề Hy. Đó là pháp môn mà chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp đồng khen ngợi. Khi các kinh diệt hết chỉ còn kinh này, bởi do nơi tâm hỷ xả lợi sinh tăng trưởng, lòng từ bi ứng hóa lớn lao, nên về giáo lý thì phân ra chín phẩm, đây là riêng biệt mở ra môn phương tiện; về mặt quán thì nói rõ nhất tâm, thật là lối tắt trở về nguồn. Phàm Thánh dung hội, ví như lữ khách lang thang đã lâu được trở về quê hương; đạo cảm ứng qua lại, tựa trẻ thơ về bên từ mẫu. Không rõ đạo lý này thì chạm vào đâu cũng đều mê mờ, tin tưởng nghĩa lý trọn vẹn lời này, thì việc gì cũng thấu đạt.

Huống chi, đại nguyện từ quang thâm nhiếp, Phật lực khó nghĩ khó bàn; thuận nước xuôi thuyền chẳng nhọc nhằn tự lực, đẩy cửa rớt then cài lẽ nào lại do người khác? Có

nguyện tất được tiếp dẫn, không cần cơ nào mà chẳng lợi ích; thuyền chở đá nặng mà được qua sông, ngọn lửa nơi địa ngục nhanh chóng tắt ngúm. Bồ tát, Thanh văn vãng sinh cõi kia vô lượng vô số, các bậc Hiền trước Thánh sau được đạo có thể nghiệm xét. Chim Anh vũ, Ca Lăng Tần Già còn diễn xướng pháp âm; những loài bò, bay, máy, cựa đều được nhờ ân đức từ bi giáo hóa.

Cảnh Thánh chẳng phải hư vô, lời Phật không hề giả dối. Tại sao lại trôi nổi nơi dòng sông ân ái, đắm chìm mà chẳng biết toan? Trong nhà lửa rực cháy đốt thiêu vẫn không kinh sợ? Đan dệt mạng lưới ngu si dày đặc, lưới gươm trí tuệ cùn lục đầu thế chém đứt; trồng gốc rễ nghi ngờ đã sâu, chỉ có niềm tin hời hợt làm sao mà nhổ sạch, bèn cam tâm bằng lòng trong ương họa tai nạn.

Lại phỉ báng cõi nước thanh tịnh, tham luyến cảnh giới náo nhuyên, như bướm lao vào đèn, như tấm bị nung nấu, tự chịu tai ương cá chậu chim lồng mà cho là khoái lạc, đều bởi do thiện lực kém nghiệp lực mạnh, tin căn ít tội căn nhiều. Thế nên, ba cõi mịt mù, bốn loài(76) rối rắm, đều do tham sống mà mãi miết lăng xăng, nào ai biết trở về? Chúng sinh vì chạy theo nghiệp nên bối rối, chẳng mong cầu giải thoát. Sự sinh tử trong quá khứ như kiếp đá(77) khó tận cùng, vòng luân hồi ở vị lai như thành cái(78) bao giờ mới hết? Nếu chẳng phải đời trước không có duyên lành, sao được gặp nhân duyên Tịnh độ?

Được cơ hội đánh trống mở cửa tù, hãy mau chóng chạy ra; gặp thuyền cứu nạn đắm chìm, sao còn nghi ngờ do dự? Nên kính thuận kinh văn, khéo theo Phật học, người không nghe không hiểu thật là đau đớn xót xa! Huống chi trong đời ngũ trược như ác, lửa đốt khắp nơi, chỉ một mình đức Phật có năng lực cứu vãn!

Đã nghe diệu pháp, nên trồng nhân duyên thanh tịnh; một niệm tín thành ắt đã gây nhân vạn đức. Suy tư làm sao để bằng hàng tiên triết, trông mong tỏ ngộ đạo lý chân thường. Khuyến mọi người đều vâng theo lời dạy mà thực hành, hết lòng đánh lễ tin nhận!

CHÚ THÍCH:

(76) **Bốn loài**: Chỉ cho bốn loại chúng sinh khác nhau của loài hữu tình trong sáu đường, thuộc ba cõi. Theo Luận Câu Xá quyển 8: Bốn loài gồm:

a. *Noãn sinh*: loài sinh ra từ trứng, như: gà, ngỗng, vịt, cá, rắn...

b. *Thai sinh*: còn gọi là Phúc sinh. Các loài sinh ra từ thai mẹ như: người, voi, ngựa, bò, heo, dê, lừa...

c. *Thấp sinh*: cũng gọi là Nhân duyên sinh hay Hàn nhiệt hòa hợp sinh. Các loài sinh ra từ những nơi ẩm thấp, có nước như: tôm, cá, muỗi, dòi bọ, mối, kiến...

d. *Hóa sinh*: các loài hữu tình ở các cõi Trời, ở trong Địa ngục, Trung hữu... đều do nghiệp lực quá khứ mà hóa sinh.

Trong bốn loài thì loài Hóa sinh là nhiều nhất. Danh từ "Bốn loài" hay "Bốn loài chúng sinh" cũng được dùng để chỉ chung cho tất cả chúng sinh hữu tình. Theo đó thì "Tứ sinh Tam hữu" là chỉ cho bốn loài chúng sinh nói trên và ba cõi: Dục, Sắc và Vô Sắc.

(77) **Kiếp đá**: ví dụ cho thời gian rất lâu dài. Theo kinh Bồ tát Anh Lạc Bản Nghiệp ghi: "Dùng áo trời phất mòn hết tảng đá vuông bốn mươi dặm, gọi là Tiểu kiếp; phất hết tảng đá vuông tám mươi dặm, gọi là Trung kiếp; phất hết tảng đá vuông tám trăm dặm, gọi là A tăng kỳ kiếp".

(78) **Thành cải**: nói đủ là thành hạt cải. Lấy hạt cải ví dụ cho thời gian kiếp số lâu dài. kinh Tạp A Hàm, Luận Đại Trí Độ đều có ghi ví dụ như vậy: "Có một thành trì vuông rộng một do tuần, trong đó chứa đầy hạt cải, gọi là thành hạt cải. Có một người trường thọ, mỗi một trăm năm đến lấy một hạt cải, dù lấy hết hạt cải ấy, kiếp số cũng không hết".

Chương 1

ĐOẠN TRỪ NGHI NGỜ, PHÁT SINH LÒNG TIN

Trong kinh nói: "Được làm người là khó, sáu căn toàn vẹn là khó, sinh nơi trung tâm đất nước là khó, gặp Phật đạo là khó, phát khởi lòng tin là khó". Tôi từng luận bàn về sự khó khăn của việc phát khởi lòng tin: có nghi ngờ mà không đoạn trừ, sao phát sinh lòng tin được? Cho nên, kinh Kim Cang nói: "Lòng tin chân chánh rất là hiếm có". Kinh Pháp Hoa nói: "Do lòng tin mà được vào". Long Thơ Tịnh Độ nói: "Đức Phật là bậc Đại Y Vương, có thể cứu tất cả bệnh nhưng không thể cứu người mạng tận. Đức Phật có thể độ tất cả mọi người nhưng không thể độ người không có lòng tin". Bởi lòng tin là sự chân thành trong một niệm. Nếu tâm niệm người muốn bước đi thì chân theo đó mà đi, tâm niệm muốn ở lại thì thân theo đó mà ở lại. Đủ thấy, thân này theo tâm niệm hành động, nhưng có lúc tâm niệm muốn đi thân lại bị trói buộc. Khi sắc thân tan hoại thì chỉ có một niệm mà thôi, một niệm này muốn đến đâu thì đều đến được. Vì vậy, một niệm tín tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ thì nhất định vắng sinh Tịnh độ. Huống chi đức Thế Tôn, chư đại Bồ tát còn có sức mạnh thế nguyện tiếp dẫn vắng sinh.

Có người hỏi:

- Nay có người cả đời trì giới niệm Phật, lúc lâm chung không được sinh về Tịnh Độ là tại sao?

Đáp:

- Đó là do lòng tin không sâu, hạnh nguyện kém khuyết, lại chưa hề phát tâm Bồ đề rộng lớn và chưa từng dứt trừ tà hạnh của mười việc ác. Tuy nói tu hành, nhưng lời nói và việc làm chưa từng phù hợp; tuy nói niệm Phật, mà tịnh niệm chưa từng tiếp nối. Đã không có công phu chân thật, làm sao được quả báo Tịnh độ! Trong kinh Duy Ma nói: "Tùy theo tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh". Kinh Pháp Bảo Đàn nói: "Trong tâm nếu không có niệm bất thiện, Tây Phương cách đây không xa. Nếu ô nhiễm lòng bất thiện niệm Phật cầu vãng sinh thì khó đến được. Không đoạn trừ tâm thập ác, Phật nào đến đón rước".

Lục Tổ vì thấy người đời không lo thanh tịnh tâm mình, miệng chỉ niệm danh hiệu Phật, tìm Phật ở ngoài tâm, vọng tưởng chấp trước, chẳng tự thanh tịnh tâm mình, lại tạo những điều ác. Đó gọi là tự làm mất Phật của chính mình, lại còn đi tìm cầu Phật nào khác. Vì vậy nên nói: "Mê tức là chúng sinh, ngộ tức là Phật". Chương Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng nghiêm, Bồ tát Đại Thế Chí nói: "Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật". Vì nhớ niệm tức là tâm niệm, lòng tin thanh tịnh, Tín, Hạnh, Nguyện đầy đủ.

Kinh này còn nói: "Một căn đã về nguồn, sáu căn thành giải thoát; thập ác(79) hóa thành thập thiện(80), lục thức(81) hóa thành lục thần thông(82)". Cho nên, trong tâm chánh tín nghĩ nhớ niệm Phật, gọi là tịnh niệm tiếp nối thì Di Đà tự tánh hiện tiền. Bên đây cảm, bên kia ứng, lúc sắp mạng chung, sao lại không được thấy Phật mà vãng sinh Tịnh Độ?

Phàm người tu Tịnh nghiệp, nên tin lời Phật, làm theo hạnh Phật. Tâm niệm đã không trái ngược, nhân quả chắc chắn rõ ràng. Nếu nghe mà không tin, tin mà không thực hành, cũng như bánh vẽ không no được bụng đói. Tâm đã không tin thì phát sinh nghi ngờ phỉ báng, đã phát sinh nghi ngờ phỉ báng thì tự mờ mịt tâm mình, tự mờ mịt tâm mình thì càng thêm xa rời Tịnh độ. Do đó, cư sĩ Chu ở Hương Sơn viết lời tựa trong quyển Liên Tông Sám của ngài Từ Chiếu, nói rằng: "Bậc Đạo sư là nói vị giáo hóa có phương pháp để đạt đến giác ngộ, dạy người có đạo lý. Lấy lòng tin sâu làm lối vào, phá trừ sự chấp trước mê mờ của những kẻ Xiển Đề; chuyên niệm Phật làm môn thực hành khiến tâm không loạn động, thêm vào đó là lấy tâm nguyện Bồ đề làm căn bản độ thoát chúng sinh. Đủ ba điều ấy thì có thể lên Thượng phẩm Thượng sinh ở cõi Cực Lạc, dễ dàng đạt đến biển quả Tỳ Lô". Lại nói: "Việc này người người vốn đầy đủ, ai nấy đều thành tựu trọn vẹn. Nhưng vì không có ba chữ Tín, Nguyện, Hạnh, do đó đọa lạc trong luân hồi".

Than ôi! Phàm kẻ làm người chẳng luận phước đức, chẳng luận tôn quý, chẳng luận thông minh, chẳng luận tướng mạo, chỉ đầy đủ Tín, Nguyện, Hạnh thì chính là tư lương để vãng sinh Tịnh Độ. Tứ Liệu Giản nói: "Từ đây qua phương Tây, cách mười muôn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc, đó là đứng về khía cạnh xa mà nói. Nếu một niệm tín tâm niệm Phật thì liền đến Tây Phương, đó là đứng về khía cạnh gần mà nói. Cho nên bảo rằng, cũng gần mà cũng xa, chỉ ở nơi lòng tin và tâm nguyện của người mà thôi. Tin thì không cách mấy tở, nghi thì lưu chuyển trong sinh tử". Lại nói:

*Từ đây qua Tây Phương
Lộ trình xa mười vạn
Tư lương nếu đầy đủ
Lo gì không đến được.*

Thế nên nói: "Lòng tin đứng đầu muôn điều lành, lòng tin là chủ của trăm hạnh". Kinh Hoa Nghiêm lấy Thập tín(**83**) làm điểm khởi đầu của sự thành Phật, kinh Pháp Hoa lấy chánh tín làm cửa để vào đạo, Ngũ căn lấy Tín căn làm đầu, Ngũ lực lấy Tín lực làm trước. Vì thế, chư Phật trong ba đời, chư đại Bồ tát, lịch đại Tổ sư tu các công hạnh, đầy đủ đại nguyện lực, vào cảnh giới Phật, thành tựu Bồ đề, chưa có ai không từ nơi chữ Tín này mà bước vào.

Pháp sư Đàm Loan gặp được kinh Quán Vô Lượng Thọ của ngài Lưu Chi trao cho, liền đốt kinh Tiên tu Tịnh nghiệp, lẽ nào không phải là do chữ Tín này? Bạch Cư Dị đi cũng niệm Di Đà, ngồi cũng niệm Di Đà, cũng chẳng ra ngoài chữ Tín này! Tô Đông Pha mang bức tượng Di Đà, lúc đi hay ngồi cũng đều mang theo bên mình nói là Tây Phương công cứ, thế thì cũng không ra ngoài chữ Tín này! Trương Thiệu Hòa cả đời mổ trâu, khi lâm chung tự thấy tướng địa ngục hiện, nhưng gặp được vị tăng dạy niệm Phật A Di Đà. Ông niệm chưa được mười câu thì thấy Phật tiếp dẫn vãng sinh Tịnh độ, liền thoát khỏi địa ngục. Đó chẳng phải là do lòng tin mà được như thế hay sao?

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Lòng tin là gốc của đạo, là mẹ sinh ra công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành. Lòng tin có thể vượt ra khỏi các đường ma. Lòng tin có thể được vào chánh định. Lòng tin có thể thoát biển sinh tử. Lòng tin có thể thành tựu đạo giác ngộ của Phật".

Than ôi! Thời nay, người trì trai tin giữ giới mà không tin niệm Phật, tin thờ Phật mà không tin vãng sinh Tịnh độ. Như thế là tự làm mất lợi ích lớn, cần nên xét kỹ!

Trên đường Trời, Người lấy phước làm đầu; trong biển sinh tử, niệm Phật bậc nhất. Nay có người muốn được sự vui vẻ nơi cõi Trời, Người mà không chịu tu phước; muốn ra khỏi sinh tử nhưng lại không niệm Phật; ví như chim không cánh mà muốn bay, cây không gốc mà muốn sum suê tươi tốt, làm sao đạt được?

Nếu là bạn pháp với tôi, cần phải tin sâu lời chư Phật nói chân thật không giả dối. Phương pháp hay giải thoát đau khổ không gì bằng niệm Phật, chuyên tu Tịnh nghiệp mong ra khỏi luân hồi. Thời gian chẳng đợi người, thận trọng chớ nghi ngờ hối tiếc!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Thân này chẳng chịu đời này độ
Lại đợi đời nào độ thân này!*

CHÚ THÍCH:

(79) **Thập ác:** Sát sinh, Trộm cắp, Tà dâm, Vọng ngữ, Lưỡn thiệt (nói lời gây ly gián, lời phá hoại), Ác khẩu (nói lời thô ác), Ý ngữ (là lời nói vô nghĩa, lời nói do tâm nhiễm phát ra), Tham dục (tham ái, tham thủ, xan tham), Sân khuể, Tà kiến (tức ngu si).

(80) **Thập thiện:**

1. Không sát sinh;
2. Không trộm cắp;
3. Không tà hạnh;
4. Không vọng ngữ;
5. Không lưỡn thiệt;
6. Không ác khẩu.
7. Không ý ngữ.
8. Không tham dục;
9. Không sân nhuế;
10. Không tà kiến.

(81) **Lục thức** (*six sense of consciousness*): sáu tri thức tức sáu sự hay biết:

1. Nhãn thức: tri thức của mắt;
2. Nhĩ thức: tri thức của tai;
3. Tỷ thức: tri thức của mũi;
4. Thiệt thức: tri thức của lưỡi;
5. Thân thức: tri thức của thân
6. Ý thức: tri thức của ý.

(82) **Lục thân thông:** sáu thứ diệu dụng tự tại vô ngại do Phật, Bồ tát nương vào sức định, tuệ mà thị hiện, đó là: Thần cảnh thông, Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Lộ tận thông.

a. *Thần cảnh thông* (cũng gọi Thân thông, Thân như ý thông, Thần túc thân): năng lực hiện thân theo ý muốn một cách tự do vô ngại.

b. *Thiên nhãn thông*: năng lực thấy rõ tướng khổ, vui, sống, chết của chúng sinh trong sáu đường và thấy tất cả các thứ hình sắc trong thế gian, không gì ngăn ngại.

c. *Thiên nhĩ thông*: năng lực nghe được những tiếng nói khổ, vui, lo, mừng của chúng sinh trong sáu đường và tất cả loại âm thanh của thế gian.

d. *Tha tâm thông*: năng lực biết được những điều mà chúng sinh trong sáu đường đang suy nghĩ.

e. *Túc mạng thông* (cũng gọi Túc trụ thông): năng lực biết được vận mạng và những việc làm của chính mình và của chúng sinh trong sáu đường từ trăm nghìn muôn kiếp trước.

f. *Lậu tận thông*: năng lực dứt hết Kiến hoặc và Tư hoặc trong ba cõi, không bị sống chết trôi buộc trong ba cõi mà được thần thông lậu tận.

Ba năng lực: Thiên nhãn thông, Túc mạng thông và Lậu tận thông trên đây còn gọi là Tam minh.

(83) **Thập tín**: gọi đủ là Thập tín tâm, gọi tắt là Thập tâm, chỉ cho mười tâm mà Bồ tát của mười giai vị đầu tiên trong 52 giai vị tu hành. Mười tâm này thuộc Tín vị, có khả năng giúp cho hành giả thành tựu hạnh tín. Về tên gọi và thứ tự thì các kinh điển ghi có hơi khác nhau.

Theo phẩm Hiền Thánh Danh Tự trong kinh Bồ tát Anh Lạc Bản Nghiệp quyển thượng thì mười tâm là:

a. Tín tâm: nhất tâm quyết định, mong muốn thành tựu.

b. Niệm tâm: thường tu 6 niệm: Phật, pháp, tăng, giới, thí và thiên.

c. Tinh tấn tâm: nghe Bồ tát tạng, siêng năng tu tập thiện nghiệp không gián đoạn.

d. Định tâm: tâm an trụ nơi sự và nghĩa, xa lìa tất cả hư ngụy, vọng tưởng phân biệt.

e. Tuệ tâm: nghe Bồ tát tạng, tư duy quan sát, biết tất cả pháp vô ngã, vô nhân, tự tánh rỗng lặng.

f. Giới tâm: thọ trì luật ghi thanh tịnh của Bồ tát, thân, khẩu, ý thanh tịnh, không phạm các lỗi; nếu có phạm thì sám hối trừ diệt.

g. Hồi hướng tâm: đem các thiện căn đã tu được hồi hướng về Bồ đề, không nguyện sinh vào các cõi hữu lậu, hồi thí cho chúng sinh, không vì riêng mình; hồi hướng cầu chứng được thật tế, không chấp danh tướng.

h. Hộ pháp tâm: phòng ngừa tâm mình, không khởi phiền não, lại tu năm hạnh: mặc hộ, niệm hộ, trí hộ, tức tâm hộ và tha hộ.

i. Xả tâm: không tiếc thân mạng, tài vật; tất cả những gì có được đều buông bỏ.

j. Nguyên tâm: thường tu các nguyên thanh tịnh.

Mười tâm được liệt kê trong phẩm Bồ tát Giáo Hóa Kinh Nhân Vương quyển thượng do ngài Cư Ma La Thập dịch là: Tín tâm, Tinh tấn tâm, Niệm tâm, Tuệ tâm, Định tâm, Thí tâm, Giới tâm, Hộ tâm, Nguyên tâm và Hồi hướng tâm, cho đó là mười tâm của Thập chủng tính.

Kinh Phạm Võng quyển thượng thì nêu mười tâm là: Xả tâm, Giới tâm, Nhẫn tâm, Tấn tâm, Định tâm, Tuệ tâm, Nguyên tâm, Hộ tâm, Hỷ tâm, Định tâm, và cho đó là mười tâm phát thú trong Kiên tính nhẫn.

Kinh Lăng Nghiêm quyển 8 thì gọi đó là Thập tâm trụ, tức Tín tâm trụ, Niệm tâm trụ, Tinh tiến tâm trụ, Tuệ tâm trụ, Định tâm trụ, Bất thoái tâm trụ, Hộ pháp tâm trụ, Hồi hướng tâm trụ, Giới tâm trụ và Nguyên tâm trụ.

Chương 2 **KHUYÊN PHÁT LÒNG TIN**

Phật A Di Đà là bậc tôn quý trong các đức Phật, cha lành của bốn loài chúng sinh. Người trở về tin tưởng thì tiêu diệt tội lỗi nhiều như cát sông Hằng, xưng niệm thì được phước vô lượng.

Muốn niệm Phật phải khởi lòng tin, nếu không có lòng tin thì chẳng được gì. Thế nên, Pháp sư Tăng Triệu nói: "Việc ấy đúng như vậy" là tướng trạng của niềm tin, bảo rằng "việc ấy không như vậy" là tướng trạng của sự không tin tưởng.

Lòng tin là bước quan trọng ban đầu để vào đạo, trí tuệ là chỗ huyền diệu sau cùng. Các kinh trước nói "như vậy" là chỉ cho lòng tin, sau cùng nói "vâng làm" là chỉ cho trí tuệ. Do đó, kinh A Di Đà nói: "Nếu có người tin ưa, nên phát nguyện sinh về cõi Cực Lạc". Đây là chỗ khuyên phát lòng tin của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Kinh này còn nói: "Các ông nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức này". Đây là chỗ khuyên phát lòng tin của chư Phật khắp sáu phương.

Luận còn nói: "Nếu người trồng căn lành, nghi thì hoa không nở. Người lòng tin thanh tịnh, hoa nở được thấy Phật". Đây là chỗ khuyên phát lòng tin trong Luận Vãng Sinh.

Hơn nữa, tin thì lời nói thuận lý; thuận thì thành tựu đạo thầy trò. Kinh, không luận là

nghĩa lý phong phú hay ước lược, nếu chẳng có lòng tin thì không thể lưu truyền. Đó là chỗ khuyên phát lòng tin của ngài Tăng Triệu.

Lại nói: "Pháp môn niệm Phật này, chẳng luận là tăng tục, nam nữ, sang hèn, nghèo giàu, chỉ cần có đủ niềm tin". Đây là chỗ khuyên phát lòng tin của Hòa thượng Đại Hạnh.

Hỏi:

- Đã nói rằng tin, vậy chưa biết tin những pháp gì?

Đáp:

- Tin nghĩa là tin theo, như trong kinh nói:

- * Tin niệm Phật nhất định vãng sinh Tịnh độ.
- * Tin niệm Phật nhất định diệt trừ mọi tội lỗi
- * Tin niệm Phật nhất định được Phật hộ trì.
- * Tin niệm Phật nhất định được Phật chứng minh.
- * Tin niệm Phật, đến lúc mạng chung, nhất định được Phật đến tiếp dẫn.
- * Tin niệm Phật, bất luận là chúng sinh nào, hễ có cùng lòng tin đều được vãng sinh.
- * Tin niệm Phật vãng sinh Tịnh độ nhất định được vào bậc Bất thối.
- * Tin vãng sinh Tịnh độ nhất định không còn rơi vào ba đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh.

Cho nên, khuyên tin tưởng niệm Phật. Tiếp nhận pháp này, trì niệm danh hiệu này, chắc chắn vãng sinh Tịnh Độ. Vì thế, Hòa thượng Đại Hạnh dạy người niệm Phật, thấy "tâm chỉ tin Phật thì Phật liền biết, vì Ngài có thần thông biết được tâm người. Miệng chỉ xưng danh hiệu Phật thì Phật liền nghe, vì Ngài có thần thông nghe suốt tất cả. Thân chỉ lễ Phật thì Phật liền thấy, vì Ngài có thần thông thấy khắp mười phương". Do vậy, Hòa thượng Đại Hạnh đem pháp niệm Phật này khuyên mọi người phát sinh lòng tin.

Lại ví dụ, lòng tin cũng như việc trồng cây trái, rễ sâu nên gió thổi không lay động. Về sau, cây sẽ đơm bông kết trái, giúp người qua cơn đói khát. Người niệm Phật cũng như thế, do tin sâu mà được đến Tây Phương. Nếu không có lòng tin thì chẳng được gì, trong kinh nói: "Bồ tát Thập trụ**84**) vừa khởi lòng tin niệm Phật, về sau dù gặp ác duyên mất thân mạng, thà chết chớ không thối thất".

Kinh Duy Ma nói: "Tin sâu vững chắc giống như kim cương, pháp bảo soi khắp cả giống như mưa cam lồ".

Niệm Phật Tam Muội từ lòng tin sâu sắc mà phát sinh.

*Anh xem Tịnh độ hằng sa Phật
Đều là người chánh tín hiện nay.*

CHÚ THÍCH:

(84) **Thập trụ**: quá trình tu hành của Bồ tát được chia làm 52 giai vị, trong đó từ giai vị 11 đến 20 thuộc Trụ vị, gọi là Thập trụ, Đó là:

- a. *Sơ phát tâm trụ* (cũng gọi là Ba Lam Kỳ Đâu Ba Bồ tát pháp trụ, Phát ý trụ): hàng thượng tiến, hàng thượng căn, dùng phương tiện chân chánh phát khởi tâm Thập tín, tin thờ Tam Bảo, thượng trụ trong tám vạn bốn nghìn Bát nhã Ba la mật, thọ trì tu tập tất cả hạnh, tất cả pháp môn, thường khởi tín tâm, không sinh tà kiến, không phạm Thập trọng, Ngũ nghịch, Bát đảo, không sinh vào nơi có tai nạn, thường gặp Phật pháp, học rộng, nhiều trí tuệ, cầu nhiều phương tiện, mới nhập không giới, trụ nơi giai vị không tính, đồng thời dùng không lý trí tâm tu tập giáo pháp của cổ Phật, trong tâm sinh ra tất cả công đức.
- b. *Trì địa trụ* (cũng gọi A Xà Phù Bồ tát pháp trụ, Trì địa trụ): thường theo tâm không, làm thanh tịnh tám vạn bốn nghìn pháp môn, tâm Bồ tát trong sáng, giống như tam lưu ly hiện vàng ròng, vì lấy diệu tâm mới phát làm địa để tu tập nên gọi là Trì địa trụ.
- c. *Tu hành trụ* (cũng gọi là Du A Xà Phù Bồ tát pháp trụ, Ứng hành trụ): trí tuệ của Phát tâm trụ và Trì địa trụ ở trước đều đã sáng tỏ, cho nên dạo khắp mười phương mà không bị ngăn ngại.
- d. *Sinh quý trụ* (cũng gọi Xà Ma Kỳ Bồ tát pháp trụ): nhờ diệu hạnh ở trước thâm hợp với diệu lý, đã sinh vào nhà Phật làm con bậc Pháp vương; tức hạnh đồng với Phật, chịu ảnh hưởng khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cha mẹ, cả hai thâm hợp, nhập vào chủng tánh Như Lai.
- e. *Phương tiện cụ túc trụ* (cũng gọi Ba Du Tam Bát Bồ tát pháp trụ, Tu thành trụ): tu tập vô lượng thiện căn, lợi mình, lợi người, đầy đủ phương tiện, tướng mạo vẹn toàn.
- f. *Chánh tâm trụ* (cũng gọi A Kỳ Tam Bát Bồ tát pháp trụ, Hành đẳng trụ): thành tựu Bát nhã thứ sáu, cho nên, chẳng những chỉ có tướng mạo mà cả tâm cũng đồng với Phật.
- g. *Bất thoái trụ* (cũng gọi A Duy Diệu Trí Bồ tát pháp trụ, Bất thoái chuyển trụ):

đã vào cảnh giới Vô sinh rốt ráo không, tâm thường tu hạnh không, vô tướng, vô nguyện, thân tâm hòa hợp, mỗi ngày một tăng trưởng.

j. *Đồng chân trụ* (cũng gọi Cửu Ma La Phù đồng nam Bồ tát pháp trụ): từ khi phát tâm trở đi, trước sau không sụt lùi, không khởi tà ma phá hoại tâm Bồ đề, đến đây thì 10 thân linh tướng của Phật cùng lúc đầy đủ.

g. *Pháp vương tử trụ* (cũng gọi Du La Xà Bồ tát pháp trụ, Liễu sinh trụ): từ Sơ phát tâm trụ đến Sinh quý trụ, gọi là nhập Thánh thai; từ Phương tiện cụ túc trụ đến Đồng chân trụ gọi là Trưởng dưỡng Thánh thai, đến Pháp vương tử trụ này thì hình tướng đã đầy đủ, liền ra khỏi thai, giống như từ trong giáo pháp của Phật vương sinh ra hiểu biết tiếp nối được ngôi vị của Phật.

h. *Quán đảnh trụ* (cũng gọi A Duy Nhan Bồ tát pháp trụ, Bồ xứ trụ): Bồ tát đã là con của Phật, có khả năng gánh vác việc Phật, cho nên Phật đem nước trí tuệ rưới lên đầu (quán đảnh) Bồ tát, giống như việc quán đảnh lên ngôi của vị Vương tử dòng Sát Đế Lợi. Vị Bồ tát đã đến Quán đảnh trụ thì có ba tướng đặc biệt là:

(a) Độ chúng sinh: có khả năng tu hành thành tựu mười thứ trí, độ được các chúng sinh.

(b) Vào được cảnh giới rất sâu xa mà tất cả chúng sinh cho đến hàng Bồ tát Pháp vương tử trụ cũng không thể tính lường được.

(c) Học rộng mười thứ trí, rõ biết tất cả pháp.

Chương 3

KỆ CHÁNH TÍN VÃNG SINH CỦA SÁM CHỦ TỪ VÂN THỨC

*Cúi lễ Tây Phương cõi An Lạc
Di đà giáo chủ đại từ tôn
Con nương tất cả các kinh điển
Thành tựu lòng tin quyết vãng sinh.*

*Người trụ Đại thừa tâm thanh tịnh
Mười câu niệm Phật Vô Lượng Thọ
Lâm chung thấy Phật quyết vãng sinh
Kinh Đại Bảo Tích nói như thế.*

*Tội ngũ nghịch lửa địa ngục hiện
Gặp thiện tri thức phát tâm mạnh
Mười câu niệm Phật liền vãng sinh
Kinh Thập Lục Quán nói như thế.*

Nếu có người hoan hỷ ưa thích

*Cho đến mười niệm liền vãng sinh
Nếu không như thế chẳng thành Phật
Bốn mươi tám nguyện nói như thế.*

*Nếu có người nghe danh chí tâm
Một niệm hướng về liền vãng sinh
Chỉ trừ ngũ nghịch chê chánh pháp
Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế.*

*Lâm chung không thể quán và niệm
Chỉ phát khởi ý biết có Phật
Người này hơi dứt liền vãng sinh
Kinh Đại Pháp Cỗ nói như thế.*

*Một ngày, một đêm, treo tràng phan
Chuyên niệm vãng sinh tâm không dứt
Trong mộng thấy Phật liền vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế.*

*Một ngày sớm tối xưng danh Phật
Chuyên cần tinh tấn không dừng nghỉ
Lần lượt khuyên nhau cùng vãng sinh
Trong kinh Đại Bi nói như thế.*

*Một ngày, hai ngày đến bảy ngày
Chấp trì danh hiệu tâm không loạn
Phật hiện trước mặt liền vãng sinh
Kinh A Di Đà nói như thế.*

*Nếu người nghe Phật A Di Đà
Một ngày, hai ngày, hoặc hơn nữa
Buộc niệm hiện tiền liền vãng sinh
Trong kinh Ban Chu nói như thế.*

*Một ngày, một đêm trong sáu thời
Năm vóc lễ Phật, niệm không dứt
Hiện thấy Phật ấy, liền vãng sinh
Kinh Cổ Âm Vương nói như thế.*

*Mười ngày, mười đêm trì trai giới
Treo phan, bảo cái, đốt hương đèn*

*Buộc niệm không dứt được vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế.*

*Nếu người chuyên niệm Phật một phương
Hoặc đi, hoặc ngồi bốn chín ngày
Tự thân thấy Phật liền vãng sinh
Trong kinh Đại Tập nói như thế.*

*Nếu người tự thệ thường kinh hành
Trong chín mươi ngày không ngồi nằm
Nơi chánh định thấy Phật Di Đà
Trong kinh Phật Lập nói như thế.*

*Nếu người ngồi thẳng hướng về Tây
Suốt chín mươi ngày thường niệm Phật
Được thành Tam muội sinh trước Phật
Kinh Văn Thù Bát nhã nói thế.*

*Tôi dẫn ít phần trong các kinh
Những lời như thế vô cùng tận
Nguyện người cùng nghe sinh chánh tín
Lời Phật chân thật chẳng hư dối
Phật đã nói rõ để vãng sinh
Mong đều tin chắc không nghi hoặc.*

Chương 4

LỜI TỰA TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN CỦA ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ Ở THIÊN THAI

Trí tuệ hàng Thanh văn không thể lường xét chỗ sâu xa của chư Phật, Bồ-tát hàng Thập địa chẳng thể cùng tận chỗ mầu nhiệm của quả vị tột cùng. Huống chi, hàng phàm phu không có mắt tuệ, rơi trong ba cõi, mê vọng sâu dày, cho Tịnh độ là sai lầm, niềm nghi ngờ khó chuyển đổi. Nghi ở nơi thân, biết rằng chưa diệt (kiến chấp) năm uẩn; nghi ở nơi tâm thì biết chưa trừ muôn điều mê lầm; nghi ở nơi hạnh, biết rằng chưa thực hành được Lục độ. Do hạnh còn trôi nổi đắm chìm chưa qua được bờ kia, nên mới mong những người đã qua cứu giúp. Ở nơi mình vẫn còn mê lầm, huống gì đối với người khác! Đây là điều lòng người khó tin, người tu kẻ tục đều nghi ngờ.

Đại sư Trí Giả đời Tùy, tâm thầm hợp với muôn vật, trí tuệ thấu suốt tất cả, nhân cơ hội phụ trợ giáo pháp, hiển bày nhiều điều lạ. Do những điều lạ ấy mà xét sự chứng đắc, chẳng biết chẳng hay Ngài là bậc Tam Hiền(85) chẳng? Hàng Thập Thánh(86)

chăng? Hay là bậc Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa thần diệu thật khó nghĩ bàn! Suy xét cũng chẳng biết được. Song, Đại sư đầy đủ chánh niệm thiền định tổng trì, hạnh nghiệp sáng ngời, không lãng quên cầu sinh Tịnh độ dù trong giây phút. Hiện nay, phát hiện trong những tác phẩm còn lại của Đại sư, có lẽ là Thập Nghi Luận. Nhưng sách này, xa thì y cứ trong các kinh, gần thì y cứ từ những bộ luận, chọn lựa ý để dẫn truyện. Không lìa kinh để làm cho được hoàn bị, chẳng trao chuốt ngôn từ để tăng thêm sự khéo léo. Xét từ đạt ý, có thể cùng tột nơi chín phẩm, như thế mới thấy chỗ dụng tâm của Đại sư. Thấy được tấm lòng của Ngài, vả chẳng ở người có mỗi nghi ngờ về Tịnh độ. Gọi là trời cao không mây, ngàn sao lấp lánh, trật tự khác nhau, thứ lớp không đồng, sáng rõ không gì che khuất.

Tôi được sách này, nhớ lại đức Thế Tôn nhọc nhằn khen ngợi Tịnh Độ, chư Phật xác nhận làm thành tựu lòng tin, hoặc hiện tướng lưỡi che khắp ba ngàn thế giới, hoặc âm thanh như sóng biển để diễn nói lời thanh tịnh.

Tôi tuy hiểu biết nông cạn, chẳng thể phát huy rạch rõ pháp môn này, nhưng đâu nỡ không lời! Thế nên, lược nêu ra vài điều ở trước sách này, để bày tỏ hết những điều ôm ảp trong lòng. Tuy từ thô lý cạn, chẳng đủ hưng khởi sự giáo hóa của Đại sư, nhưng nơi ý nghĩa chư Phật xác nhận làm thành tựu lòng tin, thì có chỗ trở về.

CHÚ THÍCH:

(85) **Tam Hiền**: ba giai vị tu hành các thiện căn để hàng phục phiền não, khiến tâm được điều hòa. Tam Hiền có Tiểu thừa và Đại thừa khác nhau.

- **Tam Hiền thuộc Tiểu thừa**: giai vị tu các thiện căn hữu lậu (tức Thuận giải thoát phần), có ba giai vị:
 - a. *Ngũ đình tâm quán vị*: giai vị dùng Ngũ đình tâm quán để ngăn dứt năm món tham, sân, si, ngã kiến và tán loạn.
 - b. *Biệt tướng niệm trụ vị*: giai vị quán các tự tướng: bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã thuộc thân, thọ, tâm, pháp; đồng thời quán các cộng tướng: vô thường, khổ, không, vô ngã.
 - c. *Tổng tướng niệm trụ vị*: giai vị quán chung các cộng tướng: vô thường, khổ, không, vô ngã thuộc Tứ niệm trụ.
- **Tam Hiền thuộc Đại thừa**: chỉ cho hàng Bồ tát trước Thập địa, giai vị này có ba lớp Thập tâm khác nhau:
 - a. *Thập trụ*: tâm hội lý, an trụ bất động. Thập trụ gồm: Phát tâm trụ, Trị địa trụ, Tu hành trụ, Sinh quý trụ, Cụ túc phương tiện trụ, Chính tâm trụ, Bất thoái trụ, Đồng chân trụ, Pháp vương tử trụ và Quán đảnh trụ.
 - b. *Thập hạnh*: thực hành hạnh này thì sẽ tiến tới quả. Thập hạnh gồm:

Hoan hỷ hạnh, Nhiều ích hạnh, Vô vi nghịch hạnh, Vô khuất nhiễu hạnh, Vô si loạn hạnh, Thiện hiện hạnh, Vô trước hạnh, Nan đắc hạnh, Thiện pháp hạnh, Chân thật hạnh.

c. *Thập hồi hướng*: hồi nhân hướng quả. Thập hồi hướng gồm: Cứu chư chúng sinh ly chúng sinh tướng hồi hướng, Bất hoại hồi hướng, Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng, Chí nhất thiết hồi hướng, Vô tận công đức tạng hồi hướng, Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng, Đẳng tùy thuận nhất thiết chúng sinh hồi hướng, Chân như tướng hồi hướng, Vô phược vô trước giải thoát hồi hướng và Nhập pháp giới vô lượng hồi hướng.

(86) **Thập Thánh**: Nhân Vương Bát nhã Kinh Hiệp Sở, quyển trung cho rằng Tam Hiền tức ba mươi tâm trước Thập địa, Thập Thánh tức hàng Bồ tát Thập địa. Vì hàng Bồ tát Thập địa đều đã đoạn hoặc, chứng được chánh tín.

Chương 5

LỜI TỰA TRỰC CHỈ TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHỊ CỦA DƯƠNG KIỆT

Thánh nhân do đại nguyện từ Tịnh Độ đến, đến mà thật không có đến; phàm phu tin sâu sinh qua Tịnh Độ, đi mà thật không có đi. Kia chẳng đến đây, đây chẳng qua kia mà Thánh phạm hội ngộ, hai bên đều được giao tiếp, là tại sao? Vì ánh sáng của Phật Di Đà như mặt trăng tròn đầy chiếu khắp mười phương, nước lã trong thì trăng hiện toàn thể. Trăng chẳng phải đến với nước, nước dấy động vẫn đục thì trăng không hiện rõ, chớ chẳng phải trăng bỏ nước mà đi. Nước có trong, đục, động, tĩnh, nhưng trăng thì không lấy bỏ, đến, đi. Thế nên, trong kinh Hoa Nghiêm, Trưởng giả Giải Thoát nói: "Biết tất cả chư Phật giống như bóng, tâm mình giống như nước. Các đức Như Lai kia không đến đây, ta cũng không qua kia. Nếu ta muốn thấy Phật A Di Đà ở thế giới An Lạc tùy ý liền thấy".

Vì vậy nên biết, chúng sinh chuyên chú tâm niệm muốn thấy Phật A Di Đà thì liền được thấy, đó chính là lời chân thật xứng hợp với bản tánh, chẳng phải là giáo lý quyền biến.

Tịnh độ không có sự ham muốn nên chẳng phải là Dục giới. Cõi nước ấy ở trên mặt đất nên chẳng phải Sắc giới. Lúc hóa sinh có hình tướng nên chẳng phải là Vô sắc giới.

Tất cả chúng sinh chưa tỉnh ngộ chánh giác, ở trong giấc mộng lớn, thăng trầm nơi sáu nẻo chưa từng dừng nghỉ. Chư Thiên tuy vui sướng, nhưng lúc quả báo hết, tướng suy hao biểu hiện; A tu la sân hận chiến tranh hơn thua; Bàn sinh bay chạy, ăn nuốt, tàn sát lẫn nhau; Quỷ thần thì âm u đói khát bức bách; Địa ngục ở trong đêm dài tăm tối, thống khổ kêu gào. Được sinh làm người thì ta vốn là may mắn. Song, sinh già bệnh chết bao nhiêu nỗi khổ ràng buộc trôi lăn, chỉ có Tịnh Độ là không còn khổ não.

Thai sen gởi hình chất nên không có nỗi khổ của sự sinh. Nóng, lạnh chẳng đời nên không có nỗi khổ già suy. Thân thể chẳng có phần đoạn nên không có nỗi khổ bệnh tật. Thọ mạng vô lượng nên không có nỗi khổ về sự chết. Không cha mẹ, vợ con nên không có nỗi khổ thương yêu ly biệt. Các bậc Thượng thiện nhân cùng hội tụ nên không có nỗi khổ oán ghét mà gặp gỡ. Áo đẹp, cơm thơm, thọ dùng trân bảo, nên không có nỗi khổ mong cầu chẳng được. Thường quán chiếu bản tánh rỗng lặng nên không có nỗi khổ về thân năm uẩn. Từ bi tế độ loài hữu tình, muốn sinh đến nơi nào thì sinh, không trụ nơi vắng lặng, vì vậy chẳng phải là Nhị thừa. Trí tuệ chiếu soi sinh tử, được Bất thối chuyển, nên chẳng phải là phàm phu.

Ba cõi mênh mông ví như nơi bốn bề gò nổng, hầm hố, chứa đầy dơ bẩn, khe vực cách trở lấy gì làm chiếc cầu? Lại có kẻ cuồng ở trong đó lạc đường, ác thú ma quỷ não hại vây quanh, đao binh nước lửa; hoặc gặp lúc bi thương đột ngột, sương gió sấm sét, bị hiếp đáp chèn ép, chẳng biết tìm nơi nào để được che chở; hoặc ẩm thực, y phục chưa đầy đủ, cam chịu những nỗi khổ ấy mà chẳng mong cầu an lạc.

Phật Thích Ca là bậc Đại Đạo sư, chỉ rõ cõi nước thanh tịnh tức là thế giới An Lạc. Phật Vô Lượng Thọ là bậc thầy nơi Tịnh độ. Các chúng sinh nếu sinh về cõi ấy thì không có những phiền não. Người không nghe biết về điều này, thật đáng xót thương! Cũng có những người thiện, phát ba thứ tâm mà không cầu vãng sinh, thật là đáng tiếc!

- Thứ nhất: ta sẽ siêu Phật vượt Tổ, Tịnh độ đâu đáng để vãng sinh.
- Thứ hai: nơi nơi đều là Tịnh độ, chẳng cần sinh về Tây Phương.
- Thứ ba: Cực Lạc là cõi Thánh, bọn ta là kẻ phàm đâu thể sinh về đó được.

Nói về biển hạnh thì vô lượng, nhưng Bồ tát Phổ Hiền lại nguyện thấy Phật Di Đà. Cõi Phật tuy rỗng không mà ngài Duy Ma thường tu Tịnh độ. Như Lai khắp mười phương có lời khen ngợi bằng tướng lưỡi rộng dài. Bồ tát trong mười phương có tâm cùng vãng sinh Cực Lạc. Tự mình nên thử lường xét xem ai bằng với các bậc Thánh, mà bảo rằng Tịnh độ không đáng để sinh về. Tại sao lại tự lừa dối mình như thế?

Đến như Tổ sư Long Thọ trong kinh Lăng Già có lời thọ ký từ trước. Bồ tát Thế Thân là bậc Giáo Tông, viết nhiều luận số, còn có bài kệ cầu vãng sinh. Trong Thông Tán của ngài Từ Ân, đầu tiên khen ngợi mười điều thù thắng. Đại sư Trí Giả phân tích nghĩa lý, biện biệt rõ mười mối nghi ngờ. Các Ngài đều là bậc thượng triết mà còn tinh tấn đối với sự vãng sinh. Tại sao lại nói chẳng cần sinh về Tây Phương, tự ngạo mạn đến thế?

Xe lửa trong chốn địa ngục có thể tắt; thuyền chở đá nặng vẫn không chìm. Hiện hoa báo không ai hơn Trương Chung Quỳ, chỉ mười niệm được vượt lên cõi thù thắng. Vào địa ngục không ai nhanh hơn sư Hùng Tuấn, mà được sống lại rồi tu hành chứng được

nhân vi diệu. Lỗi lầm của người đời chưa hẳn đến thế, mà nói rằng không thể vắng sinh. Tại sao lại tự vứt bỏ mình?

Kinh Ban Chu Tam muội nói: "Bồ tát Bạt Đà Hòa hỏi đức Phật: chúng sinh đời vị lai làm sao được thấy chư Phật ở mười phương? Đức Phật dạy họ niệm Phật A Di Đà thì liền thấy chư Phật trong mười phương".

Trong kinh Bảo Tích nói: "Chúng sinh ở phương khác nghe về danh hiệu của Như Lai Vô Lượng Thọ, cho đến phát một ý niệm tin tưởng thanh tịnh, hoan hỷ ưa thích, có bao nhiêu căn lành hồi hướng nguyện sinh về cõi kia, theo nguyện đều vắng sinh, được Bất thối chuyển".

Đây chính là lời Phật nói. Không tin lời Phật thì lời ai đáng tin? Không sinh về Tịnh Độ thì sinh về cõi nào? Như thế, là tự lừa dối, tự ngạo mạn, tự vứt bỏ tánh linh của chính mình, trôi vào trong vòng luân hồi sinh tử. Đó là lỗi của ai?

Bốn mươi tám nguyện đều vì cứu độ chúng sinh, mười sáu pháp quán đồng về chỗ buộc niệm. Một niệm tin tưởng ắt đã gieo giống trong ao báu; vun bồi các điều lành nhất định hóa sinh nơi kim địa.

Nếu như không có hối tiếc và nghi ngờ, tức thời sen nở được đạo giải thoát Tịnh Độ duy tâm, Di Đà tự tánh. Trong ánh sáng rộng lớn quyết không có ma sự.

Tịnh Độ Quyết Nghi Tập là do Thị Lang Vương Mẫn Trọng soạn, giải thích nghi ngờ, làm lỗi tắt dẫn đến lòng tin vững chắc. Yếu chỉ được ghi chép trong đây rất tường tận. Đó là lời dẫn đường đến cõi nước An Dưỡng. Nếu lên đến bờ kia, cõi nhiên có thể quên thuyền, người muốn đến thì cần phải hỏi bến bờ. Chớ nên xem thường lời này!

THIÊN THỨ SÁU CHÁNH HẠNH NIỆM PHẬT

Cõi Thường Tịch Quang vốn không có sắc tướng, nhưng có ứng thì biểu hiện ra hình tướng. Đạo Bồ đề đã mở ra con đường chính yếu, nếu không thực hành thì chẳng đến được.

Kinh Duy Ma nói: "Trưởng giả Bảo Tích và năm trăm Trưởng giả tử bạch đức Phật rằng:

- Chúng con đã phát tâm cầu đạo giác ngộ Chân Chánh Vô Thượng, mong được nghe về cõi nước Phật thanh tịnh, mong đức Phật nói về hạnh Tịnh độ của Bồ tát.

Đức Phật bảo:

- Nay Bảo Tích, chúng sinh là Tịnh Độ của Bồ tát".

Pháp sư Tăng Triệu nói: "Chư Phật và Bồ tát rỗng lặng không có hình tướng, do ứng vật nên biểu hiện ra hình tướng. Hình tướng không có bản chất thường hằng, hướng chi cõi nước mà thường hằng hay sao? Bởi lẽ, chúng sinh muôn loài hạnh nghiệp không đồng, nên dẫn đến báo ứng sai biệt. Thế nên, thanh tịnh thì ứng hiện ra ngọc báu, uế trược thì ứng hiện ra ngói gạch. Đẹp xấu là do tự họ, đối với ta không nhất định. Cõi không nhất định mới là cõi chân thật, thế thì sự nhơ và sạch của cõi nước là thuộc chúng sinh, do đó nói rằng chúng sinh là Tịnh độ của Bồ tát".

Nói về thể tánh của Tịnh Độ Như Lai vốn không phương hướng chỗ nơi. Do chúng sinh có hạnh hỗn tạp nên cùng xem mà thấy lại khác nhau. Vì cái thấy khác mà phát sinh sự tịnh uế. Bởi không phương hướng chỗ nơi nên cõi chân thật mới biểu hiện; nếu như xét về tịnh và uế đó là quả báo của chúng sinh. Cõi Phật chân thật vốn không phương hướng chỗ nơi, lẽ nào lại bảo rằng hai cõi phạm Thánh khác nhau, rồi mới biện rõ sự thanh tịnh và uế trược?

Pháp sư Đạo Sinh nói: "Hành giả Tịnh Độ do thực hành đến chỗ tốt cùng mà dẫn đến Tịnh Độ, chẳng phải nhờ tạo tác. Nếu muốn tạo ra cõi nước thì thuộc về phần chúng sinh rồi, nhưng gượng nói tạo tác thì cần phải nói rõ chỗ căn bản của sự tạo tác để bày tỏ ý nghĩa rõ ràng, rồi sau đó mới nói về việc tu hành".

Pháp sư La Thập nói: "Trưởng giả Bảo Tích hỏi về tướng trạng của Tịnh Độ. Đức Thế Tôn đáp rằng: chúng sinh là Tịnh Độ của Bồ tát".

Đây vốn là nói về nhân ở trên quả.

Quốc sư Thanh Lương nói: "Trong tâm chư Phật luôn luôn có chúng sinh mới thành Phật. Trong tâm chúng sinh, mỗi niệm mỗi niệm, chúng nhập Tịnh Độ chân thật".

Kinh Duy Ma nói: "Bồ tát tùy theo sự giáo hóa chúng sinh mà nhận lấy cõi nước thanh tịnh, vì để làm lợi ích mọi chúng sinh. Ví như có người muốn xây dựng cung thất ở nơi đất trống thì tùy ý không chướng ngại, nhưng muốn xây dựng ở nơi hư không rồi cuộc không thể thành tựu. Bồ tát cũng như thế, vì thành tựu chúng sinh nên nguyện nhận lấy cõi Phật. Nên biết, tâm ngay thẳng, tâm sâu xa, tâm Đại thừa là Tịnh Độ của Bồ tát".

Pháp sư Tăng Triệu nói: "Sự thanh tịnh của cõi nước phải do chúng sinh, sự thanh tịnh của chúng sinh phải nhờ các hạnh. Hạnh thanh tịnh thì chúng sinh thanh tịnh, chúng sinh thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Đó là lẽ tất nhiên không thể sai khác. Cõi nước không có cong vạy như bản là xuất phát từ tâm ngay thẳng, cho nên nói tâm ngay thẳng là Tịnh độ của Bồ tát. Tâm ngay thẳng nghĩa là chất trực không xiểm nịnh. Tâm này là cội gốc của vạn hạnh".

Pháp sư Đạo Sinh nói: "Trồng tâm gieo đức sâu chắc khó nhỏ, đó là tâm sâu xa. Nương vào vạn hạnh mà chuyên chờ cả thiên hạ không sót một người, đó là tâm Đại thừa. Ba tâm này là hạnh của người mới học. Muốn hoằng dương đại đạo, trước cần phải ngay thẳng tâm mình; tâm đã chân thật ngay thẳng, sau đó mới có thể vào sâu trong hạnh; đã vào sâu nơi hạnh thì vận dụng rộng lớn không bến bờ. Đây là thứ tự của ba tâm, đủ ba tâm này kể đến tu lục độ, cho tới vạn hạnh".

Pháp sư La Thập nói: "Tâm ngay thẳng là tâm thành thật, sự bắt đầu của sự phát tâm ở nơi thành thật. Thấu suốt đạo lý gọi là tâm sâu xa, tiến thẳng đến trí tuệ Phật gọi là tâm Đại thừa".

Kinh Duy Ma nói: "Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là Tịnh Độ của Bồ tát. Bốn tâm vô lượng**(87)**, bốn pháp nhiếp hóa**(88)** chúng sinh là Tịnh Độ của Bồ tát. Phương tiện là Tịnh độ của Bồ tát. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo**(89)** là Tịnh độ của Bồ tát. Hồi hướng là Tịnh độ của Bồ tát. Thập thiện là Tịnh độ của Bồ tát.

- Như thế, này Bảo Tích! Bồ tát thuận theo tâm ngay thẳng thì có thể khởi phát hạnh; thuận theo sự phát khởi hạnh thì được tâm sâu xa; thuận theo tâm sâu xa thì được ý điều phục; thuận theo ý điều phục thì đúng như lời dạy mà thực hành; đúng như lời dạy mà thực hành thì có thể hồi hướng; thuận theo sự hồi hướng thì có phương tiện; thuận theo phương tiện thì làm thành tựu chúng sinh; theo sự làm thành tựu chúng sinh thì cõi Phật thanh tịnh; thuận theo cõi Phật thanh tịnh thì thuyết pháp thanh tịnh; thuận theo sự thuyết pháp thanh tịnh thì trí tuệ thanh tịnh; thuận theo trí tuệ thanh tịnh thì tự tâm thanh tịnh; thuận theo tự tâm thanh tịnh thì tất cả công đức thanh tịnh".

Pháp sư La Thập nói: "Tâm ngay thẳng là đem tâm chân thành tin tưởng Phật pháp. Lòng tin đã lập, có thể phát khởi sự thực hành các điều lành. Các điều lành đã được tích lũy thì tâm càng sâu xa. Tâm sâu xa kiên cố thì không theo các điều ác, bỏ ác theo thiện gọi là điều phục tâm. Tâm đã điều phục thì gặp việc thiện liền làm, gặp điều thiện liền làm, thì có thể làm việc khó làm; có thể làm việc khó làm thì muôn việc lành đều được đầy đủ; muôn điều lành đầy đủ thì có thể hồi hướng Phật đạo; hướng mà càng tiến là do sức mạnh của phương tiện. Chỗ cốt yếu của phương tiện có ba điều:

- Một: khéo léo tự tu hành không chấp tướng.
- Hai: không chấp vào chỗ chứng đắc.
- Ba: khéo léo giáo hóa chúng sinh.

Đủ ba điều đó thì được Tịnh Độ. Cõi nước đã thanh tịnh thì chúng sinh thuần tịnh. Chúng sinh thuần tịnh ắt đồng với đức hạnh của vị chủ giáo hóa. Cho nên nói, "thầy đều thanh tịnh".

Các kinh tuy nói rộng về hạnh của Tịnh Độ, nhưng chưa trình bày rõ thứ bậc lần lượt của hạnh. Nay ở đây giải thích rõ ràng, cực kỳ sâu rộng; chẳng thể nhanh chóng vượt qua, cần phải tìm đường lối, thực hành có thứ tự. Thế nên nói, dấu vết của sự phát khởi hạnh bắt đầu từ tâm ngay thẳng. Tâm ngay thẳng chính là tâm chân thật. Tâm này mọi loài ai cũng có, bởi vì tự mê mờ không hay biết đó thôi. Vì thế, Lục Tổ nói: "Một niệm ngay thẳng chính là Di Đà, một niệm tà hiểm chính là chúng sinh". Bởi lẽ, con người ở nơi đời trước ác vô minh hiện hành, miệng nói tâm tôi ngay thẳng mà hành động lại nhiều cong vạy, chìm trong biển khổ không thể thoát ra. Do vậy, đức Phật từ bi thương xót, dùng phương tiện chỉ dạy, đem pháp niệm Phật để dẫn dắt họ, hàng phục tâm loạn khiến họ lìa bỏ con đường tà vạy hiểm nguy trở về nẻo giác ngộ chân chánh, tuy còn là chúng sinh mà được sinh về Tịnh độ. Cho nên, luận Bảo Vương nói: "Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục không thể không trong. Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn trở thành tâm Phật". Vì thế, nhân niệm Phật mà hiển bày tâm ngay thẳng, do tâm ngay thẳng mà thực hành các điều lành; do thực hành các điều lành mà được Tịnh độ của Phật. Như thế, há chẳng phải là phương tiện trí lực của Phật Tổ sao?

Pháp sư Tăng Triệu nói: "Do tích đức nên tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì không có đức nào không thanh tịnh". Pháp sư Đạo Sinh nói: "Công hạnh là nhân thù thắng của Tịnh Độ. Công đức là quả nhiệm màu của Tịnh Độ. Nhân quả Tịnh Độ vốn là bóng và tiếng vang của tâm". Cho nên nói: "Muốn được Tịnh Độ, phải thanh tịnh tâm mình". Đó gọi là: "Tiếng hòa thì vang thuận, hình thẳng tất bóng ngay".

CHÚ THÍCH:

(87) **Bốn tâm vô lượng**: bốn tinh thần phải có của Phật, Bồ tát để độ khắp vô lượng chúng sinh, làm cho chúng sinh lìa khổ được vui.

a. *Từ vô lượng*: duyên vô lượng chúng sinh, tư duy cách làm cho chúng sinh được vui mà nhập vào Từ đẳng chí.

b. *Bi vô lượng*: duyên vô lượng chúng sinh, tư duy cách làm cho chúng sinh lìa khổ mà nhập vào Bi đẳng chí.

c. *Hỷ vô lượng*: tư duy vô lượng chúng sinh có khả năng lìa khổ được vui, trong tâm thâm cảm vui mừng mà nhập vào Hỷ đẳng chí.

d. *Xả vô lượng*: tư duy vô lượng chúng sinh tất cả bình đẳng, không có oán, thân khác nhau mà nhập vào Xả đẳng chí.

(88) **Bốn pháp nhiếp hóa**: bốn phương pháp lợi tha để nhiếp phục chúng sinh quay về với Phật pháp:

- a. Bồ thí nhiếp.
- b. Ái ngữ nhiếp.
- c. Lợi hành nhiếp.
- d. Đồng sự nhiếp.

(89) **Ba mươi bảy phẩm trợ đạo**: ba mươi bảy pháp trợ giúp việc tu tập. Ba mươi bảy đạo phẩm được chia làm bảy khoa như sau:

a. *Tứ niệm xứ*:

- Thân niệm xứ: tức quán sắc thân này đều là bất tịnh.
- Thọ niệm xứ: quán các cảm thọ khổ, vui... thấy đều khổ.
- Tâm niệm xứ: quán thứ tâm này niệm niệm sinh diệt và không thường trụ.
- Pháp niệm xứ: quán các pháp do nhân duyên sinh, không có tính chất tự chủ, tự tại, đó là các pháp vô ngã.

b. *Tứ chánh cần*:

- Điều ác đã sinh phải trừ hẳn.
- Điều ác chưa sinh không cho sinh.
- Điều thiện chưa sinh phải phát khởi.
- Điều thiện đã sinh làm cho tăng trưởng.

c. *Tứ như ý túc*:

- Dục như ý túc: hy vọng pháp sở tu được đầy đủ như nguyện.
- Tinh tấn như ý túc: đối với pháp sở tu thì phải chuyên chú nhất tâm, không có xen tạp, được đầy đủ như nguyện.
- Niệm như ý túc: đối với pháp sở tu ghi nhớ, không quên, được đầy đủ như nguyện.
- Tư duy như ý túc: tâm tư duy pháp sở tu, không để quên mất, được đầy đủ như nguyện.

d. *Ngũ căn*: căn nghĩa là năng sinh, năm căn này có công năng sinh ra tất cả các thiện pháp.

- Tín căn: tin sâu chánh đạo và pháp trợ đạo thì có công năng sinh ra tất cả các vô lậu thiện định giải thoát.
- Tinh tấn căn: tu theo chánh pháp không xen không tạp.
- Niệm căn: ghi nhớ chánh pháp không quên.
- Định căn: nhiếp tâm không tán loạn, nhất tâm tịch định.

- Huệ căn: quán chiếu các pháp rõ ràng.

e. *Ngũ lực*: lực là lực dụng có công năng phá ác sinh thiện.

- Tín lực: tín căn tăng trưởng có công năng phá trừ các nghi hoặc.

- Tinh tấn lực: tinh tấn căn tăng trưởng có công năng phá trừ sự biến nhạc của thân tâm.

- Niệm lực: niệm căn tăng trưởng có công năng phá triệt các tà niệm, thành tựu công đức chánh niệm xuất thế.

- Định lực: định căn tăng trưởng có công năng diệt trừ các loạn tưởng, phát sinh các thiền định.

- Huệ lực: huệ căn tăng trưởng có công năng ngăn chặn các hoặc kiến, tư trong ba cõi.

f. *Thất giác phần*:

- Trạch pháp giác phần: có công năng giản trạch sự chân, ngụy của các pháp.

- Tinh tấn giác phần: tu các đạo pháp không xen tạp.

- Hỷ giác phần: khế ngộ chân pháp, tâm được hoan hỷ.

- Trừ giác phần: có công năng đoạn trừ các kiến hoặc phiền não.

- Xả giác phần: có công năng xa lìa cảnh giới niệm trước của sở kiến.

- Định giác phần: có công năng biết rõ thiền định sở phát.

- Niệm giác phần: có công năng tư duy đạo pháp mà mình tu.

g. *Bát chánh đạo*:

- Chánh kiến: có công năng thấy được chân lý.

- Chánh tư duy: tâm không tà niệm.

- Chánh ngữ: lời không hư vọng.

- Chánh nghiệp: trụ trong thiện nghiệp thanh tịnh.

- Chánh mạng: nuôi mạng sống bằng pháp khất thực.

- Chánh tinh tấn: tu các đạo hạnh không xen tạp.

- Chánh niệm: chuyên tâm nhớ nghĩ thiện pháp.

- Chánh định: thân tâm tịch tĩnh, chính trụ trong lý chân không.

Chương 1 **CÔNG PHU TIÊN TU**

Thuyết Tịnh Độ duy tâm đã rõ, mọi người đều biết nhưng cần phải đích thực đạt đến, sau đó mới thôi. Muốn chứng đạo này nên lấy lòng tin chân chánh làm cửa vào, lấy việc tu tâm làm hạnh chính yếu. Công hạnh này gọi là Tịnh nghiệp, là tư lương của sự vắng sinh Tây Phương. Hạnh nghiệp này tùy theo sự tu tập của mỗi người. Bởi lẽ, tất cả mọi người sức mạnh có lớn nhỏ, cơ trí có cạn sâu nên hạnh nghiệp chẳng đồng nhau. Người trí căn cơ bậc thượng ngay đây tự ngộ, rõ bản tâm mình, thấy bản tánh

mình chính là Di Đà. Đây tức là cảnh giới Tối thượng thừa không trụ chấp, không nương tựa của Như Lai, chỗ này trong muôn người chẳng có một ai đến được. Kẻ chưa thể đốn ngộ thì cần phải tin chắc Tịnh độ, nhất tâm niệm Phật, lần lượt tiến tu, nương nhờ nguyện lực của Phật Di Đà nhiếp trì, tự mình một lòng chân thật thực hành công phu, thì chắc chắn muôn người không sót một.

Tuy bảo rằng một môn niệm Phật, thật ra ý nghĩa bao hàm vô tận. Thế nên, Tổ sư lập giáo thâm nhiếp mọi căn cơ lợi鈍, có chân thật, có quyền biến, có sâu cạn, có đốn tiệm, ai nấy đều có thể tu trì. Bậc thượng căn tham cứu tọa thiền; trung căn quán tưởng trì niệm, sáu thời lễ bái, ngày đêm tinh chuyên, thậm chí mười niệm cũng được thành công, hoàn toàn ở nơi một lòng thực hiện. Những pháp ấy đều có tướng trạng của sự thực hành, thêm thang thứ bậc, tùy sức hành trì, mọi người đều có thể cùng tiến bước.

Hạnh môn này là con đường thành tựu Phật quả Bồ đề, cần phải tự tin, tự hành, tự tu, tự độ. Quan trọng ở chỗ lập chí lớn, phát nguyện lớn, tự thực hành công phu, nỗ lực hướng đến trước, chớ cho là dễ dàng. Ví như gánh nặng một trăm hai mươi cân, đến khi tự mình gánh được mới là xong việc. Quyết định chẳng ở nơi việc biết thuyết pháp, thể hội đạo, giáo hóa rộng rãi mọi người; quyết định chẳng ở nơi việc có truyền có trao, làm ra dáng vẻ trên hình thức; quyết định chẳng ở nơi việc thiết lập đạo tràng rộng lớn, đốt nhiều nhang đèn. Bởi vì, chấp nơi sự tướng thì không rõ lý chân chánh, thuận theo thính sắc ắt trái ngược với tông chỉ chân thật. Ví như đếm tiền của người mà tự mình không có nửa đồng, bán thuốc hay mà không tự cứu được bệnh của mình. Thế nên, Tổ sư Huệ Viễn nói: "Người đạt được ý chỉ giống như ngọn đèn sáng trong căn nhà tối. Người chẳng rõ ý chỉ tức đồng với kẻ chấp ngón tay không thấy mặt trăng". Sao chẳng tỏ ngộ vô tâm là chánh, động niệm đều tà? Mặt trời trí tuệ ẩn lấp trong mây mù, gương tâm phủ mờ bởi khách trần bụi bặm. Do đó, ý niệm rong ruổi, tình dục lăng xăng, dây dưa không dứt, càng ngăn chặn càng khởi lên nhiều. Kẻ rơi vào vô ký chỉ ngưng trệ chỗ ngơ ngáo, hiếm lắm mới có được người tương đối tốt nhưng lại đồng với kẻ tà mạn không sao chỉ dẫn, khó nói về chánh định. Họ chẳng mong cầu vào nơi pháp giới, mãi mãi ở trong lồng chạu trần lao.

Phàm người tu Tịnh Độ, rõ ràng muốn chống lại sinh tử, không phải chỉ nói liền xong. Nên nghĩ đến vô thường mau chóng, thời gian chẳng đợi người, cần phải làm cho được một việc này. Nửa tiến nửa lùi, lúc tin lúc nghi, rốt cuộc làm được việc gì? Sao có thể thoát khỏi luân hồi?

Nếu tin được thì từ hôm nay trở đi, nên phát khởi tâm đại dũng mãnh, đại tinh tấn. Đừng hỏi rằng thể hội hay không thể hội, thấy tánh hay không thấy tánh, chỉ cần nắm chặt một câu Nam mô A Di Đà Phật như dựa vào ngọn núi Tu Di(90) chẳng lay động. Phải chuyên tâm nhất ý, hoặc tham cứu niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, nghĩ nhớ

mà niệm, hoặc dùng pháp thập niệm; hoặc mặc niệm, chuyên niệm, buộc niệm, lễ niệm. Tâm an trụ nơi danh hiệu Phật, thường nhớ thường niệm, sáng cũng niệm, tối cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm, không để tâm luống qua, câu niệm Phật chẳng rời tâm. Ngày ngày giờ giờ đừng buông bỏ, miên mật khít khao như gà ấp trứng, thường giữ cho hơi ấm nối tiếp nhau, như thế tức là tịnh niệm tiếp nối. Lại thêm dùng trí tuệ chiếu soi, thì biết Tịnh Độ tức là tự tâm. Đó chính là công phu tu tiến của bậc thượng trí vậy.

Như thế, nắm chặt được, làm chủ được, nương tựa được ổn thỏa, dù gặp cảnh giới khổ vui, thuận nghịch ở trước mắt nhưng vẫn chỉ niệm Phật A Di Đà, không có một niệm tâm thay đổi, không có một tâm niệm thối lui biếng trễ, không còn một niệm xen tạp, cho đến trọn đời mãi không có niệm nào khác, quyết định cầu sinh về cõi Cực Lạc Tây Phương.

Nếu quả thật dụng công được như thế thì vô minh từ bao kiếp, nghiệp chướng trong sinh tử tự nhiên tiêu tan, tập khí phiền não trần lao tự nhiên hết sạch không còn sót. Tận mắt thấy Phật A Di Đà chẳng lìa tâm niệm, công thành hạnh mãn, nguyện lực trợ nhau, đến khi mạng chung quyết định sinh về Thượng phẩm.

Nếu như sức mạnh chưa đủ, nên tùy theo khả năng của mình mà tu tập. Chưa thể chuyên nhất thực hành công phu, cũng phải sớm tối lễ niệm; dù cho việc nhà bận rộn vẫn không quên mười niệm xưng danh. Mỗi ngày dụng tâm mạnh mẽ chuyên cần, tích lũy công hạnh, phát nguyện phát tâm, thế hoàn tất trong đời này đồng lên cõi Tịnh.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Sông đều chảy ra biển
Mây nhất định về non.*

CHÚ THÍCH:

(90) **Tu Di**: vốn là tên núi trong thần thoại Ấn Độ, được sử dụng trong vũ trụ quan Phật giáo, cho rằng đây là ngọn núi cao, đứng sừng sững ở chính giữa một Tiểu thế giới. Lấy núi này làm trung tâm, chung quanh có tám lớp núi, tám lớp biển bao bọc mà hình thành một thế giới (thế giới Tu Di).

Vũ trụ quan Phật giáo chủ trương vũ trụ do vô số thế giới cấu thành, 1000 thế giới gọi là một Tiểu thiên thế giới, 1000 Tiểu thiên thế giới gọi là một Trung thiên thế giới, 1000 Trung thiên thế giới gọi là một Đại thiên thế giới. Hợp cả Tiểu thiên, Trung thiên và Đại thiên lại gọi chung là Tam thiên đại thiên thế giới, đây tức là một phạm vi hóa độ của một đức Phật. Tầng dưới cùng của mỗi một thế giới là một lớp khí, gọi là Phong luân; Trên Phong luân là một lớp nước, gọi là Thủy luân; trên Thủy luân là một

lớp vàng, có thuyết nói đá cứng, gọi là Kim luân; Trên Kim luân tức là đất đai do núi, biển, các đại châu... cấu tạo thành. Núi Tu di ở giữa thế giới này.

Chương 2 **LÀM ĂN NUÔI SỐNG TRỢ ĐẠO**

Bồ tát tại gia, bậc Cao lưu niệm Phật, nếu hàng ngày đi đến dự tiệc trai ở nhà tín thí, ngồi hưởng sự cúng dường của Người, Trời, như thế đều không hợp với lẽ thường. Chẳng bằng vẫn lo kế sinh nhai mà có tâm tu hành, lẽ nào lại trở ngại việc làm? Hoặc gieo giống làm ruộng, hoặc kinh doanh nơi phố thị, hoặc giàu có của cải, hoặc mỗi ngày tìm cầu chút ít. Nên suy tư, chuyên cần thì không lười biếng, kiệm ước ắt có dư; lấy đó tu thân mới là Phật tử. Nếu như xa hoa lười biếng, kinh tế thiếu hụt, tuy muốn tu hành cũng không được. Tin tưởng và biết rõ việc sửa trị nước nhà, làm ăn nuôi sống đều thuận với chánh pháp, công xảo kỹ nghệ thảy là lợi ích chúng sinh.

Muốn tu chánh nhân Tịnh nghiệp, nên lấy việc làm ăn để hỗ trợ đạo. Lão Hoàn ở Đàm Châu thường đập sắt để tu hành, cư sĩ Bàn Uẩn bán vớt tre mà dưỡng đạo; Dụ Di Đà họa tượng làm nghề nghiệp; Đới Phật Am bán đuốc nuôi thân.

Như thế, thật đáng gọi là: "Một ngày không làm, một ngày không ăn".

Chương 3 **LÀM PHƯỚC TRỢ DUYÊN**

Có đệ tử tu Tịnh nghiệp hỏi Đại sư Từ Chiếu rằng:

- Đệ tử chuyên tu Niệm Phật Tam muội, có thể thực hành thêm bố thí, trì giới, cúng dường, làm phước chăng?

Sư đáp:

- Ông có thể chuyên niệm Phật A Di Đà nhưng không trì giới thì có tội hủy phạm; nếu không bố thí thì tăng trưởng nghiệp tham lam keo kiệt; nếu không cúng dường Tam Bảo thì có nghiệp ngã mạn; nếu không cung kính tất cả mọi người thì có tội khinh thường kẻ khác. Hủy phạm đọa vào địa ngục, tham lam keo kiệt đọa vào nạ quý, ngã mạn thường ở trong đường ác, khinh người đời đời nghèo hèn. Bị những nghiệp ác ấy ngăn che mà muốn sinh về Tịnh độ đâu thể được! Người niệm Phật như thế ví như gieo hạt trên đất khô mà mong thu hoạch, làm sao có được? Thế nên, Pháp sư Tăng Triệu nói: "Hữu vi tuy giả dối nhưng nếu vứt bỏ thì Phật đạo khó thành. Vô vi tuy chân thật, nếu chấp vào thì trí tuệ không tỏ sáng".

- Nay, ông muốn tu Niệm Phật Tam muội để được vắng sinh Tịnh Độ, mau chóng

thành tựu quả Phật Bồ đề, cần phải chuyên lấy niệm Phật làm chánh hạnh, lại tu phước đức làm trợ hạnh. Sớm tối thường chuyên cần cúng dường Tam Bảo, lễ bái, sám hối, bố thí, trì giới, làm trong sạch ba nghiệp, tăng trợ duyên thanh tịnh, chớ làm các điều ác, thực hành mọi việc lành, tất cả cần lành tu tập thay đều hồi hướng Tịnh độ, thành tựu công đức niệm Phật, nhanh chóng chứng ngộ Bồ đề.

Như thế, thật đáng gọi là: "Đi thuyền nước xuôi, lại thêm đôi chèo tốt".

Chương 4 **BỎ ÁC LÀM LÀNH**

Trong Tịnh Độ Thập Môn dạy rằng: "Người tu Tịnh Độ phải bỏ ác làm lành mới thành tựu được công đức". Nếu người tuy niệm Phật Di-đà, nhưng tâm tật đố mạnh mẽ, gọi là "dấu dao nhọn trong lòng". Người này lúc lâm chung, toàn thân đau nhức như ngàn mũi dao đâm vào mình. Hoặc nói ta có thể trì giới, người kia không làm được; ngạo mạn đối với sư tăng; chê bai, xem thường tất cả mọi người thì hiện đời tổn phước đoản thọ, bị bệnh lao, thổ huyết mà chết. Nếu người niệm Phật trần cấu chưa sạch, khi niệm ác sinh khởi phải lập tức tự kiểm điểm. Hoặc có tâm tham lam keo kiệt, tâm sân hận, tâm si ái, tâm tật đố, tâm dối trá, tâm nhân ngã, tâm cống cao, tâm nịnh hót, tâm tà kiến, tâm khinh mạn, tâm kia đây và tất cả tâm bất thiện sinh khởi, đều do sự đắm nhiễm từ các cảnh giới thuận nghịch.

Nếu lúc chúng sinh khởi, cần phải gấp rút to tiếng niệm Phật, nhiếp vọng niệm trở về chánh niệm, chớ để cho tâm ác tiếp nối. Ngay khi ấy dẹp trừ hết sạch, dứt hẳn không còn sinh khởi trở lại. Tất cả tâm tin sâu, tâm chí thành, tâm phát nguyện hồi hướng, tâm tử bi, tâm khiêm hạ, tâm bình đẳng, tâm phương tiện, tâm nhẫn nhục, tâm trì giới, tâm hỷ xả, tâm thiền định, tâm tinh tấn, tâm Bồ đề cùng tất cả tâm niệm lành thường nên giữ gìn. Lại cần phải xa lìa những điều phi phạm hạnh, đoạn trừ luật nghi tà ác, cẩn thận chớ nuôi dưỡng gà, chó, heo, dê, săn bắn, bắt cá, những việc ấy đều không nên làm.

Nên biết, trong cõi nước Cực Lạc, các bậc Thượng thiện nhân do dứt bỏ việc ác làm theo các điều lành mà được sinh về Tịnh độ, không thối chuyển ở nơi đạo Bồ đề. Người niệm Phật nên học theo Phật, lấy việc bỏ ác làm lành làm điều răn mình. Chỉ hay y theo đây mà tu trì, đó là chánh hạnh của Tịnh độ.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Gió cuốn, mây tan, tầng không tịnh
Một vầng trăng sáng giữa trời không.*

Chương 5 CỨU TẾ NÈO U MINH

Sa môn Thích tử, Bồ tát tại gia đã tu Tịnh nghiệp Tây phương, nên vận dụng lòng từ bi rộng lớn, đúng như pháp tiến tu, khéo làm theo lời Phật dạy, biết rõ nhân quả, phân biệt phải trái, chứa nhóm tư lương phước đức và trí tuệ xuất thế gian, tròn đầy công đức của bậc Đại trượng phu, bậc Đăng giác(91), Diệu giác[/**b**](92)[/**b**]. Thế nên, đức Thế Tôn răn dạy nhiều lần: "*Các đệ tử của ta tùy ở nơi nào thì nên bố thí giáo pháp và thức ăn, cứu tế tất cả loài hữu tình trong pháp giới, giải trừ nỗi cực khổ đói khát của chúng sanh, giáo hóa khiến họ đồng tiến đến Bồ đề. Nếu không bố thí thức ăn thì không có tâm từ bi, người ấy chẳng phải đệ tử của ta mà là đồ chúng ác*".

Trong kinh có nói rõ ràng: "*Xét kỹ tất cả chúng sanh không rõ tự tánh nên sinh khởi tham lam, tật đố, sân hận, ngu si. Trong các loài Trời, Người, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh bị đói khát nung nấu ưu sầu khổ não, ở trong đêm dài tăm tối, dù mong cầu ra khỏi nhưng chẳng biết đến bao giờ. Xét theo lý, mọi chúng sanh là cha mẹ đời trước của ta. Như lời Phật nói, họ đều là kẻ oán người thân của chúng ta trong nhiều kiếp. Thế nên, vận dụng lòng từ bi của Quán Âm, tu hạnh nghiệp Phổ Hiền, thế đều cứu tế tất cả cứu thoát khỏi trầm luân. Người có khả năng thì thiết lập trai đàn cúng dường, người không có khả năng thì trì chú thí thực, phóng sanh. Công đức của việc thí thực thù thắng rộng lớn vô biên, đầy đủ những lợi ích nhiệm mầu nói không thể hết. Nay nêu sơ lược vài điều bày tỏ cùng các bậc Hiền nhân rằng:*

Vừa phát tâm bố thí, hạnh vi diệu toàn bày, đầy đủ Tam đàn, tu trọn Lục độ, lợi mình lợi người, tự giác giác tha. Khéo tập hợp phước đức và trí tuệ xuất thế, mãi làm tư lương Tịnh Độ, bồ đắp nền tảng rộng lớn, thành tựu thể dụng trọn vẹn. Cho đến việc chôn lấp xương khô, mai táng tử thi vô chủ, vì mọi u hồn thay thế tỏ bày sám hối; bắc cầu, đào giếng, giúp đỡ khách vắng lai; ẩm thực, tiền tài tùy sức mình mà ban ân bố thí. Mỗi khi thấy người nghèo túng cơ hàn, thống thiết xót thương, đến như người già cả cô độc bệnh hoạn, càng thêm thương xót, thường tìm cách giúp đỡ, uyển chuyển vận dụng lòng từ bi chân thật.

Phàm tu tất cả các căn lành đều nguyện chúng sanh thành Phật, đem việc lợi ích thù thắng ấy hướng về Tây phương, mong mọi loài hữu tình cùng lên bờ giác. Thế nên, do trong nước rối loạn mà Lương Võ Đế tu nghi Thủy Lục, Tam Tạng Bất Không có pháp cứu tế cô hồn".

Như thế, thật đáng gọi là:

*Một trận mưa khắp cùng pháp giới
Bao tâm hồn khô khát thấm tươi.*

CHÚ THÍCH:

(91) **Đẳng Giác:** Cũng gọi là Đẳng chánh giác, một trong mười tôn hiệu của Phật. Đẳng giác là sự giác ngộ chân chánh bình đẳng, tức giác ngộ chân lý hoàn toàn, chỉ cho sự giác ngộ của chư Phật.

Cũng gọi Đẳng Chánh Giác, Hữu Thượng Sĩ, Nhất Sanh Bồ Xứ, Kim Cương Tâm, Lân Cực.

Về nội dung thì ngang hàng với Phật, nhưng về mặt tu hành thực tế còn kém Phật một bậc, gọi là Đẳng giác. Trong năm mươi hai giai vị tu hành của Bồ tát, Đẳng giác ở giai vị thứ 51; trong sáu chủng tánh thì thuộc chủng tánh thứ năm. Đây là giai vị tu hành cùng tột của Bồ tát.

(92) **Diệu Giác:** Một trong năm mươi hai giai vị, một trong bốn mươi hai giai vị tu hành của hàng Bồ tát Đại thừa, chỉ cho quả Phật rốt ráo giác hạnh viên mãn, bởi thế, Diệu giác cũng là tên khác của quả Phật. Còn gọi là Diệu giác địa, biểu hiện cảnh giới lý tưởng cùng tột. Bồ tát ở giai vị Đẳng giác, đoạn trừ một phẩm vô minh cuối cùng mà được vào giai vị Diệu giác. Ở giai vị này, Bồ tát đã dứt sạch tất cả phiền não, trí tuệ viên mãn vi diệu, đã giác ngộ lý Niết bàn.

Khi phân tích sự sai khác giữa giai vị Diệu giác của Biệt giáo và Viên giáo, Thiên Thai tứ giáo nghi cho rằng, vị Diệu giác của Biệt giáo hiên báo thân viên mãn, ngồi ở tòa Đại Bảo Hoa Vương dưới cây bồ đề thất bảo trong thế giới Liên Hoa Tạng, vì các Bồ tát độn căn mà quay bánh xe pháp vô lượng Tứ Đế. Còn vị Diệu giác của Viên giáo thì thành tựu pháp thân thanh tịnh, ở trong cõi Thường Tịch Quang, lấy hư không làm tòa ngồi.

Chương 6 PHÓNG SINH

Muốn tiến đến Bồ đề, tâm từ bi là căn bản. Phàm tu Tịnh nghiệp, lấy việc cứu tế sinh vật làm đầu.

Xét các loài phi cầm, thảo thú, thủy tộc cá tôm, hoặc mắc vào lưới, hoặc bị nhốt trong lồng chậu, xỏ mang bẻ cánh, buộc chân treo ngược. Đem chúng đến chỗ nước sôi lửa đốt, dao bén kề trên cổ, lo buồn sợ hãi, kinh hoàng hốt hoảng, trông trời mây mà hồn tiêu, nhớ suối rừng mà phách lạc. Tuy biết muôn phần chết, những vẫn hy vọng một cơ hội sống còn, mắt đăm lệ kêu thương cầu cứu vãn. Cho nên, đệ tử Phật thương xót, đem tiền của để chuộc sinh mạng, mở lồng thú thả chậu, cắt dây mở trói, thả hương rải nước, chấp tay chú nguyện, việc pháp thí đã hoàn tất vui vẻ thả chúng, hoặc thả xuống ao, hoặc thả về rừng núi, đều do Phật đạo mà khai triển lòng từ bi,

cho đến trên thì đối với con người, dưới thì thấm nhuần loài trùng kiến.

Nếu hay cứu tử, cần phải phóng sinh, đã phóng sinh tự nhiên trường thọ. Nhờ sự lợi ích thù thắng này, hồi hướng Tây phương, nguyện khắp cả chúng sanh đồng thành Phật đạo. Cho nên, trưởng giả Lưu Thủy cứu sống đàn cá, Sa di hộ mạng bầy kiến, Trịnh Xương Đồ thiêu đốt lưới giăng; thiền sư Trí Khải lập ao phóng sinh; Dương Bảo chữa bệnh cho chim sẻ; Mãn Trọng thả tôm hến; Tổ sư Nguyên có bài tụng về giới sát; thiền sư Mãn thuyết giảng về phóng sinh.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Ân cần vì mở mối Đỉnh hương
Nở thấm trên cành xuân tự tại.*

Chương 7

LỤC ĐỘ VẠN HẠNH ĐỒNG TU

Lục độ là sáu pháp Ba la mật: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Nếu người niệm Phật chuyên tu Tam Muội, học pháp xuất thế gian thì cần phải đạt đến chỗ thiện tột cùng. Phải biết, Lục độ vạn hạnh chẳng ra ngoài nhất tâm, ở trong nhất tâm đầy đủ tất cả pháp. Ví như tắm trong biển cả thì đã dùng nước của mọi dòng sông, như muôn loại hương làm thành viên, nếu đốt một viên thì đầy đủ các mùi hương; như người lấy vật báu, được hạt châu vương Như Ý thì tất cả các báu phát sinh vô tận. Tại sao biết điều đó? Vì nắm giữ một câu A Di Đà Phật nên được Tam Muội. Trong một niệm tương ứng với Lý thể, các pháp hiện tiền, Lục độ vạn hạnh thảy đều đầy đủ.

Bồ thí thì tâm không nhiễm trước, Trì giới thì không khởi vọng duyên, Nhẫn nhục thì năng sở đều quên. Tinh tấn thì tâm không gián đoạn, Thiền định thì động tính đều lặng lẽ, Trí tuệ thì chẳng thiết lập tư hào. Ở trong một độ phát sanh vô lượng độ, trong mỗi một độ như mạng lưới của Đế Thích. Chỉ cần biết nhất tâm vốn rỗng lặng, tự nhiên vạn hạnh đầy đủ. Thế nên, tám muôn bốn ngàn pháp môn, tám muôn bốn ngàn trí tuệ, tám muôn bốn ngàn công đức, đều từ một tâm niệm Phật mà ra. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Bồ tát Hiền Thủ nói: "*Phật tử ở trong tất cả thời, khéo dùng tâm mình thì được tất cả công đức thù thắng vi diệu*".

Như thế, thật đáng gọi là:

*Một tánh viên thông tất cả tánh
Một pháp chứa đựng tất cả pháp.*

Chương 8

ĐẠI SĨ DUY MA DẠY TÁM PHÁP TỊNH ĐỘ

Kinh *Duy Ma* nói: "Chư Bồ tát ở thế giới Chúng Hương hỏi:

- Bồ tát thành tựu mấy pháp, ở thế giới này hạnh không lỗi lầm, được sinh về Tịnh độ?

Ngài Duy Ma Cật đáp:

- Bồ tát thành tựu tám pháp, ở thế giới này hạnh không lỗi lầm, được sinh về Tịnh Độ.

Tám pháp ấy là:

1. Làm lợi ích chúng sanh không mong cầu đền đáp.
2. Thay thế chúng sanh chịu mọi khổ não, làm mọi công đức đều ban cho chúng sanh.
3. Tâm đối với chúng sanh bình đẳng, khiêm hạ, vô ngại; đối với chư Bồ tát xem đồng như chư Phật.
4. Những kinh chưa nghe, khi nghe chẳng nghi ngờ.
5. Không trái ngược với hàng Thanh văn.
6. Không tạt đối đối với sự cúng dường của người khác.
7. Không xem trọng lợi ích của mình, ở nơi đó điều phục tâm mình.
8. Thường tỉnh xét lỗi mình, không bàn cãi điều dở của người, thường dùng nhất tâm cầu mọi công đức.

Đó là tám pháp giúp cho hạnh không lỗi lầm, được sinh về Tịnh Độ.

Chương 9

SO SÁNH SỰ KHÓ DỄ CỦA VIỆC TU HÀNH

Cõi uế trước Ta Bà bao nỗi khổ tập hợp nên cầu đạo khó thành. Tịnh Độ Lạc bang các điều lành hội tụ dễ lên ngôi Bất thối. Người xưng danh hiệu thì chư Phật hộ niệm được vãng sanh, kẻ phát tâm Bồ đề thì ánh sáng của Phật Di Đà chiếu soi, nhờ đó được thăng tiến. Bồ tát, La hán cùng làm bạn; nước chim, cây rừng thảy đều niệm Phật; bên tai thường nghe diệu pháp, trong lòng dứt hẳn tham sân, vui vẻ vô cùng, tuổi thọ vô lượng, vừa sanh về cõi ấy liền được vào hàng Bất thối. Há lại so sánh trong cõi Trời, Người, chạm mắt có nhiều điều thuận nghịch! Trên con đường Quyền thừa, cần lành hiểm khi trọn vẹn, bậc Tam hiền chưa lên Sơ địa**(93)** còn chưa thấy đạo nên mất

chánh niệm; ngài Xá Lợi Phất đã vào hạng Lục trụ(94), gặp lúc ác duyên còn thối tâm. Thế nên, trên hội *Pháp Hoa*[i] có năm ngàn người bỏ đi; trong kinh [i]Bảo Tích, người thối thất đạo tâm rất nhiều. Xét trong thời có Phật còn vậy, huống gì đời nay!

Trong *Hoa Nghiêm Hợp Luận* hỏi rằng: Như kinh *Niết Bàn* nói:

- Chỉ nghe hai chữ "thường trụ" còn không đọa địa ngục trong bảy kiếp. Kinh *Hoa Nghiêm* nói: "Giả sử nghe danh hiệu Như Lai và lời thuyết pháp mà không tin hiểu cũng có thể trở thành hạt giống Phật pháp".

Đáp rằng:

- Từ hàng phàm phu bước vào đạo, chưa thành tựu sự hiểu biết thù thắng, chưa được cho là được, lại phát sanh kiêu mạn, chẳng gần bạn lành, không kính người hiền, vì lười biếng giải đãi nên ở trong loài Người, Trời theo duyên thuận nghịch vừa khởi niệm ác liền thành địa ngục.

Nếu lòng tin thuần nhất không kiêu mạn, thường mong cầu bạn lành thì không có lỗi làm đó. Tại sao? Vì trong giáo lý quyền biến, hàng Lục trụ và bậc Tam hiền chưa lên Sơ địa đều chưa thấy đạo, mọi hạnh nghiệp tu tập đều là hữu vi, chỉ có thể điều phục vô minh, người có sức mạnh thì không thối thất. Lên Bát địa mới được vào vô công dụng hạnh.

Thế nên biết, bậc Tam thừa trải qua A tăng kỳ(95) kiếp công hạnh không thành, môn niệm Phật trong khoảng khảy móng tay liền lên bậc Bất thối. Vì thế, người sanh Tịnh Độ chỉ có thiện không có ác; quả vị không thối chuyển nên quyết định thành Phật. Kinh *A Di Đà* nói: "Những chúng sanh về cõi nước Cực Lạc đều là bậc Bất thối chuyển", chính là nói nghĩa này.

Than ôi! Người mới phát tâm tu hành, lòng tin còn cạn kiệt, nếu chẳng có tha lực khó mà tiến tu. Thệ nguyện của Phật sâu rộng, chỉ cần có duyên đều được nhiếp thọ. Nên tin, học đạo các môn khác như kiến bò lên non cao, vãng sanh Tịnh Độ tự đi thuyền xuôi buồm thuận gió. Phật A Di Đà tiếp dẫn tiến thẳng đến Bồ đề, các bậc Thánh nắm tay vượt qua ba cõi. Thượng phẩm thì lên quả Phật, Hạ sinh còn hơn thiên cũng. Thế nên, tin khắp cả chớ nghi ngờ, cùng nhau tiến tu không thối chuyển.

CHÚ THÍCH:

(93) **Sơ địa**: Hoan hỷ địa, là một trong mười địa của Đại thừa Bồ tát. Bồ tát đã đầy đủ của một sơ a tăng kỳ kiếp, mới chứng đắc Thánh tánh, vì đã phá trừ rồi kiến hoặc, tỏ được lý ngã không, pháp không nên sanh lòng hoan hỷ, gọi là hoan hỷ địa.

(94) **Lục trụ:** Sáu giai vị tu hành của Bồ tát. Quả vị do Bồ tát chứng được ở sáu giai vị này đều không bị thối thất nên gọi là Trụ. Đó là:

- a. Chủng tánh trụ: Thập trụ, Thập hạnh.
- b. Giải hành trụ: Thập hồi hướng.
- c. Tịnh tâm trụ: Sơ địa.
- d. Hành đạo tích trụ: từ Nhị địa đến Thất địa.
- e. Quyết định trụ: từ Bát địa đến Cửu địa.
- f. Cứu cánh trụ: Thập trụ.

(95) **A tăng kỳ kiếp:** Là một đơn vị số lượng của Ấn Độ, là số cực lớn chẳng thể tính đếm được. Theo cách tính thì một a tăng kỳ kiếp có một nghìn vạn vạn... triệu.

Chương 10

NGÀI THIÊN THAI KHAI THỊ HAI HẠNH MÔN: CHÁN NẢN VÀ ƯA THÍCH CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Trong *Thập Nghi Luận* nói: "*Muốn sanh về Tịnh Độ phải đầy đủ hai hạnh: chán nản và ưa thích.*

- **Chán nản xa lìa:** Thường quán xét thân này, máu mủ, phân tiểu, như nhớp hôi tanh.

1. Quán xét người đời từ tình dục, tham ai mà sanh ra, đó là hạt giống bất tịnh.
2. Quán xét sự hòa hợp của tinh huyết cha mẹ, đó là sự thọ sanh bất tịnh.
3. Khi trong thai mẹ đó trú xứ bất tịnh.
4. Chỉ dùng máu huyết của mẹ làm thức ăn, tức là sự ăn uống bất tịnh.
5. Mười tháng đầy đủ, từ sản môm mà sanh ra tức là chỗ sanh bất tịnh.
6. Trong thân thể chỉ là máu huyết, tức là toàn thân bất tịnh.
7. Sau khi chết sinh thối rã rời, tức là rốt ráo bất tịnh.

Quán thân mình đã vậy, xét mọi người cũng thế. Kế đến quán xét về cảnh giới như uest nơi Ta Bà đủ các thứ khổ tập hợp: sanh, già, bệnh, chết, nỗi khổ về oán ghét mà gặp gỡ, nỗi khổ về thương yêu mà xa lìa, ưa bi phiền não, ba đường(96), tám nạn(97), sáu nẻo luân hồi; đất, nước, gió, lửa vô thường bại hoại; tham, sân, si, mạn gặp cảnh

sanh tâm. Cần phải chán nản xa lìa, vừa phát ý sanh chán nản xa lìa thì Tịnh Độ ắt được thành tựu.

- **Hạnh ưa thích:** Cầu sanh Tịnh Độ là vì muốn cứu tất cả sự đau khổ cho chúng sanh. Thế nên, phát khởi tâm ưa thích Tây phương Tịnh Độ, trăm thứ báu trang nghiêm, đất vàng, rừng ngọc, ao hoa lấp lánh, thần thông tự tại, tùy ý đi dạo các cõi nước, dứt hẳn sinh tử, không còn phiền não. Phật A Di Đà tướng hảo sáng ngời, tự nhiên tỏ ngộ pháp môn, ý phục và thức ăn tự nhiên hóa hiện. Tịnh Độ có nhiều sự vui vẻ, cho nên cần phải ưa thích'.

CHÚ THÍCH:

(96) **Ba đường:** Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

(97) **Tám nạn:** Xem chú thích số (64).

Chương 11

ĐẠO TRÀNG TỊNH NGHIỆP

Tịnh nghiệp là hạnh vi diệu vô tướng vô vi, là tông nhiệm mầu không nhiễm và không vướng mắc. Đạo tràng là chỗ trụ trì của chư Phật trong ba đời, là cảnh giới của đạo giác ngộ chân chánh Bồ đề. Lẽ nào, danh tướng số lượng không lường xét được? Chẳng phải là sự trình bày của trí thức năng sở. Đạt được ý chỉ thì lấy thành kính làm trang nghiêm, lấy hạnh nguyện làm khuôn phép. Cho nên, trong kinh *Duy Ma* khai thị về các tướng trạng của đạo tràng; Liên Xả của Tổ Huệ Viễn có lời tựa về tiết độ. Vì vậy, người hiểu ý nghĩa này vào nơi thật tướng, cảnh trí hợp nhất, sự lý đồng hành, đốt hương Ngũ phần Pháp thân(98), thắp đèn trí tuệ sáng ngời, dứt bật suy nghĩ, gọi đó là trì trai thanh tịnh.

Bảo rằng trang nghiêm nghĩa là cúng dường bình đẳng; đi, đứng, nằm, ngồi chẳng rời đạo tràng, nhất cử nhất động đều là Phật sự. Niệm niệm Di Đà xuất thế, tâm tâm Bồ tát phóng quang; mỗi hạnh đều là Tây phương, mỗi bước đều lên Bảo sở, không có một pháp nào mà chẳng là chánh pháp, nói một lời đều là viên âm, khởi một niệm thiên long hộ trì, hành một lệnh ma vương vỡ mật. Thế thì, một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, đó gọi là cúng dường pháp lên Như Lai một cách chân chánh. Luận về công đức thì vô lượng vô biên, luận về quả báo thì khó nghĩ khó bàn. Lấy đó mà cầu phước, có phước nào không đạt được; lấy đây độ sinh, tất cả chúng sinh đều được độ. Đó gọi là công đức chân thật, đó gọi là đạo tràng Tịnh nghiệp.

Than ôi! Hiện nay, vào thời mạt pháp, có những kẻ si mê không cứu xét tâm mình, không biết nghĩa lý Phật dạy, chấp trước ngoại cảnh cho là thật, một mực bám vào hình tướng tu hành. Bên đây lập mấy hội đạo tràng, bên kia đốt mấy cân nhang đèn, chỗ nọ giáo hóa bao nhiêu người sám hối thọ giới, lúc nào hóa duyên được bao nhiêu.

Lại xưng rằng ta là kẻ truyền tông của đấng này, họ là đồ đệ của sư trưởng nọ, kia hiện là chữ Phổ, đây là tông chữ Giác. Chẳng xét suy cội gốc từ đâu mà phát xuất, ai nấy lo cạnh tranh theo cành lá, chẳng thích hợp với lẽ phải.

Lại còn tiếng Hán, tiếng Hồ (Ấn Độ), hễ động đến liền cho đây là đúng, cho kia là sai. Giải thích bừa bãi về kinh Phật, bí mật trao truyền giáo lý tà ngụy. Đánh trống miêng, đùa giỡn nơi công án của người xưa, tranh ngã tranh nhô, luận cao luận thấp, lượm thượm không ít, để xấu thêm nhiều. Chẳng biết hồ thẹn lo sợ nên mới làm bừa như thế! Họ làm cho đạo chân thật Tịnh Độ biến thành một trường tạp kích, lấy danh hiệu Di Đà vạn đức làm thành lời ca phù phiếm, đánh mất tông chỉ của Tổ sư, đặt giáo môn của Liên Tông vào chỗ ngu dốt. Người thấu đạt âm thầm bi thương, kẻ hiểu biết xem thời kinh ngạc.

Lại có những kẻ đánh gõ bao nạc, niệm tụng chân ngôn, pha trộn sự ứng phó của thầy cúng, chú nước vẽ bùa, luận bàn họa phước, giống như việc làm của đồng bóng. Sai khiến chư Thiên, đuổi vong bắt ma, quở mắng Tam Bảo, trị bệnh đuổi tà, trăm điều quái lạ, muôn thứ kỳ quặc. Chân bôn ba làm tội cho người, bận rộn lãng xảng, chẳng quản sinh mạng chỉ lo dong ruổi theo môn đồ. Khi đọc tụng sai lầm lộn lạo, lúc lễ niệm rối loạn không còn trật tự, mở kinh ra thì ngủ gục, xếp kinh lại thì nói chuyện đời. Cùng nhau tụ tập, cố tình huyễn hoặc người, thành phe thành nhóm gây âm ỉ. Chẳng xét nhân quả, không quan tâm đến tội lỗi, mượn pháp môn rộng lớn của Phật Tổ nhận sự lễ bái cúng dường của trời người, đẹp vốn là đẹp, tốt thì chưa tốt.

Nếu là người trì giới Phật, ở trong cửa Phật, nên học đạo của Như Lai, tụng kinh Phật, thực hành hạnh Phật mới thấu suốt tâm của Tổ sư. Chưa thể siêu Phàm nhập Thánh, chỉ e không có đạo đức xứng đáng để nhận sự cúng dường. Ví như vải lau bàn làm ô nhiễm nơi tự thân, tợ đá mài dao chưa khỏi tiêu mòn nơi bản thể. Nếu có thể giác ngộ, chỉ nên xoay đầu trở lại, ban sơ theo Phật trì trai, rốt cuộc là vì việc gì? Đã không thể cứu vãn sanh tử, chi bằng tự thối lui cảnh tình tu trì, chuyên niệm Di Đà, ân cần cầu mong sám hối. Gần người trí thừa hỏi đạo lý, ở chỗ vắng cứ xét tâm vương, nhanh chóng khiến cho biển nghiệp dứt ba đào, hiển bày ly châu chiếu soi trời đất, thành tựu trọn vẹn chính mình, làm lợi ích rộng lớn cho mọi người.

Nếu gặp đạo tràng ứng cúng chớ nên buông lung xem thường, y theo tiết độ không trái ngược, tuân theo kinh điển, giữ gìn trai giới mà tuân giữ, thực hành đúng pháp, hiện tiền liền được niệm Phật tam muội. Đây là pháp môn an lạc, trên có thể báo đáp bốn ân, dưới có thể cứu giúp ba cõi. Nếu làm được như vậy thật chẳng uổng là Phật tử, cũng khỏi cô phụ tánh linh của chính mình. Tín nguyện trợ nhau, sự thực hành và hiểu biết đều đầy đủ. Làm được như thế tức là Phật Di Đà hiện tại, từ đây tu trì quả thật là mắt sáng của trời, người. Đó là nhân duyên lớn, chẳng phải sự lợi ích nhỏ. Thế hội hay chẳng?

*Non xanh, chốn cao thấy trời rộng
Sen trắng nở, thời nghe nước thơm.*

Chương 12

TỰ TU HÀNH VÀ GIÁO HÓA NGƯỜI

Đức Phật nói: "*Mình chưa được độ, trước muốn độ người là sự phát tâm của Bồ tát. Tự giác đã tròn, lại giác ngộ cho người là Như Lai ứng thế*". Bởi vậy, Tổ sư Liên Tông sáng lập một môn niệm Phật, sự tu hành và hiểu biết phù hợp tương ứng, lợi mình lợi người, giáo hóa mọi loài có phương pháp, dạy người có đạo lý, được tôn xưng là đạo sư. Ngài chuyên lấy niệm Phật Tam muội chỉ dẫn mọi người, khiến cho tất cả vượt khỏi thế gian. Do đó, giáo pháp truyền khắp thiên hạ, ai nấy đều kính ngưỡng.

Người làm thầy thời nay không thông suốt đạo lý, hạn cuộc nơi danh tướng, tập hợp nhiều đồ chúng mà không tu hạnh chân thật. Có danh xưng làm thầy sông mà không có pháp làm mẫu mực cho người, không có đức hạnh mà muốn nhận sự cung kính của mọi người. Thật đáng xấu hổ!

Trong kinh nói: "*Phàm muốn độ người, trước phải độ mình*".

Kinh *Duy Ma* nói: "*Bệnh mình không thể chữa, sao cứu được bệnh người*".

Kinh *Địa Ngục Báo Ứng* nói: "*Tự mình không thanh tịnh mà muốn dạy người thanh tịnh, thật là vô lý*".

Luận *Đại Trí Độ* nói: "*Ví như có hai người, ai nấy đều có thân thuộc bị nước nhận chìm. Một người gấp rút liền nhảy xuống nước để cứu vớt, vì không có phương tiện nên bị nước nhận chìm. Một người khác có phương tiện qua lấy thuyền bè chèo đến cứu vớt, vì vậy mọi người đều được thoát khỏi nạn chìm đắm*".

Thế nên, bậc làm thầy có tâm độ người mà không có trí tuệ để độ người, sao có thể khoan tay ngồi yên? Bụng trống không tâm cao ngạo, không chịu gận gửi mình sự, chỉ biết ngông cuồng ngã mạn, tiếp nhận sự cung kính cúng dường lễ bái của người. Do tham hư danh mà gieo trồng tai họa thật sự, ví như phàm phu xưng bừa là Đế vương ắt chuốc lấy tội tru diệt. Đây tức là điều ở trước nói rằng: "Không có phương tiện mà cứu người", đâu thể làm cần được!

Nói chung bậc làm thầy người, muốn độ đệ tử cần phải quán xét nhân địa tu hành của Phật tổ thuở trước, cội nguồn của việc được đạo, chánh ấn của sự truyền tông. Pháp môn niệm Phật mỗi mỗi khảo cứu rõ ràng, tự tin tự hành, tu trì từng pháp, thành tựu tất cả, đã lợi mình rồi sau đó mới làm lợi ích cho người. Đó là nương thuyền đại nguyện lực của Phật A Di Đà cứu vớt những chúng sanh chìm đắm trong biển khổ.

Mình người đều được lợi ích, vậy chẳng phải là việc nên làm hay sao? Điều này gọi là: người giác ngộ giúp cho người sau giác ngộ; tự mình tin pháp môn này, lại dạy cho người cùng tin pháp môn này; tự mình thực hành đạo này, lại dạy cho người cùng thực hành đạo này; tự mình nguyện vãng sanh Tịnh Độ, lại dạy người phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ; tự mình thấy được bản tánh Di Đà, lại dạy cho người thấy được bản tánh Di Đà. Dụng tâm như thế, lẽ nào chẳng phải là hạnh của Bồ tát?

Thầy trò đều tiếp nhận chánh nhân, đồng thực hành chánh đạo, lần lượt hóa độ đến cùng tận bờ mé vị lai. Tất cả chúng sanh cùng ngộ Phật thừa, cùng thoát sanh tử, công đức ấy đâu thể dễ dàng suy lường được. Lấy đó để làm thầy người, có gì để ân hận. Nếu không như vậy, hai đường mê ngộ, tà chánh quả báo khác nhau.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Trong hang sư tử sinh sư tử
Dưới núi chồn hoang sinh ra chồn.*

Chương 13

DỪNG SỰ VIỆC KIỂM XÉT TÂM

Trong *Tự Hành Lục* của thiền sư Vĩnh Minh ghi: "*Các bậc Thánh ngày xưa chẳng khoe tài năng, thường nghĩ những bậc Hiền thuở trước cũng chẳng phô bày đạo đức của mình. Song, kinh Phật có lời dạy, trước tự mình tu hành sau mới giáo hóa mọi người. Nhà Nho có nói, tiến cử người thân có tài đức mà không sợ nghi kỵ*".

Thiền sư thường dạy chúng rằng: "*Nhân xem trong Hoảng Minh Tập, bậc tiên đức có lập ra môn cứu xét ba nghiệp, nói rằng: Nói chung, tâm tự trách còn mê mờ nên ý chỉ xác thực chưa bày tỏ, cho nên dùng sự việc để kiểm xét tâm. Mọi việc tu tập đã biết chưa đến đâu, phải càng thêm hồ thẹn. Sao gọi là nghiêm xét?*

Kiểm xét thân này, từ sớm đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng, cho đến mỗi thời mỗi khắc, mỗi phút mỗi giây, xem xét có bao nhiêu tâm, bao nhiêu hạnh, bao nhiêu thiện, bao nhiêu ác, bao nhiêu tâm muốn chế phục phiền não, bao nhiêu tâm nghĩ nhớ về Tam Bảo và Tứ Đế(99), bao nhiêu tâm tỏ ngộ lý Khổ, Không, Vô Thường; bao nhiêu tâm nghĩ đến báo đáp ân đức từ bi của cha mẹ, bao nhiêu tâm nguyện thay thế chịu khổ cho chúng sanh, bao nhiêu tâm phát khởi nghĩ nhớ về đạo nghiệp của Bồ tát, bao nhiêu tâm muốn bố thí, trì giới; bao nhiêu tâm muốn nhẫn nhục, tinh tấn, bao nhiêu tâm muốn thiên định hiển bày trí huệ, bao nhiêu tâm muốn từ bi tế độ chúng sanh trong sáu đường, bao nhiêu tâm muốn khuyến khích gắng sức làm những điều khó làm, bao nhiêu tâm muốn vượt lên để hoàn thành những điều khó hoàn thành, bao nhiêu tâm muốn nhẫn chịu đau khổ để kiến lập Phật pháp, bao nhiêu tâm muốn làm Phật để hóa độ muôn loài.

Trên đã kiểm xét tâm, kế đến kiểm xét miệng. Thời khắc như trên, từ sáng đến giờ đã diễn thuyết được mấy câu thâm nghĩa, đã xem được bao nhiêu kinh điển, đã tụng hiểu được bao nhiêu văn tự, đã tán thán công đức của Phật được mấy lần, đã hồi hướng phát nguyện được mấy lần.

Kế đến lại kiểm xét về thân. Thời khắc như trên, đã lễ Phật được mấy lay; đã lễ pháp, lễ tăng mấy lần, đã làm việc quét tháp, lau chùa được mấy lần; đã dâng hương, rải hoa, đốt đèn được mấy lần; đã quét dọn bụi nhơ, sắp đặt những vật dụng cúng dường được mấy lần; đã treo phan, chấp tay, cúng dường được mấy lần; đã cung kính kinh hành nhiều Phật trăm ngàn vòng được mấy lần trong một ngày.

Kiểm xét như thế mới thấy rằng thể hội lý rất ít, trái ngược đạo rất nhiều. Nghiệp trắng sạch không đủ để nói, phiền não trọng chướng um tùm đầy mắt. Sự tối tăm chướng ngại cứ tích lũy thêm nhiều, làm sao giải thoát?

Kiểm xét như trên mới thấy chẳng có công phu để tự cứu mình, sao có thời gian rảnh rỗi để luận bàn việc thiện ác của người? Thế nên cần phải dùng ba nghiệp để tự giáo huấn quở trách chính mình, biết rõ những việc làm có bao nhiêu điều lành, bao nhiêu điều dữ. Do vậy, nếu không tự kiểm xét quở trách mình trước thì sao có thể giáo hóa dẫn dắt mọi người. Bởi thế, cho nên Bồ tát vì độ chúng sanh tự mình phải tu hành trước".

Kinh Duy Ma nói: "Của cải vô lượng thì thâm nhiếp hóa độ dân nghèo, vâng giữ giới luật thanh tịnh thì thâm nhiếp hóa độ ngưỡng người phạm giới, dùng nhẫn nhục điều hòa hành vi thì thâm nhiếp hóa độ những người sân hận, dùng đại tinh tấn thì thâm nhiếp hóa độ những người lười biếng, nhất tâm thiền định thì thâm nhiếp hóa độ những người loạn ý, dùng trí huệ quyết định thì thâm nhiếp hóa độ những người vô trí". Kinh còn nói: "Tự mình giữ giới mới khuyên bảo người khác giữ giới, tự mình ngồi thiền mới khuyên bảo người khác ngồi thiền".

Luận Đại Trí Độ nói: "Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu ni chẳng bỏ phước xâu kim". Bồ tát Long Thọ giải thích rằng: như ông lão trăm tuổi nhảy múa là tại sao? Là vì chỉ dạy cho con cháu.

Huống chi, lúc chưa đạt đến bậc cứu cánh hoàn toàn đều vì môn lợi mình, Từ Sơ tâm đến Thập tín, trải qua Thập trụ, Thập hạnh(**100**), Thập hồi hướng(**101**), Thập địa đến tận bậc Đăng giác, đạt đến ngôi vị như Bồ tát Phổ Hiền gần kề quả Phật vẫn là lợi mình. Môn lợi người là khi lên ngôi Diệu giác, đến quả vị Phổ Hiền sau khi thành Phật(**102**) mới là hạnh lợi người.

Nhân thiên sư Vĩnh Minh tự nói, nên ghi chép đôi điều. Hạnh đối trị đã có thể quán xét

thì môn nhiếp hóa không thể bỏ. Giới luật và trí tuệ đều tu, quyền biến và chân thật song hành, thể dụng thâm nhiếp lẫn nhau, sự lý vô ngại. Nay dẫn bài kệ sau cùng trong *Vạn Thiện Đồng Quy Tập* để nói rõ sự tu hành viên mãn:

*Bồ đề không phát mà phát
Phật đạo vô cầu nên cầu
Điều dụng vô hành mà hành
Chân trí vô tác mà tác
Khởi bi tỏ ngộ đồng thể
Hành tử thâm nhập vô duyên
Không xả bỏ mà bố thí
Không giữ gìn mà đủ giới
Tiến tu rõ không chỗ khởi
Tập nhẫn thấu chẳng tổn thương
Bát Nhã rõ cảnh vô sanh
Thiền định biết tâm không trụ
Tỏ không thân mà đủ tướng
Chứng vô thuyết mà luận bàn
Xây dựng đạo tràng trắng nước
Trang nghiêm thế giới tánh không
Bày biện vật dụng huyền hóa
Cúng dường Như Lai bóng vang
Sám hối tội tánh vốn không
Khuyến thỉnh pháp thân thường trụ
Hồi hướng rõ không sở đắc
Tùy hỷ phước bằng chân như
Tán thán ta, người rỗng rang
Phát nguyện năng, sở bình đẳng
Lễ bái pháp hội ảnh hiện
Hành đạo cất bước chân không
Đốt hương thấu suốt vô vi
Tụng niệm tỏ thông thật tướng
Tán hoa hiển bày không vướng
Khảy tay bày tỏ khứ trần
Thực hành Lục độ tiếng vang
Tu tập vạn hạnh không hoa
Thâm nhập pháp tánh duyên sinh
Thường đạo pháp môn như huyền
Thệ đoạn trần lao vô nhiễm
Nguyện sinh Tịnh Độ duy tâm
Bước trên thật tế lý địa
Ra vào vô đặc quán môn*

*Hàng phục ma quân bóng gương
Làm mọi Phật sự trong mộng
Rộng độ chúng sanh như huyễn
Đồng chứng Bồ đề vắng lặng.*

CHÚ THÍCH:

(99) **Tứ Đế**: Bốn chân lý khổ, nguyên nhân của khổ, cảnh giới chấm dứt khổ và con đường dẫn đến cảnh giới ấy.

(100) **Thập hạnh**: Mười hạnh lợi tha mà hàng Bồ tát từ giai vị thứ 21 đến giai vị thứ 30 phải tu tập. Đó là:

- a. Hoan hỷ hạnh.
- b. Nhiều ích hạnh.
- c. Vô sân hận hạnh.
- d. Vô tận hạnh.
- e. Ly si loạn hạnh.
- f. Thiệt hiện hạnh.
- g. Vô trước hạnh.
- h. Tôn trọng hạnh.
- i. Thiệt pháp hạnh.
- j. Chân thật hạnh.

(101) **Thập hồi hướng**: Mười địa vị, từ giai vị thứ 31 đến 40 trong 52 địa vị tu hành của Bồ tát. Đó là:

- a. Cứu hộ nhất thiết chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng.
- b. Bất hoại hồi hướng.
- c. Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.
- d. Chí nhất thiết xứ hồi hướng.
- e. Vô tận công đức tạng hồi hướng.
- f. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng.
- g. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng.
- i. Vô phược trước giải thoát hồi hướng.
- j. Pháp giới vô lượng hồi hướng.

(102) **Quả vị Phổ Hiền sau khi thành Phật**: Nghĩa là sau khi đã thành Phật còn tu hạnh Bồ tát giáo hóa làm lợi ích mọi người. Lại sau khi chứng được quả Phật, noi theo đức hạnh của Bồ tát Phổ Hiền giáo hóa, làm lợi ích chúng sanh.

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỂN BẢY

THIÊN THỨ BẢY CHÁNH NGUYỆN NIỆM PHẬT

Lý do trí dẫn đường, hạnh do nguyện hưng khởi. Hạnh nguyện cân bằng thì lý trí gồm đủ, lý trí gồm đủ thì mỗi tâm mỗi niệm đều là Di Đà, mỗi cõi nước mỗi hạt bụi đều là Tịnh Độ. Nếu tự mình chẳng có sức mạnh của hạnh nguyện rộng lớn thì làm sao có thể đạt đến chỗ đó?

Muốn mọi người chứng nhập Tam muội này, cần phải trong sâu cội gốc ở nơi Tín, Nguyện. Nguyện là ưa muốn, muốn sanh về Tây phương Tịnh Độ, muốn tấy Phật A Di Đà nên phát nguyện àn, do dựa vào sức đại nguyện tiến thẳng đến cõi kia. Cho nên, ngài Từ Chiếu nói: "*Luôn luôn phát nguyện ưa thích vắng sanh, ngày ngày nguyện cầu chớ cho thối thất. Nếu không có tâm phát nguyện thì căn lành chìm mất*". Kinh *Hoa Nghiêm* nói: "*Không phát đại nguyện, đó là việc làm của ma*".

Cho nên Bồ tát Phổ Hiền có nguyện rộng lớn vô biên như biển cả. Phật A Di Đà có lập 48 lời đại nguyện. Thế nên biết, chư Phật trong mười phương, các bậc tiên hiền thuở xưa đều do nguyện lực mà thành tựu đạo Bồ đề. Không hưng khởi tâm phát nguyện ưa thích thì không thể thành tựu hạnh phát nguyện và ưa thích đó, nên nói pháp môn rộng lớn không có nguyện thì chẳng thành. Đức Phật tùy theo tâm mỗi người đều làm cho họ mãn nguyện. Huống gì chúng ta chuyên tu niệm Phật, nguyện sanh về Tịnh Độ, lẽ nào lại không được mãn nguyện hay sao?

Trong *Văn Sám* nói:

*Nguyện tôi không thối tâm Bồ đề
Nguyện tôi quyết định sanh An Dưỡng
Nguyện tôi mau thấy Phật Di Đà
Nguyện tôi trọn đời không niệm khác
Duy tâm Tịnh Độ chẳng rời xa.*

Kinh *Di Đà* còn nói: "*Nếu có người tin phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi nước kia*".

Trong *Văn Sám* còn nói:

*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thế nguyện học
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.*

Đây gọi là bốn điều nguyện lớn. Vì thế, ngài Từ Chiếu biên tập *Văn Sám*, do sợ mọi người vướng mắc vào sự, không rõ lý nên mới nói:

*Tự tánh chúng sanh thế nguyện độ
Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn.
Tự tánh pháp môn thế nguyện học
Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành.*

Bốn câu này nói thẳng lý chân thật rõ ràng, để khiến cho tất cả mọi người độ hết thảy chúng sanh vọng niệm ở trong tự tánh. Nghĩa là do những tâm niệm tà mê, tạp tưởng, tham lam, si mê, tật đố, sân hận, ác độc, nên khiến họ phát thế nguyện lớn tự tánh tự độ.

Lại ở trong tự tánh đoạn trừ tất cả phiền não, là tư tưởng tà, ý niệm ác, trần lao nghiệp thức như mây mù che lấp tự tánh nên ánh sáng chẳng hiện. Vì thế khiến họ phát thế nguyện lớn, tự đoạn trừ khiến chúng mãi mãi không cho dậy khởi.

Lại ở trong tự tánh tu học tất cả pháp môn, nghĩa là niệm Phật Tam muội, bi trí, hạnh nguyện, vô lượng pháp môn. Cho nên, khiến họ phát thế nguyện lớn tự ngộ tự tu, thường không thối thất, tiến thẳng đến Bồ đề, chẳng để họ được chút ít mà cho là đầy đủ.

Lại ở trong tự tánh tự tin có Phật, phát thế nguyện lớn thường tự soi xét, tự nguyện thành tựu đạo giác ngộ của Phật.

Đó là tâm lão bà **(103)** của ngài Từ Chiếu thiết tha mở ra cánh cửa cho người sau một cách rõ ràng. Chỉ cần mọi người tự tin tự nhận, từ chỗ đó bước vào ngộ Di Đà tự tánh, rõ Tịnh Độ duy tâm, vào cảnh giới chư Phật, thành tựu đạo giác ngộ vô thượng.

Than ôi! Người tốt lành ở thế gian không biết ý nghĩa này, chỉ hướng ra bên ngoài tìm cầu những thứ khác, chẳng khác nào người cầm thần châu trong tay mà lại đi xin ăn. Như thế, không phải là rất mê lầm lắm sao!

Nguyện khắp cả những người thấy nghe pháp này, lần lượt khuyên bảo nhắc nhở lẫn nhau, càng phát khởi chánh niệm, sớm bước lên con đường diệu huyền. Biết ở trước thì ở trước chẳng phải, rõ ở sau thì ở sau là quả vị. Lập chí khí lớn, phấn phát đạo dũng mãnh, phát khởi đại thế nguyện, thế độ vô biên chúng sanh, thế đoạn vô tận phiền não, thế học vô lượng pháp môn, thế nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà, thế cùng tất cả người lành thành tựu trọn vẹn Phật đạo vô thượng.

Như thế, mới thật đáng gọi:

*Không có gió xuân hoa chẳng nở
Hoa tươi phải cảm ơn gió xuân.*

CHÚ THÍCH:

(103) **Tâm lão bà:** Tấm lòng từ bi thiết tha của thiền sư tận tình khuyên bảo, hướng dẫn người học để giúp họ lãnh ngộ.

Chương 1 **KHUYÊN PHÁT ĐẠI NGUYỆN**

Ngài Từ Chiếu nói: "*Có hạnh không nguyện, hạnh ấy ắt trơ trụi; có nguyện không hạnh, nguyện ấy chỉ là nguyện sông. Không hạnh không nguyện thì sống trên cõi đời thật luống uổng; có hạnh có nguyện thì vào thẳng chỗ vô vi. Đây chính là căn bản tu Tịnh nghiệp của Phật Tổ*".

Xem kỹ thời nay, người có lòng tin bước vào pháp hội, hoặc vì bệnh khổ phát tâm, hoặc vì báo đáp song thân mà khởi ý, hoặc vì bảo hộ gia đình, hoặc vì sợ tội mà trì trai. Tuy có lòng tin nhưng không hạnh nguyện, dù bảo rằng niệm Phật nhưng chẳng thấu suốt cội nguồn.

Phần nhiều mọi người tu tập duyên lành đều hoàn thành tâm nguyện nhỏ hẹp, ít có người vì sự sanh tử của chính mình mà phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thường thường dâng hương đốt đèn nơi đạo tràng, những lời chúc nguyện hồi hướng đều là bày tỏ trước thần minh cầu tiêu trừ tai nạn, kéo dài tuổi thọ mà thôi. Thế nên, trái với ý chỉ của kinh sách, chẳng hợp với bản nguyện của chư Phật, dù cho cả đời tu tập tụng niệm nhưng không hiểu rõ nghĩa lý, dụng công sai lầm, đó gọi là trọn ngày đếm tiền cho người mà tự mình không có nửa đồng xu. Vì vậy, đến khi lâm chung không được vãng sanh Tịnh Độ, là vì không có hạnh nguyện.

Lại có một hạng người ngu, theo Phật thọ giới, bèn ở trước Tam Bảo dâng hương thệ nguyện rằng: "Nếu tôi phá giới thì cam chịu bệnh dữ bức bách thân thể, mãi ở trong địa ngục". Hoặc nói mắt bên trái chảy máu, mắt bên phải ra mù, tự cam tự chịu giống như sự cam kết ở nơi quan ty. Thấy phần nhiều họ chỉ nơi trên miệng mà không có lòng thành, phá trai phạm giới, tự nguyện chịu quả báo, đau khổ nào kham, cam tâm đẩy mình vào nơi đọa lạc, tự chuốc lấy điềm tan thân mất mạng. Đâu biết rằng, Phật Tổ đại từ đại bi đâu từng dạy người như thế! Đó đều là lỗi lầm của thầy tà, đem lời nguyện rửa làm sự phát nguyện, tại sao quá mê hoặc đến thế?

Tôi từng thương xót khuyên bảo cùng nhau phát nguyện chân thành cầu sinh Tịnh Độ, nguyện cùng nhau thành Phật. Họ liền nói: Tôi là phàm phu đâu dám mong về Tịnh Độ và muốn thành Phật. Chúng tôi có tâm ấy, lại trở thành vọng tưởng.

Tôi đáp rằng:

- Không phải thế. Thiện tri thức! Phật là giác, Tịnh Độ là tâm. Tâm này ai cũng có. Giác tức Phật, mê tức là chúng sanh. Người đời trái với tánh giác, đuổi theo trần lao

nên xoay vần theo nghiệp duyên thiệt ác. Trong ba cõi, bốn loài, sáu đường chịu quả báo tốt xấu, đều do nhận lầm tứ đại làm thân ta, cho sáu trần là có thật, đuổi theo cảnh huyền, ngày đêm trôi nổi, chưa từng có một giây phút phản tỉnh soi sáng lại mình.

Từ lúc sanh ra cho tới già, chỉ lo việc nhà không xong, chẳng vừa lòng với tài sản, có càng nhiều càng mong cầu, càng tham lam càng không thấy đủ. Tuy nói làm lành thờ Phật, lễ bái, tạo phước, dâng hương mà chỉ nguyện vinh hoa phú quý, trường sanh bất tử. Vừa làm được vài điều tốt nhỏ liền nguyện cầu đủ thứ, mong lúa thóc đầy kho, tơ lụa chất đống, con cháu vinh hiển, trâu ngựa đầy đàn; vừa có một việc không vừa ý liền oán trách Phật không phò hộ, mỗi ngày tiền của tăng thêm, chuyện vui luôn đến mới bảo thiên long cảm ứng. Tham lam tính toán như thế chính là vọng tưởng mà tự mình không hay biết, trở lại nói việc niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ là vọng tưởng. Há chẳng phải rất là điên đảo hay sao!

Phàm nói làm phước thì đều thuộc hữu vi. Bởi lẽ, nhân hữu lậu của thế gian chẳng phải là đạo vô vi xuất thế. Phật tử tu hành nên khéo tư duy. Hôm nay có duyên gặp Phật pháp cần phải cứu xét cội gốc, chớ cạnh tranh trên ngọn ngành. Một niệm soi sáng trở lại, tu pháp xuất thế, nguyện bỏ ta bà, nguyện sanh Tịnh Độ, cũng như kẻ khách ở nơi quê người đã lâu, nghĩ nhớ muốn trở về cố hương. Tâm nguyện sinh Tịnh Độ, nguyện thành Phật này, sao đồng với vọng tưởng của phàm phu được! Lẽ nào chẳng thấy trong *Sám Văn* nói:

*Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung
Diệt trừ tất cả các chướng ngại
Tận mắt thấy Phật A Di Đà
Liên được vắng sanh cõi An lạc.*

Như thế, thật đáng gọi là:

*Một mai lạc bước con đường cũ
Mới hay từ trước dụng tâm sai.*

Chương 2

LỜI TỰA VÀ KỆ NIỆM PHẬT PHÁT NGUYỆN CỦA TÔNG CHỦ TỪ CHIẾU

Trong kinh *Di Đà Tiết Yếu* nói: "*Việc cấp thiết nhất của người niệm Phật là không khéo tương ứng. Tại sao vậy? Vì tuy bảo trì giới, niệm Phật mà chẳng hề phát tâm nguyện sanh Tịnh Độ, như thế là đều chôn vùi năm tháng, tự mất sự lợi ích tốt lành. Nói chung, niệm Phật trước cần phải phát tâm; muốn vượt qua sanh tử, vắng sanh Tịnh Độ phải lấy đại nguyện làm chủ ý của chính mình. Thường phải niệm Phật, sớm chiều chuyên tâm lễ bái Di Đà, như châu Đế vương hai thời không mất. Ngày càng thêm gần gũi, tâm và miệng tương ứng với Phật, cách Phật không xa. Miệng niệm tâm tưởng,*

tâm nguyện thấy Phật, phát nguyện sâu sắc, tin chắc chắn không nghi ngờ, thảng rộng năm dài, công phu thuần thực, tự nhiên tam muội thuần thực. Lúc sắp lâm chung, Phật Di Đà tiếp dẫn, Tịnh Độ hiện tiền. Lại nguyện trong hiện đời thường gặp bậc thiên tri thức, chẳng gặp thầy tà, không mê lầm tâm ta, chẳng phát sinh lười biếng'.

Nếu niệm Phật như thế, tin sâu, phát nguyện, đó là đầy đủ cả ba điều tư lương Tín, Hạnh, Nguyện. Lúc lâm chung thấy Phật chẳng phải từ bên ngoài đến, đều là duy tâm hiển hiện, cũng như hạt giống trên đất gặp mùa xuân thì nảy mầm, đâu phải từ bên ngoài, đều từ dưới đất mọc lên.

Nay, sự tu hành cũng vậy, niệm Phật đầy đủ Tín, Nguyện thì huân vào tâm tám thức **(104)**, lúc lâm chung phát hiện Tịnh Độ Di Đà chẳng phải bên ngoài đến, đều từ tâm mình phát xuất.

Kệ rằng:

*Muôn pháp từ tâm sanh
Muôn pháp từ tâm diệt
Đức Phật đại Sa môn
Xưa đã từng tuyên thuyết.
Trì giới không Tín, Nguyện
Chẳng được sanh Tịnh Độ
Chỉ được phước nhân thiên
Phước hết luân hồi khổ
Xoay vần khó thoát ra
Xem kinh không mắt tuệ
Chẳng rõ Phật thâm ý
Đời sau được thông minh
Tâm loạn khó thoát ly
Sao bằng niệm Phật tốt
Khỏi danh lợi bôn ba
Đi ngòi hăng tịnh niệm
Chính là A Di Đà
Phát nguyện trì giới luật
Hồ hướng sinh Lạc quốc
Là hành trì phù hợp
Ngàn người chẳng sót một
Thuyết giáo có Thích Ca
Nhiếp thọ, đức Di Đà
Chư Phật đều hộ niệm
Chư thiên khéo hộ trì
Thấy người niệm Phật này*

Không cách xa đức Phật
Sẽ ngồi nơi đạo tràng
Chuyển bánh xe pháp lớn
Độ khắp cả chúng sanh
Ví như gái nhà nghèo
Thai nghén vua Chuyển Luân
Chư thiên thường mướn hộ
Gái nghèo chẳng biết mừng
Trong bụng có con quý
Nay người niệm Phật đây
Ý cũng đồng như thế!
Nhớ Phật thường niệm Phật
Không lâu sẽ thành Phật
Phật hộ niệm giữ gìn
Người ấy chẳng tự biết
Ta sẽ sanh Tịnh Độ
Lại muốn ở đời sau
Được sanh trong loài người
Ví như nhà kẻ nghèo
Dưới đất có kho báu
Thần kho hằng giữ gìn
Chẳng cho mất trân bảo
Người nghèo không tự biết
Trong nhà có châu báu
Đi khắp nơi làm mướn
Lo cơm áo khổ cầu!
Nay người niệm Phật này
Ý cũng đồng như thế!
Chẳng biết người niệm Phật
Đầy đủ tạng Như Lai
Tự nói ta vô phần
Lại muốn sanh cõi người
Ví như nhà người bệnh
Có trữ sẵn thuốc tiên
Bệnh nhân không biết thuốc
Làm sao được lành yên?
Ngày đêm nằm trở trăn
Đau nhức hằng khóc than
Nay người niệm Phật này
Ý cũng đồng như thế!
Phải biết tâm niệm Phật

Trừ bệnh tham, sân, si
Hay làm đại lương y
Hay làm kho báu lớn
Hay thành đại Pháp vương
Che chở và tế độ
Cứu khổ khắp muôn loài
Cho mình là phàm phu
Không được sanh Tịnh Độ
Chỉ giữ giới, trì trai
Nguyện đời sau làm người
Lần lượt gắng tiến tu
Mới được sanh về Tây
Thấy nhiều kẻ tu hành
Thường nói như thế ấy
Chẳng hợp nguyện Di Đà
Không hợp kinh Tịnh Độ
Tà kiến che mê lầm
Cuối cùng khó thoát ra
Đều do tâm mình ngăn
Chẳng phải người chướng ngại
Đời nay không vãng sanh
Một lẽ thì trăm lầm
Khuyên những người tu hành
Tin lời Như Lai nói
Lời Phật hằng chân thật
Không một điểm dối hư
Chỉ nên siêng tinh tấn
Nhất tâm cầu Tịnh Độ
Như gió thổi vào lửa
Chẳng tổn nhiều công sức
May mắn biết niệm Phật
Nguyện vượt ra ba cõi
Gặp báu chẳng chịu lấy
Gặp cơm cam đói khổ
Quê thay đại trượng phu
Chẳng rõ lẽ chân thật
Nay viết kệ khuyên bảo
Xin lần lượt truyền nhau
Thay tôi lưu thông rộng
Làm sứ giả Như Lai
Đó mới là con Phật

Mới thật báo Phật ân
Nguyện làm theo lời dạy
Đồng sanh cõi Cực Lạc.

CHÚ THÍCH:

(104): **Tám thức:** Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Ma na thức, A lại gia thức.

Chương 3 CẦU SANH TỊNH ĐỘ CHỦ YẾU Ở SỰ PHÁT NGUYỆN

Trong *Luận Đại Trí Độ* quyển 8, hỏi rằng:

- Chư Bồ tát hạnh nghiệp thanh tịnh tự nhiên được quả báo thù thắng, cần gì phải lập thế nguyện rồi sau đó mới thành tựu? Ví như nhà nông được hạt giống, lẽ nào lại chờ đợi nguyện cầu hay sao?

Đáp:

- Làm phước mà không nguyện thì không có điểm đến. Nguyện là kẻ dẫn đường có thể đưa đến thành tựu. Như lời Phật dạy: "Nếu người tu ít phước, ít giới không biết chánh nhàn giải thoát, nghe nói về niềm vui của cõi người, cõi Trời, tâm thường mong cầu ưa thích. Sau khi mạng chung, người ấy sinh vào cõi Nhân, Thiên, đó là do nguyện lực dẫn dắt. Bồ tát cầu sanh về Tịnh Độ do nơi chí nguyện mạnh mẽ, sau đó mới được thành tựu". Vì thế nên biết, nhân nguyện lực kia mà được thọ hưởng quả báo thù thắng. Bạc Cao đức ngày xưa nói: quả Phật cao xa, muốn lên thì có thêm bậc; mây pháp chót vót, muốn đến phải dần dần. Tâm rộng lớn vừa phát thì đức huyền diệu soi sáng đến đời sau, thế lớn lao vừa hưng khởi thì nguyện nhiệm mầu cùng khắp hư không. Một niệm ý chí phát khởi tức là hoa Linh thọa trong muôn kiếp, nửa khắc thành kính tức là cam lồ rưới khắp Đại thiên.

Luận Đại Trang Nghiêm nói: "Vãng sanh cõi Phật là việc lớn, nếu chỉ dùng công đức tu hành riêng lẻ thì không thể thành tựu, cần phải nhờ nguyện lực trợ giúp dẫn dắt mới làm nên. Do nguyện lực nên phước đức tăng trưởng, không mất không hoại sẽ sinh về cõi Phật, tùy nguyện được thấy Phật".

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Người ấy lúc sắp mạng chung, khoảnh khắc sau cùng, tất cả các căn thân đều tan hoại, tất cả thân thuộc thân đều rời bỏ, tất cả uy thế thân đều mất hết, cho đến voi, ngựa, xe cộ, kho tàng, của báu, tất cả đều không mang theo

được. Chỉ có nguyện vãng này là không bỏ rời, trong tất cả thời dẫn đường phía trước, trong khoảnh khắc liền được vãng sanh Cực Lạc".

Chương 4

NGHI THỨC PHÁT NGUYỆN TU HÀNH CỦA HÒA THƯỢNG THIÊN ĐẠO

Khi quán tưởng và trước khi ngủ, người tu Tịnh Độ nên phát nguyện này. Hoặc ngồi hoặc đứng nhất tâm chấp tay, hướng mặt về phương Tây niệm mười câu A Di Đà Phật, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ tát, xong rồi phát nguyện rằng: "*Đệ tử chúng con, hiện là phàm phu, trong vòng sanh tử, tội chướng sâu nặng, luân chuyển sáu đường, khổ không nói được. Nay gặp tri thức, được nghe danh hiệu, bản nguyện công đức, của Phật Di Đà, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh. Nguyện Phật từ bi, xót thương chẳng bỏ, chưa biết thân Phật, tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện, cho con được thấy. Lại thấy tướng mầu, Quán Âm, Thế Chí, các chúng Bồ tát, và thế giới kia, thanh tịnh trang nghiêm, vẻ đẹp quang minh, xin đều thấy rõ".*

Phát nguyện này rồi, nhất tâm chánh niệm, tùy ý quán tưởng. Hoặc phát nguyện trước lúc ngủ nghỉ, hoặc có quy định thời khóa phát nguyện thì liền được thấy Phật, hoặc khi ngủ được thấy. Chỉ cần chuyên chí, tự nhiên trọn vẹn sở nguyện.

Chương 5

VĂN PHÁT NGUYỆN CẦU SANH TỊNH ĐỘ CỦA BẠCH CƯ DỊ

Sách Ký ghi rằng: "Đức Phật Thích Ca nói, từ đây qua phương Tây cách mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, vì thế giới ấy không có tám thứ khổ(105) và bốn đường ác(106)]. Cõi nước ấy gọi là Tịnh Độ, bởi không có tam độc, ngũ trước. Đức Phật ấy hiệu là A Di Đà vì tuổi thọ vô lượng, nguyện lực vô lượng, công đức tướng hảo ánh sáng vô lượng".

Xét kỹ chúng sanh ở thế giới Ta bà này, không luận là hiền ngu, sang hèn, già trẻ, nếu ai khởi tâm hướng về Phật thì đều chấp tay hướng về Tây phương; ai sợ hãi khổ não nguy ách thì lúc mở miệng thốt lên đều niệm Phật A Di Đà trước tiên.. Hơn nữa, khi đức tượng, nắn đất, khắc vào đá, thêu trên vải, cho đến trẻ con chơi đùa nhóm cát, vẽ trên nước, thường lấy Phật A Di Đà làm bậc thứ nhất. Vì sao lại như thế? Bởi vì đức Phật A Di Đà có thế nguyện lớn đối với chúng sanh ở cõi này, chúng sanh ở cõi này có nhân duyên lớn với thế giới Cực Lạc. Điều đó đã rõ ràng, nếu không thì chư Phật ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, từ quá khứ, hiện tại, vị lai rất nhiều, sao chỉ đặc biệt tôn kính Phật A Di Đà như thế?

Trung đại phu Thái phó Bạch Cư Dị ở đời Đường, lúc tuổi già bị bệnh tê liệt, bèn đem

tiền của sai Đổ Kính Tông dựa theo hai kinh *A Di Đà* và *Vô Lượng Thọ* vẽ một bộ Tây Phương Thế Giới cao chín thước, rộng mười ba thước, Phật A Di Đà ngồi ở giữa, hai vị đại sĩ Quán Âm, Thế Chí hầu hai bên phải trái, người trời chiêm ngưỡng, quyến thuộc vây quanh, lầu đài kỹ nhạc, nước cây chim hoa, bảy báu(107) nghiêm sức, năm sắc(108) phô bày, sáng rực huy hoàng, công đức thành tựu. Đệ tử Bạch Cư Dị dâng hương, cúi đầu quỳ trước Phật, khởi lòng từ bi phát nguyện lớn: "*Nguyện đem công đức này hồi hướng bố thí cho tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh có người già như con, có chúng bệnh như con, nguyện là khổ được vui, diệt trừ việc ác, tu tập điều lành, chẳng ra khỏi Nam Thiệm Bộ Châu(109) liền thấy được Tây Phương Cực lạc, ánh sáng bạch hào rộng lớn, tùy theo tâm niệm mà cảm ứng ngay, sen xanh Thượng phẩm, tùy nguyện vãng sanh. Từ thân hiện tại này, cùng tận bờ mé vị lai thường được thân cận gần gũi cúng dường Phật*".

Ông muốn trùng tuyên ý nghĩa này mà nói lời khen ngợi rằng:

*Thế giới Cực Lạc cõi thanh tịnh
Không mọi đường ác và các khổ
Nguyện người già bệnh như thân con
Đồng sanh cõi Phật Vô Lượng Thọ.*

CHÚ THÍCH:

(105) **Tám thứ khổ:**

- a. *Sanh khổ* (nỗi khổ do sự sanh): Mẹ khổ vì mang nặng đẻ đau, con khổ vì trong thai bị thức ăn nóng lạnh, cảm xúc... của mẹ tác động, đến khi sanh ra lại bị chèn ép đau đớn thống khổ. Đó chính là một trong những nguyên nhân đọa bị quên tiền kiếp khi chuyển thân cách ấm, vì quá khổ.
- b. *Già khổ* (khổ do tuổi già): Dễ bị bệnh tật, sức yếu, năng lực làm việc, suy tư giảm, không còn hoặc giảm sáng suốt, thậm chí không thể giúp người mình muốn giúp và dễ làm gánh nặng cho người khác.
- c. *Bệnh khổ* (nỗi khổ khi mắc phải bệnh tật): Đau đớn, thống khổ, rên siết, không ai chia sẻ được, có khi các cảm giác thống siết này tồn tại rất lâu, lại có khi gây ra các di chứng tệ hại phải chịu về lâu dài.
- d. *Chết khổ* (khổ vì đau đớn khi thời khắc phải chết đến nơi): Nỗi khổ khi tứ đại trong thân phân ly, như kinh nói là: "như con rùa bị lột mai, như con cua bị bỏ vào nồi nước sôi", không thể nào tả xiết. Lại, trong tám giờ sau khi chết, thần thức vẫn còn tồn lưu trong thân, nếu có người hay vật nào tác động đến thì dù nhẹ đến đâu cũng đau đớn không thể tả nổi, dễ nổi tâm sân hận mà đọa lạc theo niệm đó. Lại, sau khi xuất ra khỏi thân thì trong trạng thái Trung ấm tồn tại lâu nhất là bốn mươi chín ngày, cứ

cách bảy ngày phải chết một lần, cảm giác đau đớn, khổ não cũng như cũ, dễ theo nghiệp mà thọ sanh cảnh xấu, nên tử khổ có thể dẫn đến sanh khổ trong đời sau.

e. *Khổ vì thương yêu chia lìa* (ái biệt ly khổ): Khổ vì phải chia lìa người thân hay vật mình yêu thích, nên sanh tâm đau buồn luyến tiếc mà chìm đắm trong khổ não. Thông thường, khổ này nặng nhất khi sanh ly tử biệt với người thân.

f. *Khổ vì oán thù gặp gỡ* (oán tăng hội khổ): Khổ khi thù ghét nhau, khó chịu với nhau mà phải ở chung, ở gần, chịu đựng nhau.

f. *Khổ vì mong cầu không được* (cầu bất đắc khổ): Khổ vì mong cầu một điều gì đó mà không toại ý nên sanh tâm buồn bực, khổ não, đau buồn.

g. *Khổ vì ngũ uẩn nung nấu* (ngũ ấm xí thành khổ): Khổ vì ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) nung nấu chống trái nhau trong thân tâm, khiến ta phải chịu các loại phiền não và khổ đau. Thật ra, đây chính là nguyên nhân chính của tất cả các khổ trên, nhưng vì phải phân loại ra cho rõ nghĩa, để hình dung nên phải nói nhiều loại.

(106) **Bốn đường ác**: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A tu la. Ác đạo là nơi khổ sở xấu xa mà chúng sanh sẽ sinh về sau khi tạo nghiệp.

(107) **Bảy báu** (*The seven precious things*): Bảy thứ báu:

- a. Kim (vàng)
- b. Ngân (bạc).
- c. Lưu ly.
- d. Pha lê.
- e. Xa cừ.
- f. Trân châu.
- g. Mã não.

(108) **Năm sắc**: Cũng gọi là ngũ chính sắc, ngũ đại sắc, tức chỉ cho năm màu căn bản: xanh, vàng, đỏ, trắng và đen.

Tại Ấn Độ, chư tăng trong giáo đoàn không được dùng năm màu này làm màu của áo pháp vì cho rằng năm màu này là màu lòe loẹt, hoa mỹ. Nhưng màu sắc trang nghiêm cõi Tịnh Độ và mây năm sắc trong vật cầm tay của Bồ tát Quán Âm nghìn tay đều là năm màu này.

(109) **Nam Thiệm Bộ Châu** (*Jambudvīpa - có nghĩa là đất*): Còn gọi là Nam Diêm Phù Đề. Diêm Phù Đề tức là tên của một loài cây ở Thiệm Bộ. Đề có nghĩa là châu. Nơi đất này có cây Thiệm Bộ, cho nên đem nó để đặt tên châu. Ở trong Diêm Hải, Nam Thiệm Bộ Châu nằm ở phía Nam núi Tu Di.

Tên của miền Nam của tứ đại châu, người ta nói nó hình tam giác, được gọi theo tên của một cái là Thiệm Bộ khổng lồ trên núi Tu Di, hay gọi theo tên loại vàng "thiệm bộ đàn" tìm thấy dưới gốc cây. Nó được chia ra làm bốn vùng:

- Nam Tượng Chủ: Từ Tuyết Sơn trở xuống phía Nam - *South of Himalayas by the lord of elephants, because of their innumerable number of elephants.*

- Bắc Mã Chủ: Từ Tuyết Sơn trở lên phía Bắc (vì có nhiều ngựa) - *North of Himalayas by the lord of horses.*

- Tây Bảo Chủ: Phía Tây của Tuyết Sơn (vì có nhiều châu báu) - *West of Himalayas by the lord of jewels.*

- Đông Nhân Chủ: Phía Đông của Tuyết Sơn (vì có nhiều người ở) - *East of Himalayas by the lord of men.*

Chương 6

VĂN THÍ KINH PHÁT NGUYỆN TỊNH ĐỘ CỦA PHÙNG TẾ XUYÊN

Văn ấy đại khái ghi rằng: "*Một việc bố thí kinh của tôi mà có đủ hai sự bố thí. Dùng tiền của để in sách ấn tống, đó là tài thí, đem kinh để truyền bá, đó là pháp thí. Theo lời Phật nói, bố thí tiền của đời sau sẽ được quả báo phước đức nơi cõi Trời, Người; bố thí giáo pháp sẽ được thế trí biện thông(110). Đó là quả báo thế gian. Nên biết quả báo ấy đều là nhân trong luân hồi, cội gốc của đau khổ.*

Thế nên, nay tôi phát nguyện: nguyện hồi hướng hai quả báo này, lúc sắp mạng chung trang nghiêm vắng sanh Tây phương Cực Lạc. Lấy họa sen làm bào thai, gửi hình chất trong hoa, thấy Phật nghe pháp ngộ Vô sanh nhẫn, lên bậc Bất thối, vào vị Bồ tát, rồi trở lại trong thế giới ở khắp mười phương, nơi cõi đời ngũ trước, hiện thân khắp cả để làm Phật sự.

Đem nhân của hai sự bố thí tiền của và giáo pháp hôm nay, nguyện được Bồ tát Quán Thế Âm đầy đủ đại từ đại bi, dạo chơi trong sáu nẻo, tùy loại hóa thân, nói các pháp mầu, khai phát cho người chưa ngộ, rồi hẳn con đường đau khổ, khiến họ được trí tuệ, cùng với tất cả chúng sanh thấy đều thành Phật.

Đó là lời nguyện của tôi về việc bố thí kinh".

Phùng Tế Xuyên bố thí kinh chẳng cầu sự giàu sang thông minh trên đường Trời, Người, mà đem công đức này hồi hướng về Tịnh Độ, nguyện thấy Phật A Di Đà. Thật

đáng gọi là người Đại thừa trí thức cao minh, đạt sâu lý Phật. Than ôi! Thấy người trong Liên Xả trọn ngày niệm Phật chỉ cầu phước báo ở đời sau, há chẳng phải là sai lầm sao?

Tôi nguyện tất cả mọi người cùng sanh về Tịnh Độ, nên dẫn lời văn bố thí kinh phát nguyện Tịnh Độ của Phùng Tế Xuyên để làm khuôn phép cho mọi người. Nếu có tu phước niệm Phật, cho đến việc lành chừng bằng mây tơ, thầy đều nên phát nguyện hồi hướng Tây phương, có chỗ hướng về thì lúc lâm chung quyết định vãng sanh Tịnh Độ.

CHÚ THÍCH:

(110) **Thế trí biện thông:** Trí thông minh sâu sắc về mặt thế tục của phàm phu, một trong tám nạn.

Người phàm phu chỉ ham mê học tập kinh sách ngoại đạo, không có khả năng tin nhận chánh pháp xuất thế, trở thành chướng nạn cho việc tin hiểu Phật đạo.

Cũng có người cho rằng thế trí biện thông là giàu kiến thức thế gian, giỏi biện luận, khéo xử thế.

Đại thừa Nghĩa chương, quyển 8 (Đại 44, 629 thượng) nói: "Vì thế trí biện thông chỉ làm tăng thêm điều ác cho nên gọi là nạn, tà kiến này trái với chánh đạo".

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM QUYỂN TÁM

THIÊN THỨ TÁM CHÁNH QUYẾT VÃNG SANH/

Trong giáo lý Tịnh Độ, một môn vãng sanh được ghi chép đầy đủ nơi các kinh điển, sáng tỏ như mặt trời. Thật là phương pháp vào đạo của kẻ tu hành, là nơi gửi tinh thần của người niệm Phật.

Niệm mà vô niệm, niệm ấy tức niệm Di Đà, sinh mà vô sinh, sinh ấy tức sinh Tịnh Độ. Thế nên, các hàng Bồ tát đạo hạnh thâm sâu, các bậc Đại sư gương mẫu bao đời, công khanh nho sĩ, thường dân phụ nữ, đều dốc lòng tin tưởng đạo này, những người thế nguyện tiến tu không tính kể. Ý họ là gì? Chỉ muốn vãng sanh Tịnh Độ, thấy Phật Di Đà mà thôi.

Nên biết, Phật vốn không thân, cũng không cỗi nước, đó đều là do tâm chúng sanh thanh tịnh mà cảm nên. Trong kinh có nói: "*Tâm này là Phật, tâm này làm Phật. Biến Chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng mà phát sanh*" Đại sư Trí Giả giải thích rằng: "Phật vốn là không, do tâm tịnh nên có. Bởi vì tâm chúng sanh thanh tịnh thì pháp thể hiện tiền, tâm chúng sanh ô nhiễm thì lưu chuyển trong đường đau khổ. Đó là lẽ thường, sao lại nghi ngờ? Từ nơi giáo lý chân thật trọn vẹn luận bàn về duy tâm vốn đầy đủ, hoặc đây hoặc kia, hoặc nhiễm hoặc tịnh, đều chẳng vượt ra một tâm niệm của ta. Tâm là cội nguồn tạo ra tội lỗi, cũng là căn bản của sự thành Phật. Bảo rằng, vừa có tâm nhỏ nhiễm đã đầy đủ ba ngàn đại thiên thế giới**(111)**. Song, các pháp trong ba ngàn đại thiên thế giới đã đầy đủ mười pháp giới**(112)**, mười như thì**(113)**, ba loại thế gian**(114)**, hỗ trợ lẫn nhau, hiện bày đầy đủ. Thế thì bỏ nơi đây để tìm cầu cỗi An dưỡng nào nữa?

Không chỉ duy tâm Tịnh Độ mà địa ngục cũng duy tâm. Còn nói rằng, y báo chánh báo của địa ngục A Tỳ hoàn toàn thú hưởng nơi tự tâm của bậc Thánh, và cỗi nước và Phật Tỳ Lô Giá Na chẳng ở ngoài một niệm của kẻ phàm phu. Vừa khởi kiến chấp ngộ mê liền vào đường tà, chẳng phân biệt sự khác nhau của nhiễm và tịnh mới trở về chánh đạo. Núi đao rừng kiếm đều là hoa đốm giữa hư không, ao bấu sen vàng đều thành việc trong mộng. Thọ dụng như thế mới rõ chân tu, nếu chưa được vậy, nên y theo giáo lý quyền biến lần lần ra công tu tiến. Tin sâu Phật A Di Đà là bản tánh của ta, quý ở lúc lễ tụng sám niệm; đi, đứng, nằm, ngồi thường quán chiếu về ba pháp quán kế hợp nhất tâm; toàn trí biểu hiện cảnh, toàn cảnh tức là tâm. Nên biết y báo và chánh báo của Phật đều do tâm tạo, vốn đầy đủ nơi tâm, tin sâu Tịnh Độ Di Đà ảnh hiện sáng ngời nơi tâm mắt. Ví như chùi đồng thành gương, ắt phải nhờ ra công làm cho trần cấu sạch hết không còn, bản thể tròn sáng tự nhiên hiển hiện, tất cả hình sắc đều không ản dấu. Nên biết, nếu bảo hình bóng trong gương thật có, nhưng chẳng thể nắm bắt được, nếu bảo là không thì hình sắc rõ ràng có thể thấy. Gọi là: có mà không nhất định thật có, không mà chẳng nhất định là không; đẹp cả có lẫn không lặng lẽ hồn nhiên ấy là Trung đạo. Ý nghĩa này quả thật rộng lớn, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Muốn chứng ngộ đạo quán chiếu niệm màu duy tâm này, cần phải thấu rõ nơi nhân. Nên biết, nhân trùn biến quả, quả suốt nguồn nhân, xuyên suốt trước sau chẳng rời một niệm. Từ nhân đến quả chỉ ở nơi tâm ban đầu. Nếu có thể nơi đây khéo tu nhân như thế, thì lúc lâm chung quyết định được quả như thế. Do vậy, chuyên tâm niệm Phật là nhân, vắng sanh Tịnh Độ là quả. Ban đầu, từ nơi nghe mà phát khởi lòng tin, tin rồi tu trì, tích lũy công phu Tịnh nghiệp, tất được thành tựu trọn vẹn công phu. Khi thời tiết đến, nghĩa lý huyền diệu tỏ bày, xem cái chết chỉ là sự trở về. Như thế, lẽ nào lại không vui thích?

Vì vậy, ở đây nói thẳng về lời quyết định chân chánh vắng sanh (chánh quyết vắng

sanh), chỉ rõ con đường đến nhà. Bây giờ tự tin không nghi ngờ, về sau ra cửa không lầm lạc. Như thế, lo gì chẳng được sanh về cõi An dưỡng, chắc chắn được thấy tự tánh Di Đà, cũng với các bậc Thánh Hiền đồng thành tựu tịnh hạnh, trải qua các địa vị đạt đến bậc cùng tột. Thật chỉ có đạo này thôi!"

CHÚ THÍCH:

(111) **Tam thiên đại thiên thế giới:** Thế giới tam thiên đại thiên, vũ trụ quan của người Ấn Độ thời xưa. Lấy núi Tu Di làm trung tâm, chung quanh có bốn đại châu và chín lớp núi, tám lớp biển gọi là một tiểu thế giới, là từ cõi Sơ thiên của cõi Sắc, đến lớp phong luân dưới đáy mặt đất. Trong đó bao gồm: mặt trời, mặt trăng, núi Tu Di, Tứ thiên vương, Tam thập Tam thiên, trời Dạ Ma, trời Đâu suất, trời Biến Hóa, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Phạm Thế.... 1000 tiểu thế giới này hình thành một tiểu thiên thế giới, 1000 tiểu thiên thế giới hợp thành trung thiên thế giới, 1000 trung thiên thế giới hợp thành đại thiên thế giới, nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới.

(112) **Mười pháp giới:** Tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, người trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Sáu hạng trước gọi là lục phàm, bốn hạng sau gọi tứ Thánh.

(113) **Mười như vậy:** Tức mười như vậy, xuất phát từ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*. Theo *Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa* của đại sư Trí Giả, không khác gọi là Như, không sai gọi là Thị. Bảo rằng mười pháp giới từ địa ngục đến pháp giới Phật đều đủ mười như vậy, là pháp nhân quả.

a. *Tướng như vậy:* Tướng là tướng mạo, căn cứ ở bên ngoài mà có thể phân biệt được, nghĩa là từ địa ngục đến pháp giới Phật, mỗi tướng mạo chẳng đồng.

b. *Tánh như vậy:* Tánh là tánh phần, căn cứ ở bên trong tự phần chẳng đổi, nghĩa là từ địa ngục đến pháp giới Phật, tánh đều chẳng đồng nhau.

c. *Thể như vậy:* Thể tức là thể chất, nghĩa là từ địa ngục cho đến pháp giới Phật đều lấy sắc thân làm thể chất.

d. *Lực như vậy:* Lực là lực dụng, nghĩa là từ địa ngục đến pháp giới Phật đều có lực dụng công năng.

e. *Tác như vậy:* Tác là tạo tác, nghĩa là từ địa ngục đến pháp giới Phật đều có thể vận hành tạo tác.

f. *Nhân như vậy:* Nhân là tập nhân, nghĩa là từ địa ngục đến pháp giới Phật, nghiệp nhân thiện ác đều tự mình gieo trồng mà sanh, tạt hợp tiếp nối chẳng dứt.

g. *Duyên như vậy*: Duyên là duyên trợ giúp, nghĩa là từ địa ngục đến pháp giới Phật, đều có pháp duyên khởi trợ giúp thành tập nhân.

h. *Quả như vậy*: Quả là tập quả, nghĩa là từ địa ngục đến pháp giới Phật đều do tập nhân tập hợp tiếp nối ở trước, tập quả thu được ở sau.

i. *Báo như vậy*: Báo là quả báo, nghĩa là từ địa ngục đến pháp giới Phật, đều do tập nhân, tập quả mà cảm nên quả báo.

j. *Gốc ngọn như vậy*: Nghĩa là tướng ban đầu là gốc, quả báo ở sau là ngọn, đều đồng thật tướng, một lý bình đẳng không hai.

(114) **Ba loại thế gian:**

a. Thế gian ngũ ấm: Sắc thân do năm ấm tạo thành.

b. Thế gian chúng sanh: Tất cả chúng sanh có sanh mạng ở ngoài thân thể chúng ta.

c. Thế gian quốc độ: Núi sông, quả đất mà chúng ta nương ở.

Chương 1

CHA MẸ LÂM CHUNG VẮNG SANH TỊNH ĐỘ

Người tin chắc Tịnh Độ, phát tâm niệm Phật là lúc gieo giống trong ao sen, người nhất tâm niệm Phật dùng mọi điều lành mà trang nghiêm, đó là lúc hoa sen ra khỏi nước. Công phu niệm Phật thành tựu, nhân duyên Tịnh Độ chín muồi, đó là lúc hoa nở thấy Phật.

Phật tử nhớ Phật, trước hết phải tôn thờ song thân, tận tâm hiếu thảo, không lãng quên ý niệm báo hiếu dù trong khoảnh khắc, luôn thuận theo tính tình của cha mẹ, xem xét sắc diện song thân trong khi phụng dưỡng, vừa thấy trái ý cha mẹ thì liền cố gắng điều hòa.

Lại nên nghĩ mạng sống của cha mẹ như đèn treo trước gió, phải đề phòng đến lúc vắng sanh. Đem tất cả duyên lành, việc tốt của cha mẹ tu hành cả đời và công đức trợ tu của mọi người tập hợp lại thành một lá sớ, thường thường đọc cho cha mẹ nghe để làm cho lòng hoan hỷ. Lại nên khuyên song thân khi ngồi, lúc nằm thường hướng về phương Tây, không quên Tịnh Độ. An trí tượng Phật A Di Đà ở phía Đông, khuyên bảo nhất tâm niệm Phật. Dâng hương, đánh khánh dẫn dắt mọi người đồng thanh hòa niệm, thường khiến cho câu niệm Phật tiếp nối không dứt, chớ để tình đời bi luyến làm mất chánh niệm. Đến lúc xả bỏ báo thân cũng cần phải chú ý. Nếu như vậy, tự nhiên được các bậc Thánh đến đón rước vắng sanh Tịnh Độ, trong hoa sen báu quyết định thành Phật.

Con hiếu thảo, hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ chính là lúc này, không nên lười biếng. Đây là việc lớn của người con hiếu phụng sự song thân lúc sắp mạng chung. Lấy việc này làm hiếu thảo mới thật là chí hiếu.

Và lại, từ xưa đến nay, người niệm Phật vãng sanh Tây phương rất nhiều, lược nêu vài điều để làm gương cho người niệm Phật: Quốc vương Ô Trường thấy Phật đến đón rước, hoàng hậu Tùy Văn nương hương lạ về Tây, bà Diệu Hạnh xin Phật đợi chờ, Tống thái tử hầu mẹ cũng vãng sanh.

Như thế, thật đáng gọi: "*Một nháy vào thẳng đất Như Lai*".

Chương 2 **BA ĐIỀU NGHI LÚC LÂM CHUNG**

Trong *Tịnh Độ Thập Môn*, Tông chủ Từ Chiếu dạy rằng: "*Người niệm Phật lúc sắp lâm chung, nếu có nghi ngờ ba điều thì không được vãng sanh Tịnh Độ:*

- *Nghi từ lúc tôi sanh ra đến giờ tạo nghiệp rất nặng, còn việc tu hành lại rất ít, e không được vãng sanh.*

- *Nghi tôi còn thiếu nợ người, hoặc có tâm nguyện chưa làm xong; tham, sân, si chưa dứt, e không được vãng sanh.*

- *Nghi tôi tuy niệm Phật Di Đà, nhưng lúc lâm chung e Phật không đến tiếp dẫn.*

Có ba điều nghi này, do vì nghi ngờ nên tạo thành chướng ngại làm mất chánh niệm không được vãng sanh. Thế nên, người niệm Phật cần phải tin chắc ý chỉ rõ ràng trong kinh Phật, chớ sanh tâm nghi ngờ. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Niệm một câu A Di Đà thì diệt trừ tội nặng của sự sanh tử trong tám mươi ức kiếp". Trên đạt được nhất tâm không loạn, dưới chỉ cần mười niệm được thành công. Phật A Di Đà tiếp dẫn về chín phẩm sen, lìa bỏ cõi đời ngũ trược. Nếu có thể tâm tâm không mờ tối, niệm niệm chẳng sai lầm thì nghi ngờ dứt hẳn, quyết định vãng sanh".

Như thế, thật đáng gọi là:

*Lộ trình mười vạn khải tay đến
Mây may nghĩ ngợi cách ngàn non.*

Chương 3 **BỐN CỬA ẢI LÚC LÂM CHUNG**

Trong *Tịnh Độ Thập Môn*, Tông chủ Từ Chiếu chỉ dạy về bốn cửa ải lúc lâm chung

rằng:

- *Một: phàm phu tuy có lòng tin niệm Phật, nhưng do nghiệp chướng xưa nặng nề, đáng lẽ phải đọa vào địa ngục; nay nhờ nương sức mạnh của Phật, nên chuyển quả báo nặng thành nhẹ, chỉ nằm trên giường bệnh. Nếu nhân bệnh khổ tử ngộ thân tâm vô thường giả dối sẽ được vãng sanh Tịnh Độ. Người vô trí không hiểu rõ việc này, lại nói ta nay niệm Phật mà mang bệnh khổ, trở lại phỉ báng Phật A Di Đà. Do một tâm niệm ác này nên vào thẳng nơi địa ngục. Đây là cửa ải thứ nhất.*

- *Hai: tuy giữ giới niệm Phật, song miệng tuy bàn Tịnh Độ nhưng ý lại lưu luyến chốn Ta bà, không cầu cần lành xuất thế. Vì yêu mê gia đình, mong mãi thịnh vượng, đến khi sắp lâm chung mắc bệnh, tham sống sợ chết, tin theo thầy tà, kêu thần gọi quỷ, đốt giấy tiền vàng mã, sát hại chúng sanh. Do tâm tà này nên Phật không nhiếp thọ bảo hộ, nhân đó trôi nổi rơi vào ba đường ác. Đó là cửa ải thứ hai.*

- *Ba: hoặc nhân uống thuốc phải dùng rượu thịt, hoặc bị thân tình nhiều lần khuyên bảo ép buộc. Người này không có lòng tin vững chắc, đánh mất căn lành, lúc lâm chung đi đến âm ty, mặc cho Diêm Vương phán định. Đây là cửa ải thứ ba.*

- *Bốn: lúc lâm chung suy nghĩ về sự nghiệp, bị trói buộc bởi tài sản, ái luyến quyền thuộc, tâm không buông bỏ được. Vì mất chánh niệm nên đọa vào đường quỷ, nương ở trong nhà, thường gây tai họa; hoặc làm chó giữ nhà, hoặc làm thân rắn để giữ gìn bảo hộ gia đình. Điều này rõ ràng như ban ngày. Đó là cửa ải thứ tư.*

Thế nên, Dương Vô Vi nói: "Ái không nặng không sanh Ta bà, niệm không thiết không sanh Tịnh Độ". Lời nói ấy thật đúng thay! Người tu Tịnh Độ cần phải xét nét, chân thật tu hành, dẹp trừ điều giả dối. Tâm tư chuyên nhất lặng lẽ thì mỗi niệm đều là Di Đà, buông bỏ toàn thân, chỉ hay giữ chặt một niệm này liền có thể phá tan bốn cửa ải. Được vậy, đài sen Tịnh Độ quả thật chẳng xa xôi!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Một câu Di Đà không niệm khác
Chẳng nhọc khải tay đến Tây phương.*

Chương 4 **LÂM CHUNG QUYẾT NGHỊ TOÁT YẾU**

Người tu niệm Phật muốn sanh về Tịnh Độ, phải thường suy nghĩ thế gian tất cả đều

vô thường, có thành tất có hoại, có sanh ắt có tử.

Nếu không tận tai nghe pháp Phật thì bỏ thân, nhận thân xoay vần trong ba cõi, bốn loài, sáu đường, không biết bao giờ được giải thoát. Nay ta có nhân duyên được nghe chánh pháp, được tu Tịnh nghiệp, nếu chỉ chuyên niệm Phật thì lúc xả bỏ báo thân này sẽ được vãng sanh Tịnh Độ, vào trong thai sen cảm nhận sự vui thích, thoát hẳn sanh tử, chẳng còn thối chuyển nơi đạo Bồ đề. Đó là việc mà bậc đại trượng phu có thể làm trong một đời.

Lúc vừa có bệnh tật, cần phải hướng về phía trước, thân tâm thận nghiên chớ nghi ngờ lo lắng, nên ngồi ngay ngắn hướng về phương Tây, chuyên tâm tưởng Phật A Di Đà, Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và vô số vị hóa Phật hiện đang ở trước mặt, nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, niệm mãi không ngừng. Đối với tất cả việc ở thế gian không nên nghĩ nhớ, không được tham luyến. Nếu tâm niệm ấy sanh khởi, chỉ cần gấp rút xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm mỗi niệm diệt trừ tội lỗi nghiệp chướng.

Nếu người bệnh hôn mê không thể tự niệm thì người săn sóc bệnh nhân nên dùng phương tiện khéo léo khuyên bảo nhắc nhở. Dụng tâm trợ giúp như thế thì đến khi người ấy qua đời, chỉ một niệm này quyết định vãng sanh Tịnh Độ. Nếu mạng chưa hết tự nhiên sẽ được an lành, cẩn thận chớ vọng khởi tâm lưu luyến thế gian. Nếu phải sống tự nhiên được sống, nếu phải chết tự nhiên sẽ chết, chỉ cần được vãng sanh, nghi ngờ lo lắng mà chi! Nếu hiểu lý này, cũng như cởi bỏ áo xấu để mặc áo tốt, vừa bỏ thân phàm liền lên đất Phật. Thật là kỳ lạ thay! Ví đại thay! Cùng tội thay! Hoặc nghe thiên nhạc, hương màu, hoặc thấy sen vàng tòa báu. Đó chính là cảnh Thánh hiện tiền, thận trọng chớ nghi ngờ là ma sự!

Trong kinh nói: "*Người tu Tịnh nghiệp nương nguyện lực của Phật, lấy việc quán tưởng tướng hảo của Phật làm cảnh, giống như người ở gần Đế vương thì ai dám xâm phạm. Huống chi Phật A Di Đà có sức mạnh đại trí tuệ, có sức mạnh đại Tam muội, có sức mạnh đại oai thần, có sức mạnh lớn phá dẹp tà vạy, có sức mạnh lớn hàng phục quân ma, có sức mạnh thiên nhân thấy xa, có ức mạnh thiên nhĩ nghe xa, có sức mạnh tha tâm thông soi thấu suốt, có sức mạnh ánh sáng chiếu khắp thân nhận chúng sanh, có sức mạnh vô lượng công đức tối thắng chẳng thể nghĩ bàn. Như thế, lẽ nào chẳng thể hộ trì người tu niệm Phật, đến lúc lâm chung khiến không có ma chướng vãng sanh Tịnh Độ hay sao?*"

Như thế, thật đáng gọi là:

*Xương tan, thịt nát chưa đến xong
Một câu thấu suốt siêu ngàn ức.*

Chương 5
**NGÀI TĂNG TẾ LÂM CHUNG
CHUYÊN TÂM QUÁN TƯỚNG TÂY PHƯƠNG**

Đệ tử ngài Huệ Viễn là Tăng Tế. Lúc sắp lâm chung, được ngài trao cho ngọn đuốc, nói rằng:

- Ông nên quán tưởng Tây phương.

Tăng Tế cầm đuốc chuyên tâm quán tưởng tướng hảo Phật A Di Đà, nhiếp tâm không loạn động. Lại thỉnh chúng tăng tụng kinh *Quán Vô Lượng Thọ*. Đến canh năm, Tăng Tế trao đuốc cho Nguyên Bặc rồi nằm nghỉ. Khi tỉnh dậy bảo rằng:

- Tôi nằm mộng thấy Phật A Di Đà đưa tay tiếp dẫn. Tôi phải đi đây!

Nói xong nằm nghiêng bên phải mà vắng sanh.

Việc ấy nếu chẳng phải do sự huân tu Giới, Định, Tuệ thì làm sao có thể thần nhiên tự tại nơi bờ mé sanh tử?

Như thế, thật đáng gọi là:

*Được lối liền đi không ngăn ngại
Thong dong qua khỏi ải tử sanh.*

Chương 6
**VĂN LÂM CHUNG CHÁNH NIỆM VẮNG SANH
CỦA HÒA THƯỢNG THIỆN ĐẠO**

Tri Quy Tử hỏi hòa thượng Thiện Đạo:

- Việc quan trọng ở đời không gì hơn sanh tử, một hơi thở ra mà không trở lại liền qua đời sau, một niệm sai lầm liền rơi vào luân hồi. Trước con đã được nghe dạy bảo pháp niệm Phật vắng sanh, nghĩa lý rất rõ ràng, nhưng lại e khi chết đến, tâm thức tán loạn, đồng thời cũng lo người khác làm loạn động chánh niệm mà quên mất nhân duyên Tịnh Độ. Cúi mong thầy chỉ dạy phương pháp thẳng tắt để thoát nỗi khổ trầm luân!

Sư đáp:

- Hỏi rất hay! Tất cả người mạng chung muốn vắng sanh Tịnh Độ, cần phải không được sợ chết. Thường nghĩ thân này nhiều đau khổ, bất tịnh, nghiệp ác trùng trùng xen tạp. Nếu được bỏ thân hình nhơ nhớp này, siêu sanh Tịnh Độ thì thọ hưởng vô lượng niềm vui, giải thoát con đường khổ đau sanh tử. Như vậy mới vừa ý, ví tựa cõi bỏ

chiếc áo nhơ xấu thay vào y phục quý đẹp. Chỉ nên buông bỏ thân tâm, đừng sinh lòng lưu luyến.

Hễ gặp lúc có bệnh thì nghĩ nhớ về vô thường, một lòng đợi cái chết đến. Dặn dò người nhà, người lo bệnh và người tới lui thăm viếng rằng: "Khi đến chỗ tôi, nên niệm Phật cho tôi, không được nói chuyện tạp nhạp hàng ngày, việc tốt xấu trong nhà, cũng không nên dùng lời an ủi chúc lành. Đó đều là những lời vô ích giả dối".

Nếu bệnh nặng sắp chết, quyến thuộc không được khóc lóc rơi lệ và phát ra lời than thở áo não, hoặc loạn tâm thần mất đi chánh niệm, chỉ nên đồng thanh niệm Phật trợ giúp vãng sanh, đợi khi hơi ấm hết rồi mới có thể bi ai than khóc. Vừa có may may tâm luyến tiếc thế gian, liền trở thành chướng ngại chẳng được giải thoát. Nếu được người hiểu rõ Tịnh Độ, thường đến nhắc nhở thì rất là may mắn. Người y theo đây chắc chắn siêu sanh không nghi.

Lại hỏi:

- Tìm thầy uống thuốc có được không?

Đáp:

Tìm thầy uống thuốc ban đầu không ngại, nhưng thuốc chỉ có thể trị bệnh, không trị mệnh. Mệnh nếu hết thuốc làm được gì? Nếu giết hại sinh vật làm thuốc để cầu thân thể an ổn thì quyết định không được. Phần nhiều tôi thấy người đời nhân lúc bệnh nên trì trai mới được thuyên giảm. Còn việc trị bệnh mà làm rượu thịt, máu huyết để dùng thuốc, bệnh ấy sẽ càng thêm nặng. Thế nên biết, tin rằng Phật lực có thể cứu, rượu thịt chẳng ít gì.

Hỏi:

- Việc tế thần cầu phước thì thế nào?

Đáp:

- Mạng người lâu dài hay ngắn ngủi đều do nghiệp định, sao lại nhờ quỷ thần kéo dài được? Nếu mê hoặc tin theo tà, sát hại chúng sanh, cúng tế quỷ thần, chỉ tăng thêm tội lỗi nghiệp chướng, trở lại làm tổn thọ mà thôi. Sinh mạng nếu hết, ma quỷ làm được gì? Tự sợ hãi vô ích, đều không giúp được chi cả. Phải rất cẩn thận. Nên chép văn này dán phía trước người bệnh cho họ thường thấy, để đến khi lâm nguy khỏi quên mất chánh niệm.

Hỏi:

- Người bình thường chưa từng niệm Phật có dùng pháp này được không?

Đáp:

- Pháp này tăng tục, nam nữ, người chưa niệm Phật sử dụng đều được vãng sanh, quyết định không nghi. Tôi thấy người đời trong lúc bình thường, phần nhiều thường niệm Phật, lễ bái phát nguyện cầu sanh Tây phương rất chuyên cần, nhưng đến khi bệnh lại sợ chết, hoàn toàn chẳng nói gì về việc vãng sanh giải thoát, mãi đến khi hơi dứt mạng hết, thần thức đi vào cõi U minh mới đánh chuông niệm Phật. Như vậy, cũng giống như kẻ cướp ra khỏi nhà rồi mọi người mới hô to lên thì làm được việc gì?

Chết là việc trọng đại, tự mình cần phải gắng sức mới được. Nếu một niệm sai lầm, muôn kiếp chịu khổ, ai thay thế cho mình?

Nên xét kỹ điều đó! Nếu lúc rảng rang phải dùng pháp này tinh tấn niệm Phật, dốc sức thọ trì. Đó là việc lớn lúc lâm chung, có thể gọi là:

*Một đường Tây phương rộng thênh thang
Thẳng tắt về nhà không cần hỏi.*

Chương 7

HÓA PHẬT ĐẾN ĐÓN RƯỚC

Trong *Tông Cảnh Lục*, có người hỏi rằng:

- Ngoài tâm không Phật, thấy Phật tức là tâm. Tại sao trong giáo lý nói có Hóa Phật đến đón rước sanh về Tịnh Độ?

Đáp:

- Phật pháp chân thật vốn không sanh diệt. Từ Phật chân thật phát khởi ra Hóa Phật để tiếp dẫn người mê. Vì Hóa Phật tức là Chân Phật nên Chân Phật và Hóa Phật vốn đồng nhất. Như thế thì không đến không đi, chỉ tùy theo tâm tưởng của chúng sanh mà ứng hóa. Và lại, bản thể của Hóa Phật tức là Chân Phật nên nói không đến không đi. Từ Chân Phật lưu xuất Hóa Phật, do đó thị hiện có sự đi lại. Ở nơi tướng không đến mà đến, nơi tướng không thấy mà thấy. Không đến mà đến giống như bóng trăng chợt hiện, không thấy mà thấy dường như mây bỗng nổi lên.

Hỏi:

- Như trên nói thể Chân Phật lặng yên chẳng động, tướng Hóa Phật không đến mà

đến. Vậy tức là ngoài tâm có Hóa Phật đến đón rước, như thế làm sao chúng tỏ tự tâm là Phật?

Đáp:

- Đó chính là sức mạnh công đức bản nguyện của Như Lai, nên làm cho những chúng sanh có duyên chuyên tâm tưởng niệm có thể khiến tự tâm thấy Phật đến đón, chẳng phải chư Phật thật sự sai Hóa thân đến tiếp dẫn. Chỉ là do có duyên, thời cơ thích hợp nên hay khiến tự tâm thấy Phật đến đón. Thế thì, thân Phật lắng yên thường lặng lẽ, không đến không đi, tâm thức của chúng sanh nương vào sức bản nguyện của Phật, một niệm biến hóa có đến có đi. Ví như bóng trong gương, tự việc trong mộng. Bóng trong gương chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; việc trong mộng chẳng phải có, chẳng phải không. Chỉ là tâm sinh, chẳng phải do Phật biến hóa.

Người tu hành có lòng tin chân thật chắc chắn, muốn vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc, chuyên nhất ý niệm nắm chặt một câu A Di Đà Phật.

- Chỉ có một niệm này là Bốn sự của ta.
- Chỉ một niệm này tức là Hóa Phật.
- Chỉ một niệm này tức là dừng tướng phá tan địa ngục.
- Chỉ một niệm này là bảo kiếm chém bầy tà.
- Chỉ một niệm này là đèn sáng xua tan tăm tối.
- Chỉ một niệm này là thuyền lớn vượt qua biển khổ.
- Chỉ một niệm này là phương pháp hay thoát khỏi sanh tử.
- Chỉ một niệm này là đường tắt ra khỏi ba cõi.
- Chỉ một niệm này là bản tánh Di Đà.
- Chỉ một niệm này thấu suốt Tịnh Độ duy tâm.

Chỉ cần nhớ một câu A Di Đà Phật này, ở nơi tâm niệm đừng bỏ mất. Niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm không rời tâm, rảnh rang cũng niệm như thế, bận rộn cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bệnh khổ cũng niệm như thế, lúc sống cũng niệm như thế, khi chết cũng niệm như thế. Được vậy thì một niệm rõ ràng không mờ tối, cần gì hỏi người tìm lỗi về?

Như thế, thật đáng gọi là:

*Đi thuyền đều do người cầm lái
Thấu đạt đồng đạo đường Niết bàn.*

Chương 8

BÀI KỆ TÁN THÁN NIỆM PHẬT LÚC LÂM CHUNG CỦA BỒ TÁT HIỀN THỦ

*Phóng ánh sáng tên là thấy Phật
Ánh sáng giác ngộ người sắp mất
Khiến họ nghĩ nhớ, thấy Như Lai
Khi mạng chung được sanh cõi Tịnh.
Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật
Dạy tạo tượng Phật, bảo chiêm ngưỡng
Khiến họ tin sâu nơi đức Phật
Thế nên thành tựu ánh sáng này.*

Sám chủ Từ Vân Thức ở chùa Thiên Trúc nói rằng: " *Bốn câu trước khen ngợi đức Phật phóng ánh sáng. Người thấy ánh sáng này gọi là thấy Phật, có thể khiến họ lúc lâm chung vắng sanh Tịnh Độ. Bốn câu sau tán thán đức Phật tu nhân về ánh sáng này. Nhân ấy chỉ là khuyên bảo người sắp lâm chung niệm Phật, dạy họ an trí tượng Phật, khiến họ thấy rồi sanh khởi lòng tin, cho nên khi thành Phật được ánh sáng này và bảo dùng bài kệ khuyên khắp mọi người tin nhận*".

Hễ gặp quyến thuộc và tất cả mọi người lúc sắp lâm chung, trước hết nên an trí tượng Phật ở trước giường, bảo họ nhìn và khuyên niệm Phật. Nếu như người bị đau khổ bức bách, hoặc trước kia không có lòng tin, chẳng chịu niệm Phật thì dùng đủ mọi phương tiện khuyên bảo họ xưng danh hiệu Phật cho đến mười niệm, ắt được diệt trừ trọng tội, sanh về Tịnh Độ của Phật. Một việc lợi ích này chẳng thể nghĩ bàn. Nếu khuyên được một người vắng sanh Tịnh Độ thì dù tự mình không tu hành tốt cuộc cũng sẽ được sanh về Tịnh Độ. Huống chi, sau này thành Phật, có thể phóng ánh sáng chiếu soi tất cả chúng sanh lúc lâm chung được thấy Phật.

Phần nhiều, người đời vì ân ái nên tụ họp lại khóc lóc, chẳng suy tư đến việc cứu độ, đó là ác tri thức. Khổ thay! Khổ thay! Vì ân ái buộc ràng mà rơi vào đường ác, không biết bao giờ giải thoát! Dù là cha mẹ hiền lành, con cháu hiếu thảo cũng chẳng biết làm sao? Lấy đó mà xét, mọi người cần phải cố gắng lên!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Nguyện khắp chúng sanh đang chìm đắm
Mau qua cõi Phật Vô lượng Quang.*

Chương 9 **TÌNH TƯƠNG NHIỀU ÍT, BÀN VỀ QUẢ BÁO CAO THẤP**

Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* nói:

Phật bảo A Nan:

- Tất cả thế gian sống chết nối nhau, sống thuận theo thế gian, chết thì đổi sang dòng khác. Khi gần mạng chung, chưa hết hơi nóng, nghiệp thiện ác một đời đồng thời hiện ra.

- Thuần là tướng thì liền bay lên, nhất định sanh về các cõi Trời, nếu bay lên trong tâm gồm có phước đức, trí tuệ cùng với tịnh nguyện, tự nhiên tâm được khai ngộ, thấy tất cả Tịnh Độ của chư Phật trong mười phương theo nguyện mà vắng sanh.

- Tình ít, tướng nhiều, cất lên không xa thì làm phi tiên.

- Tình và tướng bằng nhau, không bay lên không rơi xuống, sanh nơi nhân gian. Tướng sáng suốt nên thông minh, tình u ám nên ngu độn. Tình nhiều, tướng ít, đi vào các loại bàng sanh, nặng làm giống có lông, nhẹ làm loài có cánh.

- Bảy phần tình, ba phần tướng, chìm xuống dưới thủy luân, sanh nơi hỏa tể, chịu khí phần của lửa dữ, thân làm ngạ quỷ, thường bị đốt cháy, vì nước có thể hại mình, nên trải trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

- Chín phần tình, một phần tướng, xuống thấu qua hỏa luân, nhẹ thì sanh vào địa ngục Hữu gián, nặng thì sanh vào địa ngục Vô gián.

- Thuần là tình thì chìm sâu vào địa ngục A Tỳ; nếu trong tâm chìm sâu nơi đó, lại có lỗi hủy báng Đại thừa, phá giới cấm của Phật, nói pháp lừa dối để tham cầu tín thí, lạm nhận cung kính, hoặc phạm ngũ nghịch, thập ác thì lại còn sanh vào địa ngục A Tỳ ở mười phương.

Chương 10

LÂM CHUNG TƯỚNG THIỆN ÁC CHIÊU CẢM QUẢ BÁO

Trong kinh *Thủ Hộ Quốc Giới Chủ*, đức Phật bảo:

- Nếu người sắp lâm chung, dự biết thời khắc, chánh niệm rõ ràng, tắm gội mặc áo, an lành qua đời, ánh sáng chiếu thân, thấy tướng hảo Phật, các điềm lành đều hiện ra, biết chắc người này quyết định vắng sanh Tịnh Độ.

- Nếu người niệm Phật trì giới không có tâm tinh tấn, lúc sắp mạng chung không có tướng lành, không có tướng ác. Địa phủ không thấu, An Dưỡng chẳng nhận, như ngủ mà đi. Người này lòng nghi ngờ chưa đoạn dứt nên sanh về Nghi Thành(115), thọ hưởng vui vẻ trong năm trăm năm, tu Tánh, Nguyện thêm mới được về Tịnh Độ.

- Nếu người khởi tâm thương xót, chánh niệm hiện tiền, đối với tài sản, vợ con tâm không luyến ái, đôi mắt trong sáng, ngẩng mặt mỉm cười, nghĩ tưởng thiên cung sẽ đến rước ta, tai nghe thiên nhạc, mắt thấy đồng tử cõi trời. Lúc bỏ báo thân này, nhất định sanh về Thiên giới.

- Nếu người sanh tâm nhu nhuyến, khởi tâm phước đức, thân không bệnh hoạn, nghĩ nhớ cha mẹ vợ con, đối với việc thiện ác tâm không lầm lẫn, tâm tư ngay thẳng, di chúc gia tài từ biệt mà đi. Người này nhất định sanh về cõi người.

- Nếu người giận dữ mà nhìn quyến thuộc, đưa tay nắm bắt hư không, tiểu tiện không hay, thân thường hôi thối, hai mắt đỏ hoe, thường nằm úp mặt, co về bên trái, toàn thân đau nhức. Hoặc thấy tướng ác, miệng không nói được, rên rỉ kêu gào, oan trái hiện ra, tâm thức tán loạn, mê hoặc điên đảo, toàn thân lạnh buốt, bàn tay nắm chặt, thân cứng như đá. Người này lúc mạng chung nhất định sanh về cõi Địa ngục.

- Nếu người hay liếm môi, thân nóng như lửa, thường lo đói khát, ưa nói về ăn uống, miệng há không ngậm lại, tham luyến tài sản, mạng sống dây dưa khó dứt, chết không nhắm mắt. Người này nhất định vào đường Ngạ quỷ.

- Nếu người thân mang bệnh nặng như ở trong mây mù, tâm hồn mê man tán loạn, sợ nghe danh hiệu Phật, ưa thích ăn mùi vị máu thịt, không chịu nghe lời khuyên bảo, ái luyến vợ con, tay chân co quắp, toàn thân xuất mồ hôi, nói lời thô ác, thường nuốt nước miếng. Tướng ấy hiện ra, nhất định đi vào đường súc sanh.

CHÚ THÍCH:

(115) **Nghi Thành** Nơi sanh về của các hành giả tu các công đức bằng tâm nghi hoặc trong các cõi Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà. Hành giả dù được vãng sanh Tịnh Độ Cực Lạc, nhưng vẫn còn chưa hiểu thật tướng, nên đức Phật mới đáp ứng căn cơ của họ mà thị hiện cõi hóa sanh, đó là Nghi Thành.

Chương 11

KHUYÊN BẢO DỰ BỊ TU HÀNH MƯỜI ĐIỀU LÂM CHUNG KHÔNG THỂ NIỆM PHẬT

Phàm phu nghiệp nặng, ai nấy cũng đều tham sống sợ chết. Nếu không dự bị công phu thì lúc lâm chung không thể khắc phục được để niệm Phật. Trong *Thập Nghi Luận* của đại sư Trí Giả nói: "*Lúc sắp lâm chung, niệm Phật gọi là tâm sau cùng. Tâm này mạnh mẽ thì vừa niệm danh hiệu Phật, liền được vãng sanh Tịnh Độ*".

Bởi lẽ lúc sắp chết, tâm ấy mạnh mẽ quyết định, cho nên hơn cả trăm năm gắng sức thực hành.

Có người hỏi rằng:

- Lúc sắp lâm chung, niệm Phật liền được vãng sanh, cần gì phải dự bị tu hành nghiệp thù thắng?

Đáp:

- Đời người thọ yếu, khó lường được mạng sống ngắn hay dài, hoặc ngay khi bệnh hoạn mà hôn mê, hoặc là đột ngột qua đời. Lúc còn sống chẳng làm việc lành ắt khó tránh khỏi tai ương ở đời sau. Vì thế, cần phải dự bị tu hành mọi việc lành, đó là biết phòng ngừa lo sợ lỗi lầm này.

Mười điều lúc lâm chung không thể khắc phục để niệm Phật:

1. Chưa hẳn gặp bạn lành, nên chẳng ai khuyên niệm.
2. Bệnh khổ bức bách thân thể, tâm thần hôn mê tán loạn.
3. Trúng phong cứng họng, không thể xưng danh Phật.
4. Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng niệm.
5. Thoạt gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm tĩnh chí thành.
6. Bỗng gặp cọp sói làm kinh hoàng hết hoảng.
7. Khi lâm chung bị bạn ác phá hoại đạo tâm.
8. Ăn uống quá nhiều hôn mê đến chết.
9. Bị trúng thương thoát chết giữa quân trận.
10. Từ trên cao té xuống mà mạng vong.

Vì thế nên biết, lúc lâm chung khó bảo đảm được tốt hay xấu, nên cần phải dự bị tu tập trước!

Như thế, thật đáng gọi là:

*Lúc rảnh ra công, lúc gặp dùng
Gặp việc tay chân khỏi phải loạn.*

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYÊN CHÍN

THIÊN THỨ CHÍN
CHÁNH BÁO NIỆM PHẬT

Nhân tu bạch nghiệp, quả cảm Tịnh bang. Hóa Phật dẫn lên đài vàng, Thánh hiền đón về Cực Lạc, vượt ra ba cõi, ra khỏi bốn dòng(**116**). Nghiệp hết trần tiêu, tình quên nghi dứt, chất gởi thai sen, thần dạo nơi cõi báu. Phụng thờ Phật A Di Đà làm Bồ sư, được cùng Quán Âm, Thế Chí làm bạn lành, biến chúng thanh tịnh đồng dự đại hội

Liên Trì, chín phẩm thượng lưu đều nói về bản hạnh.

Năm phần hương thoang thoảng nơi người**(117)**, ba đức**(118)** trang nghiêm thân tướng hảo. Gió nhẹ vi vu nghe mọi âm thanh diễn pháp; mưa hoa rơi nhẹ, thấy ánh sáng tựa lưới giăng. Thăm thẳm trời mây mà chẳng cách xa do có thần túc, y tư áo lụa hứng đầy hoa đẹp cúng dường chư Phật khắp mười phương. Sớm yết kiến Từ dung, được pháp ấn mà trở về cõi nước; chiều dạo thế giới vàng kim, nghe kệ ngọc mà tiêu diêu tự tại. Sen lành vừa nở trừ diệt tai ương, tân học hóa sanh thành tựu bậc Bất thối, dứt hẳn nỗi khổ thô phù, Phật quả cũng chẳng còn xa xăm. Dạo chơi nơi rừng ngọc, tắm gội trong nước công đức. Lầu các bách thảo hoa lệ, bảy hàng cây báu trang nghiêm, phong cảnh đẹp tươi miên viễn. Đất bằng như lòng bàn tay, ẩm thực y phục tùy niệm mà đến, nhạc trời không tấu tự vang, thọ dụng tự nhiên xuất hiện. Vui vẻ khác xa nhân thế, gấp muôn ức lần chư Thiên, không sao sánh kịp.

Hằng hà sa chư Phật thảy đều khen ngợi. Thân đầy đủ tướng hảo ánh sáng, bước lên đường Thánh thềm hương, sống lâu vô lượng, bi nguyện vô cùng. Xả bỏ hai loại sanh tử**(119)**, đã chẳng phải là thân quả báo nên được Bản tế**(120)** thường tỏ sáng, rời hẳn tướng đến đi.

Duyên mạnh mẽ, đức thù thắng, đều do tâm niệm Phật phát sinh; phước đầy đủ, thọ miên trường, hoàn toàn nhờ tịnh nhân cảm thành quả báo. Nên biết, Phật có nguyện nhiếp thọ chúng sanh, chúng sanh có nhân cảm ứng với Phật. Duyên thù thắng như thế được phát khởi từ Tín, Nguyện. Do quả màu nhiệm này mà thành tựu y báo**(121)**, chánh báo[/b](122)[/b] trang nghiêm. Hoặc tọa thiền, tụng niệm bên ao thất bảo, hoặc kinh hành từng bước trên đất vàng ròng, được no lòng bởi vị ngon thiền duyệt pháp hỷ; mặc thiên y từ bi hỷ xả, công đức bồi đắp tinh thần, tăng thêm từ bi trí tuệ, ung dung hành đạo, trưởng dưỡng thánh thai, vào cửa Vô sanh, liền lên ngôi vị Bồ tát, được A bệ bạt trí, tâm Bồ đề bất thối.

Ở trong nhà đấng Pháp vương, đều nhận lời thọ ký của Như Lai, nghe pháp Đại thừa, đồng được khen ngợi là bậc Nhất sanh bồ xứ. Mỗi niệm mỗi niệm rỗng lặng, mỗi tâm mỗi tâm an tĩnh, được Tam muội chánh định, đủ sáu thứ thần thông, hiến cúng mười phương, qua lại vô ngại. Phân thân trong muôn ức cõi mà chẳng mất định tâm; rải nước pháp khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, dắt chúng sanh ra khỏi nhà rục lửa, mình và người đều được lợi ích, hạnh nguyện tất vẹn toàn.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Sinh trăm ngàn tam muội đều duy tâm
Công đức trang nghiêm về ta vậy.*

CHÚ THÍCH:

(116) **Bốn dòng:** Nguyên là Tứ lưu. Chúng sanh bị bốn dòng này khiến trôi nổi chẳng dừng nên gọi là lưu (dòng).

a. *Kiến lưu:* Tức kiến hoặc trong ba cõi. Nghĩa là ý căn đối với pháp trần sanh khởi kiến chấp phân biệt, do kiến hoặc này nên trôi nổi trong ba cõi không thể thoát ra,

b. *Dục Lưu:* Dục là tư hoặc trong cõi Dục. Năm căn do tham ái năm trần nên gọi là tư hoặc, tức tham, sân, si, mạn. Do tư hoặc này nên trôi nổi trong cõi Dục không thể thoát ra.

c. *Hữu lưu:* Hữu là nhân quả chẳng mất. Tư hoặc trong cõi Sắc và Vô sắc là tham lam, ngã mạn. Do tư hoặc này nên trôi nổi trong cõi Sắc và Vô sắc không thể thoát ra.

d. *Vô minh lưu:* Không hiểu rõ nên gọi là vô minh, tức là si hoặc trong tư hoặc của ba cõi. Do vô minh này nên trôi nổi trong ba cõi không thể thoát ra.

(117) **Năm phần hương:** Năm phần hương ví dụ như năm phần pháp thân. Bạc Thánh vô học tự mình thành tựu năm pháp công đức, gọi là năm phần pháp thân. Đó là: Giới thân, Định thân, Huệ thân, Giải thoát thân, và Giải thoát tri kiến thân. Năm thân này được ví dụ như hương thơm, nên gọi là năm phần hương, tức là Giới hương, Định Định, Huệ hương, Giải thoát hương và Giải thoát tri kiến hương.

(118) **Ba đức:**

a. *Tam đức:* Chỉ cho ba đức của Đại Niết bàn: Pháp thân, Bát nhã và Giải thoát.

Căn cứ theo *Đại thừa Nghĩa Chương* quyển 18, thì:

(a) Pháp thân: Chỉ cho chân như vốn có sẵn của tất cả hiện tượng tồn tại, hoặc chỉ cho thân được hoàn thành bằng pháp công đức.

(b) Giải thoát: Tức cởi bỏ tất cả sự trói buộc của phiền não.

(c) Bát nhã: Chỉ cho trí tuệ giác ngộ.

Sự quan hệ giữa ba đức này là ba tức một, một tức ba. Khi còn ở nhân vị thì gọi là Tam Phật tánh, khi đến quả vị thì gọi là Tam đức.

Đại Bát Niết Bàn Huyền Nghĩa, quyển thượng, phiên dịch từ "Ma Ha Bát Niết Bàn Na" là "Đại diệt độ" cho rằng "Đại" là Pháp thân, "Diệt" là Giải thoát, "Độ" là Bát nhã.

Ngoài ra, do nhân và quả đối nhau, nên Tam đức cũng có hai thứ thuận và nghịch khác nhau. Tam đức thuận là: Quả của Chánh nhân Phật tánh thành tựu đức của Pháp thân, quả của Liễu nhân Phật tánh thành tựu đức của Bát nhã, còn quả của duyên

nhân Phật tánh là thành tựu đức của Giải thoát. Trái lại, nếu do chuyển "Khổ" mà thành tựu đức Pháp thân, do chuyển "Hoặc" mà thành tựu đức bát nhã và do chuyển "Nghiệp" mà hoàn thành đức Giải thoát thì gọi là Nghịch Tam đức.

Theo tông Thiên Thai thì thuyết Tam đức đã xuất hiện trong các kinh trước kinh *háp Hoa*, nhưng Tam đức của *Pháp Hoa Viên Giáo* là phi tung phi hoành, phi tam phi nhất có thể nói khác hẳn với các thuyết trước. Đồng thời, Tam đức của *Pháp Hoa Viên Giáo* cũng có thể phối hợp với Tam Bồ đề, Tam Phật tánh, Tam Bảo, Tam đạo, Tam thức, Tam Bát nhã, Tam Đại thừa, Tam thân, Tam Niết bàn...

Ngoài ra, theo luận *Nhiếp Đại thừa* có thể chuyển năm uẩn thành ba đức, tức là có thể chuyển Sắc uẩn thành đức Pháp thân, chuyển ba uẩn Thọ, tưởng, Hành thành đức Giải thoát, và chuyển Thức uẩn thành đức Bát nhã.

b. *Tam đức*: Chỉ cho ba đức tướng của quả vị Phật là Trí đức, Đoạn đức và Ân đức.

Luận *Phật Tánh* quyển 2 giải thích Tam đức này như sau:

(a) Trí đức: Chỉ cho trí tuệ của Phật quán xét tất cả các pháp.

(b) Đoạn đức: Chỉ cho dứt diệt trừ hết tất cả phiền não, hoặc nghiệp.

(c) Ân đức: Đức do nguyện lực cứu độ chúng sanh mà ban ân huệ cho tất cả chúng sanh.

Ba đức trên đây phối với Pháp thân, Báo thân và Ứng thân, đồng thời, Trí đức và Đoạn đức có nội dung tự lợi, tự hành và tự giác, còn Ân đức thì mang nội dung lợi tha, hóa tha và giác tha.

Hoa Nghiêm Kinh Sớ quyển 12 (Đại 35, 589 hạ) nói: "Hạt giống Phật không dứt mất có tướng như thế nào? Là thành tựu Tam đức: cứu độ chúng sanh, thành tựu Ân đức; đoạn hẳn phiền não, thành tựu Đoạn đức; rõ biết các hạnh, thành tựu Trí đức".

(119) Hai loại sanh tử:

a. *Phần đoạn sanh tử*: Cũng gọi là Phần đạn tử, Hữu vi sanh tử, chỉ cho sự sanh tử của chúng sanh trong ba cõi, một trong hai loại sanh tử. Do tạo nghiệp khác nhau, nên chúng sanh chiêu cảm quả báo sanh tử trong ba cõi có thân tướng đẹp xấu, tuổi thọ dài ngắn không giống nhau, vì thế gọi là Phần đoạn sanh tử.

Theo thuyết của các nhà Duy thức, thì Phần đoạn sanh tử lấy nghiệp thiện ác hữu lậu làm nhân trực tiếp và lấy Phiền não chướng làm nhân gián tiếp mà chiêu cảm quả Dị thực thô trong ba cõi. Vì thân mạng có dài ngắn, tùy theo năng lực của nhân duyên mà quyết định hạn lượng, cho nên gọi là Phần đoạn, cũng tức là sanh tử trong ba cõi và sáu đường.

Đại Thừa Nghĩa Chương quyển tám chia Phần đoạn sanh tử làm hai loại: Ác đạo phần đoạn và Thiện đạo phần đoạn.

(a) Ác đạo phần đoạn: Chỉ cho quả báo trong ba cõi sáu đường, gồm ba bậc:

- * Sanh tử của phàm phu phải chịu, lấy ác nghiệp làm nhân, Tứ trụ địa làm duyên.
- * Sanh tử do Bồ tát Thập trụ phải chịu, lấy ác nghiệp làm nhân, Tứ trụ địa làm chánh duyên, bi nguyện là trợ duyên.
- * Sanh tử mà Bồ tát Sơ địa từ hàng chúng tánh trở lên phải chịu, lấy ác nghiệp làm nhân, bi nguyện là chánh duyên, Tứ trụ địa làm trợ duyên.

(b) Thiện đạo phần đoạn cũng có ba bậc là:

- * Sanh tử của phàm phu, Nhị thừa cho đến Bồ tát Thập trụ phải chịu, lấy thiện nghiệp làm nhân, Tứ trụ địa làm duyên.
- * Sanh tử do Bồ tát chúng tánh phải chịu, lấy thiện nghiệp làm nhân, Tứ trụ địa làm chánh duyên, bi nguyện làm trợ duyên.
- * Sanh tử mà hàng Bồ tát Địa thượng phải chịu, lấy thiện nghiệp làm nhân, bi nguyện làm chánh duyên, Tứ trụ địa làm trợ duyên. Ngoài ra còn nói rõ thứ bậc của quả báo lúc chết.

b. *Biến dịch sanh tử*: Sống chết thay đổi. Cũng gọi là Vô vi sanh tử, Bất tư nghị biến dịch sanh tử, Bất tư nghị biến dịch tử, Biến dịch tử. Một trong hai thứ sanh tử. Đối là với "Phần đoạn sanh tử", tức là các bậc A la hán, Bích chi Phật và Bồ tát đại lực, lấy "hữu phân biệt nghiệp" vô lậu làm nhân, lấy Vô minh trụ địa làm duyên mà cảm nhận được thân quả báo nhiệm mầu vượt ngoài ba cõi. Thân quả báo này là do sức bi nguyện vô lậu chuyển đổi thân Phần đoạn sanh tử thô nặng vốn có trước kia biến thành thân nhỏ nhiệm, không sắc hình, không hạn định tuổi thọ... nên gọi là Thân biến dịch. Thân này do sức định, sức nguyện giúp thành, diềudụng của nó khó lường được nên cũn gọi là thân Bất tư nghị (thân không nghĩ bàn được). Lại nữa, vì thân này do ý nguyện đại bi mà thành, nên cũng gọi là thân ý thành, thân vô lậu, thân vượt ra ngoài ba cõi. Lại vì thân này đã do sức định vô lậu chuyển thành, hoàn toàn khác với thân phận trước kia, giống như biến hóa mà được nên cũng được gọi là thân biến hóa.

Vì các bậc A la hán, Bích chi Phật và Bồ tát đại lực đã dứt bỏ hết phiền não hoặc chướng của bốn trụ địa, không còn thọ sanh thân Phần đoạn trong ba cõi nữa, mà thọ sanh thân Biến dịch ở ngoài ba cõi. Tuy nhiên sau đó, các vị ấy lại dùng thân biến dịch này trở lại trong ba cõi mà tu các hạnh Bồ tát trong thời gian dài để mong đạt đến Vô thượng Bồ đề.

(120) **Bản tế:** Lý thuyết tuyệt đối bình đẳng, cũng gọi là Niết bàn chân như.

(121) **Y báo:** Quả báo tuy theo quả báo chánh, là sự vật ngoài thân, tức những vật nương theo thân mạng của mình. Như nhà cửa, của cải, làng xóm, đất nước của mình. Như y báo của Phật Thích Ca là toàn cõi Ta bà với mọi vật trên cõi ấy. Còn y báo của Phật Di Đà là Cực Lạc thế giới với mọi thứ trên bảo.

(122) **Chánh báo:** Thân tâm của mình, do những duyên nghiệp từ trước nên sanh ra với tâm làm người, làm Tiên, làm Phật, làm Thần, làm quỷ, làm súc sanh. Như làm người thì có đủ thân thể, tay chân, mắt mũi. Làm Phật thì có đủ ba mươi hai tướng chánh, tám mươi tướng tốt phụ. Đó là chánh báo.

Chương 1 CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM

Chương *Công Đức Bồ tát* trong kinh *Vô Lượng Thọ* nói: "*Người sanh về cõi nước kia, dung mạo thấy đều nhu hòa, tướng hảo đầy đủ, thiên định trí tuệ thông đạt vô ngại, thần thông oai đức thấy đều viên mãn, vào sâu trong pháp môn, đầy đủ Vô sanh pháp nhẫn, cứu xét thấu suốt rốt ráo kho tàng bí mật của chư Phật, điều phục các căn, thân tâm nhẹ nhàng, an nhiên tịch tĩnh vào nơi Niết bàn, thâm nhập trí tuệ chân chánh, không còn những tập khí dư thừa. Nương theo Phật tu hành Thất giác chi(123) và Bát Chánh Đạo(124). Tu tập Ngũ nhẫn(125), chiếu soi Chân đế(126), thông đạt Tục đế(127). Biện tài tổng trì tự tại vô ngại, khéo hiểu vô biên phương tiện trong thế gian. Lời nói thành thật chắc chắn, thấu rõ nghĩa lý sâu xa, diễn thuyết chánh pháp hóa độ của loài hữu tình, quán xét khắp ba cõi đều rỗng không chẳng có gì, biết tất cả các pháp vô tướng, vô vi không lấy không bỏ, xa rời điên đảo, vững chắc không động như núi Tu Di.*

Trí tuệ sáng suốt như mặt trời, rộng lớn như biển cả, phái sinh ra những bảo vật công đức. Trí tuệ mạnh mẽ như ngọn lửa hùng hực đốt cháy củi phiền não. Nhẫn nhục như đất bình đẳng với tất cả. Thanh tịnh như nước, rửa sạch mọi bụi dơ; như hư không vô biên vì tất cả chẳng chướng ngại, như hoa sen ra khỏi nước vì rời tất cả ô nhiễm, như tiếng sấm sét vì diễn nói pháp âm, như mây kéo mù mịt vì tuôn mưa pháp, như gió lay động cành cây vì nẩy mầm Bồ đề, như tiếng trâu chúa vì khác hẳn với tiếng của các loài trâu khác, như uy thế của voi chúa vì khó lường xét được, như ngựa giỏi chạy vì những vật được chuyên chở chẳng mất, như sư tử chúa vì không sợ sệt, như cây Ni Câu Luật(128) vì tàng che rộng lớn, như hoa Ưu Bát La][i](129) [i]vì khó được gặp, như chà Kim cang phá vỡ núi tà, như thân Phạm vương vì sanh ra Phạm chúng, như

chim Cánh vàng vì thẳng Độc long, như chim muông trong hư không chẳng có dấu vết, như núi Tuyết vì chói sáng công đức thanh tịnh, như ngài Từ Thị(130) vì quán xét pháp giới bình đẳng.

Các vị ấy chuyên ưa thích cầu pháp, tâm không thấy đầy đủ và chán nản, thường muốn thuyết pháp rộng rãi, tâm chí không mệt mỏi, đánh trống pháp dựng cờ pháp, chiếu soi mặt trời trí tuệ, xua tan ngu si tăm tối.

Các vị ấy tu sáu pháp hòa kính(131), thường làm vị thầy dẫn đường, làm ngọn đèn sáng cho thế gian, làm ruộng phước tối thẳng an ổn quần sinh, thành tựu công đức thù thắng, ai cũng tôn trọng, cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường học chư Phật cùng chung khen ngợi, tu tập rất ráo các pháp Ba la mật của Bồ tát, xa rời địa vị Thanh văn, Duyên giác".

Đức Phật bảo A Nan:

- Các vị Bồ tát do niệm Phật nên thành tựu vô lượng công đức như thế. Ta chỉ nói sơ lược với ông, nếu nói rộng ra, dù trải qua ức kiếp cũng không cùng tận.

CHÚ THÍCH:

(123) **Thất giác chi**: Bảy Bồ đề phần, là nhóm thứ sáu trong ba mươi bảy Bồ đề phần, gồm có:

- a. *Trạch pháp*: Phân tích, biết phân biệt đúng sai.
- b. *Tinh tấn*.
- c. *Hỷ*: Tâm hoan hỷ.
- d. *Khinh an*: Tâm thức khinh an, sáng khoái.
- e. *Niệm*: Tĩnh giác.
- f. *Định*: Sự tập trung lắng đọng.
- g. *Xả*: Lòng buông xả, không câu chấp.

(124) **Bát chánh đạo**: Là tám con đường chánh để giải thoát khỏi khổ, là chân lý cuối cùng của Tứ Diệu Đế. Bát chánh đạo là một trong ba mươi bảy Bồ đề phần hay ba mươi bảy giác chi. Bát chánh đạo gồm có:

- a. *Chánh kiến*: Giữ gìn một quan niệm xác đáng về Tứ Diệu Đế và giáo lý vô ngã.
- b. *Chánh tư duy*: Suy nghĩ hay có một mục đích đúng đắn, suy xét về ý nghĩa của bốn chân lý một cách không sai lầm.
- c. *Chánh ngữ*: Không nói dối hay không nói phù phiếm.

d. *Chánh nghiệp*: Tránh phạm giới luật.

e. *Chánh mạng*: Tránh các nghề nghiệp liên quan đến sát sanh (giết hại sinh vật) như đồ tể, thợ săn, buôn vũ khí, buôn thuốc phiện.

f. *Chánh tinh tấn*: Phát triển nghiệp tốt, diệt trừ nghiệp xấu.

g. *Chánh niệm*: Tỉnh giác trên ba phương diện thân, khẩu, ý.

h. *Chánh định*: Tập trung tâm ý, đạt bốn định xuất thế gian.

(125) **Ngũ nhãn**: Chỉ cho năm loại mắt. Tức là:

a. *Nhục nhãn*: Mắt của người phạm tục.

b. *Thiên nhãn*: Mắt của người ở cõi Sắc nhờ tu thiên định mà đạt được. Mắt này có khả năng thấy biết hết mọi thứ xa gần, trước sau, trong ngoài, trên dưới, ngày đêm...

c. *Tuệ nhãn*: Mắt này có thể thấy rõ chân không vô tướng, tức là thấu suốt hết thảy hiện tượng đều là không tướng, định tướng.

d. *Pháp nhãn*: Mắt của Bồ tát. Mắt này thấy được tất cả các pháp môn.

e. *Phật nhãn*: Mắt Phật. Mắt này có đủ công năng của cả bốn loại mắt trên, thấu suốt hết thảy mọi pháp, không có gì mà chẳng thấy biết.

Trong Thiên Thai tông cho rằng Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn thuộc nhân vị. Phật nhãn thuộc quả vị. Lại tùy theo bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên mà nghĩa của ngũ nhãn đều khác. Mật giáo thì cho rằng ngũ nhãn không có hơn kém khác nhau, nhưng đặc biệt coi trọng Phật nhãn và Phật cách hóa Phật thân, gọi là Phật nhân tôn.

(126) **Chân đế**: Cũng gọi là Thắng nghĩa đế, Đệ nhất nghĩa đế. Chỉ cho chân lý xuất thế gian.

(127) **Tục đế**: Cũng gọi là Thế tục đế, Thế đế, chỉ cho chân lý thế gian.

(128) **Ni câu luật**: Tên khoa học là *Jicus Indica*. Một loại cây thuộc họ dâu, hình dạng giống cây dong, thường mọc ở Ấn Độ, Tích Lan, cao từ mười mét đến mười lăm mét. Lá hình tròn đầu dài mà nhọn. Nhánh của nó rũ xuống tận gốc thành rễ phụ, cành lá xum xuê nhưng hạt lại rất nhỏ, nên kinh điển Phật giáo thường dùng nó để dụ cho "Nhân" tuy nhỏ nhưng "quả" lại rất lớn.

(129) **Hoa Ưu bát la**: Còn gọi là Ô đàm bát la hoa, Ưu đàm ba hoa, Ô đàm bát la hoa, Ưu đàm hoa, Uất đàm hoa.

Thực vật ăn hoa thuộc họ cây dâu, sống dưới chân núi Hymalaya, cao nguyên Deccan

và Sri Lanca. Thân cây cao hơn ba mét, lá có hai loại: Loại thứ nhất trơn và phẳng, loại thứ hai thô nhám, đều dài từ mười đến mười tám phân, đầu nhọn hơi dài. Có hoa đực hoa cái khác nhau. Loại có đài hoa lớn thì như nắm tay, còn loại nhỏ bằng ngón tay cái, kết thành chùm hơn mười hoa, mọc trên thân cây, tuy ăn được nhưng vị không ngon.

Theo *Huệ Lâm Âm Nghĩa 8*, loại hoa này do điềm lành chiêu cảm, là loại thiên hoa, thế gian không có. Nếu Như Lai hạ sanh thì nhờ năng lực đại phước đức của ngài mà chiêu cảm loại hoa này xuất hiện. Vì loại hoa này ít có, khó gặp, nên trong các kinh điển Phật giáo có rất nhiều chỗ dùng hoa này dụ cho việc khó gặp Phật ra đời. Như kinh *Vô Lượng Thọ, thượng* (Đại 22, 266 hạ) ghi: "Vô lượng ức kiếp khó gặp khó thấy, giống như linh thoại đúng thời mới xuất hiện". Vì loại hoa này ẩn trong đài hoa lõm hình cái bình, cho nên thường bị nhận lầm loại thực vật không có hoa, do đó mà sinh ra các truyền thuyết.

Ở Ấn Độ, từ thời Phệ Đà đến nay, người ta thường dùng lá thô của cây này để làm mộ ha mộc, tức là làm củi đốt khi cúng tế. Trong Phật giáo, cội Bồ đề thành đạo của bảy đức Phật quá khứ đều khác nhau. Ưu đàm ba la thụ là cây Bồ đề thành đạo của đức Phật năm Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai.

(130) **Từ Thị**: Người có lòng từ, hay Di Lạc, là cách phiên âm, cũng có tên khác là Vô Năng Thắng, phiên âm Hán Việt là A Đạt Đa, là một vị Bồ tát và cũng là vị Phật cuối cùng sẽ xuất hiện trên trái đất. Trong Phật giáo Tây Tạng, Bồ tát Di Lạc được thờ cúng rất rộng rãi. Cõi giáo hóa của Bồ tát hiện nay là trời Đâu Sất. Theo kinh điển, Bồ tát Di Lạc sẽ đản sanh trong khoảng 30.000 năm nữa.

(131) **Sáu pháp hòa kính** (*The six points of harmony or unity in a monastery or convent*): Nếu viết đầy đủ là lục hòa kính, bao gồm:

- a. *Thân hòa đồng trụ (Body unity in form of worship)*: Cùng là người tu hành, cùng thờ Phật, nên tương kính nhau.
- b. *Khẩu hòa vô tranh (Oral unity in chanting)*: Cùng học và thi hành giáo pháp của đức Phật, nên nói hòa kính nhau.
- c. *Ý hòa đồng duyệt (Mental unity i faith)*: Chung một tôn chỉ là giải thoát nên ý là một.
- d. *Giới hòa đồng tu (Moral unity in observing the commandments)*: Cùng tu chung với nhau theo giới luật.
- e. *Kiến hòa đồng giải (Doctrinal unity in views and explanations)* Cùng một cách nhìn về thế giới và con người.
- f. *Lợi hòa đồng quân (Economic unity in community of goods, deeds, studies or charity)*: Được cúng dường mọi thực phẩm và vật dụng, cùng nhau thọ nhận.

Chương 2 TIỀN TU THÁNH QUẢ Ở TỊNH ĐỘ

Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Những người niệm Phật sanh về Tịnh Độ rồi, liền vào trong ao thất bảo, tắm gội thân thể trong sạch, gột rửa tình lự, ai nấy đều ngồi trên hoa sen, tự nhiên gió nhẹ thổi đến, các hàng cây báu phát ra âm thanh vi diệu, rải các loại hoa quý báu, hương là ngào ngạt, đều làm Phật sự. Người nghe vui thích vô lượng, tự nhiên tâm khai mở, tiến bước trên con đường tu hành.

Có những người ở dưới đất giảng kinh, tụng kinh, thuyết kinh, truyền kinh, nghe kinh, đọc kinh, suy xét đạo lý, nhất tâm tọa thiền, đi kinh hành. Có người ở trên hư không giảng kinh, tụng kinh, thuyết kinh, truyền kinh, đọc kinh, suy xét đạo lý, nhất tâm tọa thiền, đi kinh hành.

Trong cõi Cực Lạc, các vị đệ tử Thanh văn đều phát tâm rộng lớn. Có vị chưa đắc quả Thánh, nhân đó mà đắc quả Thánh. Có vị chưa được bậc Bất thối chuyển, nhân đó bước lên bậc Bất thối chuyển. Tùy theo tư chất của mình mà ai nấy đều có sở đắc, đều rất vui vẻ thích ý, được du hí Tam muội, làm lợi ích cho các loài hữu tình. Do tâm niệm Phật kiên cố, xưng tán bản nguyện của Phật Di Đà, nên những Phật tử vãng sanh đều được xếp vào hạng này. Trí tuệ biện tài vô ngại, thần thông như ý, tự đi thuyền thuận buồm xuôi gió, mau chóng Bồ đề, vượt qua muôn kiếp luân hồi, chư Thiên đều kính trọng".

Tịnh nghiệp thù thắng, quả báo rộng lớn rõ ràng. Thế nên, nay tôi nhắn nhủ cùng những người đồng tu không nên quên việc này. Bò, bay, máy, cựa cũng đều có phần, bậc đại trượng phu phải nên gắng sức!

Chương 3 BA MƯƠI SỰ LỢI ÍCH CỦA TỊNH ĐỘ

Tịnh Độ Quán Nghi của Đại sư Hoài Cảm nói: "Người sanh về Tây phương có ba mươi điều lợi ích:

1. Vãng sanh cõi Phật.
2. Được niềm vui pháp lớn.
3. Thân cận chư Phật.
4. Trải qua mười phương cúng dường chư Phật.
5. Tận tai nghe Phật thuyết pháp.
6. Tư lương phước tuệ nhanh chóng tròn đầy.
7. Mau chóng đạo Bồ đề.
8. Các Trời, người cùng hội tụ một nơi.
9. Không thối chuyển.

10. Vô lượng hạnh nguyện tăng tiến.
11. Chim Anh vũ, Xá lợi tuyên dương pháp âm.
12. Gió thổi hàng cây tấu diễn thiên nhạc.
13. Nước xoáy châu Ma Ni diễn thuyết pháp khổ, không.
14. Tiếng nhạc tấu diễn âm thanh vi diệu.
15. Bốn mươi tám nguyện của Phật nhiếp thọ.
16. Thân sắc vàng ròng.
17. Thân không xấu xa thấp hèn.
18. Đầy đủ sáu thứ thần thông.
19. Thường ở nơi chánh định tụ.
20. Không có các điều bất thiện.
21. Thọ mạng lâu dài.
22. Y phục và ẩm thực tự nhiên hóa hiện.
23. Chỉ thọ hưởng những điều vui.
24. Được ba mươi hai tướng tốt**(132)**.
25. Thật không có người nữ.
26. Không có Tiểu thừa.
27. Lìa khỏi tám nạn.
28. Được ba pháp nhẫn**(133)**.
29. Thân thường có ánh sáng.
30. Thân được sức mạnh kiên cố như Kim cang.

Như thế thật đáng gọi là:

*Khắp nơi đường Bồ đề
Sáng ngời rừng công đức.*

CHÚ THÍCH:

(132) **Ba mươi hai tướng tốt:** Gồm có:

1. Bàn chân bằng phẳng.
2. Chỉ dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm.
3. Ngón tay dài, trước đầu ngón tay nhỏ và nhọn.
4. Tay, chân đều mềm mịn.
5. Trong kẽ tay, kẽ chân có da mỏng như giăng lưới.
6. Gót chân tròn đầy.
7. Trên bàn chân nổi cao đầy đặn.
8. Bắp vế tròn như bắp chuối.
9. Khi đứng hai tay dài quá gối.
10. Năm căn ẩn kín.
11. Thân hình cao lớn và cân phân.
12. Những lỗ chân lông thường ánh ra sắc xanh.

13. Những lông trên mình uốn về bên phải.
14. Thân thể sáng chói như vàng thẳm.
15. Quanh mình thường có hào quang chiếu ra.
16. Da mỏng và mịn.
17. Lòng bàn chân, bàn tay, hai vai và trên đỉnh, bảy chỗ ấy đầy đặn.
18. Hai nách đầy đặn.
19. Thân thể oai nghiêm như sư tử.
20. Thân thể vuông vắn ngay thẳng.
21. Hai vai tròn tựa cân phân.
22. Bốn mươi cái răng.
23. Răng trắng trong đều nhau và khít.
24. Bốn cái răng nanh lớn hơn.
25. Gò má nổi cao như hai mép của sư tử.
26. Nước miếng đủ chất thơm ngon.
27. Cái lưỡi rộng dài, mềm mỏng, khi le ra đến chân tóc.
28. Giọng nói thanh nhã nghe xa như giọng nói của đức Phạm thiên.
29. Con mắt xanh biếc.
30. Lông mi dài đẹp.
31. Có chòm lông trắng thường chiếu sáng, mọc giữa hai chặn mày.
32. Trên đỉnh đầu thịt nổi cao như một búi tóc.

(133) **Tam pháp nhẫn:** Cũng gọi là Tam nhẫn. Tam pháp nhẫn có ba loại nhẫn.

Nhẫn nghĩa là thể ngộ, nhận thức sự lý mà tâm được an.

a. *Âm hưởng nhẫn:* Cũng gọi là tùy thuận âm thanh nhẫn, Sinh nhẫn: lắng nghe giáo pháp mà tâm được an. Đây là giai vị Thập tín, nhờ nghe pháp âm mà liễu ngộ nên gọi là Âm hưởng nhẫn.

b. *Nhu thuận nhẫn:* Cũng gọi là tư duy nhu thuận nhẫn, Nhu thuận pháp nhẫn: nhờ sự tư duy của chính mình mà được liễu ngộ và tùy thuận chân lý. Đây là giai vị Tam hiền, hàng phục các hoặc nghiệp, khiến sáu trần vô tánh không sanh ra được, cho nên gọi là Nhu thuận nhẫn.

c. *Vô sanh pháp nhẫn:* Cũng gọi là tu tập vô sanh nhẫn, Vô sanh nhẫn: khế hợp chân lý, tức Thất địa trở lên, liả tất cả các tướng mà chứng ngộ thực tướng.

Trong *Vô Lượng Thọ Kinh Ký* quyển thượng, ngài Huyền Nhất đời Đường đem Tam nhẫn phối hợp với Tam tuệ: nhờ được nghe âm giáo mà có Âm hưởng nhẫn là Văn tuệ; nhờ tùy phần điều phục tâm mà có Nhu thuận nhẫn là Tư tuệ; nhờ quán xét chứng lý Vô sanh mà có Vô sanh nhận là Tu tuệ.

có dẫn lời giải thích của ngài Nghĩa Tịch, người nước Tân La về Tam nhẫn như sau:

- a. *Ảnh hưởng nhẫn*: Nếu nghe pháp chân thật mà không kinh nghi sợ hãi, lại tin hiểu thọ trì, ưa thích thuận theo, tu tập an trụ, thì đó là Tùy thuận âm hưởng nhẫn bậc nhất. Đây là lời giải thích của phẩm *Thập nhẫn*
- b. *Tùy thuận nhẫn*: Bồ tát tùy thuận tịch tĩnh quán xét tất cả các pháp, bình đẳng chánh niệm, không trái nghịch các pháp, dùng tùy thuận vào sâu tất cả các pháp, dùng trực tâm thanh tịnh phân biệt các pháp, tu bình đẳng quán và thâm nhập đầy đủ, đó là thuận nhẫn thứ hai, gọi là Tùy thuận nhẫn.
- c. *Vô sanh pháp nhẫn*: Bồ tát không thấy có pháp sanh, không thấy có pháp diệt; nếu không sanh thì không diệt, không diệt thì không hết, không hết thì lìa cấu, lìa cấu thì không hoại, không hoại thì chẳng động, chẳng động thì vắng lặng, đó là Vô sanh pháp nhẫn.

Chương 4 THÀNH PHẬT NƠI TỊNH ĐỘ

Từ định Kim Cang trở về sau thì nhân của Bồ tát được viên mãn. Trong đạo giải thoát, quả vị Như Lai tròn đầy, đầy đủ bốn vô lượng tâm, bốn biện tài vô ngại**(134)**, mười tám pháp bất cộng**(135)**, mười lực**(136)** của Nhị thừa hiện tiền, thuyết pháp không sợ sệt, dứt hết trần sa hoặc**(137)**, thành tựu công đức vạn hạnh, đầy đủ mười hiệu**(138)**, ba thân hiển bày trọn vẹn, viên mãn chín mươi bảy tướng đại nhân, phóng ra tám vạn bốn ngàn ánh sáng, bi trí dung thông, phước tuệ đầy đủ, thị hiện nơi mười cõi Báo độ**(139)**, hay tùy muôn loài mà hóa thân, bủa mây từ rộng lớn, rưới mưa pháp khắp cùng, chan hòa pháp giới chúng sanh đều tỏ ngộ bản tâm, đồng thành tựu đạo giác ngộ chân chánh.

Tuyển Phật nếu không có mắt như thế, tông phong sao được đến ngày nay!

CHÚ THÍCH:

(134) **Bốn biện tài vô ngại**: Sự thông suốt không có ngăn ngại trong việc giảng giải. Bốn pháp vô ngại giải ấy là:

- a. *háp vô ngại giải*: Là sự diễn đạt thông suốt các pháp.
- b. *Nghĩa vô ngại giải*: Là các ý nghĩa được trình bày, giải thích một cách rộng rãi, không sai lầm.

c. *Từ vô ngại giải*: Là sự dùng từ để diễn đạt pháp rất thông suốt, không lẫn lộn.

d. *Biện vô ngại giải*: Là sự thông suốt, lưu loát trong sự biện bác.

(135) **Mười tám pháp bất cộng**: Bồ tát cùng Thanh văn, Duyên giác không có, riêng Phật có mười tám pháp này:

1. Thân không lỗi.
2. Miệng không lỗi.
3. Niệm không lỗi.
4. Không có tâm tưởng khác.
5. Không có tâm bất định.
6. Không có tâm không biết.
7. Sự muốn không giảm.
8. Tinh tấn không giảm.
9. Niệm không giảm.
10. Huệ không giảm.
11. Giải thoát không giảm.
12. Giải thoát tri kiến không giảm.
13. Tất cả thân nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
14. Tất cả khẩu nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
15. Tất cả ý nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
16. Trí tuệ biết đời vị lai không ngại.
17. Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại.
18. Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại.

(136) **Mười lực**: Chỉ cho mười trí lực của Như Lai.

(137) **Trần sa hoặc**: Lấy bụi cát để ví dụ sự mê lầm trong tâm của chúng sanh nhiều vô số. Cho nên Bồ tát phải học các pháp Phật nhiều như cát sông Hằng mới phá trừ được những mê lầm (hoặc) này.

(138) **Mười hiệu**: Mười danh hiệu của một vị Phật, thường được nhắc đến trong những bài Kinh, Luận:

1. *Như Lai*: Người đã "đến như thế" hoặc "người đã đến từ cõi chân như".
2. *A la hán*: Dịch nghĩa là Ứng cúng, người đáng được cúng dường, đáng được tôn kính.
3. *Chánh biến tri*: Dịch theo âm là Tam miệu tam Phật đà, người hiểu biết đúng tất cả các pháp.
4. Minh Hạnh Túc[/i]: Người có đủ trí tuệ và đức hạnh.
5. *Thiện Thệ*: Người đã đi một cách tốt đẹp.
6. *Thế gian giải*: Người đã thấu hiểu thế giới.
7. *Vô thượng sĩ*: Đấng tối cao không ai vượt qua.

8. *Điều ngự đại trượng phu*: Người đã điều chế được mình và nhân loại.
9. *Thiên, Nhân sư*: Bậc thầy của cõi người và cõi trời.
10. *Phật, Thế Tôn*: Bậc giác ngộ được thế gian tôn kính.

(139) **Mười cõi Báo độ**: Năm báo độ cộng với năm ứng độ thành mười độ. Báo độ là cõi nước (đất nước) do tự nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, có năm loại khác nhau là Tịnh độ, Bất tịnh độ, Bất tịnh tịnh độ, Tịnh bất tịnh độ và Tạp độ. Vì Phật đã sách hết hoặc nghiệp cả trong lẫn ngoài ba cõi, nên không có cõi nước, nhưng Phật vào cõi nước quả báo của chúng sanh để hóa độ, cho nên gọi là ứng độ. Lại vì báo độ có năm loại nên ứng độ cũng theo đó mà có năm loại, cộng thành mười độ.

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM QUYỂN MƯỜI

THIÊN THỨ MƯỜI CHÁNH LUẬN NIỆM PHẬT

Người vâng theo pháp niệm Phật, tức đã được nhờ ân đức của bậc Pháp vương. Làm sứ giả của Như Lai phải lấy việc phá tà hiển chánh, bài xích điều ác, khen ngợi việc lành, làm gương mẫu cho hậu học, làm mắt sáng cho muôn loài, đó là trách nhiệm của chính mình. Nếu chẳng thể lặng lẽ tự giữ gìn thì chỉ là người ngồi không hưởng lộc trong cửa Phật. Như thế, tuy có giảng thuyết, truyền trao nhưng cũng chẳng làm được gì. Đâu chẳng nghe, nhân lời mới được cá, thể hội giáo lý rồi sau mới tu hành. Danh tướng và giáo lý chưa được chân chánh thì làm sao thực hành? Cho nên không thể không bàn luận. Do vậy, Khổng Tử làm chánh trị tức là làm ngay thẳng những điều không ngay thẳng; lời di giáo của Phật lúc nhập Niết Bàn, cấp thiết ở chỗ sửa đổi sai lầm.

Tôi từng xét, đức Thế Tôn diễn tả chỗ không hình tướng, nói bàn về chỗ không ngôn ngữ, để giúp chúng sanh trở về bản tánh. Do đó, Đốn giáo, Tiệm giáo, Đại thừa, Tiểu thừa tràn đầy nơi Hải Tạng ở Long cung, đều là ý chỉ phá tà hiển chánh, bài xích điều ác, khen ngợi việc lành. Tất cả chúng sanh khắp nơi vâng theo sự giáo hóa của ngài mà trở về bản tánh, nhiều không tính kể.

Trong đó chỉ riêng khen ngợi Tây phương, bảo rằng con đường tu hành thẳng tắt. Bởi lẽ, Phật A Di Đà có nguyện lực rộng lớn, thâm nhiếp chúng sanh nơi Ta bà dẫn về cõi Tịnh, khiến họ bỏ giả dối mà chúng nhập vào chỗ chân thật. Do đó, chư Phật cùng khen ngợi, Bồ tát đồng tuân theo; Tổ Huệ Viễn sáng lập Liên Xả cùng tu hành, vẻ đẹp nghìn xưa không phai mờ; ngài Từ Chiếu thì biên tập *Sám Văn*, vì thế sự giáo hóa chân chánh được lưu thông khắp mười phương. Con đường Tịnh Độ thật là rộng lớn thay! Lấy Phật A Di Đà tức là bản tánh làm thể, lấy Tịnh Độ tức là Duy tâm làm tông, lấy nhân từ tức là bỏ ác tu thiện làm dụng. Ba điều ấy vốn hiển bày sự báo ứng trong

ba đời mà chế định ra. Nhất tâm rỗng lặng thấu suốt tột cùng đạo lý này, khiến cho người thấu rõ đạo lý, bỏ vọng tin việc này để trở về điều lành, lấy đây làm lời ích cho người trên kẻ dưới. Như thế, thật là trợ giúp giáo lý của Chu Công(140) và Khổng Tử, hỗ trợ cho việc giáo hóa của nhà vua, công ấy rất là to lớn. Nếu khiến cho một người có thể thực hành đạo này, rồi dạy bảo cả nhà, nhà lại dẫn dắt làng xóm, làng xóm lại truyền bá cả nước khiến đến vô cùng thì mọi người dân trong thiên hạ đều thấm nhuần đạo đức, dung hội tinh thần nơi thật tướng, không bao lâu sẽ tiến đến cảnh giới Phật, đâu chỉ trở thành thiện nhân quân tử rồi sao! Như thế, còn lo gì trung hiếu không tu tập, lễ nghĩa chẳng sáng tỏ? Lấy đó mà xét, há chẳng phải đạo của bậc Năng Nhân và đạo của Khổng Tử cùng làm trong ngoài hỗ trợ nhau để giáo hóa mọi người hay sao? Đến như các triều đại cũng vì tôn kính mà mở rộng giáo lý này. Thời tượng pháp phụng sự chẳng đúng người, mở rộng giáo lý thì tệ hại đối trá phát sinh; phụng sự chẳng đúng người thì sự thuần phát tiêu mất. Họ bèn lấy chùa to Phật lớn để khoe khoang xa xỉ, lấy tiếng tăm danh lợi no ấm để làm tài năng. Chỉ lấy số nhiều làm quý thì những kẻ khiến đạo này bại hoại cũng không ít. Cho lời nói quái lạ là hay thì ắt làm mê lầm những người nghe rất nhiều; lần lượt họ noi theo, bèn trở thành thấp hèn. Ngày lại qua ngày, đồ tía lẫn lộn, khiến cho vẻ đẹp thanh tịnh của nhân từ rộng lượng tiêu tan hết cả, do vậy mới có nhiều lời chê bai nhục báng, những hạng người này như tâm ăn một khoét. Đó là lỗi lầm của những người tôn kính và phụng sự một cách sai trái, chẳng phải lỗi của giáo pháp. Người nay phần nhiều không xét nguyên do, thấy các đồ đệ không ra gì thì phản nộ đối với giáo pháp của bậc thiện nhân. Cũng nào có lạ gì, như vì Đan Chu mà trách tội vua Nghiêu, do Thương Quân mà trách lỗi vua Thuấn(141), uống thuốc quá độ rồi quy lỗi cho Thần Nông, bỏ lửa cháy lan trở lại trách người trao đuốc.

Kẻ ngu này là người chẳng xu nịnh, có học tập Phật đạo đôi phần, đã lãnh hội sơ lược ý chỉ, có tâm nâng đỡ sự suy tàn, chẳng dám riêng tư cho mình, chỉ vì lợi ích chung cho mọi người để cứu điều tệ hại.

Từng bảo rằng, sự lợi hại của giáo môn có bốn điều:

1. Sự truyền thọ của thầy không rõ ràng, tà pháp mạnh mẽ làm mất chỗ chân thật.
2. Không thực hành giới pháp, cương thường rối loạn mà phạm giới cấm.
3. Giáo lý chưa rõ, luận bàn sai lầm trái nghĩa làm mê hoặc mọi người.
4. Không tu hạnh nguyện, mê muội đi vào lối tà, rơi trong đường ma.

Do đó, sửa đổi tên gọi rối loạn, làm mù điếc kẻ hậu học, gây ra nhiều mối hại, thật đáng thương tâm! Từ đó, những kẻ lạm dụng, một truyền mười, mười truyền trăm,

trăm truyền ngàn, lưu bố chất độc khắp cả đất nước, nhanh chóng như dùng ngựa truyền tin tức. Tại sao biết như thế? Vì thuyết chân chánh khó thực hành, thói tà vạy dễ tiêm nhiễm, đó là lẽ tự nhiên.

Than ôi! Đạo của Tổ sư đã không truyền từ lâu, mà muốn mọi người không mê lầm rất khó. Tôi tuy không minh mẫn, nhưng thật có tâm thương xót. Suy tư muốn phân tích nghĩa lý, chia chẻ rõ ràng, trình bày đầy đủ rộng rãi những điều đã nghe thuở trước, cắt đứt tà ngục, nối tiếp chánh chân, khai mở cho hàng hậu học. Nhưng hận vì không có trí tuệ biện tài, chỉ theo cái nhìn nhỏ hẹp. Do đó, nhất tâm trai giới, thành kính Tam Bảo, thưa hỏi tìm cầu đại giáo, tham khảo lời lẽ diệu huyền, theo khuôn phép để xác định chánh tông phá trừ các dị thuyết, gom lại viết thành chánh luận của pháp niệm Phật, chia chẻ chứng minh lời nói mẫu mực của Phật Tổ, tuyên cáo khắp các nơi đều bước lên con đường giác ngộ. Mong làm cho Thánh giáo bị ẩn lấp nay được sáng tỏ ra, chúng sanh tội lỗi trở lại được phước.

Có người khách đến hỏi:

- Tu hành để thấu rõ sự sanh tử của chính mình, cần gì luận bàn sự hay dở của người khác?

Tôi đáp:

- Lý không phải như thế! Đâu chẳng nghe Như Lai ra đời dùng pháp nào cũng vì lợi ích chúng sanh, Bồ tát nguyện tu hành, mảy may đâu vì chính mình. Phật tử biểu hiện đồng như ngoại đạo là vì phương tiện chuyển hóa tâm tà của người khác. Mười loại dân ma trong kinh *Lăng Nghiêm* đều do sự hiểu biết sai lầm. Mười loại nghiệp ma trong kinh *Hoa Nghiêm* là để chỉ rõ con đường chân chánh.

Than ôi! Sự tu hành tà vạy đều từ cái thấy sai lầm, nên tự cam tâm nơi con đường nguy hiểm. Gặp cảnh giới này lẽ nào ngậm miệng không lời, nghĩ họ ngu si đâu nên ngồi nhìn sa đọa. Huống chi Thế Tôn từ bi phó chúc, lưu lại đại nguyện cứu tế khắp cả người mê; Bồ tát y theo chánh pháp tu hành, thị hiện đồng sự giáo hóa khiến họ thành Phật. Đó là hạnh nguyện căn bản, lại còn nghi ngờ gì nữa!

Nếu như thấy người lạc lối mà không chỉ dẫn con đường chân chánh thì lòng từ bi đặt để nơi nào? Gặp kẻ đắm chìm mà không lo nghĩ cứu vớt thì phương tiện ở nơi đâu?

Thuận theo chánh pháp, phá dẹp tà ma, đó là việc làm của bậc đại trí? Vô thượng; điều phục chúng sanh vào nơi chánh đạo, đó là chỗ chư Phật giữ gìn. Thệ nguyện xả bỏ thân mạng, dựng lập tông chỉ chân chánh, quyết chẳng vì mình mà lãng quên lời di chúc của Phật. Chúng sanh tuy hết mà lòng từ bi càng thêm kiên cố, hư không dẫu tan

nát, nguyện tôi vẫn không cùng. Nếu gặp bậc hiền có trí thức, tất có thể giúp hoằng truyền đạo này.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Dem thân tâm phụng sự thế giới
Đó mới là đền đáp ân Phật.*

CHÚ THÍCH:

(140) **Chu Công**: Tên thật là Cơ Đán, thực chất là tước phong của Chu Vũ Vương (Cơ Phát) cho em trai mình là Cơ Đán, sau khi giúp nhà Chu (1122-156 trước Công nguyên) dành quyền thống trị Trung Hoa từ tay nhà Thương. Sau khi Chu Vũ Vương chết (sau một thời gian trị vì ngắn ngủi), Cơ Đán đã giúp cho con của Chu Vũ Vương là Chu Thành Vương xây dựng và phát triển nhà Chu thành một nước mạnh mẽ và có công xây dựng nền văn hóa Trung Hoa rực rỡ trong quá khứ. Công lao to lớn của Cơ Đán với sự phát triển văn hóa Trung Hoa khiến người ta gọi ông bằng chức vụ Chu Công (quên đi cái tên Cơ Đán), khiến nhiều người lầm tưởng Chu Công là tên thật của ông.

(141) Trong kinh *Duy Ma Kinh Lược Sơ Thùy Dụ Ký* nói: "*Bậc Thánh như vua Nghiêu, vua Thuấn, Chu Công mà có con thấp hèn như Đan Chu, Thương Quân, bất nhân như Quán Thúc, Thái Húc. Lễ nào Nghiêu, Thuấn, Chu Công lại dạy dỗ không đến nơi đến chốn hay sao?*"

Chương 1 NÓI VỀ BẢN TÁNH CHÂN NHƯ

Bản tánh chân như là tâm thể chân thật không giả dối trước khi cha mẹ sinh ta, gọi là gương mặt xưa nay. Thiên tông gọi là chánh pháp nhãn tạng. Liên tông gọi là bản tánh Di Đà, Khổng Tử gọi là Thiên lý, *Kinh Dịch* gọi là Thái cực. Tên tuy có khác nhưng thật ra đồng một bản tánh chân như. Tánh này rỗng rang mà sáng suốt, lặng lẽ mà nhiệm mầu, cùng chung cội gốc với trời đất vạn vật, trải qua muôn kiếp vẫn không tan hoại, thế giới vỡ nát nhưng bản tánh chẳng đổi dời.

Con người không thể nhận lấy bản tánh chân như này, lại bị buộc ràng nơi thể chất hòa hợp của đất, nước, gió, lửa, nên thọ nhận thân hình. Đã là máu thịt trước khí thì mờ mịt nơi tâm thể thanh tịnh bản nhiên, đến khi sanh ra lại bị ngũ dục lục trần làm si mê điên đảo, mê muội nơi tánh thiên chân(142) sẵn có. Do đó, đức Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là dẫn dắt mọi người bỏ vọng về chân. Song, pháp thẳng tắt dễ thực hành chỉ có một môn niệm Phật. Người tu pháp này, tâm không tán loạn, chánh định hiện tiền, đó là trở về bản tánh.

Nay, có một hạng người không cứu xét đạo lý, lại đem pháp tu dưỡng của đạo môn, mạo danh lạm xưng là Liên tông. Nói bừa khí là chủ nhân, dạy người chuyển tinh vận khí, lao nhọc gân cốt, dụng thân tâm một cách uổng phí, cam chịu đau khổ mà rốt cuộc chẳng được gì.

Tôi từng xem Trương Tử Dương nói về tinh, khí, thần của đạo môn, vốn là nguyên tinh, nguyên khí, nguyên thần vốn có trước trời đất. Nguyên tinh chẳng phải là tính của dâm dật, nguyên khí chẳng phải là khí nơi hô hấp, nguyên thần chẳng phải là thần nơi suy nghĩ. Kẻ ngu không hiểu rõ ý này gọi là chấu là chuông. Mắt đã không sáng thì lý chẳng thấu đạt, dù dỗ những người có lòng tin, một mực tạo tác ở trên đây da hôi thối, mê muội đối với Phật tánh chân thật, nói càn đó là tu hành. Thật đáng buồn thay!

Nay tôi tuyên cáo với tất cả những người đồng tu, cần phải nên chính chắn cứu xét mà niệm Phật để tỏ ngộ nguồn chân. Nếu như tự mình thấy tỏ tường thì mỗi pháp mỗi pháp hiện tiền, đó gọi là thấy tánh thành Phật. Một niệm sai lầm, cách xa như trời với đất.

CHÚ THÍCH:

142) **Thiên chân**: Chân lý tự nhiên không do tạo tác.

Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoảng Thuyết, quyển I (Đại 46, 143 hạ) nói: "Lý chẳng phải tạo tác nên gọi là thiên chân".

Chương 2

PHÂN BIỆT RÕ THÂN TÂM CHÂN VỌNG

Nói về thân thì có Pháp thân, có Sắc thân. Truyền Đại sĩ nói rằng: "*Trí tỏ rõ cảnh chân thật, cùng tận pháp làm thân nên gọi là Pháp thân. Thân do cha mẹ sanh ra, hư huyền không thân nên gọi là Sắc thân*".

Nói về tam thì có chân tâm, vọng tâm. Chân tâm sáng suốt nhiệm màu, rỗng rang linh thông, nên gọi là chân tâm. Theo cảnh sanh diệt, chợt có chợt không nên gọi là vọng tâm. Tổ sư khuyên niệm Phật Tam muội, ở trong chân tâm của chính mình lưu xuất một câu A Di Đà, mỗi niệm mỗi niệm quán chiếu, mỗi pháp mỗi pháp dung thông, như thế gọi là: "*Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, ở trong một niệm thành tựu Phổ Hiện Sắc thân Tam muội*".

Thời nay, có một hạng người chẳng biết chân vọng, nhận lầm sắc thân là ta, lấy vọng niệm làm cứu cánh. Phần nhiều là hít thở xoa bóp, làm dáng làm vẻ mà hy vọng thành

đạo, không phải là sai lầm lắm sao! Thật đáng gọi là bỏ vàng ròng, lượm ngòi gạch.

Nói chung, người học đạo cần phải phân biệt rõ thật giả,, cho nên trong Tông Cảnh Lục nói: "Tu đạo lấy tâm làm tông, cần phải xét nét chính chắn đạo lý cứu cánh. Từ mặt hữu tình giới, chân vọng dường như phân chia, không thể cho là đồng nhau. Có người lạm dụng Viên Giác, vàng và khoáng đều đốt thì mới phân biệt thật giả, cát và gạ đều nấu thì sống chín khác nhau. Tam thừa mộ đạo, cái thấy có khác, lầm nhận vọng tâm làm chân thật. Vì như nhận giặc làm con, bị cướp hết tài sản; cho mắt cá là ly châu, làm mê mờ mắt trí huệ. Bèn khiến cho những kẻ ngu si rơi vào trùng quan khó thoát, những người tà hiểm chìm đắm trong dòng sống kiến chấp, đùa giỡn trong căn nhà cũ mục rục lửa, quên khổ đau, quên mệt mỏi; nằm mộng lớn trong đêm dài mà chẳng biết lúc tỉnh. Mê tâm mê tánh đều do chấp vào suy nghĩ phan duyên làm tâm mình, bỏ quên chân tâm mà dính mắc vào nơi thanh sắc. Đó là lỗi lầm của phàm phu và ngoại đạo.

Hoặc có những người học giáo pháp, học Thiền tông, chấp vào phương tiện của Phật, như mắc vào lưới không thể thoát ra được. Năm thừa(143) đối với Bốn cơ(144), vượt qua một niệm hiện giờ mà chạy xa ba a tăng kỳ, luống công nhọc nhằn trong Đại kiếp(145). Rồi Bảo sở ngưng trệ mãi nơi Hóa thành, mệt mỏi trên con đường dài xa. Đó là lỗi lầm mê muội đi theo vọng tâm, không thấu suốt chân tâm.

Bài Phú về tâm của thiền sư Vĩnh Minh nói:

*Tánh chẳng tạo tác, Lý thật dung thông
Người thấu rõ, ngay nơi động mà tĩnh
Kẻ mê muội cho Tây là Đông
Mặc biển cạn non dời, cũng chưa phải sức lực vô vi
Dẫu đi mây đạp nước, đều là thần thông hữu lậu
Phân biệt ngọc, cần phải rõ chân
Tìm kiếm châu, nước nên lóng lặng
Nếu hướng ngoại cảnh để tìm tâm
Nào biết hoa đốm là do mắt nhắm
Thuận Pháp giới tánh, thuận chân như tâm.*

Như thế thì nhanh chóng vào biển đại từ bi của Như Lai. So với những kẻ dính mắc hình tướng và tu hành trên đây da hôi thối, lẽ nào có thể cùng bàn luận được?

CHÚ THÍCH:

(143) **Năm thừa:**

- Nhân thừa:* Tức lợi ích thiết thực ngay trong đời này và cả đời sau.
- Thiên thừa:* Tức giáo pháp dạy chúng ta tu để được sanh về cõi trời.
- Thanh văn thừa.*

d. *Duyên giác thừa*: Hai giáo pháp này đều dạy chúng ta tu để giải thoát sanh tử.

e. *Bồ tát thừa*: Tức giáo pháp dạy chúng ta tu vừa lợi mình vừa lợi người, cuối cùng đều đi đến giác ngộ giải thoát.

(144) **Bốn cơ**: Bốn căn cơ:

a. *Cơ Trời, Người*: Không làm điều ác, thực hành các việc lành.

b. *Cơ Nhị thừa*: Chán ghét sanh tử, ưa cầu Niết Bàn.

c. *Cơ Bồ tát*: Trước làm lợi ích mọi người, từ bi nhân ái.

d. *Cơ Phật*: Đối với tất cả các pháp quán xét lý Trung đạo thật tướng, chấm dứt mọi mê lầm, vượt khỏi sanh tử.

(145) **Đại kiếp**: Vốn là đơn vị thời gian rất dài của Bà la môn giáo ở Ấn Độ thời xưa. Về sau, Phật giáo dùng theo và coi đó là thời gian không thể tính toán được bằng năm tháng.

Chương 3 **BIỆN MINH TAM BẢO**

Trong giáo lý nói:

*Các đức Phật mười phương
Những kinh điểm viên mãn
Tặng Đại thừa Bồ tát
Công đức khó nghĩ bàn!*

1. **Đồng thể Tam Bảo** nghĩa là lý chân như tự tánh bản giác, gọi là Phật bảo; đức dụng khuôn phép tự tánh chân chánh, gọi là Pháp bảo; hòa hợp không tranh cãi, tự tánh thanh tịnh, gọi là Tăng bảo.

2. **Xuất thế gian Tam Bảo**: Nghĩa là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân, tùy loại ứng hiện đó là Phật bảo; giáo nghĩa Lục độ, Tứ đế, Duyên sinh đó là Pháp bảo; Bồ tát Thập địa(**146**), Tứ hướng(**147**), Ngũ quả(**148**) gọi là Tăng bảo.

3. **Thế gian trụ trì Tam Bảo**: Nghĩa là tranh vẽ, hình tượng Phật, gọi là Phật bảo; kinh sách giáo lý gọi là Pháp bảo; những người cạo tóc, mặc áo nhuộm, gọi là Tăng bảo. Người trở về nương tựa Tam Bảo thì chư Thiên hộ trì; người cúng dường Tam Bảo, được phước điền vô lượng.

Nay có những kẻ ngu không hiểu, ngụy soạn kinh *Chân Tông Diệu Nghĩa*, nói càn: tinh là Phật bảo, khí là pháp bảo, thần là tăng bảo. Lần lượt truyền trao học tập, đến nỗi khiến cho những người lành tin theo tà thuyết này chẳng còn tôn kính Tam Bảo. Thật đáng thương xót!

Nếu như không tôn kính Thế gian Tam Bảo ắt tự mê muội tâm mình, đã tự mê muội tâm mình thì quên mất bản tánh, làm sao đạt được Đồng thể và Xuất Thế gian Tam Bảo? Tự dối gạt mình còn có thể, lại đi dối gạt người khác, đó gọi là: làm lầm lạc con đường chân chánh của Người và Trời, làm mù tối đôi mắt của Nhân Thiên, mê muội đối với giáo lý nhân quả chân thật, khiến lu mờ nếp tinh thuần Định Tuệ. Sự tai hại lỗi lầm không gì hơn điều này!

Đức Phật nói: "*Tất cả chúng sanh nếu không trở về nương tựa Tam Bảo thì muôn kiếp rơi vào đường ác*". Huống chi, ngài Từ Chiếu biên tập từ nơi kinh điển soạn thành Sám nghi, khiến cho người học y theo nghĩa lý vi diệu sâu xa trong kinh điển Đại thừa. Từ thân này cho đến lúc thành Phật, vì chúng sanh trong pháp giới trở về nương tựa Phật thường trụ, trở về nương tựa Pháp thường trụ, trở về nương tựa Tăng thường trụ. Người tốt có lòng tin chân chánh đã được nghe, nghe rồi đọc tụng lễ bái, cố nhiên tự tôn kính, tự tin tưởng. Ngay nơi tâm kính tin này, bắt đầu có thể gần gũi nơi Phật đạo.

Nếu thấy tất cả các tượng Phật, nên khởi ý tưởng là Như Lai, thấy tất cả kinh giáo nên sinh ý tưởng khó gặp gỡ, thấy tất cả Tỳ kheo nên khởi ý tưởng là Tổ sư. Phải nên lễ bái cúng dường không được xem thường, dùng sự trang nghiêm của Phật mà trang nghiêm mình, như thế Nhất thể Tam Bảo duy tâm đầy đủ.

Nếu như chấp vào cái thấy thấp kém, chẳng rõ cội gốc, vọng tin theo tà giáo, làm nghi ngờ lầm lạc người sau, tất tự chuốc lấy trầm luân chìm mãi trong nẻo ác. Đó là lỗi của ai?

CHÚ THÍCH:

(146) **Thập địa:** Mười giai vị Bồ tát nói trong kinh *Hoa Nghiêm*:

1. *Hoan hỷ địa:* Giai vị mới lên bậc Thánh, liền sanh tâm hoan hỷ.
2. *Ly cấu địa:* Giai vị lìa bỏ tâm sai lầm, phá giới, phiền não cấu.
3. *Minh địa:* Giai vị nhờ thiên định mà được ánh sáng trí tuệ, tu Tam huệ văn, tư, tu khiến cho chân lý dần sáng tỏ.
4. *Diệm địa:* Giai vị lìa bỏ kiến giải phân biệt của ba địa trước, dùng lửa trí tuệ thiêu đốt củi phiền não, nhờ đó mà giác ngộ được bản thể trí tuệ.
5. *Nan thắng địa:* Giai vị đã được chánh trí nên khó có thể siêu xuất được nữa.
6. *Hiện tiền địa:* Giai vị nghe Bát nhã Ba la mật, hiện tiền sinh khởi đại trí.
7. *Viễn hành địa:* Giai vị tu hạnh Vô tướng, tâm tác dụng xa lìa thế gian. Giai vị này trên không còn Bồ đề để cầu, dưới không cầu chúng sanh để cứu độ, do đó mà chìm đắm trong Vô tướng tịch diệt, có cái lo không thể tu hành. Đây gọi là nạn Thất địa trầm không.
8. *Bất động địa:* Giai vị không ngừng sanh khởi trí tuệ Vô tướng tuyệt đối, không bị phiền não làm lay động.

9. *Thiên huệ địa*: Bồ tát dùng năng lực vô ngại để thuyết pháp, hoàn thành hạnh lợi tha, là giai vị mà tác dụng trí tuệ được tự tại.
10. *Pháp văn địa*: Giai vị được đại Pháp thân, có năng lực tự tại.

(147) **Tứ hướng**: Hướng nghĩa là đang tiến lên, hướng tới quả vị, gồm: Tu đà hoàn hướng, Tư đà hàm hướng, A na hàm hướng và A la hán hướng.

(148) **Ngũ quả**: Năm quả vị. Chỉ cho bốn quả hữu vi, sáu nhân sanh ra và một quả vô vi nhờ đạo lực mà chứng được. Đó là:

- a. *Quả Đẳng lưu*: cũng gọi là quả Y, quả Tập.
- b. *Quả Di thực*: Cũng gọi là quả Báo.
- c. *Quả Ly hệ*: Cũng gọi là quả Giải thoát.
- d. *Quả Sĩ dụng*: Cũng gọi là quả Sĩ phu, quả Công dụng.
- e. *Quả Tăng thượng*

Trong năm quả trên, quả Ly hệ thuộc về quả vô vi, bốn quả còn lại thuộc quả hữu vi. Theo luận *Câu Xá*, trong bốn quả hữu vi thì quả Đẳng lưu là từ hai nhân Đồng loại và Biến hành trong sáu nhân mà sanh ra; quả Di thực thì từ nhân Di thực mà ra; quả Sĩ dụng từ hai nhân Câu hữu và Tướng ứng mà ra; quả Tăng thượng thì từ nhân Năng tác mà ra, còn quả Ly hệ thì không do sáu nhân sinh ra, chỉ nhờ đạo lực mà chứng được Trạch diệt vô vi.

Nhưng luận *Thành Duy Thức* thì cho rằng năm quả là do mười nhân và bốn duyên sinh ra. Trong đó, quả Di thực là do nhân dắt dẫn, nhân sinh khởi, nhân định dị, nhân đồng sự và nhân không trái nhau sinh ra; quả Đẳng lưu thì từ nhân dắt dẫn, nhân sinh khởi, nhân nhiếp thọ, nhân dẫn phát, nhân định dị, nhân đồng sự và nhân không trái nhau sinh ra; quả Ly hệ thì từ các nhân: nhiếp thọ, dắt dẫn, định dị, đồng sự và không trái nhau sinh ra; riêng quả Tăng thượng thì do cả mười nhân sinh ra; còn quả Sĩ dụng thì hoặc từ các nhân: quan đãi, nhiếp thọ, đồng sự, không trái nhau sinh ra hoặc do các nhân: quan đãi, dắt dẫn, sinh khởi, nhiếp thọ, dẫn phát, định dị, đồng sự và không trái nhau sinh ra.

Chương 4 **BIỆN BIỆT THẤY NGHE HIỂU BIẾT**

Bậc Cao đức ngày xưa nói: "*Ở nơi thai gọi là thân, ở nơi đời gọi là người, ở nơi mắt gọi là thấy, ở nơi tai gọi là nghe, ở nơi mũi thì ngửi mùi, ở nơi lưỡi thì luận bàn, ở nơi tay thì nắm bắt, ở nơi chân thì đi chạy. Hiện khắp của bao trùm pháp giới, thân nhiếp lại ở một vi trần. Người tỏ rõ thì biết là Phật tánh, kẻ không hiểu gọi là linh hồn*".

Gần đây, có một hạng người ngu không biết nghĩa lý của Phật, ngằm ở trong pháp giới của ta chuyên lấy việc truyền thọ làm tông, nói càn nơi sáu căn thấy tánh, chỉ tứ đại

sắc thân là thể Phật, tự lập ba mươi sáu quan, bảy mươi hai tín, ghép vào những việc quái dị, lừa dối làm mê hoặc người lành. Nói càn rằng: thịt bên này máy động thì ai đó sẽ đến, chỗ bên kia đau đớn thì việc gì đó đã xảy ra, nói rằng biết trước kiết hung họa phúc. Người ngu nghe được cho là Phật pháp linh cảm, hết lòng tin tưởng, bố thí cúng dường, truyền bá lời nói tà mị này, ghi nhớ trong lòng chưa từng tạm bỏ.

Đâu biết rằng, tánh Phật chân thật thanh tịnh lặng yên, vì có thân hư vọng nên có vọng thức, che lấp bản tánh, chẳng thấy ánh sáng trí tuệ. Một niệm tâm rỗng không gọi là ngộ đạo, kinh *Lãng Nghiêm* nói: "*Thấy biết mà lập thấy biết là cội gốc vô minh; thấy biết mà không lập thấy biết, đó là Niết bàn*".

Vì thế, Tổ sư lập giáo chỉ lấy niệm Phật Tam muội làm chánh tông, chưa từng có mảy may pháp thật để ràng buộc người. Đâu ngờ, kẻ thế tục ngu mê chẳng rõ tông chỉ, bỏ trung hiếu không thực hành, trái nhân nghĩa không tu tập, giả danh Liên tông, thực hành những pháp khác biệt, tham cầu âm thầm cảm ứng, lấy việc kỳ quái để mê hoặc người. Thế nên, tạo thành những việc tà ma yêu mị, dựa vào thân người nhiều loạn chánh tín, do đó đều bị ma nhiếp phục. Thật đáng buồn thay!

Người tu Tịnh nghiệp nên khéo léo xét suy chánh tà, lấy việc cứu xét tâm tánh làm bổn phận, phân biệt xác đáng, tin tưởng thành thật, nhớ Phật niệm Phật, nguyện sanh về Tịnh Độ, cẩn thận chớ mong cầu điều gì khác. Thiền sư Vĩnh Minh nói:

*Chớ chọn lá cành, nên tìm cội gốc
Bỗng nhiên vô minh chợt tan
Lặng lẽ tình trần tự dứt.*

Như thế, thật đáng gọi là:

*Thẳng tận đầu nguồn tìm dấu Phật
Chọn lá tìm cành ta chẳng kham.*

Chương 5

PHÁ TRỪ VỌNG THUYẾT HỌA PHƯỚC

Chánh pháp của Phật Tổ lấy bản tánh Di Đà làm thể, lấy Tín, Nguyện niệm Phật làm tông, lấy việc tự mình tu hành và giáo hóa mọi người làm dụng. Đó chính là lời nói khôn phép của Phật Tổ, làm mẫu mực cho người sau.

Thường bảo rằng âm thanh là Phật sự, đốt đèn là đạo tràng, việc ấy vốn chỉ là pháp môn phương tiện để đưa Quyền trở về Thật. Gần đây, người học mê mờ bỏ mất tông chỉ, tham chấp sự tướng, chẳng tuân theo giáo lý, hướng ngoại làm càn, mắt tâm không sáng, cạnh tranh nhau xưng làm sư trưởng. Đây thật là việc tệ hại trong pháp môn, hoặc tìm quý khiêu giống như đồng bóng, hoặc xưng là Di Lạc hạ sanh, hoặc nói chư thiên dựa xác, hoặc trên ánh sáng của ngọn đuốc thấy thần thấy quỷ, hoặc ở trên

khói hương đoán kiết đoán hung, làm mờ mịt ba ánh sáng, lừa dối thánh hiền, lường gạt xóm làng, mong cầu lợi dưỡng. Đến khi hỏi họ về hạnh nguyện chân thật thì ngậm miệng không lời, chẳng rõ cội gốc bản tánh Di Đà, cuồng loạn cả đời đều là dối trá, đã tự làm mê lầm chính mình, lại còn làm lầm người khác. Thật đáng buồn thay! Thế nên, kinh *Lăng Nghiêm* nói: "*Này thiện nam tử! Do ứng theo tâm ái, khi ấy thiên ma được tiện lợi, phi tinh dựa vào người, bói móc lỗi người, không sợ lời chê bai, ưa nói trước việc họa phúc, đến lúc xảy ra không sai tơ hào. Những người ngu mê lầm cho là Bồ tát, gần gũi cúng dường. Những người này phá giới luật của Phật, âm thầm làm việc tham dục, đó gọi là tinh mị đã sống lâu nhiều kiếp. Quỷ thần có sức mạnh lớn lâu năm thành ma, nã loạn người này. Người ấy chẳng biết ma dựa, lại cho rằng chứng Thánh, đến khi loài ma kia sanh tâm chán nản, bỏ thân thể họ đi, bấy giờ thầy và đệ tử đều bị luật pháp trừng trị. Ông nên cảnh giác trước để khỏi đọa vào luân hồi, mê hoặc không biết gì thì rơi vào địa ngục Vô gián*".

Than ôi! Những người tốt mới phát tâm chẳng phân biệt thật giả, tin theo tà thuyết kia, chẳng lo gìn tâm tích đức, vọng tưởng cầu phước mà bị họ làm lầm lẫn. Tôi nghe rằng: "*Gia đình tích lũy điều lành ắt có dư niềm vui, gia đình tích lũy điều ác thì có thừa tai họa*". Thế nên, kiết hung họa phúc do nơi lòng người, sao có thể xu nịnh để mong cầu giàu sang, cầu thả tránh bừa tai họa? Thiền sư Vĩnh Minh nói:

Ác từ tâm khởi, tợ sắt rỉ tự hủy hoại mình

Thiện từ tâm sanh, như châu phát sáng mà soi lại châu thế

Do đó, tôi khuyên những người lành khởi tâm làm việc phải nên chọn đạo thực hành, chọn lễ để theo, chọn bạn giao du, chọn nơi mà ở, chọn thầy tôn thờ, thận trọng giữ tâm, nơm nớp gìn tiết tháo, niệm niệm không mê mờ, chẳng sơ thất đối với lễ tự nhiên để thực hành giáo pháp Tây phương, còn những việc xem đuốc bàn họa phúc chớ nên tham dự!

Chương 6

BIỆN MINH VỀ CHẤP KHÔNG

Nói không là để phá trừ sự chấp trước vào cái có. Bậc đại giác Thế Tôn khai thị chánh pháp, muốn khiến cho tất cả mọi người biết rõ vạn pháp trong thế gian đều rỗng không, tự tỏ ngộ chân không của bản tánh.

Chân không là pháp giới của Như Lai, là bản tâm của chúng sanh. Không mà chẳng không, có mà chẳng có. Người ngộ được chỗ này, ở trong chỗ chẳng có mà vận dụng khó báu của nhà mình. Nếu dò xét thì vô cùng, sử dụng thì vô tận, gọi đó là đạo vi diệu Nhất thừa, chớ chẳng phải là không ngộ.

Nay, có một hạng người ngu khăng khăng nói không, bác không nhân quả. Mỗi bước thực hành đều ở nơi có, nhưng trên môi nói toàn là không. Lại bảo uống rượu, ăn thịt

chẳng ngại Bồ đề; trộm cắp, hành dâm không chướng Bát nhã. Dọc ngang phóng túng, dong ruổi điên cuồng, chê bai Phật, hủy báng kinh, xem thường tất cả, bừa bãi không còn phép tắc. Lấy đó cho là tông thừa, khinh lờn Thánh hiền, tự xưng đặc đạo. Những người như thế đâu đâu cũng thấy; đó là điều mà ngài Huyền Giác gọi:

*Đắm ngoan không, bác nhân quả
Mờ mịt rồi ren chuốc ương họa.*

Kinh Lăng Nghiêm nói: "*Nếu tâm dính mắc vào không thì có mà Đại Lực Không nhập vào tâm. Người ấy không biết đó là do ma dựa, miệng nói kinh pháp mà ngấm ngầm thực hành tham dục, hủy báng kinh điển hình tượng, làm mê lầm rối loạn mọi người, khiến ai nấy đều rơi vào đường tà. Khi loài ma sanh tâm chán nản thì bỏ thân thể người ấy, bấy giờ thầy và đệ tử đều bị pháp luật trừng trị. Lúc mạng chung, làm quyến thuộc của ma, khi nghiệp ma hết, đọa vào địa ngục Vô gián*".

Than ôi! Cách Phật đã xa, diệu pháp không còn, di đoan sinh khởi, trái ngược đại nghĩa, không vướng vào có thì mắc nơi không. Vướng vào có thì chấp danh tướng, dính hữu vi, bám chặt vật ngã, câu nệ kẻ oán người thân, bó buộc nơi giáo lý cạn cợt, đánh mất nghĩa cao sâu; mắc vào không thì mê muôi nhân quả, lẫn lộn thiện ác, dứt bỏ giới luật, trái ngược lễ nghĩa. Bởi vì chẳng rõ Trung đạo mới là điều thiện tốt cùng.

Có người hỏi rằng:

- Sao gọi Trung đạo?

Đáp:

- Có cũng chẳng vướng, không cũng chẳng không. Không chẳng rời có, có chẳng rời không, oán thân bình đẳng, vật ngã ngang bằng, nhân quả rõ ràng, thiện ác minh bạch, giới luật được ứng dụng, lễ nghĩa được thực hành, thấu suốt giáo lý cạn cợt, tận cùng nghĩa lý cao sâu.

Trung đạo rộng lớn thay! Là tên gọi khiến vạn vật nhiệm màu, là danh từ xứng hợp với bản tánh. Nếu thấu suốt lý này thì không rơi vào chỗ thiên lệch. Như thế, gọi là được chánh định niệm Phật.

Chương 7 **BIỆN MINH TƯỚNG HỢP NHẤT**

Kinh Kim Cang nói: "*Như Lai nói tướng hợp nhất tức chẳng phải tướng hợp nhất, đó gọi là tướng hợp nhất*".

Bởi người đời mê mờ tánh nhất chân, chạy theo trần cảnh, tức chẳng phải tướng hợp

nhất. Người trí thấy rõ chân tâm chính mình, dứt bỏ trần lao, trở về tỉnh giác. Một tâm niệm giác cùng với pháp giới chân không của mười phương chư Phật hợp nhau, đó tức là nghĩa lý tướng hợp nhất. Thiền sư Huyền Giác nói: "*Tánh ta cùng hợp với Như Lai*". Phàm phu không rõ lý này, tham chấp sự tướng, tự mình vọng chấp chặt tình tâm ý thức cùng hợp với sơn hà đại địa, tường vách ngói gạch, mê mờ đối với chân không lý tánh, như thế tức sai lầm. Lục Tổ nói: "*Tâm thấy được điều gì thì chẳng phải là tướng hợp nhất, tâm không thấy có được gì cả tức là tướng hợp nhất*", chính là nói về lý này.

Nay, có những người ngu chẳng hiểu rõ Phật pháp, ở trong giáo pháp của ta nói càn: "Vợ chồng là tướng hợp nhất", thật là quá sai lầm! Bởi lẽ, tình cảm vừa sanh, trí tuệ bị ngăn cách; tư tưởng vừa biến hiện, bản thể đã sai khác, bị nghiệp chướng làm lụy, ương họa sâu dày, trái ngược nhân, mê muội quả, hiểu sai lầm Thánh điển, hủy báng làm ô nhục giáo môn. Tịnh nghiệp chánh tông đâu dung thuyết ấy! Người chân thật tu hành, cần giữ vững lòng tin chân chánh, chuyên niệm Phật A Di Đà, ở trong một niệm chẳng vướng vào tướng, nội tâm ngoại cảnh tỏ sáng nhất như, tự nhiên thâm phú hợp với chân lý. Cho nên, thiền sư Phật Quả Khắc Cần dạy chúng rằng: "*Mọi người các ông chỉ trong hai mươi bốn giờ, trên chẳng thấy có chư Phật, dưới chẳng thấy có chúng sanh, bên ngoài chẳng thấy có sơn hà đại địa, bên trong chẳng có sự thấy nghe hiểu biết thiện ác, tốt xấu, nhồi thành một khối, mỗi mỗi nêu ra, không còn cái thấy khác*". Đó tức là nghĩa lý tướng hợp nhất rõ ràng phân minh.

*Nguyệt dù thành lửa, nhật thành băng
Ma nào phá được chân giáo thuyết.*

Đó chính là con đường lớn dẫn đến đạo, yếu quyết chân chánh để tỏ ngộ tông chỉ.

Chương 8 **BIỆN MINH SONG TU**

Song tu là tu phước và tu huệ. Trong giáo lý nói: "*Tu phước không tu tuệ thì mang thân voi được trang sức anh lạc; tu tuệ không tu phước thì La hán chẳng có đầy đủ vật cúng dường. Trang nghiêm cả hai phước và tuệ mới có thể thành tựu chánh giác*". Bậc cao đức ngày xưa nói: "*Phước không thể không làm, tuệ không thể không học*".

Long Thơ Tịnh Độ nói: "*Người tu Tịnh Độ tuy chuyên lấy niệm Phật làm sự thực hành, nhưng cũng cần phải gồm tu phước tuệ mới mong được sự, lý dung thông*".

Bên trong thì tu tuệ hàm dưỡng rất ráo, thấu suốt cội nguồn, khiến cho trí tuệ tăng trưởng, rộng lớn bao trùm khắp hư không, không việc gì mà chẳng biết, không vật gì mà chẳng chiếu soi. Bên ngoài thì tu phước, từ bi phương tiện, nhu hòa khéo tùy

thuận, làm lợi ích giúp đời, thấy tất cả mọi người đều cung kính như nhau, tùy căn cơ thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, làm tất cả việc lành. Đó là phước tuệ song tu.

Nay, có một hạng người ngu, thường thực hành giáo lý khác lạ, đối xứng là đệ tử của Liên tông. Họ chỉ dạy song tu sai trái, âm thầm làm việc dâm dục, tạo nghiệp địa ngục, làm cho người tốt bị mê lầm, chìm đắm trong dục lạc, cam chịu rơi vào vực sâu hiểm ác. Như thế, thật quá sai lầm! Chúng đích thực là loài hồ mị yêu tinh, nào khác gì súc sinh! Kinh *Lăng Nghiêm* nói: "*Nếu các chúng sinh không có tâm dâm thì không theo dòng sanh tử. Ông tu chánh định vốn muốn ra khỏi trần lao mà không trừ bỏ tâm dâm thì trần lao không thể ra khỏi. Dù có nhiều trí huệ ắt phải rơi vào đường ma, thượng phẩm thường làm ma vương, trung phẩm làm ma dân, hạ phẩm làm ma nữ.*

Các người tu hành, trước phải đoạn trừ dâm tâm. Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh quyết định bậc nhất của Thế Tôn và chư Phật thuở trước. Nếu không đoạn dứt dâm dục mà tu về Bồ đề, cũng như nấu cát muốn thành cơm, dầu phải trải qua trăm ngàn kiếp rốt cuộc vẫn chẳng được gọi là cơm. Ông lấy thân dâm dục mà cầu quả Phật nhiệm mầu, cho dù được diệu ngộ nhưng đều là cội gốc của dâm dục. Cội gốc đã là dâm dục thì xoay vần trong ba đường, rốt cuộc không thể thoát ra được. Vậy thì Niết bàn của Như Lai từ con đường nào tu chứng? Thế nên, phải khiến cho sự dâm dục của thân và tâm đều dứt, tánh đoạn dứt cũng không thì đối với quả Bồ đề của Phật mới có thể mong đợi. Như những điều ta nói, đó gọi là lời Phật nói, trái lại tức là lời của ma Ba Tuần(149).

Nay, khuyên Bồ tát tại gia nên y theo giới luật tu hành, đừng phạm vào tà vạy sai quấy, tâm thanh tịnh ít dục, phước huệ song tu, hồi hướng về Tây phương, *Long Thơ Tịnh Độ* nói:

*Tu phước, lại tu tuệ
Tin sâu, niệm Di Đà
Sẽ sinh Thượng Thượng phẩm
Chắc chắn chẳng còn nghi.*

Nếu không như thế thì muốn được cơm mà lại nấu cát là phí sức, gánh củi vào lửa nhất định rước họa về thân!

CHÚ THÍCH:

(149) **Ma Ba Tuần**: Ba Tuần Du, Ba Tỳ (Pāpiyān, Māra Pāpīmān - The evil one, the murderer who wants to kill all goodness) Ma Ba Tuần, Trung Hoa dịch là Ác giả, là người ác; Sát giả, là kẻ giết hại pháp thân huệ mạng của người thiện, kẻ lúc nào cũng theo phá hoại những người thực hành điều lành, tu tập chánh pháp.

Chương 9 BIỆT MINH BA XE

Phẩm *Thí dụ* trong kinh *Pháp Hoa* nói: "*Nếu có những chúng sanh tư nơi Phật nghe pháp tin nhận, ân cần tinh tấn cầu Nhất thiết trí, Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí, giống như những người con kia vì cần xe trâu mà ra khỏi nhà lửa*".

Nên biết các người con là chỉ cho chúng sanh, nhà lửa dụ cho ba cõi, ba xe dụ cho ba thừa. Như Lai thấy chúng sanh ở trong ba cõi không thoát ra được nên nói pháp ba thừa, dẫn dắt khiến họ thoát khổ não. Ví như các người con đùa giỡn trong nhà lửa, Trưởng giả dùng ba thứ xe để dẫn dụ họ thoát ra.

Có hạng người ngu mê giả dặt nói rằng: Văn Thù hỏi Phật, vọng bảo: tánh là xe trâu, tâm là xe dê, còn ý là xe hươu. Lại nói xe trâu chở diệu pháp, xe dê chở liên hoa, xe hươu chở kinh. Thật là thượng vị để hồ hiểm quý trên đời, gặp bọn người này trở thành độc dược.

Kinh *Pháp Hoa* là vua các pháp, được chư Phật hộ niệm, đâu thể bàn luận bừa bãi như thế! Chẳng ngờ tà sư hiểu lầm, lấy quấy làm phải, lấy phải làm quấy, pháp lại nói là phi pháp, phi pháp lại nói là pháp, lừa dối mọi người, hủy báng Phật pháp. Như thế, há chẳng phải là mang tội lớn ngũ nghịch hay sao? Kinh *Pháp Hoa* nói: "*Nếu có người hủy báng kinh này, nên biết người ấy sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ đầy đủ một kiếp, hết kiếp lại thọ sanh, lần lượt như thế cho đến vô số kiếp. Từ địa ngục ra sẽ rơi vào loài súc sanh, do hủy báng kinh này nên mắc tội như thế*".

Xét kỹ những điều này thật đáng xót xa. Vì thế mà tôi dám dùng lời chân thật tuyên cáo thống thiết với các đạo hữu. Nay ở trong tâm của chính mình mà khai thị ngộ nhập Tri kiến Phật thì tâm này thanh tịnh như hoa sen nở, đó gọi là Pháp Hoa Tam muội. Người tỏ ngộ lý này tức là ngòi xe trâu trắng ra khỏi nhà lửa Tam giới. Đâu không thấy thiền sư Pháp Đạt tham kiến Lục Tổ trình kệ:

*Tụng kinh ba ngàn bộ
Tào Khê một câu quên
Chưa rõ ý xuất thế
Nào dứt sự điên cuồng.
Dê, hươu, trâu tằm đặt
Đầu, giữa, sau khéo bày
Ai biết trong nhà lửa
Nguyên là bậc Pháp vương.*

Lúc ấy, Lục Tổ bèn nói bài kệ chứng minh:

*Tâm mê Pháp Hoa chuyển
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa
Tụng lâu không thấu suốt
Nơi nghĩa thành oán thù*

*Vô niệm, niệm là chánh
Hữu niệm niệm thành tà
Nếu hiểu được như thế
Ngồi mãi Bạch ngư xa.*

Nếu như người mê muội chấp chặt không phản tỉnh tất tự chuốc lấy trầm luân. Tôi chẳng biết làm thế nào nữa!

Chương 10 **BIỆN MINH BA QUAN ẨM**

Ba quan ảm là lời dạy chúng của thiền sư Đâu Suất Duyệt:

Nhọc hẳn tìm cầu thiện tri thức chỉ mong thấy tánh. Hiện nay bản tánh của Thượng tọa ở đâu?

Rõ được bản tánh thì phải thoát sanh tử. Lúc sanh tử đến thì làm sao thoát được?

Thoát được sanh tử phải biết chỗ đi. Khi tứ đại phân ly thì đi đâu?

Thế nên, người thấu suốt quan ảm, chẳng còn bị ràng buộc bởi sanh tử, người tỏ rõ đạo lý nào này ắt không trở ngại việc đến đi. Do vậy, những tông lâm trong thiên hạ, các bậc đại Tôn Túc đều xét thấu cội nguồn nên có thể hoàn toàn minh bạch, ý chỉ rõ ràng, quyết không có những thuyết khác lạ.

Nay, có hạng người ngu mê, vọng chỉ ba đờn điền nơi thân người là ba quan ảm ở bên trong, dạy người vận chuyển khí huyết gọi đó là thấu qua ba quan ảm. Lại nói rằng: từ chân đến hông, ba chỗ đau đớn là ba quan ảm ở bên ngoài, vọng lấy chỗ đó mà đoán định lúc lâm chung. Thế gian phần nhiều truyền bá tập làm theo, ai nấy đều đi vào đường tà!

Xét kỹ, giáo lý niệm Phật là pháp môn thẳng tắt, chỉ dạy người tu hành ở trong hai mươi bốn giờ trì niệm một câu A Di Đà, tư tưởng chuyên nhất lặng lẽ, lại có thể soi sáng mình xem cái gì là bản tánh Di Đà của ta, khi tứ đại phân ly sẽ đi về đâu? Thường có mỗi nghi ngờ này thì một hôm bỗng nhiên rõ được, liền biết chỗ tốt cùng. Ngay đó tức là con đường chân chánh tu hành, tinh lực trực tiếp. Ngoài chỗ này ra, vừa có dính dáng đến mảy may dị thuyết thì liền rơi vào rừng rậm tà kiến.

Than ôi! Kẻ ngu mê trái chân theo vọng, thật đáng thương xót! Nếu như tin được điều này, cắt đứt dây mơ rễ má, ắt mở sáng con mắt, thấu suốt đất trời, nhìn thấu tâm tưởng là vọng.

Chương 11 BIỆT MINH ĐẠI THỪA, TIỂU THỪA

Bậc đại Pháp vương kiến lập sự giáo hóa, thâm nhiếp mọi căn cơ. Mỗi mỗi giáo pháp được lập ra đều có tác dụng, luật Tiểu thừa giống như quyền hạn của lễ bộ hình bộ; Đại thừa giống như đảm trách việc cầm cân nảy mực để được quân bình; làm những việc phước giống như vị quan trông coi việc vận chuyển lương thực; soạn thuật giống như người nắm giữ lời nói của nhà vua, trăm quan lại trong quốc gia đều thực hành đầu vào đây, giống như các tông phái trong Phật giáo cùng nhau truyền bá. Nếu hiểu rõ ý nghĩa này, đâu còn chấp vào dị đoan. Cần phải lường xét tài năng của mình, tùy sức truyền bá rộng rãi. Gặp thời làm lành cứu giúp mọi người, lúc khốn cùng chuyên lo tu tập. Tuy ai nảy truyền bá tông phong nhưng đều phát xuất từ lòng từ bi tế độ, đồng trở về biển cả hòa hợp, chung nhau ngồi trên giường giải thoát. Nếu như thế tức là kim chỉ nam trên đường mê, là bậc tuyên dương chánh pháp trong giáo môn.

Biết làm thế nào! Nguồn xa dòng khác nên đại đạo lu mờ. Người thích màu đỏ thì ghét màu tím, kẻ ưa ngọt lại ghét đắng, chưa thấu suốt chỗ viên dung, ai náy đều ở nơi chỗ y cứ của mình mà lường xét. Đâu biết chúng sanh và Phật vốn đồng nhất, bản tánh Thánh phàm bình đẳng, nhưng họ không thể trở về tự tánh bởi do mê muội đối với thân tâm, bị ràng buộc trong sanh tử.

Thế nên biết, sự xấu ác và lỗi lầm của thân nếu không có giới luật không thể kiểm soát, sự hôn trầm và tán loạn nơi tâm, nếu không có thiền định và trí tuệ thì chẳng thể tiêu trừ. Kiểm xét lỗi lầm xấu ác của thân, tiêu trừ hôn trầm tán loạn nơi tâm mà vẫn còn lo đạo không sáng tỏ, chưa thể trở về tự tánh được, hưởng chi chôn vùi trong đường tà ma, phải quấy lẫn nhau!

Hoặc nói rằng: tôi học Tiểu thừa nhưng họ lại chẳng biết trì giới, bổ thí, lễ bái, tụng niệm là pháp Tiệm tu. Hoặc nói rằng: tôi học Thượng thừa mà họ chẳng rõ yếu chỉ Di Đà tự tánh, Tịnh Độ duy tâm. Không vướng vào sự tướng thì lại rơi vào không ngờ, giống như kẻ bị mù bẩm sinh, ở vùng sâu xa, ngồi một góc chẳng biết Đông, Tây, Nam, Bắc; vọng sinh phân biệt kia sai đây đúng, kia đúng đây sai. Đó gọi là người nắm chặt đầu rắn chết, sai lầm nơi đường lối tu hành, ở nơi điều xấu ác không chừa việc gì, đối với sự hiểu biết và thực hành lại chẳng thấy gì đáng sợ, cho đến tích tập trở thành tánh, tự hủy diệt thân mình. Lúc mới học thì ngưỡng mộ Thánh hiền, nhưng rốt cuộc lại chìm trong xấu ác. Những kẻ như thế, thật đáng thương xót!

Thiền sư Vĩnh Minh nói:

*Ví như chim sẻ nào biết được tâm tư của thiên nga.
Tựa hồ ếch ngồi đáy giếng đâu lường nổi bể khơi rộng lớn.
Hoặc theo người khác mong cầu, giống như dùi bẫy tìm lừa.*

*Chỉ trở về chính mình mà hiểu rõ, cũng như từ sữa được tô.
Cần thận chớ dựng cờ ngã mạn, giăng lưới tà kiến.
Khinh lờn bậc tiên giác, làm mê hoặc người sau.*

Lời nói ấy thật chí lý, tỏ sáng tỏ vàng nhật giữa trời trong. Rộng lớn thay Phật Tổ uy linh! Người thực hành giáo pháp đâu không lo sợ, chỉ cần tin niệm A Di Đà thì có thể tránh khỏi lỗi lầm ấy.

Chương 12 **BIỆN MINH KHÔNG SANH KHÔNG DIỆT**

Bát Nhã Tâm Kinh nói: " Tướng không của các pháp không sanh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt. Cho nên, ở trong tánh không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức...".

Kinh *Duy Ma* còn nói: "*Các pháp bất thiện không sanh, pháp thiện không diệt*".

Nên biết sắc tướng có đến có đi, Phật tánh không sanh không diệt. Nay, có những người ngu mê vọng cho rằng: không sanh con nối dòng đó là chẳng sanh, không dứt đoạn tâm dục đó là chẳng diệt. Họ quấy nhiễu thế gian bằng những lfi quái dị, mê hoặc mọi người bằng việc yêu ma, thăm tà dâm với nhau làm việc bất tịnh, đoạn dứt chủng tánh Phật, rối loạn luân thường. Vì thế, kinh *Lăng Nghiêm* nói: "*Thiên nam tử! Tâm ái dục cùng cực thì phát cuồng. Tham dục mạnh mẽ thì có ma dục nhập vào tâm, một mực nói dục là đạo Bồ đề, dạy mọi người cư sĩ hành dâm không phân biệt, làm cho chúng sanh nghi ngờ lầm lạc, đọa vào địa ngục vô giá*". Bởi vì ngu mê chẳng phân biệt tịnh uế, bất giác gặp ma nên mới sinh ra nỗi khổ này. Xét khi trời đất vừa phân chia, có âm dương thì có nam nữ, có nam nữ thì có vợ chồng, có vợ chồng thì có cha con, có cha con thì có vua tôi, có vua tôi thì có đạo Tam tạng Ngũ thường**(150)**. Tam tạng là bao quát nhân luân đạo đức, Ngũ thường làm chân chánh sự giáo hóa. Đó là pháp kiến lập thế gian của Thánh nhân.

Tổ Huệ Viễn có nói: "*Người tại gia xem trọng thân thế, chăm lo cuộc sống, chưa quên chấp ngã, lấy tình dục làm vườn tược, lấy tình sắc làm chỗ dạo chơi, say đắm niềm vui ở thế gian không thể thoát ra được. Đức Phật giáo họ trở về cội gốc để tìm cầu tông chỉ, ở tại nhà mà thực hành giáo pháp, chẳng bỏ sót lễ nghĩa, phụng thờ song thân, tôn kính vua chúa. Vì thế trước dẫn dắt bằng năm giới; không giết hại giữ gìn nhân, không trộm cắp giữ gìn nghĩa; không tà dâm giữ gìn lễ, không nói dối giữ gìn tín, không uống rượu giữ gìn trí. Thân tâm đã vâng theo giới luật, sau đó mới dạy giáo pháp xuất thế, bảo tu niệm Phật Tam muội, lấy đó làm đường về Tây phương, đạt đến đạo chẳng sanh chẳng diệt*". Do đó, vương thần ngoại hộ, giáo pháp lưu bố khắp cả

thiên hạ, ngàn năm cũng như một ngày. Tại sao hiện nay, kẻ tiểu nhân và bạc quân tử lẫn lộn, độn lúa cùng chung thừa ruộng? Thật không dễ dàng phân biệt!

Vì thế, nay tôi dám đem lòng chân thành khuyên bảo khắp tất cả những người có lòng tin. Ngoài việc nhất tâm không loạn, chuyên niệm Phật Di Đà ra, hễ có hình tướng đều là sự hiểu biết tà vạy. Cần phải chính chắn chân thật tu hành, thiện thì theo, ác thì tránh; tà thì dẹp trừ, chánh thì vâng giữ. Còn như việc lập thân hành đạo và ý chỉ dừng tâm thấu suốt cội nguồn, phần trước đã trình bày đầy đủ. Nếu rõ được thì khuôn phép cũng đã nhiều rồi, tuân theo thực hành những điều này tức là quyến thuộc của pháp môn, làm trái ngược tức là đồng bọn với ma; khi sống sa vào vương pháp, lúc chết đọa xuống A tỳ, tai họa đến nhiều đời, đừng bảo là tôi không nói trước. Tại sao? Vì: "*Nếu muốn không vướng nghiệp Vô gián, đừng phỉ báng chánh pháp Như Lai*".

CHÚ THÍCH:

(150) **Tam cang Ngũ thường**: Tam cang hay Tam cương là ba giếng hay ba mối, gồm: Quân thần cang, Phụ tử cang, Phu thê cang.

- a. *Quân thần cang*: giếng mối vua tôi.
- b. *Phụ tử cang*: giếng mối cha con.
- c. *Phu thê cang*: giếng mối chồng vợ. [/i]

Ngũ thường là năm hằng, gồm: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

- a. *Nhân*: lòng thương người mền vật.
- b. *Nghĩa*: cư xử theo lẽ phải (đạo lý).
- c. *Lễ*: phép tắc tốt đẹp trong xử thế.
- d. *Trí*: năng lực hiểu biết.
- e. *Tín*: tin tưởng.

Chương 13

BIỆN MINH TÀO KHÊ LỘ

Thuở xưa, đại sư Huyền Giác đến Tào Khê lễ bái Lục Tổ được ấn chứng tâm địa. Về sau, ngài sáng tác *Chứng Đạo Ca*, nói rằng:

*Từ khi rõ được Tào Khê lộ
Mối hay sống chết chẳng tương quan.*

Đó là nói Thiên tông trong thiên hạ xuất phát từ nguồn Tào Khê, gọi là Tào Khê lộ. Tại sao có kẻ ngu mê lại chỉ bữa thân người có cặp xương sống là song quan, cho đó là một phái Tào Khê? Lại nói càn Lục Tổ bảo rằng:

*Thà độ cư sĩ ngàn ngàn vạn
Chẳng độ cửa không nửa ông Tăng.*

Những kẻ như thế không chỉ làm mê lầm người sau, mà còn vu không cho bậc Thánh thuở trước. Đâu chẳng nghe ngài Huyền Giác nói:

*Đầu tiên Ca Diếp đèn tâm truyền
Hai tám đời Tổ sư Tây thiên
Pháp sang Động Độ vào Trung thổ
Bồ Đề Đạt Ma làm sơ Tổ
Sáu đời truyền y, thiên hạ nghe
Người sau được đạo nhiều vô số.*

Như thế, lẽ nào lại có việc chỉ độ cư sĩ mà không có độ người xuất gia hay sao?

Than ôi! Bọn tà vọng không biết lai lịch, trộm danh của Tổ sư làm thành kiến giải tà ma yêu mị, khiến cho người tốt mê lầm, đúng là kẻ mù dẫn bọn đui kéo nhau vào hầm lửa!

Tôi biết đức hạnh chân thật của Tổ sư, vì thế xưng tán truyền bá. Tôi biết tội Xiển đề bạc phước, phi báng tông ta, vì thế mà lo sợ. Tôi nay còn biết rất lo sợ, huống chi những kẻ phi báng đạo của bậc Thánh sư, lừa dối hậu học, sao lại có thể không lo sợ?

Các ông nên nhanh chóng diệt trừ tà ngụy, sửa đổi thành chân chánh. Chớ để tôi phải thêm xấu hổ!

Chương 14 **BIỆN MINH PHẬT PHÁP ẨN DẤU**

Phật pháp là đạo xuất thế, là pháp vô vi. Kinh *Niết Bàn* nói: "*Như Lai khai phát hiển bày thanh tịnh không khuất lấp. Người mê không hiểu bảo là dấu kín, người trí thấu suốt thì chẳng gọi là ẩn dấu*".

Có một hạng người ngu mê nói bừa rằng: "Pháp quan thì rõ ràng, pháp Phật thì ẩn dấu". Ngụy soạn một loạt lời tà, đóng cửa truyền trao, gọi đó là quyển sách huyền bí về sanh tử (sanh tử áo điển). Họ làm mê hoặc người sau, đến chết cũng không nói cho người rõ, cho nên lúc sắp lâm chung, kéo dài dây dưa. Giống như người nghèo nhặt được một miếng thiết mà gọi là vàng ròng, ở trước người sáng mắt làm sao dám đưa ra? Tự không biết sai lầm mà còn khoe khoang hiểu biết, đúng là lừa dối người khác lại còn tự lừa dối mình! Đâu biết, Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, bởi tâm thể của chúng sanh vốn đồng nhất nhưng tác dụng không giống nhau, nên đức Phật mới nói ra tất cả pháp. Tổ sư cũng nói: "*Bình, mâm, nhẫn, xuyên vốn cùng một chất vàng; danh tướng bất đồng, bản thể không hai*".

Than ôi! Thời mạt pháp phát sanh nhiều sự gian tà, thường thường bỏ mất bản thể, trao chuốt lời nói khéo léo, làm dáng làm vẻ lừa dối người đời. Một khi sự tà ngụy đã lưu hành, mọi người không thể phân biệt rõ được những điều chân thật. Huống chi, những kẻ ưa lợi nhỏ, lúc đến cửa hàng của người, chẳng chọn tốt xấu, chỉ mong đẹp rẻ, dễ dàng bị kẻ khác lấy tro trét mặt, lôi vào chỗ tối, tráo đổi món đồ. Đến khi mở

mắt ra thì trong tay chỉ là đất sét. Như thế còn không nhận ra, nói gì đến việc phân biệt vàng thau thật giả! Kẻ ngu vừa nắm được, liền âm thầm che dấu, cho là vật quý báu lạ kỳ sợ người khác biết. Bỗng nhiên gặp phải một người trí thức, bị họ chỉ rõ ra, chừng đó mới hay chẳng đáng một đồng tiền. Những hạng người như thế rất nhiều. Chỉ vì ngu mê phước mỏng, mắt không sáng nên một đời nghèo khó, tâm thô tháo lỗ mẫn, bởi do không gặp được bậc thầy chân chánh nên mới như thế. Đâu biết rằng, chất vàng ròng để làm nhẫn xưa nay vốn đã có. Nếu không gặp thợ giỏi nung luyện, đập nện mạnh mẽ, rèn dũa một phen, làm sao thấy được tính chất mềm dẻo của vàng lấp lánh sáng chói một khối, toàn thể đều là nguyên chất, sau đó mới tùy ý tạo ra món đồ mình muốn. Ánh sáng lấp lánh của nó chói mắt người, mãi không đổi sắc. Còn những điều khác không cần nói, đâu chẳng phải là báu vật quý nhất sau! Người tu có lòng tin chân chánh cần phải lưu tâm.

Chương 15

BIỆN MINH ÁNH SÁNG VƯỢT HƠN NHẬT NGUYỆT

Kinh Vô Lượng Thọ nói: "*Ánh sáng của Phật A Di Đà vô cùng rộng lớn, là vua trong tất cả ánh sáng của chư Phật. Cho nên ngài có hiệu là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đối Quang, Phật Diệm Vương Quang, Phật Thanh Tịnh Quang, Phật Hoan Hỷ Quang, Phật Trí Huệ Quang, Phật Nan Tư Quang, Phật Bất Đoạn Quang, Phật Vô Xưng Quang, Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang*".

Ánh sáng của ngài chiếu soi khắp cả thiên hạ, tận những nơi âm u tăm tối, làm cho đều được sáng tỏ. Chư Thiên, loài người, cầm thú, các loài bò, bay, máy, cựa thấy ánh sáng này ai nấy đều vui mừng phát sanh lòng từ, đều được giải thoát. Thế nên, chư Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác ở khắp mười phương cùng chung khen ngợi. Nhân đó ngài có tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang (đức Phật có ánh sáng vượt hơn ánh sáng của mặt trời, mặt trăng). Bởi vì mặt trời hay chiếu sáng ban ngày, mặt trăng hay tỏ rạng lúc ban đêm, tác dụng của chúng không toàn vẹn. Ánh sáng của Phật ngày đêm thường tỏa chiếu không thiếu sót, cho nên gọi là ánh sáng vượt hơn ánh sáng mặt trời, mặt trăng.

Nay, có bọn người ngu mê, chỉ dạy bậy bạ cho người, khi mặt trời, mặt trăng mọc, dùng miệng hít lấy ánh sáng nuốt vào bụng, muốn ánh sáng ấy trở thành vật báu. Lấy đó làm pháp môn bí mật của sự tu hành, gọi là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Như thế, thật rất sai lầm! Ví như vượn ngu buộc chặt hai tay mà leo lên cây bên bờ vực thẳm, xuống ao nước mò bắt bóng trăng, chỉ lao công phí sức, rốt cuộc chẳng được gì. Nếu là người trí quán xét thấu suốt, nên nhanh chóng rời bỏ, sớm tìm cầu chánh pháp để khỏi rơi vào bến mê, chuyên niệm Phật A Di Đà, cứu xét rõ tâm địa.

Đâu chẳng thấy Tổ sư nói: "*Những thứ từ cửa mà vào, chẳng phải vật báu nhà mình. Linh quang của chính mình chiếu soi trời đất, ở nơi mỗi người vốn đã thành tựu trọn*

ven". Một điểm linh quang không trong không ngoài, hiển bày khắp nơi, sáng tỏ ngay trong sự vật. Nếu có thể ngộ chỗ này, tức là một luồng ánh sáng vượt hơn mặt trời, mặt trăng của Như Lai.

Chương 16

BIỆN MINH HẠT CHÂU TRONG BÚI TÓC

Kinh *Pháp Hoa* có nói về hạt châu trong búi tóc: "*Như vua Chuyển Luân được cõi nước pháp. làm vua trong ba cõi mà các Tiểu vương không chịu thuận theo khuất phục. Bấy giờ, vua Chuyển Luân dẫn binh sáng thảo phạt. Những người chiến đấu có công thì ban thưởng cho mọi thứ, riêng có một hạt châu trên đỉnh đầu của nhà vua là không ban cho. Sau cùng nhà vua mới giao phó. Đức Như Lai cũng như vậy, thấy quân Hiền Thánh cùng ma ngũ ấm, ma phiền não, ma chết đánh nhau, diệt ba độc để ra khỏi ba cõi, phá tan lưới ma. Khi ấy đức Như Lai rất hoan hỷ vì họ nói các pháp nhưng không nói kinh *Pháp Hoa* này, đến hôm nay mới nói. Cũng như vua Chuyển Luân giữ gìn hạt minh châu đã lâu, cuối cùng mới trao cho*".

Đó là vì sau cùng Thế Tôn mới nói về pháp bảo Đại thừa, vượt lên trên các bậc Thánh, nên lấy hạt minh châu trong búi tóc của vua Chuyển Luân làm ví dụ. Hạt châu đó là trí tuệ viên mãn của chư Phật, chính là lý tánh của chúng sanh. Tỏ ngộ chỗ đó thì nhanh chóng vượt qua ba A tăng kỳ kiếp, mê lầm nơi đó thì trầm luân trong sáu nẻo.

Nay, có một hạng người ngu mê hiểu sai ý chỉ của kinh, vọng lấy việc vận khí vào đỉnh đầu làm hạt châu trong búi tóc, gọi là pháp Tối thượng thừa. Âm thầm truyền trao cho nhau, dạy người chuyển tinh vận khí đưa lên đỉnh đầu, muốn được như đức Thế Tôn trên đỉnh có Châu nhục kế. Tại sao lại ngu muội đến thế? Đâu chẳng biết nhục kế của Thế Tôn là vô kiến đánh tướng, biểu tượng cho đại pháp Nhất thừa. Vô kiến là tự mình không thể thấy, vì lìa cái thấy về mình. Khuôn phép cùng cực hướng thượng, các bậc Thánh đều không thấy được, vì rời cái thấy về người khác. Trong bài *Phú về Tâm*, thiền sư Vĩnh Minh nói: "*Pháp tòa cao lớn, Thanh văn thấp kém chẳng thể bước lên. Vững nhật chói chang, ngoại đạo, trẻ con làm sao thấy được. Không thiên không lệch, chí cực chí tôn*".

Than ôi! Kẻ ngu si chẳng biết chánh pháp, điên đảo sai lầm rối loạn, gieo tai họa tới người sau, lừa dối những người phàm phu lương thiện, làm họ rơi xuống hố sâu. Thật đáng tiếc thay!

Nay, tôi khuyên những người có lòng tin, nên cứu xét giáo lý căn bản một cách chính chắn, dốc lòng niệm Phật, hối lỗi, hiểu rõ những việc sai lầm thuở trước, thấu suốt các pháp vốn không, hạt châu trong búi tóc tự nhiên hiển hiện. Rõ ràng riêng hiển lộ, đâu nhờ tìm cầu ở nơi người khác!

Chương 17
BIỆN MINH QUẢ VÔ LẬU

Kinh *Pháp Hoa* nói: "*Các lậu đã hết, không còn phiền não*". Đó là sự tu hành của bậc Thanh văn La hán đạt đến chỗ tập khí hữu lậu đều không còn.

Vô lậu là do sáu căn của con người thường bị sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm mê hoặc. Tâm theo cảnh chuyển làm duyên hữu lậu, cho nên dòng luân hồi không ngừng nghỉ. Nếu sáu căn hành giả tự lặng lẽ, không bị sáu trần lay chuyển tức là vô lậu.

Nay, có một hạng người ngu mê, vọng đem ghen và nước mũi nuốt hết, gọi đó là tu vô lậu. Tại sao lại ngu xuẩn đến thế? Tôi từng thương xót hỏi họ rằng:

- Sáu căn bốn đại là bao máu mủ, là hang ổ của phân tiểu, ghen, nước mắt, nước mũi đều thuộc là nhớ nhớp, tại sao lại lấy ăn?

Họ đáp rằng:

- Trong thân người có bảy thứ quý báu không thể vứt bỏ. Người khéo tu tập sẽ kết thành xá lợi, chứng quả vô lậu.

Khổ thay! Khổ thay! Điên đảo như thế thật là không chịu nổi?

Lại có một hạng người lấy việc bí tinh làm vô lậu, lẫn lộn vào trong giáo pháp ta, lần lượt truyền trao tập theo, ngấm ngấm tham dục, làm bại hoại chánh pháp. Đó là yêu tinh quỷ quái đêm tụ ngày tan, là bọn ăn rau thờ ma, chẳng phải là đệ tử của Liên tông.

Những năm gần đây, có nhiều dạng như thế, làm loạn động mọi người. Kẻ nam nữ có lòng tin trong sạch chẳng hay chẳng biết bèn đi vào đường ma. Thế nên, kinh *Lăng Nghiêm* nói: "*Này thiện nam tử! Cội gốc của tâm đi soi xét tận cùng sự biến hóa của mọi vật. Thiên ma được tiện lợi, loài phi tinh dựa vào người, nói Niết bàn của Phật là nhục thân hiện tại. Cha cha, con con lần lượt sinh nhau từ đời này sang đời khác thường còn chẳng dứt, không có nơi tinh sạch nào khác. Kẻ ngu tin nhận, quên mất bản tâm, mê hoặc cho người ấy là Bồ tát. Họ thường nói mắt, tai, mũi, lưỡi đều là Tịnh Độ, hai căn của nam nữ tức là Bồ đề, hoặc ăn phân tiểu, thực hành rộng rãi việc dâm dục như ếch. Những kẻ vô tri tin theo lời xằng bậy này nên dễ đi vào hiểu biết tà vạy, đó gọi là thuốc độc. Ác quỷ nào loạn những người ấy, thầy và đệ tử đều bị pháp luật trừng trị. Ông nên biết trước điều này để chẳng đi vào luân hồi. Mê hoặc không hiểu biết thì rơi vào địa ngục Vô gián, khi họ hết nghiệp trong địa ngục lại đi vào loài súc*

sanh, ngạ quỷ'.

Nay, xét những bọn tà sư làm bậy, giả danh là giáo pháp của Phật Tổ mà tạo nghiệp ác bất tịnh, trái với nhị nghị, ngược với tam quang, phỉ báng Phật Tổ, phá hoại luân thường, lằng xằng như loài dòi ở trong phần uế. Hiện tại bị nhiều đau khổ, sau khi chết rơi vào trầm luân, quả báo tội lỗi ấy làm sao thoát khỏi? Điều đó chẳng có gì là? Không chỉ sau khi chết bị quả báo mà hiện tại, pháp luật cũng chẳng dung tha.

pi[Luận Ngữ[/i] nói: "*Dùng chánh trị để giáo hóa nhân dân, dùng hình phạt quản lý nhân dân, làm như thế nhân dân chỉ nghĩ làm sao để tránh khỏi hình phạt mà không nghĩ đến đáng xấu hổ hay không xấu hổ. Dùng đức hạnh giáo hóa nhân dân, dùng lễ trông nom nhân dân, thì nhân dân không chỉ giữ gìn pháp luật, biết hổ thẹn, mà có thể sửa đổi hướng thiện*". Lời nói ấy rất đúng.

Nay, tôi khuyên những người lành nên xét kỹ lời dạy của bậc Thánh, tự mình phải biết hổ thẹn, lo sợ sửa đổi lỗi lầm, giảm bớt tình cảm, tuyệt dứt lo nghĩ, sửa mình chân chánh để tu hành. Nếu có thể dùng lời dạy của người xưa để soi rọi tâm tư mình tự nhiên sáng tỏ, gương xưa chiếu yêu, yêu tinh tự hiện nguyên hình. Nếu chuyên tình nơi tịnh hạnh ắt tiến đến Bồ đề, quyết không lầm lẫn. Còn như không làm theo đây thì:

*Biến nghiệp Tam đồ không bờ mé
Ngàn Phật ra đời khó cứu ông.*

Chương 18 **BIỆN MINH TRÀ TRIỆU CHÂU**

Thuở xưa, hòa thượng Triệu Châu thấy vị tăng, bèn hỏi:

- Ông từng đến đây chưa?

Vị Tăng thưa:

- Đã từng đến.

Triệu Châu bảo:

- Uống trà đi!

Lại hỏi một vị Tăng:

- Đã từng đến đây chưa?

Vị Tăng thưa:

- Chưa từng đến.

Triệu Châu bảo:

- Uống trà đi!

Viện chủ hỏi:

- Người đã từng đến thôi không nói. Người chưa từng đến đây sao ngài cũng bảo uống trà đi?

Triệu Châu bèn gọi:

- Viện chủ!

Viện chủ:

- Dạ!

Triệu Châu bảo:

- Uống trà đi!

Trong tông lâm, nhân đó có công án uống trà của ngài Triệu Châu. Nay có kẻ ngu mê không rõ ý chỉ của Tổ sư, vọng tự tạo tác đem nước miếng trong miệng súc ba mươi sáu lần rồi nuốt, gọi là uống trà Triệu Châu. Hoặc có người sắp lâm chung, họ vọng chỉ dạy dùng mặt châu sa pha vào một chung trà rồi uống liền có thể chết, cho đó là thể hội ý chỉ của Triệu Châu. Thật đáng thương xót!

Lại có một bọn ma, lấy nước tiểu làm trà Triệu Châu. Tại sao lại ngu mê đến thế? Họ quả thật là loài yêu quái.

Người tu tâm chân chánh chỉ y theo bốn phận mà niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ, quyết không nên vọng đem những công án của Tổ sư bịa đặt gán ghép, đó là tội nhân hủy báng Đại Bát Nhã. Đâu không thấy nói:

*Dù cho tan thân ngàn muôn kiếp
Chớ đem Phật pháp loạn truyền trao.*

Chương 19
BIỆN MINH GIÁO NGOẠI BIỆT TRUYỀN

Thiền sư Viên Ngộ nói: "*Đức Phật ra đời ở nước Ta Tỳ La Vệ, dùng vô biên diệu dụng dẫn dắt chúng sanh, phương tiện thuận nghịch, khai mở ngăn chặn, kinh điển để lại đầy đầy trong Đại Tạng. Đến sau cùng mới lộ bày ra một cơ phong, gọi là truyền riêng ngoài giáo lý (giáo ngoại biệt truyền)*".

Từ khi ngài Ca Diếp mỉm cười tiếp nhận đến nay, sáng tỏ lâu dài. Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, chẳng lập thứ bậc, không sanh tri kiến. Bậc lợi căn thượng trí nhanh chóng vượt qua hang ổ vô minh, mau chóng thoát khỏi cội gốc phiền não, tức thời chứng ngộ được đại giải thoát. Hai mươi tám vị Tổ Ấn Độ**(151)**, sáu vị Tổ Trung Hoa**(152)** đều là bậc long tượng, tiếp độ hàng thượng căn. Thầy hay trò giỏi lãnh hội ở ngoài cung cách bình thường, ngay đó nghiệp chướng tiêu tan, tức thời nhận lấy. Tự nhiên có thể nhồi thành một mảnh, nhanh chóng khế hợp địa vị Phật, như thế còn chẳng chịu trầm mình trong ao tù nước đọng. Các ngài lại hát câu thẩu huyền diệu, vượt qua Phật Tổ, chặt đứt dây sắn dây bìm, như cầm kiếm Thái A lẫm liệt thần uy, ai dám tới gần! Bậc thiền sư chứng ngộ luận bàn xác thật, mới có tác dụng luận bàn huyền diệu, hưởng thượng hưởng hạ. Vừa có may mắn liền bị quát, mà bảo rằng chẳng phải là người kế thừa, ngay đó thành tựu trọn vẹn. Rèn luyện thành thực, thực hành chân thật mới tạm tha cho, còn e sau này họ gặp cảnh duyên ép bức không vượt qua được, đôi mắt chân chánh bị mù tối.

Than ôi! Tôi thấy có một giống chồn mù, chưa từng mộng thấy Tổ sư mà nói bừa Tổ Đạt Ma đi về không, bảo đó là "truyền pháp cứu mê tình". Thậm chí mượn danh các bậc đại tông sư như Mã Tổ, Triệu Châu để lừa gạt người sau. Còn khoe khoang Sơ Tổ quảy dép về Tây, ngài Phổ Hóa để quan tài trống mà siêu thoát. Bảo rằng những thuật ấy đều có hiệu nghiệm, gọi là pháp bí mật của sự sanh tử, hình (thân), thần (tâm) đều mẫu nhiệm, lần lượt truyền trao tập theo, mọi người đều rất ưa thích. Lo lắng lúc sắp chết hoảng sợ, tranh nhau học phương pháp trở về. Đêm giao thừa lạy bóng mình kêu chủ nhân ông, thật là dối gạt xóm làng, bày điều bịa đặt, làm cho bậc Cao nhân chê cười!

Lại có một hạng giả mượn danh kế thừa Tổ Đạt Ma, trao truyền "Thập Nhị Thời Biệt Ca" của ngài Triệu Châu, "Chuyển hăng Sa Tụng" của cư sĩ Bàn Uẩn, thầm trao truyền giữ, mong được sinh lên cõi trời, còn muốn biết trước ngày chết. Hoàn toàn chẳng hay đó là vọng tưởng, tâm tà ác kiến. Quả thật vốn là nhân lành, lại chuốc quả ác.

Thấy phần nhiều những kẻ hào kiệt bàn luận cao xa, chẳng biết căn do của tông môn, thường thường tin theo. Đâu biết, bắt chước người khác không thành, trái lại mất đi kỹ

năng của mình, vẽ cọp thành chồn! Người sáng mắt xem thấy âm thầm thương xót, lẽ nào thể chế của chư Phật và Tổ sư chỉ thế thôi sao? Rõ ràng có thể biết được, chẳng từng tự mình soi xét lại gốc ngọn. Rất nhiều người học theo đây, tập tành trở thành phong trào, thân nhiên chẳng biết đó là quái dị. Người hiểu biết sâu rộng ắt chẳng chạy theo, chỉ e rằng người hiểu biết chưa sâu, lập chí tuy chuyên, dù đã từng trải nhưng gặp kẻ tăng thượng mạn này dẫn vào rừng rậm tà kiến, một sai lầm ban đầu, mãi mãi không sao xoay lại. Những tai hại này lan tỏa rộng lớn chẳng thể ngăn chặn, do đó tôi mới thốt lên những lời này để nói cho mọi người thấy rõ. Mong rằng, người có chí nguyện nơi đại giải thoát, đại tổng trì, có thể phân biệt rõ ràng, cùng vào biển cả Nhất thiết chủng trí, dong thuyền từ tiếp độ muôn loài, làm cho đạo nhiệm màu chân chánh lưu truyền đến vô cùng tận. Như thế, thật thỏa chí lắm thay!

CHÚ THÍCH:

(151) **Hai mươi tám vị Tổ Ấn Độ:** Hai mươi tám vị Tổ sư của Thiên tông Ấn Độ. Đó là:

1. Ma Ha Ca Diếp.
2. Tôn giả A Nan.
3. Thương Na Hòa Tu
4. Ưu Ba Cúc Đa.
5. Đề Đa Ca.
6. Di Già Ca.
7. Bà Tu Mật.
8. Phật Đà Nan Đề.
9. Phục Đà Mật Đa.
10. Hiếp Tôn Giả.
11. Phú Na Da Xá.
12. Mã Minh đại sĩ.
13. Ca Tì Ma La.
14. Long Thọ đại sĩ.
15. Ca Na Đề Bà.
16. La Hầu La Đa.
17. Tăng Già Nan Đề.
18. Già Da Xá Da.
19. Cứu Ma La Da.
20. Xà Dạ Da.
21. Bà Tu Bàn Đa.
22. Ma Noa La
23. Hạc Lặc Na.
24. Tôn giả Sư Tử.
25. Bà Xá Tư Đa.
26. Bất Như Mật Đa.

27. Bát Nhã Đa La.
28. Bồ Đề Đạt Ma (kiêm sơ Tổ ở Trung Quốc).

(152) **Sáu vị Tổ ở Trung Hoa:**

1. Bồ Đề Đạt Ma (? - 532).
2. Huệ Khả (487-593).
3. Tăng Xán ((?-606)
4. Đạo Tín (580-651).
5. Hoằng Nhẫn (601-674).
6. Huệ Năng (638-713).

Chương 20

**BIỆN MINH ĐÓNG CÁC NẸO ÁC
KHAİ THỊ ĐƯỜNG NIẾT BÀN CHÂN CHÁNH**

Cửa của các đường ác chính là ba nghiệp thân, miệng, ý, nghĩa là thân sát sanh, trộm cướp, tà dâm; miệng nói dối, nói lời ác, nói lời thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều; ý tham lam, sân hận, si mê. Người tu Tịnh nghiệp tâm chân chánh hướng về đạo, đoạn dứt mười hành vi bất thiện nói trên thì không còn đi vào đường ác, gọi đó là đóng cửa các nẻo ác.

Khai thị là chỉ ra, Niết bàn là chẳng sinh, chẳng diệt, chân chánh là con đường không nghiêng lệch, tức con đường Tây phương.

Nay, có người ngu muội bảo rằng:: miệng là cửa của các điều ác, mũi là con đường Niết bàn. Dạy người sắp lâm chung, đóng chặt miệng lại khiến cho khí ra nơi mũi, gọi là một bước ra cửa. Lại vọng đem chữ "À" làm công án, dạy người dốc sức dẫn khí vào trong miệng để thấu qua cửa ải này. Hoặc bảo rằng bốn nét bao quanh chữ "À" là tửu, sắc, tài, khí, hoặc đất, nước, gió, lửa, hoặc nói sanh, già, bệnh, chết... tất cả đều là những lời nói suy đoán lường xét bừa bãi.

Than ôi! Một chữ "À" này lừa dối biết bao nhiêu người. Đâu biết rằng chữ này trong sách *Ngọc Thiên* ghi rõ là "hộ ngọa thiết", tức là chữ "A khứ thanh". Chữ "À" này trong miệng của tất cả mọi người đời đều có nói. Như kẻ bị thất lạc người hoặc đồ vật bỗng nhiên tìm thấy, bất giác phát ra một tiếng này, đó là chữ "À". Trong tông môn, phần nhiều nói chữ này là vì người tìm thầy hỏi đạo, tham cứu hai ba mươi năm, bỗng nhiên phát hiện bản tâm, thể hội được việc này, chợt kêu lên một tiếng "À". Như khi bị mất đồ vật mà tìm thấy được, thỏa thích cả đời, chính là ý nghĩa của chữ này.

Thế thì, người niệm Phật chỉ ở trong mỗi niệm chính chắn thể cứu bản tánh Di Đà,

bỗng nhiên tự thân rõ ngộ, tận mắt thấy. Thật sự đến chỗ "À" một tiếng thì tự nhiên thấu suốt. Thế nên, thiền sư Vĩnh Minh nói:

*Ngoài tâm cầu pháp, mong thạch nữ sanh con
Trên ý nghĩ suy, mong hoa trong hư không kết trái
Vốn chẳng hữu tác, tánh tự vô vi
Người trí chẳng thể vận dụng ý nghĩ
Thợ đắp tượng đâu thể tạc dung nghi
Ngôn ngữ không còn, đó là ngày được lối vẽ
Tâm tư bắt dứt, chính là lúc xả thân bỏ mạng.*

Như thế, có thể gọi là:

*Chỉ một việc này thôi
Hai thứ chẳng phải chân.*

Chương 21

BIỆN MINH BỐN LOÀI CHÚNG SANH

Thiền sư Đại Châu Huệ hải nói: "*Chín loài chúng sanh trong một tâm đều đầy đủ, tùy theo sự tạo tác mà thành. Vô minh che đậy là noãn sanh; phiền não bao bọc là thai sanh; nước ái thấm nhuần là thấp sanh; chột khởi vọng niệm là hóa sanh. Ngộ thì thành Phật, mê tức chúng sanh. Bồ tát chỉ lấy mỗi niệm trong tâm là chúng sanh, nếu rõ tâm thể rỗng lặng gọi là độ chúng sanh. Người trí hóa độ chúng sanh trong bản tâm mình lúc chưa thành hình. Khi chưa thành hình đã thấu suốt là không, biết rằng thật sự không có chúng sanh nào được diệt độ*".

Có một hạng người ngu mê chẳng biết tự tâm, suy xét bừa bãi, vọng nói lúc lâm chung mắt thấy xe ngựa, lâu đài, tràng phan, não bạt là những thứ dẫn dắt đi vào bốn loài sáu nẻo. Nếu không đi theo chúng thì thoát khỏi bốn loài.

Đâu chẳng biết, những cảnh hiện ra lúc lâm chung là tướng nghiệp thiện ác đã làm nơi thường ngày, thần thức tự hiện thì chẳng phải là ở bên ngoài đến. Cho nên bậc cao đức nói: "*Làm ác thì cảnh ác hiện ra, niệm Phật thì cõi Phật tự đến*". Nếu trong lúc ấy nắm không chặt, không làm chủ được, thường bị vọng tưởng đảo điên sai khiến, ngay khi gió lửa tan rã thì như con cua bị rơi vào nổi nước sôi, đâu thể làm chủ được. Do đó, thiền sư Khuê Phong nói:

*Làm việc có nghĩa
Là tâm tỉnh ngộ
Làm việc vô nghĩa
Là tâm cuồng loạn
Cuồng loạn theo tình niệm
Lâm chung bị nghiệp lôi*

*Tĩnh ngộ không theo tình
Lâm chung hay chuyển nghiệp.*

Nay lấy lời này nói thẳng với mọi người, nên tự nghĩ rằng: "*Tôi nay tu hành Tĩnh nghiệp vốn vì sanh tử, Phật Tổ dạy bảo đâu có lừa dối chúng ta*". Nên y theo chánh pháp mà chân thật giữ gìn tâm ý, chuyên niệm Phật A Di Đà, trừ bỏ sự giả dối. Sớm tối nghĩ tưởng, mỗi niệm mỗi niệm nguyện sanh về Tây phương. Như thế, trần lao nghiệp thức ngay đó tiêu tan chẳng còn sanh khởi. Xét lại sự tử sanh của chính mình còn không thật thì gọi cái gì là chúng sanh? Vì thế, trong *Văn Sám* nói: "*Ở trong một niệm được niệm Phật Tam muội, độ khắp tất cả chúng sanh trong sáu nẻo mười phương, ai nấy thoát khỏi nỗi khổ luân hồi, đồng vắng sanh Tịnh Độ*".

Như thế, thật đáng gọi là:

*Chỗ không vọng tâm tức Bồ đề
Sanh tử, Niết bàn vốn bình đẳng.*

Chương 22 **PHÁ DỆP VIỆC LẬP MƯỜI HIỆU SAI LẦM**

Văn Tây Phương nói: "*Người niệm Phật ở trong ánh sáng tướng hảo được thấy Phật A Di Đà thì nhanh chóng phá trừ vô minh, dứt hẳn phiền não, bỗng nhiên thông suốt môn pháp giới, nhanh chóng khai sáng được Nhất thừa, đầy đủ mười hiệu, trọn vẹn ba thân*".

Đó là nói rõ người tu hành chứng được quả Phật ắt đầy đủ mười hiệu. Mười hiệu này nơi kinh *Bồ Tát Giới* nói:

1. Như Lai: nghĩa là không giả dối.
2. Ứng cúng: nghĩa là mảnh đất phước tốt lành.
3. Chánh Biến Tri: nghĩa là thấu suốt pháp giới.
4. Minh Hạnh Túc: nghĩa là đầy đủ Tam Minh (Thiên nhãn trí minh, Túc mạng trí minh, Lưu tận trí minh).
5. Thiện Thệ: nghĩa là không trở lại.
6. Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ: nghĩa là biết rõ hai thế gian, một là thế gian quốc độ, hai là thế gian chúng sanh
7. Điều Ngự Trượng Phu: nghĩa là hay điều phục chúng sanh khác.
8. Thiên Nhân Sư: nghĩa là mắt sáng cho chúng sanh.
9. Phật: Nghĩa là biết rõ pháp thiện và bất thiện, pháp chẳng thiện và pháp chẳng phải chẳng thiện.
10. Thế Tôn: nghĩa là trong một cõi không có hai Phật.

Tại sao người ngu không biết Phật pháp, vọng lập ra quy trình mười hiệu, gọi là pháp bí mật về sự sanh tử của đại sư Đạt Ma truyền sang? Lại bảo rằng ổ chim quán đánh, cỏ lau xuyên gối, cột ngọc hỗn tạp, rắn bò vào quần, Ba Tư dâng báu, trống trời không vang, ao sen khô nước, Nhị Tổ chặt tay, đứng ngoài trời đến khi tuyết phủ tới hông, thần quang chẳng hiện, gọi là đại sự nhân duyên. Đệ tử Liên tông thường bị bọn thầy mù này lần lượt truyền trao, lừa dối mọi người, từ nơi tối vào chỗ tối, rơi vào con đường sai lầm. Tại sao lại không xét suy cho thật kỹ? Đại sư Đạt Ma ban đầu đến đây không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Sao lại có một pháp để truyền trao. Đâu chẳng nghe, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn bảo Lục Tổ rằng: "*Phật dung tâm truyền tâm. pháp là dung tâm ấn tâm. Phật Phật chỉ truyền bản thể, thầy thầy thăm trao bản tâm*". Đây chính là nói ý này.

Trang Tử bảo: "*Giả sử Đạo có thể truyền cho người thì ai ai cũng truyền cho con cháu. Nếu Đạo có thể dâng hiến cho người thì ai cũng dâng hiến cho vua chúa và người thân. Đạo sở dĩ không truyền trao và dâng hiến cho người khác bởi vì trong không có chủ, còn bên ngoài không có người chứng nhận*".

Lại từng nghe, Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni trải qua ngàn đời rèn luyện đức hạnh, trăm kiếp tu tâm, mới từ trời Đâu Suất giáng sanh xuống vương cung, bỏ vinh hoa phú quý, lên núi Tuyết tu hành, ăn lúa, ăn mè, sáu năm khổ hạnh, thấy sao sáng ngộ đạo thành Phật. Trong loài người, trong hàng Thánh, ngài được tôn xưng là bậc Đại giác, đầy đủ mười hiệu, làm thầy trời, người. Đến như việc chim làm tổ trên đầu, cỏ lau mọc xuyên qua gối, đều là sự thật khi xưa. Ban đầu không phải pháp biểu trưng, chỉ ngồi im không động, định lâu nên quên thân thể.

Người học sau này không gằn gỏi bậc trí tuệ, chẳng thể hội sự kiến lập giáo môn của Phật, hoàn toàn chẳng phải là dễ dàng. Họ mới vừa tu học mà chẳng học tập hạnh nguyện, sự thấy biết đều không có nhưng lại muốn làm thầy tiếp độ đệ tử, làm ra dáng vẻ to lớn, khoe khoang tài năng của mình, đi vào trong bọng tà ma, học những pháp tà của họ, tạp độc nhập tâm, như quý rơi xuống nước, ở chỗ tối tìm kéo người xuống địa ngục. Thật khổ thay! Khổ thay!

Lại như Nhị Tổ chặt tay đứng ngoài tuyết ngang đến hông, chính là ý chí mãnh liệt vì pháp quên thân trong lúc ấy. Trong sử còn ghi chép đầy đủ rõ ràng, người học nên tự cứu xét tường tận, đâu nên làm bừa mà cam chịu tội lỗi hủy báng chánh pháp, mãi mãi đắm chìm trong biển khổ. Thiền sư Huyền Giác nói:

*Sai chẳng sai, đúng chẳng đúng
Lệch một đường tơ đi ngàn dặm
Đúng tức Long nữ chóng thành Phật
Sai thì Thiên Tinh rơi địa ngục.*

Mọi người có tin hay không?

*Dốc lòng dẹp sạch vật trong nhà
Cây sắt trở hoa xuân riêng biệt.*

Chương 23

THỆ NGUYỆN LƯU THÔNG

Một niệm ban đầu vốn từ nơi Tịnh Độ mà đến, nhiều đời chìm đắm chưa thoát khỏi thế giới Ta Bà. May gặp Liên Xả, hội ngộ Chánh tông, nhờ ân đức Tam Bảo, thấm nhuần lời giáo hóa của Đạo sư.

Trong giáo môn có nhiều người lầm lỗi tu hành. Than ôi! Những người có lòng tin đều trở thành dân ma, những kẻ lương thiện đều rơi vào đường tà, chánh nhân bị tiêu diệt, huệ mạng khó bảo tồn, lại chuốc lấy tội lỗi hủy báng giáo pháp, làm sao có được công đức lớn trì tụng, thấy cảnh này thở ngán than dài, đau xót thân tâm không chịu được.

Thế nên, tôi mới rút ra yếu chỉ trong Đại Tạng dùng để chứng minh cho tông này, dẹp trừ sự phải quấy của trăm nhà, mở ra đại đạo sáng tỏ. Ở đây, hoàn toàn y theo kinh mà phân biệt nghĩa lý, hiển chánh dẹp tà, soi sáng không riêng tư, cho nên gọi là Bảo Giám (gương soi quý báu). Khiến cho kẻ hậu học chiếu soi tâm mắt, dẹp xấu tự hay biết; dẫn dắt họ trên đường mê, trở về quê nhà để tránh khỏi nổi trôi lưu lạc.

Sách này được thành, chí nguyện nhỏ hẹp của tôi phần nào được bày tỏ. Trăm lạy Tổ đình, nay trình bày đại thệ nguyện lần nữa: "*Kính bạch chư Phật, chư Đại Tổ sư trong khắp mười phương, phóng tử quang chứng minh thệ nguyện.*

Ưu Đàm kính cẩn tự phát tâm lập nguyện y theo số thiên chữ trong Liên Tông Bảo Giám, mỗi chữ lạy ba lạy, mỗi lạy tụng tâm chú Lăng Nghiêm một lần, xưng tôn hiệu Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát ba lần. Mong lòng đại bi thương xót thăm gia bị, ban cho pháp lực, khiến tà ma ngoại đạo quy y. Mong chân thừa được lưu bố rộng rãi, mở mắt cho những kẻ mù, làm lương y cho những người bệnh khổ. Nơi con đường tăm tối làm đuốc làm đèn, trong biển khổ ba đào làm thuyền làm bè, ở chỗ nguy hiểm làm chiếc cầu lớn, trong đường tà mê chỉ ra lối chân chánh.

Nay khắp vì các bậc Thượng thiện nhân trong Liên Xả mười phương, dốc lòng sám hối thân tâm, cầu nguyện để trừ tiêu nghiệp chướng, diệt hết những lỗi lầm phi pháp nói tà pháp, pháp nói là phi pháp. Một trí tuệ hay tiêu diệt ngu si trong muôn kiếp, một ngọn đèn hay xua tan bóng tối cả ngàn năm. Vọng ý tiêu trừ, hoa đốm trong hư không tan biến, chánh tín sinh khởi, tịnh hạnh hiển bày.

Tín lễ Phật Di Đà, đồng hồi hướng khắp cả, cùng với đại chúng từ hôm nay phát tâm Bồ đề, tận đời vị lai muôn kiếp thường thực hành đạo Bồ tát, rời những việc trái với

phạm hạnh, lìa xa thầy tà kiến. Nguyên khi hết báo thân này, đồng sanh cõi An Lạc, thường tu Lục niệm(153) và Lục Ba la mật, vận dụng Tứ vô lượng tâm cùng Tứ hoằng thệ nguyện(154). Phát bốn mươi tám nguyện như Phật A Di Đà, được niệm Phật Tam muội như Đại Thế Chí, tu hành nguyện Phổ Hiền, bằng với lòng từ bi của Quán Âm, học đại trí tuệ như Văn Thù, dần dần bước lên vị Bồ xứ như Di Lặc, nhanh chóng thể nhập pháp giới, chứng ngộ viên mãn thượng thừa, phân thân khắp đến mười phương, đại bi phổ độ tất cả. Dụng pháp tràng, lập tông chỉ, mặt trời trí tuệ rạng soi, xua tan tối tăm si ám, tà ma ngoại đạo đều quy hàng, khắp cùng đất trời thấm nhuần giáo hóa. Tài hùng biện vô ngại, lợi ích pháp giới rộng sâu, oai đức vô biên, cứu vớt muôn loài. Cha mẹ, sư trưởng đều vào cửa giải thoát, oán thân nhiều kiếp cùng ra khỏi biển khổ trầm luân.

Cúi mong người xem quyển sách này phát khởi tâm hộ pháp, diệt hết mê tình trong muôn kiếp, phá tan lưới nghi ngàn trùng, nhanh chóng khai mở tuệ nhãn, tỏ ngộ bản tâm. Tịnh Độ đạo tràng chẳng cất bước mà đến, Đại Thánh Tây phương như đối diện trước mắt, muôn pháp tỏ tường, sự mầu nhiệm ở nơi đây vậy.

Cúi mong Thiên Long hoan hỷ nghe chánh pháp mà hộ trì, phàm thánh quy y dẹp thói tà ma bắt dấu, Hoảng dương đạo Tổ, quảng bá tông phong; dung Đại thiên cùng làm cõi ước thanh thái, khiến bốn biển chung vui sự giáo hóa vô vi. Chánh kiến tà kiến đều đi vào vô sinh; ân vua, ân Phật nhất thời đồng báo đáp.

Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận thì nguyện của tôi mới cùng tận. Nhưng vì cõi hư không cho đến cõi chúng sanh và phiền não không thể cùng tận, nên nguyện vương này của tôi cũng không có cùng tận, niệm niệm tiếp nối không gián đoạn, nghiệp thân, miệng, ý không biết mỗi một chán nản.

Bồ tát Phổ Hiền đã phát nguyện như thế, chư đại Tổ sư cũng phát nguyện như thế, nay tôi cũng phát nguyện như thế, vì khắp cả đại chúng trong Liên Xả cũng phát nguyện như thế, cùng tận bờ mé vị lai; tất cả loài hữu tình và vô tình cũng phát nguyện như thế. Như thế, như thế... không ai chẳng như thế.

*Nguyện cùng như thế hằng sa chúng
Trộn vào trong biển nguyện Như Lai."*

CHÚ THÍCH:

(153) **Lục niệm:** Sáu điều mà người tu Phật đạo phải luôn nhớ nghĩ.

a. **Niệm Phật:** Nhớ công đức vô lượng, đại từ, đại bi của chư Phật

b. **Niệm Pháp:** Nhớ ba tạng, mười hai thể loại kinh của đức Phật đã dạy, để làm lợi ích cho khắp chúng sanh.

c. **Niệm Tăng:** Nghĩ nhớ chư Tăng đầy đủ giới, định, huệ làm ruộng phước cho chúng sanh.

d. **Niệm Giới:** Nghĩ nhớ giới hạnh có năng lực lớn hay trừ các phiền não xấu của chúng sanh.

e. **Niệm Thí:** Nghĩ nhớ bố thí có công đức lớn, hay trừ tham lam keo kiệt của chúng sanh.

f. **Niệm Thiên:** Nghĩ nhớ chư Thiên ở ba cõi đều nhờ căn lành đời xưa đã tu tịnh giới, bố thí, văn tuệ mà được quả báo an vui này.

(154) **Tứ hoằng thệ nguyện:** Bốn điều nguyện rộng lớn mà tất cả Bồ tát nên phát khởi khi còn ở Nhân vị. Nội dung và sự giải thích về tứ hoằng thệ nguyện thấy rải rác trong các kinh luận, nhưng các kinh ghi chép nhiều cách khác nhau.

Tứ hoằng thệ nguyện trong Lục Tổ Đàn Kinh, là:

a. *Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ:* Bồ tát thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sanh.

b. *Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn:* Bồ tát thệ nguyện đoạn trừ tất cả phiền não.

c. *Pháp môn vô lượng thệ nguyện học:* Bồ tát thệ nguyện học hiểu tất cả Phật pháp.

d. *Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành:* Bồ tát thệ nguyện chứng đắc quả Bồ đề tối cao.

Tứ hoằng thệ nguyện này được phối hợp với Tứ Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo; thệ nguyện đầu tiên thuộc về lợi tha, ba thệ nguyện còn lại thuộc về tự lợi.

Tứ hoằng thệ nguyện trong phẩm *Thủ Hạnh*, kinh *Đạo Hành Bát Nhã 8* (Đại 8, 465 hạ): "*Những người chưa được độ ta sẽ độ, người chưa giải thoát ta đều làm cho giải thoát, người sợ hãi ta sẽ làm cho được an vui, người chưa Bát nê hoàn ta đều làm cho Bát nê hoàn*".

Tứ hoằng thệ nguyện trong phẩm *Dược Thảo Dụ*, kinh *Pháp Hoa 3* đại khái giống như kinh *Đạo Hành Bát Nhã*, nhưng lời văn đơn giản hơn (Đại 9, 19 trung): "*Người chưa được độ ta sẽ độ; người chưa giải thoát ta sẽ làm giải thoát, người chưa an ta sẽ làm cho an, người chưa Niết bàn ta sẽ làm cho được Niết bàn*".

Tứ hoảng thệ nguyện trong Kinh *Bồ tát Anh Lạc Bản Nghiệp, thượng* (Đại 24, 1013 thượng): "*người chưa vượt qua Khổ đế, ta sẽ làm cho vượt qua được Khổ đế, người chưa giải thoát Tập đế, ta sẽ làm cho giải thoát được Tập đế; người chưa tu tập Đạo đế ta sẽ làm cho tu tập được Đạo đế, và người chưa chứng đắc Niết bàn ta sẽ làm cho chứng đắc Niết bàn*".

LỜI BẠT

Quyển Liên Tông Bảo Giám do hòa thượng Ưu Đàm trước tác, luận bàn sâu sắc về duy tâm. Trên thì tiếp dẫn hàng căn cơ lạnh lợi, dưới đến những người xưng niệm danh hiệu Phật. Thâu nhiếp cả ba căn, thật là xiển dương rực rỡ pháp môn Tịnh nghiệp.

Về sau, Ngài Vân Thê trước tác *Di Đà Số Sao* chuyên phát huy pháp Trì Danh, song lấy Sự Lý nhất tâm mà quy kết đến chỗ nhất tâm không loạn. Lý là duy tâm, Sự là xưng danh, nhất tâm không loạn là đi đến chỗ cùng tột. Hai quyển sách này bổnng nhiệm âm thầmm phù hợp dù cách nhau xa. Người tu hành Tịnh nghiệp nên xem kỹ hai quyển này.

Quyển *Di Đà Số Sao* tôi đã khắc bản mới, còn *Liên Tông Bảo Giám* thì chưa khắc lại. Mùa thu năm Quý Mùi, cư sĩ My Sơn nghỉ ngơi ở Trúc Song, Thượng nhân Thủy Vân cũng ở đó, lúc bàn luận đến *Liên Tông Bảo Giám*, cư sĩ liền hứa chép tay lại, Thượng nhân cũng vui lòng để hiệu đính. Tôi vui vẻ nói: "Các vị đều chiếm duyên lành làm việc này, tôi đâu dám từ chối!" Do đó, quyển tiền, bảo thợ khắc bản lại. Quyển sách này được thành, thật là ngọn đèn sáng của Tịnh nghiệp, là chiếc bè quý báu trong thời mạt pháp!

Mùa hạ năm thứ 5, niên hiệu Quang Tự (1879).

Đệ tử tịnh nghiệp Diệu Năng, Tánh Bản cùng hóa duyên khắc bản.

Thích Thọ Giác giáo chính.

Dịch xong 12/04/2005 tại chùa Bửu Liên.

MÂY LỜI TÂM HUYẾT

Thuyết pháp giảng kinh, viết sách giáo lý nhà Phật, hoặc in kinh sách đem phát cho mọi người xem, để họ sớm giác ngộ. Được như thế công đức vô lượng, đó gọi là Pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, thì thỉnh một số kinh sách chịu khó đem đến từng nhà cho mượn đọc, rồi sau đó lại lần lượt cho nhà khác mượn nữa, hoặc đọc cho kẻ khác nghe, nhất là cho người không biết chữ nghe, cũng được công đức vô biên, đó cũng gọi là Pháp thí.

Chính đức Phật đã dạy: "Trong số các sự bố thí chỉ có Pháp thí là công đức lớn nhất,

không có công đức nào sánh bằng".

Tưởng về lợi cũng như về danh, chúng ta đừng lo nghĩ vội, mà điều tối cần là làm sao cho rạn vỡ chánh đạo trước cái đã. Đó là mục đích chính và thiêng liêng cao cả của chúng ta. Nền móng đạo pháp cần nhờ sự chung lưng góp sức của chúng ta. Vậy mỗi người nên xây đắp vào đó một ít vôi, một ít nước, hoặc một tảng đá hay một viên gạch v.v... ngõ hầu cái nền móng ấy được thêm bền vững và kiên cố đời đời.

Chúng ta không nên quan niệm ở công đức vô lượng vô biên, mà điều cần thiết là nên nghĩ nhiều đến những người lầm đường lạc lối, sống trong vũng lầy tội lỗi không có lối thoát, hãy mau cứu vớt họ, cảnh tỉnh họ để cùng quay về chân lý. Nếu được như thế chính ta đã làm lợi ích cho Phật pháp vậy.

Với hoài bão cuộc đời, chúng ta hãy "Tất Cả Vì Phật Pháp". Hy vọng mấy lời tâm huyết này được nhiều vị hảo tâm in kinh sách cho muôn dân xem.

Được như vậy công đức không gì sánh bằng! Tha thiết mong mọi như thế!

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình không vui. Nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn. Chỉ có một cách là tặng các loại sách tu hành để xây dựng cho đời sống thanh cao, thì dù một quyển sách giá chỉ có vài ngàn, nhưng vẫn quý hơn bạc vụn.

Quý vị nào muốn phát tâm ấn tống kinh sách xin liên hệ:

CHÙA HOẰNG PHÁP

Điện thoại: (08)7130002 - (08)7133817

Email: chuahoangphap@gmail.com



LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

Sách này là chiếc gương quý báu soi sáng cho người niệm Phật, khiến ai nấy đều thấu rõ đường lối tu hành, nhận chân được giá trị lớn lao của pháp môn Tịnh độ, phá tan mê lầm, bỏ tà về chánh, chống đỡ ngôi nhà Phật pháp trong lúc nguy nan, xua tan mây mù u ám, để mặt trời trí tuệ Phật soi sáng muôn nơi, chúng sinh đều thấm nhuần mưa pháp...



CHÙA HOÀNG PHÁP: Xã Tân Hiệp, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 37130002 - (08) 37133827 - Email: chuaHoangPhap@gmail.com